SỐ RA MẮT 5-1989

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

NĂM LƯU VONG
THỨ 15 NGHĨ VỀ:

Quê hương
Đất nước
Con người

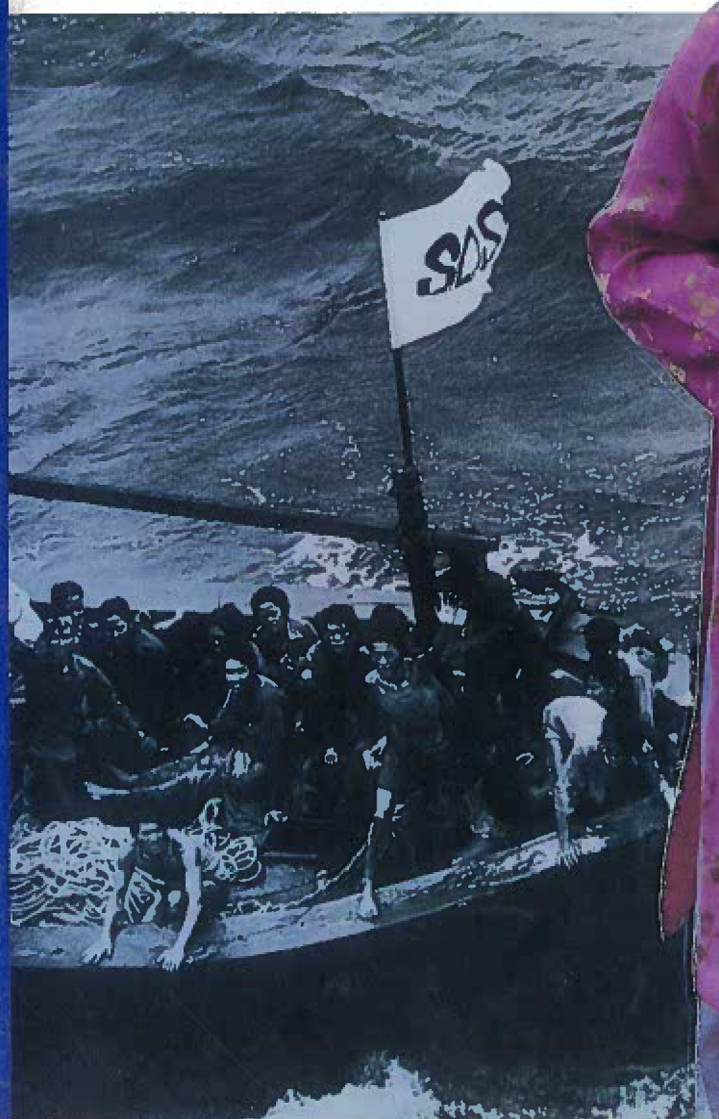

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

CONSULTATIONS FREE - NO CHARGE UNTIL RECOVERY - IF NO RECOVERY - NO FEE

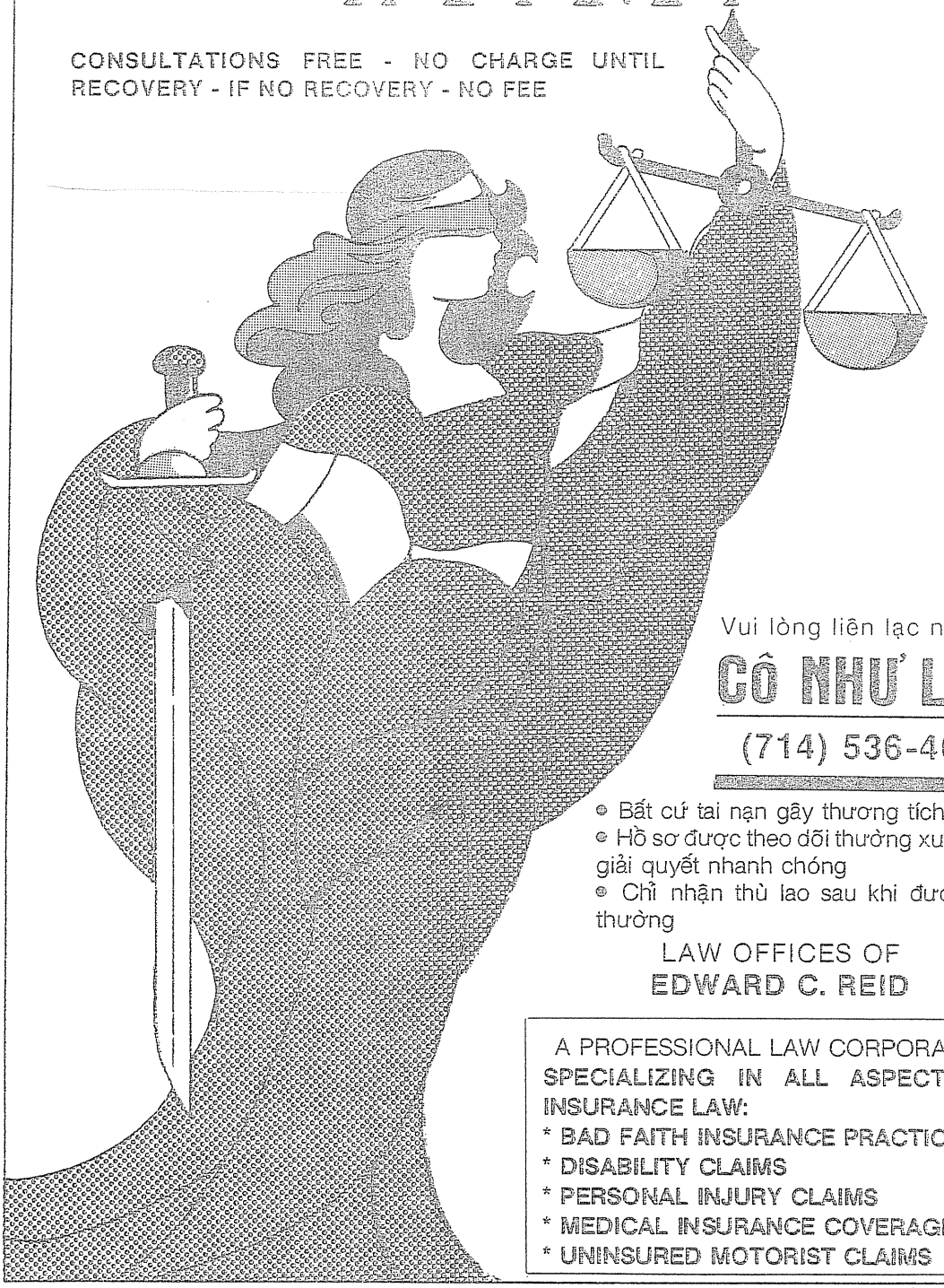

Vui lòng liên lạc ngay

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

- Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
- Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
- Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICES OF
EDWARD C. REID

A PROFESSIONAL LAW CORPORATION
SPECIALIZING IN ALL ASPECTS OF INSURANCE LAW:

* BAD FAITH INSURANCE PRACTICES
* DISABILITY CLAIMS
* PERSONAL INJURY CLAIMS
* MEDICAL INSURANCE COVERAGE
* UNINSURED MOTORIST CLAIMS

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Đóc đọc số tới:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Tuyết Trắng
Nguyễn Thị Chân Quỳnh
Ai là Chủ khảo trường Hà Nam
khoa Đinh Dậu (1897)
Nguyễn Đăng Thường
Một chuyện rùm beng bi đát
Dr. Bửu Khải
Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ
trong các học đường Úc
Nguyễn Ngọc Bích
Sự chuyển mình của Văn Học Việt Nam
ở trong nước
Phạm Công Thiện
Một trăm năm cô đơn
Hoàng Khởi Phong
Phỏng vấn Nguyễn Đồng Sơn
Nguyễn Mạnh Trinh
Nói chuyện với tác giả "Tháng Ba Gẫy Súng"

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

HỘI ĐỒNG CHỦ BIÊN
Đỗ Ngọc Yến • Lê Đình Điểu • Phạm Quốc Bảo • Nguyễn Xuân Hoàng • Nguyễn Đồng • Trần Đình Quân • Nguyễn Thiện Cơ • Nguyễn Khắc Nhãn • Phạm Kim • Nguyễn Xuân Phác

CHỦ BIÊN
Nguyễn Xuân Hoàng

PHỤ TÁ
Hoàng Khởi Phong

BIÊN TẬP
Bích Hà • Bùi Bảo Trúc • Bùi Vĩnh Phúc • Cao Xuân Huy • Đặng Phùng Quân • Đỗ Khiêm • Đỗ Quý Toàn • Hà Dương Dực • Hoàng Linh • Hoàng Ngọc Tuệ • Hoàng Mai Đạt • Khải Sơn • Lê Tất Điều • Lưu Trung Khảo • Lưu Văn Vịnh • Nguyễn Hoàng Nam • Nguyễn Hưng Quốc • Nguyễn Mạnh Trinh • Nguyễn Mộng Giác • Nguyễn Thị Hoàng Bắc • Nguyễn Văn Khanh • Nguyễn Văn Sâm • Nguyễn Ý Thuần • Phan Huy Đạt • Phạm Cao Dương • Phạm Việt Cường • Phạm Quốc Bảo • Phạm Văn Hải • Thế Giang • Trần Thanh Hiệp • Trần Văn Ngô • Võ Kỳ Điền • Vũ Huy Quang • Vũ Thùy Hạnh

CỘNG TÁC
Mai Thảo • Võ Phiến • Phạm Công Thiện • Phạm Duy • Đào Trung Đạo • Đỗ Thái Nhiên • Nguyễn Tất Nhiên • Vũ Thanh Thủy • Dương Phục • Nguyễn Hải Hà • Trần Văn Ân • Diễm Châu • Nguyễn Đăng Thường

MỸ THUẬT
Nguyễn Đồng • Nguyễn Thị Hợp • Nguyễn Trọng Khôi • Phạm Tiến • Thái Đắc Nhã • Trần Chí Trung • Khánh Trường

KỸ THUẬT
Ngô Lê Trọng Tú • Vũ Thúy Hằng • Trần Ngọc Yến

Tạp chí THẾ KỶ 21, một ấn phẩm của Công ty Người Việt, 14841 Moran St., Westminster, CA 92683, USA

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Ngọc Yến (Chủ tịch), Hoàng Ngọc Tuệ, Phan Huy Đạt

BAN QUẢN TRỊ
Lê Đình Điểu (Tổng Giám Đốc)
Tống Hoàng (Phó TGĐ/Thủ quỹ), Nguyễn Thiện Cơ (Phó TGĐ/Thư ký)

TRONG SỐ NÀY

HOÀNG LINH 17
George Bush phải đương đầu với bốn mối họa ...

Tác giả đưa ra một cái nhìn về một quốc gia hiện đang có đông người tị nạn Việt sinh sống. Hoa Kỳ vốn là nước có tầm quyết định trên nhiều mặt đối với thế giới. Bài phân tích cho thấy chiều sâu của những vấn đề nước Mỹ mà trước đây ta thường lơ là, do đó bị hụt hẫng.

PHỎNG VẤN 12
Đứng trước năm lưu vong thứ 15, người Việt hải ngoại nghĩ gì về quê hương

Cái nhìn sắp tới và những suy nghĩ rời của một nhà hoạt động tôn giáo, chính trị (Nguyễn Long Thành Nam), một nhà văn (Nguyễn Đức Lập), một nhà biên khảo sử học (Phạm Cao Dương), một nhà hoạt động xã hội (Trương Anh Thụy), một cựu quân nhân (Hoàng Đạo Thế Kiệt), và một sinh viên (Phạm Hồng Khôi).

PHẠM DUY 31
Hồi ký kháng chiến

Người nhạc sĩ lớn của Việt Nam không ngừng nhìn về phía trước, với *Mười Bài Rong Ca*, nhưng không quên gửi tặng lại người sau cuộc phiêu lưu âm nhạc của mình theo vận nước. Bình Trị Thiên khói lửa, có Phạm Duy với ca khúc làm chấn động tâm can người yêu nước: Bà Mẹ Gio Linh.

HẢI VÂN 45
Đàn bà

Tác giả là một nhà ngữ học chuyển sang lãnh vực sáng tác. Một tác phẩm được miêu tả như là phần minh họa quan niệm libido của Sigmund Freud.

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72. First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126.

Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381

Quảng cáo: Liênlạc địa chỉ nêu trên

THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California.

In tại nhà in riêng, Los Angeles, California

Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của người xuất bản.

Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

VÕ PHIẾN 29
Cuống rún chưa lìa
Nhà văn viết tùy bút dí dỏm nhất nước đưa một thoáng nhìn về nền văn học hải ngoại từ 1975 đến nay — một nền văn học "ngoái đầu lại."

PHẠM CÔNG THIỆN 70
Một trăm năm cô đơn đụng vào một nháy mắt hiện tại
Nhà triết học Phạm Công Thiện tác giả *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học*, một thời làm rung động giới văn học nghệ thuật trong nước, sau 17 năm ngưng viết vừa cầm bút trở lại với tác phẩm *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*. (Trong ba số tới Phạm Công Thiện sẽ cho người đọc Một trăm năm cô đơn, Một trăm năm thơ mộng, Một trăm năm tư tưởng).

NGUYỄN MỘNG GIÁC 39
Khả năng và triển vọng văn học hải ngoại
Bài nói chuyện của tác giả Mùa Biển Động tại hội nghị NAVAE mới đây. Một cái nhìn gọn và đủ về tầm mức và sức khỏe của văn học lưu vong.

ĐẶNG PHÙNG QUÂN 68
Về lưu đày của văn chương

VŨ HUY QUANG 65
Chuyện kể của cái bàn
Người dịch *Nơi trại trừng giới*, người viết tạp ghi ký tên Thăng Long Văn Sĩ, người sáng tác Vũ Huy Quang. Tác phẩm mới nhất của một người bị văn chương hành hạ.

RUTH TALOVICH 24
Phiếu ghi gửi Clio
Tác giả cuốn hồi ký nhan đề "Những Chuyện Từ Sàigòn" (Stories from Saigon) trong đó kể lại những chuyện bình thường nhưng có thật, của những con người bình thường nhưng có thật, qua đó người đọc sẽ nhìn thấy một Việt Nam không giống như những người khác mô tả. Ruth Talovich, một tiếng nói khác.

MAI THẢO 37
Đọc thơ Nguyên Sa

TRẦN THANH HIỆP 21
Chúng ta đang ở đâu trên đường về nước?
Đề nghị về đổi mới tư tưởng trong hàng ngũ người Việt hải ngoại, ngụ ý biết mình biết người để chuyển bại thành thắng.

ĐÀO TRUNG ĐẠO 76
Salman Rushdie Sự Thực của Tiểu Thuyết

NGUYỄN Ý THUẦN 58
Đứa em hạnh phúc
Truyện ngắn của người trẻ tuổi sáng tác đều và mạnh nhất hiện nay. Tác giả của tập truyện ngắn đầu tay vừa mới trình làng: Tối Thứ Năm Tại Quán Ăn Đường Fifth.

VƯƠNG TIỂU MUỘI 81
Ngay trên quê hương mình

VỪA XẢY RA, ĐANG NÓI TỚI 84
Thời sự chính trị, văn học, nghệ thuật xảy ra trong tháng được ghi lại ngắn gọn.

QUA CÁC HÀNG SÁCH 89
Sách báo trongtháng. Mục này mở ra nhằm giới thiệu đến bạn đọc tất cả tác phẩm được xuất bản trong tháng. Các nhà xuất bản và tác giả có thể gửi tác phẩm về cho người phụ trách mục này theo địa chỉ của Thế Kỷ 21.

Trân trọng (Thế kỷ 21) ..... trang 4
Thập niên 90 (Đỗ Ngọc Yến) 6
Dân tộc Việt Nam năm 2010 (Phạm Cao Dương) 8
Nguyễn Văn Tâm (Hoàng Mai Đạt) 53
Người phu vác ghế (Đỗ Kh.) 55
Thơ (Trần Dạ Từ) 74
Năm 2000 (Corinne Plocken) 79
Chữ và nghĩa (Lê Đình Điểu) 91

TRÂN TRỌNG

Một hướng nhắm.
Và một cuộc lên đường.
Bắt đầu bằng lời mời gọi.
Và chuẩn bị từ cuộc lưu vong.

Đó là những nét tóm của một quá trình đang biến thành một thông điệp gởi đến các văn hữu, thân hữu, và bạn đọc tạp chí *Thế Kỷ 21*.

Hướng nhắm đi tìm đã lâu, đầy day dứt băn khoăn, nhưng cũng ngập tràn cảm khái, ước mong, gửi gấm. Không có một chút gì hận thù hay nuối tiếc trong diễn tiến nhìn ngắm chọn lọc này. Cần có một cái gì chất chứa hy vọng thúc đẩy mạnh bằng niềm tin, về con người cùng giòng giống, cùng thời đại, cùng khổ đau để đạt tới kết quả chọn lọc hướng nhắm, -- kết quả của cuộc phác họa viễn kiến --, và bạo dạn giơ tay cất lời mời gọi nhập cuộc. Mời gọi lên đường.

Thế kỷ trước mắt đang được mệnh danh "Thế kỷ Thái Bình Dương." Đất nước quê hương gấm vóc "hình chữ S" truyền lại từ bao đời cha ông, vẫn được mệnh danh là "Bao lơn Thái Bình Dương." Không gian ấy, thời gian này, không thể nào còn đắm đuối mãi trong vòng đói nghèo, bạo lực, suy đồi, tự diệt mãi. Góp lòng góp ý đưa vào cuộc chuyển đổi sinh tử cho hơn 60 triệu con người Việt ngẩng đầu lên, cùng thế giới đi vào thiên niên kỷ thứ ba đầy triển vọng xứng đáng cho con em, là mục tiêu, là bầu khí, là hy vọng và là cuộc dấn thân -- cuộc lên đường mà tạp chí *Thế Kỷ 21* trân trọng đề nghị với quý vị.

*

Thế Kỷ 21 là một ấn phẩm mới của công ty Người Việt, bên cạnh những sản phẩm đã có và sẽ có khác, như nhật báo *Người Việt*, các báo định kỳ *Người Việt San Diego, Người Việt Tây Bắc, Người Việt Bắc Cali*, chương trình Truyền hình Việt Nam, nhà xuất bản Người Việt với 17 tựa sách trong sáu năm qua, bộ Niên Giám Người Việt 1990, bộ Tiểu sử Nhân vật (Who's Who), ...

Do nhóm Người Việt chủ trương và thực hiện, nhưng *Thế Kỷ 21* sẽ là, và phải là một diễn đàn chung của tất cả những người lựa chọn nếp sống tự do dân chủ trong ấm no, hạnh phúc.

Tự do, dân chủ và ấm no, hạnh phúc vốn là ước vọng của toàn dân ta, nhưng, dường như đã từ thế kỷ 18, chưa bao giờ trở thành hiện thực -- một cách trọn vẹn cả hai vế.

Làm một tờ báo -- tạp chí *Thế Kỷ 21* -- không có nghĩa là chúng ta đã tìm ra, đã thực hiện được cả hai vế ước vọng đó. Tờ báo là một phương tiện giúp chúng ta ngồi lại với nhau, cùng tìm kiếm, cùng chọn lựa, trong sự tôn trọng lẫn nhau, để đưa ra những giải pháp cho những vấn đề.

Chúng ta không cần giương cao một khẩu hiệu, một chiêu bài để gọi là biểu trưng cho một mẫu số chung -- vì khẩu hiệu, chiêu bài nào cũng có những giới hạn, những khẳng định gây đối kháng và ngộ nhận.

Chúng ta đồng ý với nhau trao đổi ý kiến trên căn bản tự do dân chủ, thể hiện ngay từ bản thân mỗi người trong chúng ta, ngay trên trang báo này. Nếu cần một rào cản để ngăn ngừa "dị phóng nan thu" (thả ra thì dễ, thu về thì khó), chúng tôi đề nghị mỗi người suy tưởng và hành động trong phạm vi đạo đức của đời sống con người. Là đủ.

Tuy nhiên, có lẽ cũng phải thành thật nói

với nhau rằng chúng ta cần thêm một chút "can đảm" để thể hiện suy tưởng và hành động tự do. "Can đảm" để không bị khuất phục trước bạo lực đến từ nhiều phía -- cần phòng bị nhất vẫn là từ phía những người cộng sản. "Can đảm" để nhận khuyết điểm, nếu có, và không đổ lỗi cho người khác, thời khác. "Can đảm" để khen cái hay, chê cái dở -- dù cái hay nằm ở "bên kia," và cái dở nằm ở "bên này."

Chúng ta cũng cần thêm một chút "tưởng tượng" để sống trước -- ít nhất một con giáp, như tên tờ báo gợi ra: thế kỷ 21!

"Tưởng tượng" không có nghĩa là mơ mộng, vọng tưởng, mà phải hiểu là dự kiến, là tiên tri, dựa trên những định luật về tâm lý, chính trị, xã hội, lịch sử ... "Tưởng tượng" để đưa ra những dự phóng. Và chuẩn bị những bước thực hiện dự phóng đó.

Nước Việt Nam hậu bán thế kỷ 20 có hơn 50 triệu dân, sống trên dải đất hình chữ S miền Đông Nam Châu Á. Nước Việt Nam đầu thế kỷ 21 có 100 triệu dân, sống phần lớn ở "quê cha," phần nhỏ ở rải rác trên 50 quốc gia khắp mặt địa cầu.

Nước Việt Nam từ 1975 được cai trị bởi một nhóm người chủ trương chuyên chính vô sản, gây nghèo đói cho toàn dân tộc. Nước Việt Nam của thế kỷ 21 ...? Mời bạn viết tiếp đoạn này! Đó là lý do ra đời của tạp chí *Thế Kỷ 21*.

Trân trọng.

THẾ KỶ 21

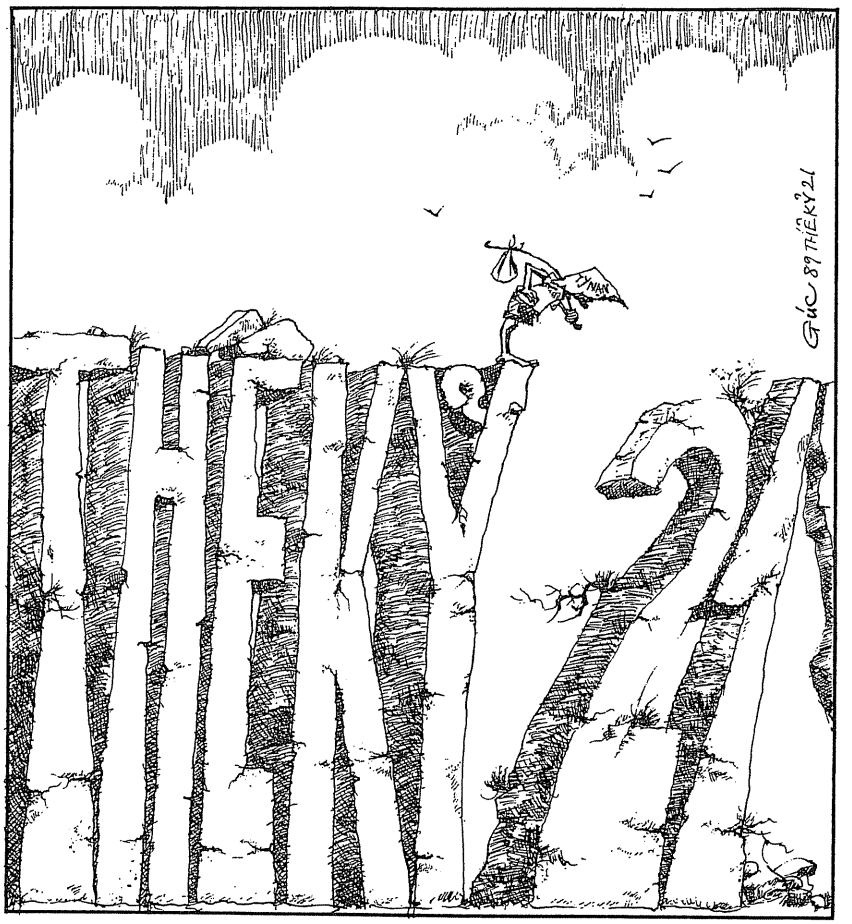

Thập niên 90: bước chuyển tiếp đưa Việt Nam vào thế kỷ 21

ĐỖ NGỌC YẾN

Chỉ còn hơn 10 năm nữa là chấm dứt thế kỷ 20, thế kỷ đầy nhục nhằn uất hận của dân tộc Việt Nam

Thế kỷ 20 đang tàn là thế kỷ tranh chấp bạo lực nhất lịch sử nhân loại qua hai trận thế chiến và hơn 40 năm chiến tranh lạnh, với những đợt hòa hoãn ngắn ngủi đầy tráo trở, trong đó đất nước Việt Nam hy sinh năm triệu sinh mạng, và lưu vong hơn một triệu con dân trên khắp thế giới.

Thế kỷ 20 đang tàn cũng là thế kỷ văn minh kỹ thuật, tiến bộ vượt bực đối với loài người khắp năm châu nhưng lại vắng bóng tại các vùng hậu tiến vì chiến tranh hay vì thiên tai hoặc nghèo đói. Đất nước VN đã cùng một lượt chịu đựng cả ba tai họa, khiến ngày nay Việt Nam suy đồi thành dân tộc khốn cùng nhất trên trái đất.

Thế kỷ 20 sắp chấm dứt. Thập niên chuyển tiếp 90 đầy kích động tâm lý đang được cả thế giới thao thức chờ đón với tất cả kỳ vọng dất tay nhau bước vào lịch sử bằng ý thức sáng suốt để tháo gỡ các bế tắc chồng chất.

Thập niên chuyển tiếp 90 chấm dứt thế kỷ 20 cũng chấm dứt luôn cả thiên niên kỷ thứ hai lịch sử Tây lịch của loài người. Suốt thiên niên kỷ này, đất nước Việt Nam đã trải qua thời gian độc lập dài nhất xây dựng nền văn minh đa giáo đồng nguyên, bảo vệ bờ cõi, ngăn chống Bắc xâm, mở rộng biên cương qua cuộc Nam tiến.

Buồn thay, cho đến khúc cuối của thiên niên kỷ này, con người Việt Nam vẫn chưa hề thấy được nền dân chủ thật sự, tinh hoa của loài người, xuất hiện trên đất nước mình mà chỉ gặp toàn cặn bã tha hóa mà thôi.

Để sớm đóng lại thế kỷ đau buồn, tủi nhục, thất bại, để chuẩn bị đón mừng hừng đông thế kỷ và thiên niên kỷ mới chất chứa đầy kỳ vọng cho dân cho nước, để cùng với các dân tộc toàn cầu thi đua nâng cao mức sống và xây dựng các định chế văn minh nhân bản, ngày nay Việt Nam cần một cuộc đổi thay toàn diện, đứng lên ngửng mặt với năm châu và bảo đảm cho các thế hệ con em một tương lai xứng đáng.

Đất nước Việt Nam cần đổi mới chế độ, đổi mới lãnh đạo, đổi mới nhiều cơ chế căn bản về các mặt xã hội, giáo dục, văn hóa, kinh tế và chính trị.

Con người Việt Nam cần một viễn tượng hợp lý, thực tiễn và tiến bộ, vừa dung chứa được các tâm tình, nguyện vọng của mọi tầng lớp đồng bào, vừa bảo vệ được chủ quyền tối thượng của quốc gia, trên đường mở mang đạt tới hòa đồng cùng nhân loại.

Để chuẩn bị cuộc đổi thay đó, để sáng tạo và tiếp nhận được viễn kiến thực tiễn đó, để cuộc đổi thay khi xảy đến sẽ không dẫn tới các chuyển biến trái mùa, phản động, như kinh nghiệm chuyển biến cách mạng thường ghi nhận từ 1789 ở Pháp đến 1945 ở Việt Nam, con người Việt Nam cần phải thay đổi não trạng để mang một ý thức mới về chính mình, về số phận dân tộc mình, về tiềm năng đất nước mình, về quê hương và thế giới, về con người hôm nay và ngày mai.

Nhìn lại một thế kỷ tai ương

Đầu thế kỷ 20, hai nhà cách mạng tiền bối Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đã vạch hai hướng tiến lên cho dân tộc: một là con đường khôi phục nền độc lập dân tộc, mà các phong trào Văn Thân, Cần Vương chưa hoàn thành; hai là con đường vận động duy tân, khai sáng dân trí, tạo điều kiện cho toàn dân giành lại chủ quyền, và bảo vệ chủ quyền đó để mưu cầu ấm no, hạnh phúc lâu dài cho dân tộc.

Tới thập niên 30, ngã rẽ ý

thức hệ đầu tiên đến Việt Nam làm phân tán lòng người, chia rẽ sức nước, khởi đầu cuộc tương tàn kéo dài hơn nửa thế kỷ tiếp, làm lụn bại cả một đất nước dân tộc "văn hiến chi bang."

Ngày nay, ở đầu thập niên 90, cả một dải sơn hà gấm vóc cha ông để lại trở thành một xứ sở nghèo đói với mức lợi tức đầu người còn thấp hơn cả Bangladesh.

Đi vào thập niên chuyển tiếp 90

Ôn lại bài học quá khứ và tìm hiểu thời đại quanh ta để định đoạt tương lai, con người Việt Nam nhận thức rõ rệt là thập niên chuyển tiếp 90 ngay trước mặt không thể là một thập niên tương tự chín thập niên qua của thế kỷ 20 trong lịch sử dân tộc. Phải ngăn chận mọi yếu tố có thể tái diễn những thiếu sót, sai lệch, lầm lẫn, vô hiệu, ảo vọng và thất bại. Phải chọn lọc, rèn luyện, xây dựng những điều kiện tiên quyết để bảo đảm hữu hiệu cho giấc mộng lớn của con người Việt Nam ủ ấp ngày nay.

Tiến dần tới thế kỷ 21, thập niên chuyển tiếp 90 phải trở thành thập niên tràn đầy thảo luận, học hỏi, chuẩn bị cho cuộc lên đường sớm sủa phóng mạnh tới tương lai.

Thập niên chuyển tiếp 90, do đó, phải là khung cảnh thời gian cho chương trình hành động trong tinh thần thế kỷ **mới, tinh thần thế kỷ 21, để đưa đất nước con người Việt Nam rời xa, rời mau, khỏi bậc thang thấp kém nhất của loài người hiện nay về kinh tế vật chất, cất cánh lên cho tới mức độ xứng đáng, tới một địa vị không còn hổ thẹn với cha ông và con cháu.**

Không có chiến lược nào hữu hiệu trong hoàn cảnh này khác hơn là lên đường sớm, ra đi một cách khôn ngoan, dè sẻn mồ hôi xương máu của con người Việt Nam.

Trong hiện tình chính trị, đây chính là lúc người Việt không còn thể tự dối mình, dối người, để tiếp tục tránh né, thờ ơ, quanh co, gạt gẫm, chần chừ trước nhiệm vụ của người Việt: đó là trực tiếp đương đầu với các vấn đề thật sự của đất nước.

Về mặt ý hướng, đây không thể chỉ là một thay đổi bằng khẩu hiệu, một cải tổ cơ chế, một nỗ lực hình thành giới hạn, mà trái lại phải là một nỗ lực ráo riết và toàn bộ thách thức mọi thể chế hay ý thức hệ từng chi phối, hoành hành làm điêu đứng đất nước con người Việt Nam nửa thế kỷ qua, đến nỗi ngày nay không còn ai có thể nghi ngờ về hiệu quả tối thiểu và tổn phí khổng lồ cùng viễn ảnh vô vọng tiếp nối trước hiện tại xơ xác tan hoang phơi bày hàng ngày.

Việt Nam cần một cuộc thay đổi lớn chưa hề thấy trong lịch sử nước nhà, một cuộc thay đổi thật sự sâu xa từ căn bản tâm hồn người Việt. Cuộc thay đổi này có thể ví như lần đổi thay đưa nước ta ra khỏi vòng lệ thuộc nước Tàu vào thế kỷ 10 xa xưa, chấm dứt 10 thế kỷ Bắc thuộc.

Cuộc chuẩn bị khó khăn

Điều kiện cần thiết để đi đến một cuộc đổi thay ở kích thước lớn như trên đòi hỏi phải chuẩn bị lâu dài rộng rãi. Nhất là phải có chuẩn bị về tinh thần. Và trong đó phần trao đổi bàn luận định hướng đương nhiên là phần mở đầu với chủ đích rõ rệt mưu cầu những lợi ích cụ thể làm kết quả.

Tại hải ngoại, chúng ta là những người đã rời bỏ đất nước ra đi bắt đầu từ lúc còn hẳn một góc thế kỷ-- một phần tư thế kỷ-- mới đến năm 2000. Rồi lần lượt những đợt người lên đường vượt biển, vượt biên, đường bộ, đường thủy, đường hàng không. Tới nay, kẻ trước người sau, trung bình cũng đã trải qua trên dưới thập niên trong cảnh sống lưu vong. Không kể những đau buồn trở ngại trong cảnh sống mới, chúng ta cũng đã trải qua bao nhiêu cơ hội học hỏi, kinh nghiệm, trau giồi, đụng chạm với những kiến thức mới, những điều tai nghe mắt thấy lạ lùng trên khắp mặt đất-- người Việt Nam hiện sống rải rác ở 50 xứ trên trái đất.

Để sống còn, chúng ta bắt buộc phải nhanh chóng và tinh ý nắm vững và tiến tới thể nhập trên thực tế vào mọi định chế xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa ở khắp năm châu. Mỗi người trong chúng ta đã thâu thái biết bao nhiêu kinh nghiệm sau bao nhiêu đêm ngày năm tháng đụng chạm, suy tư, dằn vặt, học hỏi trong quá trình hội nhập để sống còn và tiến bộ.

Tại quốc nội, chúng ta là những thành phần của 64 triệu dân cư trải qua bao phen chiến tranh và cách mạng, dở dang và phũ phàng, chia sẻ tận cùng gánh nặng đất nước rách nát, dân tộc xâu xé, tù đày bom đạn, nghiến răng nhìn các lớp trẻ lớn lên giữa thiếu ăn, thiếu áo, thiếu học, thiếu tình thương, thiếu cả tương lai.

Để đi tới cuộc đổi thay lớn lao với khúc quanh thế kỷ và thiên niên kỷ, chúng ta mỗi người, mỗi cộng đồng, mỗi môi trường hãy nới rộng mọi suy tư, đào sâu óc suy luận, tìm tòi để đạt đến những giải pháp cho các vấn đề liên quan chung cho số phận toàn thể đất nước con người Việt Nam, trong hy vọng đem lại những ánh sáng và cảm hứng, cũng như khai phá những tiềm năng và động lực mới ảnh hưởng rộng rãi đến toàn thể dân tộc quê hương mình.

ĐỖ NGỌC YẾN

DÂN TỘC VIỆT NAM TRƯỚC VIỄN ẢNH CỦA NĂM 2010

PHẠM CAO DƯƠNG

Năm 2010 là năm thứ một ngàn kể từ khi Nhà Lý thay thế nhà Tiền Lê lên làm vua nước ta, mở đầu cho một thời đại vinh quang của dân tộc Việt. Trong thời đại này không những tổ tiên ta đã thực sự kiến tạo được một quốc gia vững mạnh ở phương Nam, đánh lui được tất cả các mưu toan xâm lược của đối thủ nhiều lần vĩ đại hơn của mình ở phương Bắc, kể cả những đối thủ đã tạo được những thành tích lẫy lừng từ Âu sang Á, đã mở đầu cho cuộc Nam Tiến vững vàng kéo dài trong nhiều thế kỷ sau đó, mà còn vun bồi và phát triển được một nền văn hóa riêng, vô cùng độc đáo cho mình.

Năm 2010 sẽ đến với nhân loại trong một thời gian ngắn, đúng hơn trong 21 năm nữa, một thời gian bằng ba phần hai thời gian kể từ ngày những người Việt hiện lưu vong ở hải ngoại đã bỏ nước ra đi, nhưng cũng đủ để một em bé sơ sinh đạt được tuổi trưởng thành hay những người trung niên ở tuổi ngũ thập trở thành những "cổ lai hy." Hai mươi mốt năm này gần như đã và đang được nhân loại ở trên khắp trái đất, đặc biệt là ở các đại cường đón nhận. Dân tộc Việt Nam trái lại chưa có hoàn cảnh hay đúng hơn còn bất lực chưa làm được công việc đón nhận đó.

Sau ngót một thế kỷ chúng ta vẫn còn loay hoay với những chuyện căn bản lẽ ra phải được giải quyết từ một trăm năm

Phạm Cao Dương

trước hay cứ để nguyên thì cũng được giải quyết từ những năm đầu của thập niên sáu mươi của thế kỷ này.

Không có hoàn cảnh thuận tiện hay bất lực trong quá khứ, liệu chúng ta có bất lực hơn nữa trong hơn hai chục năm sắp tới này hay không và viễn ảnh của năm 2010 đối với dân tộc Việt Nam sẽ như thế nào? Người viết tự cho phép mình không làm công tác tìm hiểu lịch sử thuần túy như thường làm trong ít giờ rảnh rỗi hiếm hoi, tự đặt mình vào khối quần chúng người Việt hiện lưu lạc khắp bốn phương ở hải ngoại vẽ ra một cái nhìn tiên khởi về một dân tộc Việt Nam trong viễn ảnh của những chục năm tới với năm 2010 coi như một cái mốc tạm thời.

Nói tới những mốc thời gian và nếu tính lịch sử dân tộc bằng ngàn năm thì ngoài hai năm 2010 và 1010, ta còn có năm 111 trước Tây Lịch là năm nước ta bị nhà Hán xâm lăng và đô hộ. Nhưng nếu nhìn lịch sử diễn tiến của một dân tộc một cách linh động và phức tạp hơn, những mốc ghi bằng năm một cách chính xác nhưng cứng rắn này không phản ảnh được đầy đủ sự thực của lịch sử. Lý do rất đơn giản: một sự kiện, một biến cố không hề đột xuất mà đã bắt nguồn, đã diễn tiến từ lâu trước đó và còn tiếp tục diễn tiến sau đó. Lấy sự hình thành của nền tự chủ của dân tộc ta vào thế kỷ thứ mười chẳng hạn.

Bình thường người ta lấy năm 939 là năm Ngô Quyền xưng vương sau khi đã đánh bại được quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng làm mốc khởi đầu; nhưng thực sự thì nó đã khởi sự từ khi họ Khúc dấy nghiệp tức hơn ba chục năm trước đó hay xa hơn nữa đã manh nha từ khi nhà Đường đánh mất sự tin tưởng vào khả năng sáp nhập Cổ Việt vào lãnh

thổ của họ, đổi quy chế hành chánh mà họ dành cho nước ta từ châu, quận sang đô hộ phủ tức từ một xứ nội vi sang một xứ ngoại vi.

Sau này, mặc dầu Ngô Quyền đã chính thức lên ngôi, chính quyền độc lập do ông dựng nên đã không vững mạnh và tồn tại lâu dài. Dân tộc ta còn phải tranh đấu vô cùng gian lao trong suốt thế kỷ thứ mười với chính mình trong khi kẻ thù từ bên ngoài vẫn luôn luôn rình cơ hội để trở lại, mới đạt được mục tiêu tự chủ thực sự vào năm 1010 mở đầu cho một thời kỳ thịnh vượng và vinh quang của dân tộc dưới hai triều Lý, Trần.

Cũng vậy nếu ta nhìn vào cuộc đô hộ của người Tàu. Cuộc đô hộ này không bắt đầu vào năm 111 trước Tây Lịch mà sớm hơn từ khi nước Âu Lạc bị Triệu Đà thôn tính và trễ hơn nếu người ta nhìn vào khía cạnh cai trị và chính sách đồng hóa của người Tàu. Người Tàu chỉ trực tiếp cai trị và thực thi chánh sách đồng hóa dân tộc ta từ sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và sau đó là cuộc kinh lược của Mã Viện. Sau những biến cố này Cổ Việt đã thực sự rơi vào vòng ảnh hưởng của người Tàu, gia nhập khối văn hóa Á Đông, trở thành đồng văn với các dân tộc Nhật Bản, Đại Hàn và tất nhiên Trung Hoa.

Nói cách khác thay vì nói tới những niên đại 111 trước Tây Lịch và 1010 như những mốc thời gian quan trọng của lịch sử dân tộc Việt, người ta nên nói tới thế kỷ thứ nhất sau Thiên Chúa và thế kỷ thứ mười; đồng thời người ta cũng nên linh động khi nói tới những thế kỷ này, không nhất thiết phải giới hạn trong khoảng những năm 1, 99, 900 hay 999 chẳng hạn mà có thể đẩy lui hay đẩy tới ít chục năm để có thể hiểu trọn vẹn các biến cố trong sự diễn tiến lâu dài của chúng.

Sự dòng dài của người viết kể trên là để nhìn vào *lịch sử hiện đại của người Việt như lịch sử của một dân tộc nhược tiểu của thế kỷ hai mươi*. Thế nhược tiểu này như mọi người đều biết đã tồn tại ngay từ những ngày đầu của lịch sử nhưng chỉ là nhược tiểu đối với một dân tộc lớn hơn ở phía Bắc, còn đối với các nước láng giềng ở miền Nam và miền Tây, ta lại là một nước đông dân hơn và tiến bộ hơn. Không những thế, trong tình trạng thô sơ của kỹ thuật chiến tranh cũng như trong sinh hoạt kinh tế, thương mại, tổ tiên ta đã có thể hóa giải nó một cách dễ dàng dựa trên ý chí kiên cường bất khuất của giống nòi khi phải đối phó với nạn ngoại xâm hay bằng sự khôn khéo và thực tiễn chấp nhận sự lép vế của mình trên địa hạt ngoại giao; nhờ đó ta đã tồn tại được như một quốc gia độc lập trong hơn mười thế kỷ, đi trước nhiều dân tộc khác trên thế giới.

Kể từ giữa thế kỷ mười chín và đặc biệt trong hiện tại song song với sự càng ngày càng trở thành phức tạp của các sinh hoạt kinh tế, thương mại, quốc tế và tất nhiên của kỹ thuật chiến tranh cũng như sự tối tân của vũ khí, thế nhược tiểu kể trên đã trở thành vô phương hóa giải. Càng ngược xuôi, giẫy giụa tìm lối thoát, ta lại càng đi sâu hơn vào vòng lạc hậu, chậm tiến và càng bị đô hộ một cách tinh vi hơn.

Có một lúc, ít ra là một lúc, say mê với những chiến thắng giả hiệu, những người cầm quyền hiện tại đã tưởng rằng Việt Nam đã trở thành một cường quốc ở Đông Nam Á và đã huênh hoang một cách tội nghiệp là họ chỉ cần ho một tiếng là cả khu vực này phải giật mình. Nhưng chỉ ít năm sau tất cả đã trở thành ảo tưởng. Từ tư cách của một con cờ như tất cả các con cờ khác, Việt Nam đã trở thành một *con cờ thí* trong đường lối ngoại giao của các siêu cường. Những sự thách đố, ra giá, mặc cả đã được thực hiện ngay trên đầu của những kẻ tự nhận là đỉnh cao của trí tuệ loài người. Cuối cùng vì vô phương cứu chữa một tình trạng quá kiệt quệ và bị cô lập, người ta đã phải sửa lại hiến pháp để không những chấp nhận những kẻ thù cũ và tìm cách làm bạn với những kẻ này trong một thế vô cùng kém cỏi nếu không nói là hèn hạ đứng trên quan điểm đạo đức truyền thống của dân tộc.

Cũng vậy, đối với những người Việt di tản. Năm 1975, những người này bị coi là những rác rưởi trôi giạt từ bên này đại dương sang bên kia đại dương, những bọn bồi bếp, những tên đầy tớ bỏ chạy theo chủ. Hơn mười năm sau, đám rác rưởi, bồi bếp, đầy tớ này lại được gọi là những người Việt yêu nước ở hải ngoại hay bằng những danh xưng tương tự.

Tình trạng lạc hậu, nhược tiểu kể trên, tuy nhiên, chỉ là trong hiện tại. Tất cả sẽ thay đổi nếu người Việt ở khắp nơi trên thế giới và ở trong nước sớm nhận thức được vị thế mới của mình trong thế giới ngày nay và trong thế kỷ hai mươi mốt sắp tới. Việt Nam ngày nay không chỉ giới hạn trên giải đất hình cong chữ S ở Đông Nam Á trên bờ phía tây của Thái Bình Dương nữa mà hiện hữu ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Mặt trời của những năm cuối của thế kỷ hai mươi và của thế kỷ thứ hai mươi mốt đã và sẽ trở thành không bao giờ lặn trên những miền đất có người Việt cư ngụ và hoạt động. Chúng ta đã có mặt và đã sinh hoạt một cách vô cùng tích cực và tin tưởng từ ở các nước cực bắc của Âu Châu ở bắc bán cầu như Na Uy, Thụy Điển đến các nước cực nam của nam bán cầu như Úc, Tân Tây Lan, từ các nước Phi Châu đến các nước cực bắc của Đông Á là Đại Hàn và Nhật Bản, luôn cả Alaska, tất nhiên là ở những nước quen thuộc là Pháp, Hoa Kỳ, và Gia Nã Đại. Sau ngót mười bốn

năm chúng ta đã hiện diện ở khắp các ngành sinh hoạt trong các quốc gia này kể cả trong phạm vi kỹ thuật và khoa học tinh vi nhất và hiện diện một cách đông đảo với một dân số trên một triệu người. Chúng ta đã có dịp nhìn tận mắt, nghe tận tai những gì xảy ra ở khắp trên thế giới. Chúng ta đã được sống cuộc sống của con người ở khắp năm châu, hòa mình với họ để không còn những ảo tưởng xưa cũ khi còn ở quê nhà. Chúng ta cũng có dịp hiểu thế nào là được đối xử bình đẳng và nhân đạo ở các nước dân chủ tây phương hay bị kỳ thị và bị đọa đầy trong những hầm mỏ hay công trường ở những nước xã hội chủ nghĩa anh em của những người Cộng sản ở Đông Âu và Tây Bá Lợi Á, nơi bà con ta được gởi tới lao động để trả nợ. Nhưng dù ở đâu đi chăng nữa, con số hơn một triệu người Việt ở hải ngoại đã có một tiềm năng phát triển về kinh tế, tài chánh, về khoa học, kỹ thuật và luôn cả về tư tưởng và nghệ thuật đủ sức để hỗ trợ cho sáu chục triệu người ở trong nước. Nếu trong những năm cuối của thập niên bảy mươi, ngay sau khi Saigon không còn nữa, người ta chỉ nói tới một phong trào du học miễn phí thì sang năm 1989 và trong những năm chín mươi sắp tới, người ta phải nói tới sự hình thành của Việt Nam Hải Ngoại bên cạnh những gì cần phải xảy ra ở Việt Nam Đông Nam Á, sửa soạn cho một nước Việt Nam lớn hơn của thế kỷ hai mươi mốt.

Nói cách khác, trong trường kỳ của lịch sử, gạt sang một bên những hậu quả đen tối nhất thời của biến cố 30 tháng Tư 1975, những gì đã xảy ra cho dân tộc Việt từ những ngày này đã tạo cho ta một tiềm năng mới để hóa giải thế nhược tiểu trong thế giới hiện đại, một thế nhược tiểu tưởng sẽ không thể nào hóa giải được.

Lịch sử Việt Nam thế kỷ hai mươi như vậy phải được coi là lịch sử của một thời kỳ chuyển tiếp giống như hồi thế kỷ thứ mười dù cho là phức tạp hơn nhiều vì thế giới trong thế kỷ hai mươi không đơn giản như thế giới hồi thế kỷ thứ mười, vì ở thế kỷ hai mươi chúng ta phải đương đầu cùng một lúc với nhiều đối thủ, nhiều đế quốc mang những hình thức khác nhau, có những khí cụ, những kỹ thuật, những thủ đoạn tinh vi hơn là một nước Tàu của thế kỷ thứ mười. Nhưng chính vì vậy từ thế kỷ thứ mười một với một lãnh thổ nhỏ bé ta vẫn có thể đứng vững như một quốc gia được sách trời định phần. Chúng ta không thể đứng vững như thế được ở thế kỷ hai mươi mốt nếu không có một sự hỗ trợ khác, đặc biệt là khi ước mơ về một thế giới đại đồng đã hiện nguyên hình là một ảo tưởng nếu không nói là một mê hoặc. Nhân loại cuối cùng vẫn được kết hợp bởi những dân tộc và dân tộc nào cũng có những quyền lợi riêng của mình để bảo vệ trước nhất. Bài học 1975 của người Việt quốc gia và bài học Cam Ranh 1988 của người Việt cộng sản đã quá đủ để nói lên điều đó.

Vấn đề hiện tại là người Việt ở mỗi thành phần trong hai thành phần kể trên phải ý thức được vai trò và tiềm năng của mình, tự sắp xếp, tổ chức lại hàng ngũ của mình để sửa soạn cho thế kỷ hai mươi mốt. Những gì đã xảy ra hoàn toàn do thời thế, nói theo tổ tiên ta là do sách Trời định, nhưng khai thác được những tiềm năng mình có để biến dân tộc mình thành một dân tộc lớn của thiên kỷ thứ ba sau Thiên Chúa hay trở lui lại với một thứ thời kỳ Bắc thuộc như hồi thiên kỷ thứ nhất còn tùy thuộc vào chính người Việt.

Sau mười bốn năm được mặc sức múa võ vườn hoang trên toàn lãnh thổ quốc gia, chủ nghĩa cộng sản đã tỏ ra lạc hậu, bất lực không xây dựng được đất nước, không đem lại được cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho toàn dân trong khi càng ngày càng lệ thuộc vào ngoại bang, đã đến lúc cần phải được dẹp bỏ và công khai dẹp bỏ càng sớm càng tốt.

Người Việt ở hải ngoại sau mười bốn năm vật vã với cuộc sống mới đã chứng tỏ được khả năng sinh tồn của mình, cần ý thức rõ tiềm năng và vai trò mình có thể đóng được trong những thập niên sắp tới để có được những nhận định và những chương trình hành động cụ thể hơn và thực tế hơn với vấn đề căn bản là bảo tồn được *Việt căn* của mình và của những thế hệ sau này vì một khi Việt căn bị mất chúng ta và con cháu chúng ta sẽ không còn gì hơn là một lũ di dân ngơ ngáo tranh ăn nơi xứ lạ.

Việt căn không phải chỉ là ngôn ngữ và văn hóa, những thể hiện có tính cách cụ thể bên ngoài và có vai trò của những phương tiện dầu cho là những phương tiện tối cần thiết, không thể thiếu được. *Việt căn phải là tinh thần Việt nằm sâu trong tận cùng trái tim của mỗi người nó gắn bó chúng ta với những người Việt khác dù ở nơi nào trên thế giới hay ở quốc nội.* Việt căn phải được nuôi sống và phát triển để không những chỉ ăn sâu vào tim mà luôn cả vào óc, vào xương tủy mỗi người. Việt căn sẽ đem lại cho chúng ta sức sống, tình yêu và sự sáng suốt để thi hành sứ mạng xây dựng một Đại Dân Tộc Việt trong thiên kỷ sắp tới mà năm 2010 có thể sẽ mở đầu. Việt căn sẽ qui mọi người Việt về một mối khi thời cơ và nhu cầu xuất hiện. Việt căn sẽ giúp ta giải tỏa được mặc cảm lưu dân vô tổ quốc. Việt căn sẽ giúp ta tồn tại và thành công trong mọi hoàn cảnh và dưới mọi hình thức. Việt căn sẽ không tha thứ cho chúng ta khi chúng ta lười biếng và thất bại. Việt căn sẽ cho chúng ta thấy được giá trị ở những người Việt khác từ đó thông cảm và gần gụi nhau hơn.

CHUYỆN NGỤ NGÔN CỦA LÃ PHỤNG TIÊN

Gúc 89 THẾ KỶ 21

Nói cách khác Việt căn là giá trị đầu tiên và căn bản cần được ý thức và bảo tồn trước khi chúng ta nói tới những nhận định, những chương trình hành động khác. Nói cách khác nữa, Việt căn chính là tiềm năng sâu xa nhất có thể giúp cho thành phần Việt Nam ở hải ngoại thành hình và phát triển, mà hơn một triệu người hiện hữu mới chỉ là một dấu hiệu khởi đầu.

Vun trồng Việt căn ở chính chúng ta và ở những người Việt khác là việc làm tiên quyết mọi người đều phải làm để cho tiềm năng của tập thể người Việt ở hải ngoại ngày thêm phong phú và vững mạnh, sửa soạn cho một thời đại vinh quang mới của dân tộc với năm 2010 có thể tạm coi như năm khởi đầu.

P.C.D

Trả lời phỏng vấn của Tạp chí Thế kỷ 21

Nguyễn Long Thành Nam: Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, sáng lập viên Việt Nam Studies Group

..." Quy tụ tiềm lực kinh tế, kiến thức và tạo thêm tư thế chính trị quốc tế, để trong hiện tại thúc đẩy cho tiến trình cộng sản tự hoại di mau hơn, và trong tương lai đem khối nhân lực tài lực hải ngoại về xây dựng lại quê hương xứ sở khi chế độ cộng sản đá cáo chung."

Trương Anh Thụy: Nhà thơ, nhà hoạt động xã hội.

"Lúc này hơn lúc nào hết chúng ta phải đoàn kết lại..."

Nguyễn Đức Lập: Nhà văn, nhà báo. Tác giả Cuộc Chiến Tàn Chưa?

"Thế cuộc nhiều đảo điên, nhiều chuyện để kể... Ngày vui chưa tới, còn kể nữa chớ đã hết đâu."

Phạm Hồng Khôi: Sinh viên

..."Thập niên đầu tiên của Thế Kỷ 21... nhiều thay đổi sẽ xảy ra và chắc chắn một điều sẽ xảy ra là chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam tự nó đào thải và chết đi để cho một nước Việt Nam thật sự Tự Do Dân Chủ sống."

Phạm Cao Dương: Giáo sư, nhà biên khảo sử học, tác giả "Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam."

"Sang Thế Kỷ 21 chúng ta sẽ có một Việt Nam ở Đông Nam Á và một Đại Việt Nam bao gồm cả thành phần hải ngoại."

Hoàng Đạo Thế Kiệt: Cựu quân nhân

"Sau 14 năm dài lọc, vàng thau đang hiện rõ. Chỉ những con người của lòng tin mới còn lại và kết lại."

Nguyễn Long Thành Nam

... Dưới thời đại Gorbachev, thành trì Nga Sô đang lung lay tận gốc rễ, đang cố dẫy dụa trong chiến thuật cải tiến để tự tồn, dù có phải chối bỏ giáo điều căn bản chủ thuyết Mác-xít, để học đòi mô thức tư bản chủ nghĩa mà Mác, Lê đã lên án là phản tiến hóa. Tư bản không rẫy chết, không tự thắt cổ, mà chính là cộng sản đang rẫy chết, đang tự thắt họng bằng chính sợi giây thừng chủ thuyết Mác-Lê."

Nhân loại bước vào thế kỷ 21 trong tình trạng đó. Điều liên hệ đến chúng ta là: trong giả thuyết đế quốc cộng sản suy tàn, chế độ cộng sản tại Việt Nam sẽ ra sao? Căn cứ trên định luật tương quan và biến thiên, có thể tiên đoán không sai lầm rằng chế độ CSVN sẽ không thể tồn tại. Nó được khai sinh ra đời, được dậy dỗ huấn luyện, được yểm trợ chính trị, và phương tiện bởi Mốt-cu, nó là con đẻ của đế quốc Nga Sô, thì một khi mẫu quốc suy tàn, đứa con kia không thể tồn tại được, chế độ cộng sản Việt Nam phải suy vong.

Nhưng số phận Việt Nam thế nào?

Dựa trên thực tế hôm nay, ta thấy CSVN đang tìm mọi cách chiều lụy thế giới tư bản, để tìm sinh lộ. Nhưng đó là sinh lộ của đảng Cộng sản Việt Nam, không phải sinh lộ cho dân tộc Việt Nam. CSVN đang cần viện trợ kinh tế để thoát khỏi tình trạng kiệt quệ của một quốc gia nghèo khổ nhứt thế giới. Điều này đúng. Nhưng muốn hiểu cho thật đúng, phải biết rằng CSVN không bao giờ chủ trương một nước Việt Nam phát triển kinh tế như Đại Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba... mà chỉ muốn dân Việt Nam có cơm ăn áo mặc ở mức độ không bất mãn quá đáng đối với nhà nước Cộng Sản, tiếp tục làm dân "Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa" chỉ đạo bởi quyền lực đảng CSVN. Lớp lãnh tụ CSVN được xem là giáo điều trung thành tuyệt đối với chủ thuyết Mác-Lê, vẫn nhứt định thực hiện một nước Việt Nam cộng sản, vô sản chuyên chính

và độc đảng lãnh đạo. Họ không bao giờ chấp nhận thể chế dân chủ tự do và phát triển kinh tế theo mô thức tư bản tư hữu. Những cải tiến hiện nay chỉ là chiến thuật giai đoạn để mở sinh lộ cho đảng CSVN vượt qua một tình huống nguy hiểm.

Ngoại viện, đầu tư quốc tế tối cần thiết hiện giờ, sẽ bị giới hạn ở mức độ "không phương hại cho chế độ xã hội chủ nghĩa," sự giới hạn đó cố nhiên kềm hãm sức phát triển của quốc gia Việt Nam.

Nhưng CSVN có thực hiện được mục tiêu họ muốn không? Thái độ của các giới đầu tư quốc tế và các chính quyền tây phương thế nào?

Ngoại trừ một số dự án nhỏ và ngắn hạn sinh lời mau, giới tư bản lớn sẽ không đầu tư vào Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Những đại công trình cần thiết cho việc thiết lập hạ tầng cơ sở và đại kỹ nghệ sẽ không có. Huê Kỳ không có lợi gì để viện trợ cho VNCS, dù cho có thiết lập bang giao. Từ thái độ này ta tiên đoán rằng VNCS không thể đánh lừa được tây phương, và vẫn phải dựa vào sự giúp đỡ của Nga Sô như nguồn yểm trợ chính yếu. Nhưng nguồn tiếp liệu đó sẽ phải cạn theo sự suy thoái của chính đế quốc Nga Sô.

Trước viễn tượng thế kỷ 21 theo giả thuyết nêu trên, người Việt nghĩ gì, làm gì cho đất nước quê hương?

Cái nhìn sơ lược vào xã hội Việt Nam hải ngoại cho chúng ta thấy những điều nổi bật sau đây:

-- 15 năm qua từ biến cố 4-75 đến nay, chúng ta đã phát triển kinh doanh, tăng gia lợi tức, tăng tiến kiến thức. Nhưng chúng ta càng ngày càng tự chia xã hội chúng ta ra thành những mảng nhỏ. Có người đã nói rằng ở thời điểm 1989 tổng sản lượng hằng niên của khối trên một triệu người Việt hải ngoại cao hơn tổng sản lượng của quốc gia Việt Nam dưới chế độ Cộng sản với dân số trên 60 triệu. Chỉ với thùng quà và tiền tiếp trợ, hải ngoại đang nuôi sống trên năm triệu người, tạo việc làm cho khoảng năm triệu người khác có lợi tức biên tế.

Nói như thế để thấy tiềm lực quan trọng của khối người Việt hải ngoại. Tầm quan trọng này sẽ gia tăng theo sự phát triển lợi tức và kiến thức của giới kinh doanh và giới trẻ Việt Nam. Từ vị thế đó, thái độ người Việt hải ngoại tất nhiên có ảnh hưởng quan trọng đến tương lai đất nước và dân tộc Việt nói chung. Đó là một điều mà chúng ta cần ý thức.

Làm thế nào để sử dụng tiềm lực hải ngoại có lợi ích thực sự và lâu dài cho đất nước dân tộc?

Đối chiếu hiện tình quốc nội, chúng ta có được một tư thế kinh tế và kiến thức. Hãy làm cho tư thế đó lớn mạnh, và tạo sự đồng ý sử dụng tư thế hải ngoại vào mục tiêu chuyển vận dòng lịch sử Việt Nam từ hiện tại đen tối đến tương lai huy hoàng. Bắt đầu bằng ý thức "Một nước Việt Nam ở bên ngoài" có tư thế kinh tế và kiến thức, bước kế tiếp là cố gắng tạo thêm tư thế chính trị trong sinh hoạt quốc tế, khối người Việt hải ngoại sẽ trở thành một thực thể càng ngày càng lớn mạnh, chủ động vận mệnh của mình và đóng góp tích cực hữu hiệu vào đại cuộc cứu dân dựng nước.

Với biến cố 30-4, chúng ta như những mảnh vỡ trôi dạt ra bên ngoài. Sau 15 năm, chúng ta tự tạo tiềm lực kinh tế và kiến thức, nếu thêm tư thế chính trị, và với cơ cấu lãnh đạo xứng đáng, các mảnh vỡ bây giờ tụ lại được, nhứt định hải ngoại sẽ làm tròn sứ mệnh lịch sử phục hưng đất nước.

Chỉ đơn cử vài thí dụ. Nếu mỗi cá nhân tự ý đem một số tiền nhỏ về đầu tư trực tiếp ở Việt Nam, sẽ chỉ là những đóng góp cá lẻ không tạo ảnh hưởng quan trọng. Nhưng nếu những số tiền cá lẻ đó tập hợp lại thành số vốn lớn của một đại công ty tài chánh của người Việt hải ngoại, chúng ta sẽ có đến hàng trăm triệu Mỹ kim để chủ động đầu tư vào các dự án lớn đóng góp hữu hiệu cho tiến trình phát triển kinh tế Việt Nam sau này. Một dịch vụ đầu tư quan trọng, chủ động bởi một công ty có tầm vóc quốc tế, sẽ được nhiều bảo đảm và ít rủi ro hơn là các dịch vụ đầu tư cá nhân và nhỏ nhoi.

Một thí dụ khác: Một chuyên viên hải ngoại đơn độc tự ý về Việt Nam, sẽ chỉ là một cá nhân bị động. Trái lại, nếu chuyên viên ấy là thành phần của một "Công Ty Kỹ Thuật Bách Khoa" gồm những tài năng Việt Nam hải ngoại quy tụ lại, thì vị thế và tác dụng đóng góp sẽ quan trọng hơn nhiều trong tiến trình tái thiết quê hương sau này.

Nếu "Nước Việt Nam ở bên ngoài" tự tạo được tư thế kinh tế, kiến thức và chính trị quốc tế, niềm tin tưởng của đồng bào quốc nội sẽ tạo ra các biến chuyển trong nước. Khi đồng bào nhận thấy khối hải ngoại có khả năng và cơ hội làm cho tình thế chuyển động, tình trạng chống đối thụ động sẽ chuyển dần sang tích cực, thành phong trào quần chúng lớn mạnh mãi lên. Lớp cán bộ trong guồng máy cai trị đã chán nản chế độ sẽ thay đổi thái độ. Bộ máy cai trị sẽ bị ung thối, mất hiệu lực, thúc đẩy cho tiến trình cộng sản tự hoại đi mau hơn.

Nếu khối hải ngoại sử dụng được tiềm năng của mình như vậy, sẽ làm phát sinh một tình trạng đặc biệt ở quốc nội, tạm gọi là "chiến thuật du kích thế kỷ 21" có thể xảy ra sớm hơn, không chiến thắng cộng sản bằng chiến tranh võ trang, mà bằng quần chúng và cán bộ ngay trong lòng chế độ để làm sụp đổ chế độ.

Trong bối cảnh thế giới mới,

người Việt hải ngoại sẽ đem khối kiến thức và tiềm năng kinh tế của mình về quê hương. Dân tộc Việt sau cơn ác mộng trên 100 năm thực dân trị, cộng sản trị, sẽ phục hồi truyền thống văn hóa cố hữu, và với tài nguyên trong nước, tài nguyên hải ngoại, cộng chung thành các yếu tố căn bản để xây dựng một quốc gia Việt Nam mới, tiến bộ và thịnh vượng, nhưng có công bằng và đạo đức, chớ không phi nhân bản và vô luân như các xã hội tiến bộ vật chất hiện nay.

Hướng về viễn tượng hứa hẹn ấy, ngay bây giờ người Việt hải ngoại phải ý thức và xác định thái độ thích đương. Tiêu phí tài lực và kiến thức vào việc cải tiến chế độ cộng sản, là một thái độ phi lý. Bằng lòng làm kẻ tha phương cầu thực vong thân vong bản, cũng là một thái độ phi lý. Chia rẽ manh mún để bất lực, để bên ngoài lợi dụng tiềm lực kinh tế, kiến thức của mình, cũng là một thái độ phi lý. Thái độ hợp tình hợp lý là tìm cách quy tụ tiềm lực kinh tế, kiến thức và tạo thêm tư thế chính trị quốc tế, để trong hiện tại thúc đẩy cho tiến trình cộng sản tự hoại đi mau hơn, và trong tương lai đem khối nhân lực tài lực hải ngoại về xây dựng lại quê hương xứ sở khi chế độ cộng sản đã cáo chung.

Nguyễn Đức Lập

Nghỉ gì? Nghỉ nhiều lắm chớ. Nguyễn Du tả tiếng đờn của Vương Tường ngày xưa "Quá quan này khúc Chiêu Quân, nửa phần luyến Chúa, nửa phần tư gia," nghe nó thất thẻo ra sao, thì lòng dạ của người nhớ nước nhớ nhà cũng thất thẻo như vậy.

Ngày xưa, Hàn Dũ đi đày, đứng trên lưng núi, nhìn về quê nhà với nỗi bâng khuâng, "Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại?". Ngày nay, kiếp lưu đày chạy vạy áo cơm, đâu có nhiều thì giờ để "hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa." Có chăng là hồn mộng chập chờn trong cơn trăn trở chiếu chăn. Có phải?

Còn gì nữa? Còn nỗi quê người lận đận. Phải chăng là "một mình năm liệu bảy lo, lo cau trổ muộn, lo già hết duyên," như bạn bè thường ngạo? Tóc đã có sợi bạc, đường thì còn xa tít dặm xa, thuốc thang cầm chừng kéo sống, chăm chắm lo sao đừng gục ngã giữa đường. Gục ngã thân xác. Gục ngã tinh thần. "Chữ Trinh còn một chút này." Thúy Kiều làm đĩ mười phương, "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần." Chữ Trinh nầy là chữ Trinh gì? Lòng vẫn dặn lòng.

Ngày xưa, người Trang Tích đến lúc hôn mê hấp hối, bật hát khúc Việt bi thiết khích ngang, Nguyễn Du nhắc nhở "buồn như khúc Việt ai ngâm, nỗi lòng Tang Tích âm thầm mà đau."

Ngày xưa, người Sở bị người Tần bắt làm tù, mỗi năm tới ngày mất nước thường ôm nhau mà khóc.

Cũng ngày xưa, bọn danh sĩ Giang Tả, tới ngày mất nước, tụ tập ở Tân Đình, ôm nhau giọt ngắn giọt dài.

Nguyễn Du qua Tân Đình, cau mặt:

Thương cho Giang Tả bao danh sĩ
Ngồi khóc non sông tợ sở tù...

Có phải đợi lúc hôn mê hấp hối khúc Việt bi khái khích ngang mới bật ra?

Cớ phải nước mắt trào tuông ở Tân Đình làm được nên chuyện?

Vậy mà, thời thế đảo điên, khúc Việt ai hát? Nước mắt Tân Đình một giọt có không? Xót xa thay là lời của An Lạc Công Hậu Chúa Lưu Thiện, "Ở đây vui quá, còn nhớ gì nữa..."

Lưu Thiện! Lưu Thiện! uổng cho cha ngươi là Chiêu Liệt Hoàng Lưu Bị!

Còn nữa, Nguyễn Du, lại Nguyễn Du, đã chua chát:

Bó thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu.

Lời dặn của Nguyễn Du với kinh nghiệm "hàng thần" còn văng vẳng đâu đây. Lòng lại dặn lòng.

Làm gì? Viết.

Viết gì? Những điều mắt thấy tai nghe. Mượn bút mực để kể chuyện nhơn tình. Như người hát dạo ngồi ở bến đò, bến xe hát kể Thơ Sáu Trọng, và cô Thông Tầm. Như Cao Tiệm Ly, hai mắt đui mù, lang thang khắp chốn, đánh chiếc đàn trúc kể chuyện "Hành Thích Tần Vương" hay "Vạn Lý Trần Phu."

Thế cuộc nhiều đảo điên, nhiều chuyện để kể. Tiếng than, tiếng khóc còn nhiều, kể hoài sao cho hết. Ngày vui chưa tới, còn kể mãi chớ đã hết đâu...

Phạm Cao Dương

1. Khác với các cộng đồng khác, cộng đồng Việt Nam đã hình thành và phát triển mạnh mẽ trong một thời gian ngắn trong những điều kiện nặng về chánh trị hơn là kinh tế, đồng thời có một lãnh vực hoạt động bao trùm nhiều quốc gia trên thế giới thay vì chỉ giới hạn ở một hay vài nước. Muốn hiểu, muốn quan niệm, muốn hoạch định các kế hoạch hay muốn làm bất cứ điều gì, người ta cần nhìn nó theo chiều hướng này. Nói cách khác, từ sau năm 1975 trong lịch sử nhân loại người ta có dịp chứng kiến sự hình thành của tập thể người

Việt hải ngoại.

Tập thể này khởi đầu là lưu vong chính trị, không đáng kể so với sáu chục triệu người trong nước, nhưng dần dần đã lớn mạnh và có một tiềm năng đáng kể trong hiện tại cũng như trong tương lai đủ sức gây khó dễ hay hỗ trợ cho thành phần quốc nội nếu được xây dựng khéo. Năm 1975 do đó đã khởi đầu cho một khúc quanh lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Tùy thuộc ở chính người Việt, khúc quanh này sẽ đưa dân tộc ta thoát khỏi tình trạng chậm tiến, không còn là dân của một nước nhỏ và nghèo để trở thành một dân tộc lớn của thế giới hay sẽ chẳng đưa ta tới đâu cả. Riêng tôi, tôi tin tưởng rằng nếu quyết tâm chúng ta có thể làm được chuyện lớn và sang thế kỷ 21 chúng ta sẽ có một Việt Nam ở Đông Nam Á và một Đại Việt Nam bao gồm cả thành phần hải ngoại. Điều quan trọng là người ta phải bắt đầu ngay tự bây giờ bằng cách bảo tồn và phát triển Việt tính ở mọi người Việt ở hải ngoại vì đó là điều kiện tiên quyết sau đó là xây dựng các cơ sở liên hệ.

2. Tiếp tục viết những cuốn kế tiếp của bộ *Lịch sử dân tộc Việt Nam* với cuốn hai-- *Những Thế Kỷ Vinh Quang* sẽ được hoàn thành nội trong năm nay.

Trương Anh Thụy

Hiện nay đang viết gì?

Trong vòng năm nay tôi sẽ cố gắng cho xuất bản cuốn "Trường Ca Lời Mẹ Ru" đó là một bài ru dài chừng năm trăm rưỡi câu (550) bằng song ngữ. Bản dịch tiếng Anh của anh Nguyễn Ngọc Bích. Minh họa do anh Võ Đình.

"Trường Ca Lời Mẹ Ru" là tâm tình của người mẹ gửi gấm nơi con:

"Vành nôi con mẹ đong đầy
Lời ru theo với tháng ngày buồn vui."

Mong con đừng quên nguồn gốc Việt và không ngừng hãnh diện về văn hóa và lịch sử dân tộc để sau này cùng chen vai sát cánh trở về giải phóng quê hương:

"Dù con, phận gái hay trai
Công dân Mỹ, Pháp, Mã Lai, Nhật, Hàn...
Đừng quên nguồn gốc Việt Nam
Giữ thơm nòi giống, bảo toàn quê hương
Mai này lịch sử sang chương
Chen vai, sát cánh, Nam phương tiến về...

-- Vì là một bài ru nên thể thơ chính là lục bát, đôi khi tôi đổi sang một vài thể thơ khác tùy theo không khí của câu chuyện cho khỏi đơn điệu.

-- Những diễn tiến trong "Trường Ca Lời Mẹ Ru" sắp đặt theo thứ tự thời gian của một năm. Trong một năm trường, người mẹ sực nhớ đến chuyện gì thì ru chuyện đó, bắt đầu bằng "Đón Xuân tại Hải Ngoại," tiếp đến "Trận Đống Đa," Kỷ niệm Trưng Vương, Giỗ Tổ Hùng Vương, 30 tháng Tư, Phật Đản, Vu Lan, Rằm Tháng Tám, Giáng Sinh. Rải rác đó đây cũng nhắc đến những tấm gương sáng của trẻ Việt khắp nơi trên thế giới, những phong cảnh ba miền Việt Nam, đời sống thôn dã; thổ sản, đời sống đại gia đình gồm có ông bà cha mẹ...

Tương lai nền văn học hải ngoại trong 10 năm tới?

Câu hỏi của anh thực khó mà trả lời vì tương lai văn học hải ngoại còn tùy thuộc nhiều thứ, thí dụ:

a. Sự quan tâm của các bậc phụ huynh đối với con em về vấn đề bảo tồn văn hóa và duy trì tiếng mẹ đẻ.

b. Sự phát triển của nền dịch thuật. Theo tôi, hơn bao giờ hết, chúng ta cần giới thiệu những tác phẩm văn chương giá trị tại hải ngoại với người ngoại quốc và cũng đã đến lúc chúng ta phải đề cao vai trò của các dịch giả lên ngang hàng với tác giả.

Thái độ của người làm văn hóa tại hải ngoại?

Lúc này hơn lúc nào hết chúng ta phải đoàn kết lại, phải bênh vực nhau, phải đặt niềm tin nơi nhau để chống lại kẻ thù chung của chúng ta là Cộng sản. Không để chúng lợi dụng sự phân hóa và đố kỵ của ta mà xen vào đào sâu chia rẽ.

Hoàng Đạo Thế Kiệt

Về 14 năm qua và về con người của chúng ta: tôi cho vấn đề là ở lòng tin; cái lòng tin siêu việt của mỗi con người chúng ta. Mất lòng tin ở mình nên trở nên bơ vơ. Mất lòng tin ở người nên không thể tìm được lãnh tụ. Chỉ có lòng tin mới không làm cho chúng ta nản chí, bỏ cuộc. Chỉ có lòng tin mới đưa con người đến cuối con đường đã định. Lòng tin là yếu tố tất yếu để chúng ta và dân tộc ta có thể thành công trong lúc cực kỳ khó khăn hiện nay.

Sau 14 đãi lọc, vàng thau đang hiện rõ. Chỉ những con người của lòng tin mới còn lại và kết lại. Nhiều người từng thất vọng với tổ chức này tổ chức nọ, với ông này ông kia, nay nhận rõ ra chỉ có một con đường, con đường của chính họ, với những người chẳng siêu

phàm gì nhưng vượt trên cả phe đảng, đứng ngoài cả thần quyền, và dứt khoát hẳn với những thành phần không có một lập trường quốc gia dân tộc quang minh chính đại. Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. Rồi thì sẽ có những tập hợp lớn hơn của mọi giới, từ văn hóa đến chính trị, đến trí thức thầy thợ, nhà buôn; từ già đến trẻ, từ người hăng say đến người dè dặt... để cùng lo việc chung.

Nhìn về quê hương xứ sở, tôi cũng thấy một công thức tương tự như trên, nhưng hiển nhiên là phải ở một tầm mức vạn lần tệ hơn. Là bởi cái căn bản tệ hại của hải ngoại, là phè phỡn tài tử và vong bản, còn cái căn bản tàn hại của quốc nội là ngục tù, đói khổ, và bệnh tật.

Hào quang chiến thắng của "cách mạng" và son phấn tô điểm cho xã hội chủ nghĩa đã loang lỗ tàn phai. Mười bốn năm sau, bộ mặt trộm cướp giết người đã lộ ra, gớm ghiếc hôi tanh. Xương máu và nước mắt của nhân dân tiêu phí cho nghĩa vụ quốc tế và thiên đường hạ giới chỉ xây dựng nên được một ngôi mộ vĩ đại, những nhà tù vĩ đại cùng những con người mà nhà thơ Chí Thiện gọi là nửa người nửa vượn. Cách mạng càng lâu và trí tuệ càng cao thì quốc gia càng xếp xuống hàng thấp nhất nhân loại. Đó là thống kê chính thức của thế giới.

Bây giờ thử hỏi sau 10 năm đổ máu, sẽ còn lại gì ở Cam Bốt? Một bọn nằm vùng đã được Miên hóa? Cộng sản khét tiếng về công an mật vụ liệu có tin rằng dân Miên hoặc quá ngu hoặc quá yêu Việt Cộng mà không tố cáo, lôi cổ chúng ra băm chém hay không? Thực tế lịch sử đã chứng tỏ rằng sự nghi ngại và tranh chấp Việt-Miên khó lòng mà giải quyết êm đẹp được, nhất là trong trạng thái hiện nay. Rồi cả Miên-cộng, Miên-quốc lẫn các nước Đông Nam Á đều chẳng ai ưa Việt cộng. Những yếu tố đó sẽ gây khó không ít cho chúng trong những ngày sắp tới.

Kế tiếp là Trung Cộng. Liệu người bạn lân bang khổng lồ này có chịu tha thứ cái vụ vô ơn và hỗn xược năm nào của bọn đàn em VC hay không? Bao nhiêu ngàn năm lịch sử đã từng chứng tỏ hai nước luôn luôn là thù địch của nhau. Đã thế lại còn vụ Miên Cộng và Nga Sô giằng co đằng sau, chắc chắn sẽ càng làm cho Việt cộng gặp thêm nhiều khó khăn hơn nữa.

Sau cùng là Mỹ. Liệu bọn "đế quốc" này có quên cái hận bỏ chạy nhục nhã năm nào không? VC thừa biết chính vì cái đau đó và cũng vì cái bẩn về vụ mua bán xác chết mà suốt bao nhiêu năm nay mặc dầu bàn thảo, van xin bao nhiêu Mỹ cũng vẫn chưa chịu bang giao và viện trợ cho chúng. Và ngay cả khi có bang giao rồi, liệu Mỹ có sẽ dễ dàng đưa tiền cho chúng để chúng mặc sức tiêu xài không điều kiện không?

Cho nên cái ngày mà đoàn quân viễn chinh trơ trẽn lủi thủi quay về; cái ngày mà bọn kẻ thù không đội trời chung phương Bắc sẽ lại chễm chệ oai phong hiện diện tại Hà Nội; cái ngày mà bọn "đế quốc" lại đổ đến xì xồ chìa đô la ra phe phẩy; trong khi đàn anh ruột thịt Xô Viết vì quyền lợi riêng phải đi với Tàu Mỹ, cố tình lơ đàn em đi, thì việc gì sẽ xảy ra? Việt cộng lúc ấy còn gì? Thế diện mất. Áp lực tăng. Thế lực chia xẻ. Nội bộ từ chia rẽ sẽ trở thành xâu xé nhau. Còn dân chúng thì căm thù đến tận xương tủy, luôn luôn hờm sẵn, chỉ chờ cơ hội là nổi lên tiêu diệt chúng. Dậu đổ bìm leo, cái nguyên lý ngàn đời đó sẽ chôn vùi chúng trong trận chiến sau cùng với người Việt dân tộc.

Phạm Hồng Khôi

Chỉ còn khoảng 10 năm nữa là sẽ tới thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, tôi nghĩ cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại sẽ tạo được nhiều sự thành công hơn nhất là về mặt đoàn kết. Tại sao, vì lúc đó tuổi trẻ Việt Nam nói riêng đã tạo những thành công đáng kể về mọi mặt học vấn, kinh tế, thương mại, chính trị... tuổi trẻ Việt Nam lúc đó làm việc chung nhau nhiều thoải mái hơn khi lớp đàn anh dần dần xuống. Chính họ sẽ tạo ra những việc làm quan trọng đóng góp cho cộng đồng tại đây nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Nhiều thay đổi sẽ xảy ra và chắc chắn một điều sẽ xảy ra là chủ nghĩa Cộng sản tại Việt Nam tự nó đào thải và chết để cho một nước Việt Nam thật sự tự do dân chủ sống.

Đối với những lớp tuổi của tôi hiện tại, tôi tin tưởng chúng tôi đã làm được nhiều việc *nên hồn*. Tôi cũng thấy nhiều ngọn lửa đang được chuyền nhau, nhiều niềm tin đang được hâm nóng từ những người trẻ tuổi sinh hoạt tại các hội đoàn, các trường học đều đi chung đến một con đường quang phục và xây dựng lại Việt Nam tự do. Tuy nhiên, tôi rất mong tuổi trẻ hãy hành động nhiều hơn vì những việc làm, những hy sinh của họ sẽ làm cho những người thích nói, thích bàn và thích sinh chuyện mưu lợi tự cảm thấy hay tự cô lập và tiêu diệt lấy sự ích kỷ vị lợi đa ngôn của mình là?!?

Phạm Hồng Khôi tên thật là Trần Công Khánh, năm nay 25 tuổi, và đang ngụ tại Midway City, cách Little Saigon hai khu phố. Anh hoạt động rất tích cực cho những sinh hoạt của sinh viên tại Orange County, như cùng với các bạn trẻ khác dựng ra tổ chức hội chợ Xuân hàng năm, đêm văn nghệ giúp trẻ em tị nạn, thành lập Thư Viện Lê Quý Đôn, và trông coi tạp chí *Non Sông*, một tờ báo của giới trẻ.

VỚI KHẨU HIỆU
"MỘT NƯỚC MỸ NHIỀU TÌNH THƯƠNG HƠN"

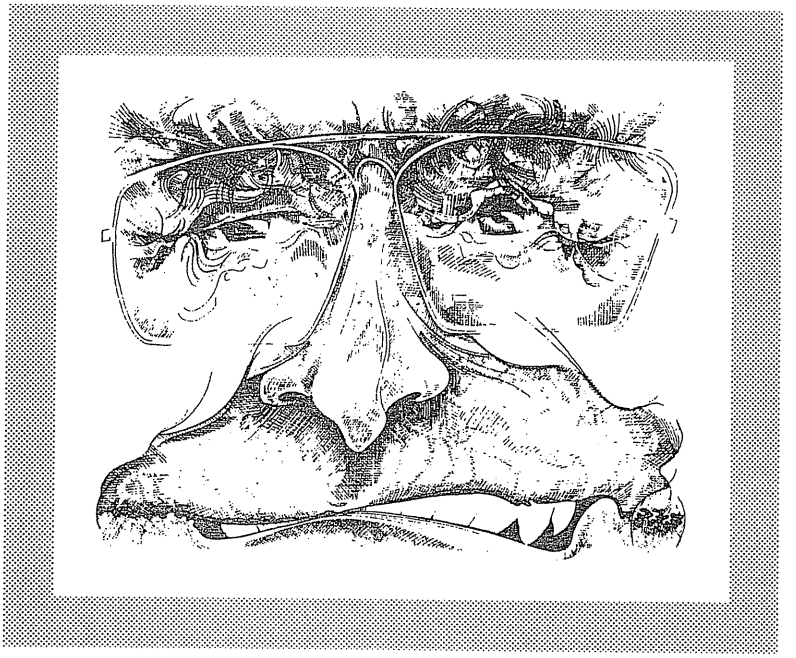

HOÀNG LINH

George Bush phải đương đầu bốn mối họa

Khoa học kỹ thuật bị vượt
Kinh tế doanh nghiệp sa sút
Tư tưởng chính trị lẩn quẩn
Giá trị đạo đức phá sản

Thủ tục tống cựu nghinh tân tại tòa Bạch Ốc đã kết thúc, cờ quạt đèn hoa của ngày lễ khai nhiệm đã xếp lại, giờ đây Tổng Thống Bush chỉ còn thấy trước mặt trách nhiệm cao ngất của người nắm vận mệnh Hoa Kỳ trong bốn năm tới đây.

Bàn về những vấn đề mà vị tân tổng thống Mỹ đang và sẽ phải đối phó, dư luận thường nêu ra những câu hỏi như: làm thế nào trám được khiếm ngạch khổng lồ do tổng thống Reagan để lại và quân bình ngân sách; làm thế nào vừa không tăng thuế đặng giữ trọn lời cam kết của ứng cử viên Bush, vừa thêm tài trợ cho những chương trình an ninh xã hội cho hợp với viễn tượng "một nước Mỹ nhiều tình thương hơn" do tổng thống đề ra trong ngày tựu chức; làm thế nào bài trừ nạn ma túy; lấy đâu ra năm chục tỷ mỹ kim để tu bổ mấy nhà máy nguyên tử; lấy đâu ra ba chục tỷ để cứu vãn những cơ quan tín dụng bình dân, v.v...

Không ai chối cãi rằng những vấn đề kể trên có tầm quan trọng lớn lao và ảnh hưởng mật thiết đến đời sống người dân Mỹ. Nhưng nhiệm vụ của Tổng Thống Hoa Kỳ không những chỉ nhằm lo cho hạnh phúc đoản kỳ của nhân dân Mỹ, mà còn là-- và nhất là-- lo cho tương lai lâu dài, cho vị trí lịch sử của đất nước Mỹ. Quả vậy: lập thêm được một số trung tâm giữ trẻ nhỏ, che chở được một số trương mục để dành, bỏ tù được một số lái buôn bạch phiến... đành là những việc hay và nên làm, nhưng sẽ không có ý nghĩa và tác dụng thiết thực nếu cùng trong thời gian đó, địa vị của Hoa Kỳ xuống thấp trên trường quốc tế, an ninh của Hoa Kỳ bị đe dọa vì đồng minh lơ là và vũ trang không cập nhật, kinh tế của Hoa Kỳ không cạnh tranh nổi trên thế giới vì thiếu phát minh và thiếu cần cù. Để diễn tả một cách ngắn gọn hơn, sự thành bại của một nhiệm kỳ tổng thống Hoa Kỳ phải được đo bằng vị trí tương đối của Hoa Kỳ so với các cường quốc khác.

Xét vấn đề dưới khía cạnh ấy, ta thấy có bốn điều đáng cho tổng thống Bush phải quan tâm: đó là sự sa sút tương đối của Mỹ trong bốn lãnh vực khoa học, kinh tế, chính trị và đạo đức.

Trong lãnh vực khoa học

Nếu cứ đếm số giải thưởng Nobel về các bộ môn vật lý học và hóa học do Hoa Kỳ đoạt được trong những năm gần đây, so sánh với các nước khác, người ta sẽ thấy không có cớ gì để lo ngại cho địa vị số một của Hoa Kỳ trong lãnh vực này. Tuy nhiên, phải coi chừng vì số lượng giải thưởng Nobel khoa học có thể là một tiêu chuẩn không tin được, và dẫu sao cũng chỉ là một tiêu chuẩn không chính xác và không cập nhật. Thực thế, ta không nên quên rằng giải Nobel không tưởng thưởng một công trình khoa học đang thực hiện hay vừa thực hiện, nhưng tôn vinh những thành tựu đã đạt được từ năm, mười năm về trước, hay xưa hơn nữa. Bởi vậy, chỉ căn cứ vào số giải thưởng Nobel được cấp phát để thẩm định trình độ hiện

thời của một quốc gia trong địa hạt khoa học thì cũng chẳng khác gì căn cứ vào hào quang trông thấy trên mặt đất để quyết đoán một vì sao trong vũ trụ còn đang chiếu sáng hay đã tắt rồi!

Thay vì dựa vào một tiêu chuẩn đơn thuần như số giải thưởng Nobel, người ta cần phải căn cứ trên nhiều tiêu chuẩn thiết thực hơn, như số bằng phát minh được cấp hàng năm, ngân sách nghiên cứu và phát triển (R & D) so với tổng sản lượng quốc gia, khả năng cung cấp những sản phẩm và thiết bị có nội dung kỹ thuật cao, mức độ hoạt động sưu tầm khảo cứu trong khu vực tư doanh... ngõ hầu đánh giá đứng đắn trình độ khoa học của một quốc gia. Phạm vi bài này không cho phép người viết đào sâu vấn đề này hơn nữa; vả chăng, vấn đề đã được giới đại học và báo chí Mỹ đề cập nhiều lần. Chỉ cần đưa ra kết luận là nhiều dấu hiệu cho thấy rằng *không những trong địa hạt sản xuất kỹ nghệ mà cả trong địa hạt nghiên cứu khoa học, Nhật Bản đã-hoặc-đang-vượt qua Hoa Kỳ.*

Một vài thí dụ cụ thể để minh chứng điều này:

1) Theo tài liệu của trung tâm nghiên cứu *Dataquest* được công bố hồi đầu năm nay, kỹ nghệ Nhật trong năm 1988 đã đạt được ưu thế tuyệt đối trên thế giới trong lãnh vực thành tố *bán dẫn* (semiconductors). Ai cũng biết thành tố bán dẫn chính là những viên gạch cơ bản của mọi kiến trúc điện tử, là "nguyên liệu" của ngành kỹ nghệ tiến bộ này. Theo tài liệu vừa kể, Nhật cung cấp trên 50o/o nhu cầu toàn thế giới và trong số mười công ty hàng đầu trong lãnh vực này, có đến sáu công ty Nhật, trong số đó có ba công ty dẫn đầu (NEC, Toshiba và Hitachi), còn các công ty Mỹ chỉ đứng đầu hàng thứ tư (Motorola) và thứ năm (Texas Instruments).

2) Theo tài liệu của phòng cấp bằng sáng chế Hoa Kỳ (U.S. Patent Office), số bằng phát minh do cơ quan này cấp phát cho các nhà sáng chế Nhật đã tăng lên gấp bội trong vòng mấy năm gần đây: từ 6.626 cho năm 1980 (11o/o tổng số), con số ấy đã lên tới 17.140 cho năm 1987 (trên 19o/o).

3) Công tác nghiên cứu sưu tầm khoa học được tiến hành trên đất Mỹ cũng do tiền Nhật đài thọ một phần đáng kể, dĩ nhiên với sự đợi chờ là những phát minh sau này sẽ làm lợi cho Nhật Bản. Dữ liệu thống kê cho biết: 42 công ty Nhật đóng góp cho M.I.T., 11 cho Cal Tech, 10 cho Columbia U, v.v... (Xem *The Wall Street Journal*, số ra ngày 17 tháng 11, 1988).

Những tiến bộ của công tác nghiên cứu khoa học của Nhật trong những lãnh vực tiền tiến của kỹ thuật như tính siêu dẫn (superconductivity), thông minh nhân tạo (artificial intelligence)... đã khiến cho giới chính trị và khoa học Hoa Kỳ phải e ngại. Trong năm 1988, chính Tòa Bạch Ốc đã phải lập ra một ủy ban tư vấn để nghiên cứu phương pháp làm sao cho Hoa Kỳ khỏi bị Nhật vượt xa trong lãnh vực siêu dẫn. Ủy ban này đã đi đến kết luận là các xí nghiệp Mỹ phải học thói đoàn kết, hợp quần của các công ty Nhật, thay vì cố công nghiên cứu rành rẽ để dành lấy mối lợi lớn tương lai cho riêng xí nghiệp mình thì hãy tổ hợp lại để thành lập một trung tâm nghiên cứu chung về ngành siêu dẫn, như các công ty lớn của Nhật đã làm, dưới sự thúc đẩy của Bộ Ngoại Thương và Kỹ Nghệ (M.I.T.I.).

Điều này nói ra thì dễ nhưng lại rất khó thực hiện, vì nó liên hệ mật thiết đến "triết lý" và thái độ tinh thần của doanh nhân mỗi nước.

Trong lãnh vực kinh tế

Trong lãnh vực này, sự thua sút tương đối của Hoa Kỳ còn rõ rệt hơn là trong lãnh vực sưu tầm khoa học nên thiết tưởng không cần biện giải nhiều hơn nữa. Chỉ một con số đủ làm nổi bật sự sa sút tương đối ấy: trong thập niên 1950, tổng sản lượng Hoa Kỳ vào khoảng 50o/o tổng sản lượng thế giới; trong thập niên 70, phân số ấy chỉ còn vào khoảng 25o/o. Hiện thời, tổng sản lượng Hoa Kỳ vào khoảng 21,4o/o tổng sản lượng thế giới, thua tổng số tổng sản lượng của Nhật và các quốc gia Đông Á thuộc vùng ảnh hưởng kinh tế Nhật Bản (25o/o).

Tình trạng thua sút này có nhiều nguyên nhân, mà một nguyên nhân đáng kể trong lãnh vực này cũng như bất cứ lãnh vực nào khác-- là sự *nghèo nàn sáng tạo*. Quả vậy, sinh hoạt kinh tế duy trì được là nhờ tư bản và lao động, nhưng tiến vượt bậc được là nhờ sự sáng tạo (innovation): sáng tạo trong kỹ thuật sản xuất; sáng tạo trong tổ chức quan hệ sản xuất; sáng tạo trong phương pháp làm việc; sáng tạo trong hệ thống phân phối và trong hệ thống tài trợ. Hoa Kỳ đã từng là nơi phát xuất của rất nhiều sáng tạo trong lãnh vực kinh tế, trong thời gian gần đây hầu như không còn đưa ra một sáng tạo nào nữa.

Nói rằng Hoa Kỳ không đưa ra một sáng tạo nào trong những năm gần đây cũng không đúng hẳn. Sự thật có một sáng tạo, nhưng là một *sáng tạo tai hại*, thường chiếm trang đầu của báo chí: đó là phương pháp *cưỡng thủ* (forcible takeover) một công ty đang có, bằng cách tranh mua tất cả hay phần lớn cổ phần của công ty này. Số tiền (nhiều khi khổng lồ) cần thiết để tranh mua cổ phần, một phần nhỏ do vốn riêng của người chủ xướng vụ cưỡng thủ, còn phần lớn là do ngân hàng cho vay, hoặc trực tiếp, hoặc bằng cách phát hành những trái khoán ít bảo đảm nhưng cao lãi suất, thường được mệnh danh là loại trái khoán vứt đi (junk bonds). Vì chỉ bỏ ra một số vốn tương đối nhỏ mà mua được một công ty lớn gấp nhiều lần nên phương pháp này còn được gọi là *"Thủ đắc với hiệu lực đòn bẩy"* (leveraged buyout, viết tắt là LBO).

Phương pháp LBO, con đẻ của óc "sáng tạo" của một số luật sư và cán bộ ngân hàng Mỹ, đã làm xuất hiện trong giới kinh doanh Hoa Kỳ một loại "anh hùng" mới như: Pevelman, Icahn, Kravis... nhưng nhất là đã mang lại những khoản hiện kim và những khoản hoa hồng kếch sù cho mấy văn phòng luật sư chuyên môn về cưỡng thủ và mấy ngân hàng chuyên nghiệp về "trái khoán vứt đi," chẳng hạn như Burnham, Drexel Lambert.

Có người bênh vực phương pháp thủ đắc mang nhiều tính chất "găng-s-tơ" này bằng cách biện bạch rằng LBO là liều thuốc đắng có công hiệu làm thức dậy những công ty đang ngủ yên trong huy hoàng quá khứ, loại trừ những ban quản lý hay quản trị quá thụ động và tiêu cực. Đó chỉ là ngụy biện, vì thực tế cho thấy các vụ LBO không nhằm vào những xí nghiệp trì trệ hoặc lỗ lã, nhưng nhằm vào những công ty có hiệu năng và doanh lợi cao, nhưng vì số cổ phần quá tản mác trong công chúng nên dễ bị cưỡng thủ. Kinh nghiệm còn cho thấy là sau khi thành công, các người chủ xướng LBO liền phân tán công ty vừa cưỡng thủ được để trả bớt nợ, sa thải bớt nhân viên và cắt xén ngân sách nghiên cứu phát triển của công ty để nâng cao mức lời trước mặt và trả lãi số nợ còn lại. Kết quả thường thường là: công ty bị cưỡng thủ yếu đi và mong manh hơn, nếu gặp một thoái trào kinh tế sẽ không sao tồn tại được. Với phương pháp cưỡng thủ, thay vì phát minh những sản phẩm mới, xây dựng những nhà máy mới, gây uy tín cho những nhãn hiệu mới... người ta tranh mua những gì đã có bằng những phương pháp tài trợ thiếu lành mạnh như Junk bonds, rồi hấp tấp khai thác một cách ăn xổi ở thì để thủ lợi ngay. Những tác hại kinh tế của những vụ cưỡng thủ "hoang dã" đã rõ ràng.

Sự rầm rộ của phong trào cưỡng thủ ở Hoa Kỳ trong những năm gần đây, vì vậy không phải là dấu hiệu *thịnh* mà là dấu hiệu *suy*. Các người đi cưỡng thủ-- mà ngôn ngữ bình dân gọi là "kẻ cướp" (raiders)--không định cố gắng lâu dài để xây dựng một đơn vị sản xuất mới, mà chỉ định giành một món tiền lời lớn trong một thời gian ngắn, chẳng kể đến những đổ vỡ, tổn thương, mà phương pháp tranh đoạt ấy có thể gây ra cho xí nghiệp tiêu đích hay cho nền kinh tế quốc gia.

Trong lãnh vực chính trị

Nếu về các lãnh vực sưu tầm khoa học và cải thiện kinh tế, đại đa số có thể đồng ý rằng trong cuộc chạy đua giữa các quốc gia, Hoa Kỳ mặc dầu vẫn ở hàng đầu, đã bị chậm chân so với một vài quốc gia khác, như Nhật Bản, thị trường chung Châu Âu hay những nước mới kỹ nghệ hóa ở vùng Đông Á, thì trái lại, về lãnh vực chính trị, nhiều người nghĩ rằng qua tám năm tại chức của cựu tổng thống Reagan, Hoa Kỳ đã tiến nhiều lắm.

Ý kiến này tuy không sai hẳn nhưng cần được tương-đối-hóa.

Xét từ ngày dân Mỹ gãi đầu đấm ngực than thở về "tội lỗi" can thiệp vào Việt Nam, hoặc dậm chân thở dài về nỗi bất lực trước vụ Ba Tư (Iran) bắt giam nhân viên sứ quán Mỹ, cho đến ngày Hoa Kỳ đổ bộ ở đảo Grenada, ném bom xuống thủ đô Li Bi (Lybia) và đòi được Liên Xô rút quân khỏi A Phú Hãn, tiến bộ quả đã hiển nhiên và công lao của TT Reagan không thể bị đánh giá thấp.

Một mặt khác, phải nhận thức rằng tiến bộ ấy được thực hiện trong tâm lý dân chúng Mỹ hơn là trên trường quốc tế. Người đứng ngoài quan sát chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ vẫn còn có cảm giác đứng trước một chính sách thiếu mạch lạc và thiếu bền bỉ, thường phản ứng lại các biến cố hơn là đi trước biến cố, lại hay có những màn "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" giữa Tổng Thống và Quốc Hội mà điển hình là vụ nay ủng hộ, mai bỏ rơi kháng chiến quân Contras ở Nicaragua, đánh dấu một thất bại nặng nề của chính sách Hoa Kỳ ở Trung Mỹ. Sáng kiến độc nhất của nhiệm kỳ Reagan có tầm mức chiến lược tổng quát, mệnh danh là Sáng Kiến Phòng Thủ Chiến Lược hay "chiến tranh tinh cầu," đã bị Quốc Hội cắt xén tài trợ đến mức không còn ai tin rằng chương trình ấy có thể thành hình trong tương lai gần đây.

Trong khi đó thì các tổ chức liên minh của Hoa Kỳ trên thế giới đang trở thành lỏng lẻo hơn, vì đe dọa cộng sản đã bớt hiển hiện (nhưng không phải là đã tan biến đi) do chính sách mới của Gorbachev. Những dấu hiệu đáng ngại càng ngày càng chồng chất: chính phủ Tây Đức không đồng ý với Hoa Thịnh Đốn về chương trình cải thiện vũ khí hạt nhân có tầm gần; các cuộc thăm dò công luận cho thấy dân chúng Tây Âu không còn lo sợ như xưa về viễn tượng một cuộc xâm lăng vũ trang do Liên Xô tiến hành; các quốc gia Trung Đông, kể cả A Rập Xa U Đi chống cộng cực đoan cho đến Ba Tư chống cả Mỹ lẫn Nga, đều hoan hỉ đón tiếp ngoại trưởng Nga Shevardnadze; quan trọng hơn nữa, đến tháng 5 tới đây, Bắc Kinh tiếp Gorbachev để bình thường hóa quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô. Khắp mọi nơi, Liên Xô đang ở thế chủ động và Hoa Kỳ ở thế đối phó.

Nguyên nhân chính của những diễn biến này dĩ nhiên là chính sách mới của người lãnh đạo Liên Xô, một chính sách có bề ngoài ôn hòa, cởi mở và thiện chí. Có thể nói rằng Gorbachev đã phần nào

thành công trong nỗ lực tạo cho người ta ấn tượng là Liên Xô không còn là một hội kín nữa, đảng cộng sản Liên Xô không còn là một xã hội kín nữa. Thay vì mở rộng đế quốc bằng những vụ đe dọa, khuynh đảo và can thiệp vũ trang kiểu Stalin, Kruschev hay Brejnev, cấp lãnh đạo Nga ngày nay tìm cách mở rộng đế quốc bằng ngoại giao và chính trị. Đường lối này chưa chắc ít nguy hiểm hơn cho Tây phương, so với đường lối thô bạo cũ.

Một nguyên nhân khác của sự sa sút về chính trị đối ngoại của Hoa Kỳ có thể cũng là sự *nghèo nàn sáng tạo* trong lãnh vực tư tưởng chính trị. Trong thập niên 50, trước đe dọa gây loạn và can thiệp vũ trang của Liên Xô, giới chính trị Mỹ đưa ra những quan niệm chặn đứng (containment), phòng thủ cộng đồng (collective security) và ngoại viện (foreign aid) và, trên những quan niệm ấy, đã liên kết được một phần lớn thế giới trong những tổ chức liên phòng. Nhưng những ý niệm ấy chỉ có khả năng huy động được các quốc gia khác và nhân dân khác chừng nào mà sự đe dọa của khối cộng sản do Liên Xô cầm đầu còn có tính chất thô bạo và đồng nhất. Đến lúc bản chất của sự đe dọa ấy thay đổi (làm thay đổi theo hình ảnh của Liên Xô) thì những ý niệm chặn đứng, an ninh cộng đồng... cũng mất dần tác dụng. Liên minh thế giới tự do cần có một thứ xi măng mới-- nói cho rõ hơn, những quan niệm và những quan hệ mới-- mà tư tưởng chính trị Hoa Kỳ, còn lẩn quẩn trong những vấn đề cục bộ nhất thời, chưa cống hiến kịp.

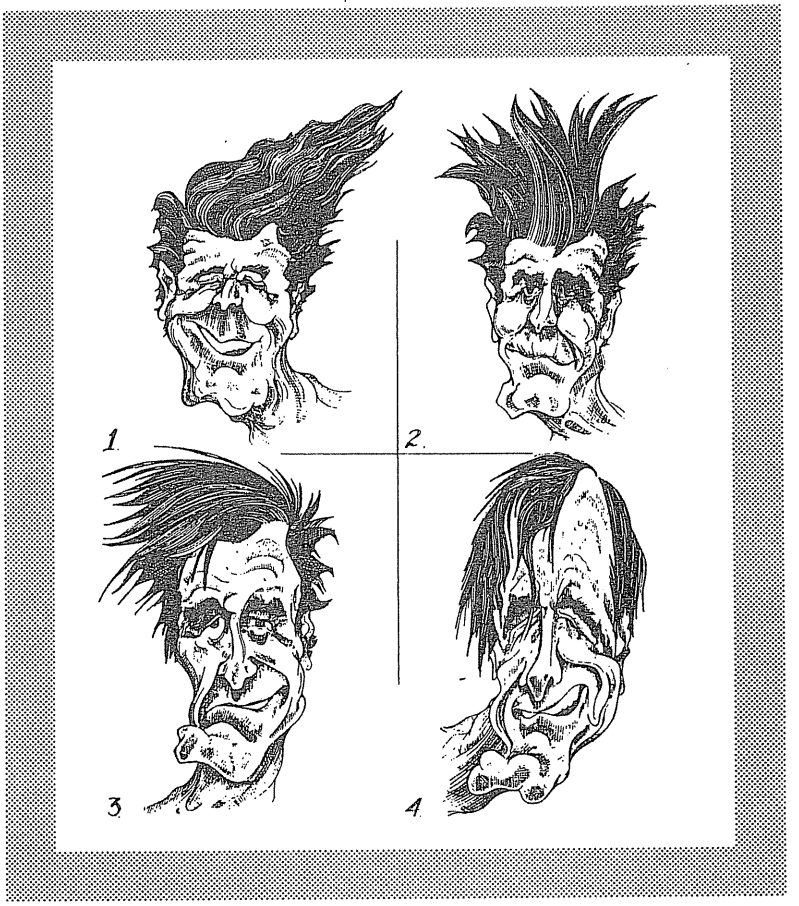

Trong lãnh vực đạo đức

Nói đến đạo đức trong thời đại này có vẻ trái mùa, nhưng thật sự là nhiều vấn đề trầm trọng của Hoa Kỳ bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng đạo đức.

Thực vậy, làm sao có thể tiền mạnh trong lãnh vực nghiên cứu khoa học nếu các khối óc minh mẫn nhất đổ xô vào những ngành hoạt động mang lại lợi tức cao: quản trị ngân hàng, quản trị xí nghiệp, chuyên khoa kế toán, cố vấn thuế vụ... để lại những phòng nghiên cứu cho những người Mỹ gốc Á Châu và Đông Âu? Làm sao xây dựng được nền kinh tế thật sự mạnh mẽ nếu ai nấy chỉ để hết tâm trí đến dòng kết số cuối năm (the bottom line), luôn luôn dưới sự thôi thúc của lòng ham muốn làm giầu mau chóng? Làm thế nào giữ bạn và thêm bạn trên thế giới nếu vì sự kêu nài của các nhóm áp lực, chính phủ Hoa Kỳ nay đe mai dọa các nước đồng minh là sẽ thi hành những biện pháp hạn chế nhập khẩu để bênh vực nông nghiệp công nghiệp quốc nội? Những vụ buôn bán quyền thế ở Hoa Thịnh Đốn, những "xì-căng-đan" ở Wall Street, những thủ đoạn gian lận ở thị trường chứng khoán Chicago... cho thấy rằng đạo đức nghề nghiệp đã quá sa sút ở Mỹ.

Tuy nhiên, vài ngọn cây không che lấp được cả khu rừng, một số chiên ghẻ không làm cho cả bầy mang bệnh. Trong quá khứ, Hoa Kỳ đã biết những giai đoạn đen tối, để rồi lại vươn lên những đỉnh cao hơn. Thật vậy, khi máy bay Nhật đánh chìm gần trọn hạm đội Mỹ ở Pearl Harbor, ai nghĩ rằng bốn năm sau đó, chiến đấu hạm Missouri sẽ vào vịnh Đông Kinh để tiếp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của Nhật? Khi cựu tổng thống Carter than thở rằng một cơn phiền muộn dai dẳng (malaise) đang day dứt dân Mỹ, ai nghĩ rằng bốn năm sau đó, hàng mấy chục ngàn khán giả hò reo lòng tin tưởng và niềm tự hào vào khả năng của dân tộc Mỹ trong vận động trường Los Angeles trong kỳ Thế Vận? Để tạo nên những đổi thay ấy, cần có người vạch ra được con đường phải đi và nhen nhúm được lòng hăng hái quả cảm của người dân để đi theo đường ấy. Đó chính là định nghĩa của *tài lãnh đạo*; đó cũng là nhiệm vụ đợi chờ tổng thống George Bush.

HL

Paris, 6-3-89

Chúng ta đang ở đâu trên đường về nước?

TRẦN THANH HIỆP

Ở vào thời kỳ ngu tối, người ta không có bất cứ một hoài nghi nào ngay cả khi đang gây ra những họa lớn. Ở vào thời của ánh sáng, người ta vẫn run sợ dù làm được những đại sự... Người ta giữ nguyên điều dở vẫn sợ điều quá tệ. Người ta giữ nguyên điều hay vẫn lo không làm được điều hay hơn. (1)

MONTESQUIEU
(Vạn Pháp Tinh Lý. Tựa)
(L'esprit des Lois. Préface)

Tương lai chính trị Việt Nam đi về đâu?

Câu hỏi quen thuộc này đã được đặt quá nhiều lần nhưng câu trả lời thỏa đáng lại quá hiếm.

Trong diễn biến lịch sử hiện đại với tốc độ ngày càng tăng, mười lăm năm quả là một khoảng thời gian đáng kể đối với một quốc gia vì nó có thể dùng làm tiêu chuẩn để đánh giá bản lĩnh của quốc gia ấy. Mười lăm năm là đoạn đường tiến thăng chính trị, kinh tế, xã hội của ba "con rồng" Tân Gia Ba, Đài Loan, Hương Cảng, là bước nhảy vọt lên hàng cường quốc của Đại Hàn. Riêng đối với Việt Nam, mười lăm năm là một đơn vị đo lường thành, bại của chính phủ "quốc gia" mà tuổi thọ không lâu quá mười năm. Chính thể "tự do" của miền Nam tuy đạt được 20 năm tuổi đời nhưng trong thực tế mấy năm sau cùng chỉ là một cơn hấp hối kéo dài. Với Việt cộng, mười lăm năm là một chu kỳ hiện đại: 45-60 (chu kỳ "dân chủ cộng hòa giả hiệu"), 60-75 (chu kỳ "xã hội chủ nghĩa hóa một nửa nước") và tại sao lại không có chu kỳ 75-90 (chu kỳ "xã hội chủ nghĩa hóa cả nước trên đà suy sụp")?

Mười bốn năm đã trôi qua kể từ khi cộng sản cưỡng chiếm miền Nam và những người chống cộng chạy ra ngoài nước mưu việc phục quốc. Họ đang ở đâu trên đường về nước thực sự nghĩa là họ có triển vọng về tới Tây Ninh, Bình Tuy, Biên Hòa, như kháng chiến quân A Phú Hãn đang xiết chặt vòng vây thủ đô Kabul hay không? Còn những người ở trong nước đã tranh thủ được một thế đứng công khai đối lập chính trị nào với chính quyền Việt cộng, như ở Ba Lan công đoàn Solidarnosc đã đạt được? Những thắng lợi cơ bản ấy, nếu chưa giành được để làm bàn đạp cho những thắng lợi chiến lược đi tới chiến thắng cuối cùng thì nay chính là lúc phải kết toán và, nếu cần, phải xét lại toàn bộ cuộc chiến đấu phục quốc đã kéo dài 14 năm qua. Đừng cho rằng việc xét lại là sự biểu hiện của thất bại mà phải coi đó là một bước tu chỉnh để trưởng thành. Rất nhiều nghi vấn phải được nêu lên để được giải đáp. Tựu trung không ngoài cố gắng để một lần nữa, trả lời câu hỏi: "tương lai chính trị Việt Nam đi về đâu?"

Lời sấm, mộng ước, huyền thoại, dự kiến?

Một trong những sở đoản của người Việt Nam là năng khiếu rất giới hạn để dự đoán tương lai. Vào giữa thế kỷ thứ 16, chỉ cần có cái nhìn địa-lý-chính-trị thông thường "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân" như Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng đủ để được kính nể như một nhà tiên tri. Lòng tin vào lời sấm đến nay vẫn còn mạnh mẽ. Từ mấy chục năm nay người ta tiếp tục trông ngóng nền "hòa bình năm Dậu." Mới đây, người ta lại rỉ tai nhau đón ngày "hồ khô, đồng cạn", ngày "Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về!" Một tương lai mơ hồ như vậy không hiện hữu ở trong thực tế mà chỉ hiện hữu ở trong tâm trạng chờ đợi.

Một thế giới tương lai khác, có vẻ rực rỡ hơn, cũng được tồn trữ trong thế giới của mộng ước, của huyền thoại. Trong thế giới này, niềm hy vọng chiến thắng của những người chiến bại, với sự hỗ trợ của óc tưởng tượng đã dựng nên hình ảnh một ngày "trở về" chói lọi vinh quang dưới ngọn cờ "tổng nổi dậy," và vì ôm ấp đã quá lâu nên chẳng ai muốn từ bỏ nó. Vả lại, đối với rất nhiều người, đó là lẽ sống, không dễ gì trút bỏ. Điều khổ tâm là mộng ước chẳng bao giờ đương nhiên biến thành sự thật. Đi sâu vào thế giới của mộng ước là bước sang lĩnh vực của huyền thoại, những sản phẩm của trí tưởng tượng tuy hư ảo nhưng tương đối thực hơn mộng ước. Vì con người, trước sự bất lực của mình, để khắc phục được ngoại cảnh, đã đẻ ra những chuyện hoang đường -- những huyền thoại -- trong đó nó tìm thấy được sự ổn định của tâm hồn, đạt được những thắng lợi -- tưởng tượng -- và trong thực tế nó đã không giành được. Huyền thoại là một cách con người tự trả thù sự bất lực của chính mình. Càng bất lực nó càng phải phải bám lấy huyền thoại bằng những huyền thuyết (mystification), nghĩa là những sắp xếp có sự can thiệp của lý trí để nhào nặn tình cảm, ước mơ, suy luận, xảo thuật thành một "sự thật" được khách quan hóa và được nuôi dưỡng bằng

những hành động vừa có tính cách tự kỷ ám thị, vừa có tính cách trình diễn, tuyên xưng.

Các nước dân chủ tây phương tiếp cư người tị nạn Việt Nam, với những kỹ thuật tân tiến về truyền thông, là những môi trường rất tốt cho việc xây đắp ta lại rỉ tai nhau đón ngày "hồ khô, đồng cạn", ngày "Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về!" Một tương lai mơ hồ như vậy không hiện hữu ở trong thực tế mà chỉ hiện hữu ở trong tâm trạng chờ đợi.

Một thế giới tương lai khác, có vẻ rực rỡ hơn, cũng được tồn trữ trong thế giới của mộng ước, của huyền thoại. Trong thế giới này, niềm hy vọng chiến thắng của những người chiến bại, với sự hỗ trợ của óc tưởng tượng đã dựng nên hình ảnh một ngày "trở về" chói lọi vinh quang dưới ngọn cờ "tổng nổi dậy," và vì ôm ấp đã quá lâu nên chẳng ai muốn từ bỏ nó. Vả lại, đối với rất nhiều người, đó là lẽ sống, không dễ gì trút bỏ. Điều khổ tâm là mộng ước chẳng bao giờ đương nhiên biến thành sự thật. Đi sâu vào thế giới của mộng ước là bước sang lĩnh vực của huyền thoại, những sản phẩm của trí tưởng tượng tuy hư ảo nhưng tương đối thực hơn mộng ước. Vì con người, trước sự bất lực của mình, để khắc phục được ngoại cảnh, đã đẻ ra những chuyện hoang đường -- những huyền thoại -- trong đó nó tìm thấy được sự ổn định của tâm hồn, đạt được những thắng lợi -- tưởng tượng -- và trong thực tế nó đã không giành được. Huyền thoại là một cách con người tự trả thù sự bất lực của chính mình. Càng bất lực nó càng phải phải bám lấy huyền thoại bằng những huyền thuyết (mystification), nghĩa là những sắp xếp có sự can thiệp của lý trí để nhào nặn tình cảm, ước mơ, suy luận, xảo thuật thành một "sự thật" được khách quan hóa và được nuôi dưỡng bằng những hành động vừa có tính cách tự kỷ ám thị, vừa có tính cách trình diễn, tuyên xưng.

Các nước dân chủ tây phương tiếp cư người tị nạn Việt Nam, với những kỹ thuật tân tiến về truyền thông, là những môi trường rất tốt cho việc xây đắp huyền thuyết. Và chống cộng Việt Nam, sau 14 năm thử thách, tuy vẫn giữ được nguồn sinh lực cố hữu của nó nhưng cũng đã phơi bầy nhiều triệu chứng huyền thuyết. Muốn ra khỏi tình trạng dẫm chân tại chỗ, đôi khi rất thú vị cho một số người, chống Cộng Việt Nam phải chế ngự được xu hướng huyền thuyết để tăng cường sinh lực chiến đấu, tiến thẳng về phía kẻ địch mà lâm trận giao tranh thay vì lùi về cố thủ những pháo đài của huyền thoại.

Đó là nội dung của việc xét lại, tự nhiên phải có, để tạo điều kiện cho tiến bộ. Công việc đó, trong thực chất, là một nỗ lực về mặt tư tưởng để rũ bỏ được những thành kiến sai lầm về tranh đấu, đổi mới được những khái niệm đã lỗi thời về các vấn đề của đất nước, của thế giới, thích ứng được với những biến đổi của môi trường đấu tranh. Trước hết, nó là một cách nhìn mới về các vấn đề, nói theo thuật ngữ mới, nó là một "dự kiến" (problematique) nghĩa là một cái nhìn toàn bộ, khách quan về tương lai chính trị Việt Nam, một cái nhìn không cục bộ và không bị che lấp bởi những mơ ước chủ quan. Để thực hiện dự kiến ấy, cần nêu lên một số điểm để những kết luận sẽ là cơ sở "siêu chiến lược" (métastratégie) dẫn tới "chiến lược" (stratégie), "chiến thuật" (tactique) cho hành động. Xin tạm kê ra đây mấy tiền đề:

1) Bản án của thực tế: lực lượng chống Cộng Việt Nam quân sự cũng như chính trị quả yếu kém trước cộng sản, so với lực lượng chống Cộng Đại Hàn, A Phú Hãn, Angola, Ethiopia, Nicaragua, Cam Pu Chia. Vì vậy mà chống cộng Việt Nam trong hiện tình không có lợi thế chiến lược để chuyển bại thành thắng.

2) Các cường quốc cộng sản và tư bản đang bước vào một giai đoạn hòa dịu tích cực buộc các nước phải sống chung trong một trật tự hòa bình mới. Chiến tranh lạnh, chiến tranh dân tộc giải phóng, chiến tranh tự do, đang được chấm dứt bằng thương lượng và thỏa hiệp. Tình trạng hòa dịu này sẽ còn kéo dài ít ra là vài thập niên.

3) Sự khẳng định rằng chuyên chính vô sản là một chế độ vĩnh cửu nay đã trở thành một huyền thuyết. Chế độ này có thể bị lật đổ bằng vũ lực cũng như có thể bị thay đổi bằng đấu tranh chính trị.

4) Đối với người Việt Nam, xét lại đường lối đấu tranh chống Cộng là một đòi hỏi cấp bách để ra khỏi bế tắc hiện nay. Không thể tiếp tục gắn liền cuộc tranh đấu chống Cộng Việt Nam với ngoại viện của Trung Quốc, của Nhật, của Pháp hay của Mỹ. Chống cộng Việt Nam không thể kéo dài thêm nữa thân phận người "bà con nghèo" của thế giới tự do. Đường lối đấu tranh bằng võ lực dù được duy trì cũng vẫn phải đặt vấn đề đấu tranh chính trị. Sau hết phải xác định lại nội dung của đấu tranh chống Cộng, kết hợp chặt chẽ hai mục tiêu căn bản đánh đổ độc tài chuyên chính và thực tế phục vụ đời sống của dân chúng để tránh mọi xu hướng cực đoan không thích hợp với môi trường hòa dịu quốc tế hiện nay.

Dĩ nhiên những tiền đồ này chỉ có tính cách chỉ hướng. Những kết luận mới là nền tảng cho lý thuyết tranh đấu.

Thế giới đã thay đổi và đang thay đổi

Một số thay đổi, của môi trường tranh đấu hiện nay, có hiệu lực quyết định đối với sự thành bại của cuộc tranh đấu

chống Cộng. Sự khảo sát dưới đây sẽ giới hạn vào phạm vi chống Cộng.

Sự thay đổi to lớn nhất, cơ bản nhất, có lẽ là sự thắng thế của văn hóa chủ lượng (culture quantitative) trước văn hóa chủ phẩm (culture qualitative). Sự thay đổi này không phải đã được thực hiện một sớm một chiều mà là cả một quá trình biến đổi đã kéo dài từ lâu. Vì từ lâu con người đã thay đổi tâm tình, nó đã rời bỏ thế giới siêu hình để bước vào thế giới khoa học. Nhưng phải đợi tới hậu bán thế kỷ thứ 20 sự biến đổi ấy mới hiện rõ vì khoa học đã được đem ra áp dụng một cách kỳ diệu. Nếu khoa học đã đẻ ra những xã hội "kỹ nghệ" thì sự ứng dụng của khoa học hay (nói theo tiếng chuyên môn) "thao tác" (technologie) đã đẻ ra những xã hội "hậu kỹ nghệ." Đặc điểm của những xã hội này là con người sống trong đó không dựa vào một số nguyên tắc căn bản được coi như chân lý tuyệt đối (đạo lý, tôn giáo, ý hệ) để suy diễn ra hành động và dựa vào các dữ kiện nó thâu thập để tìm ra chân lý. Đó là bước tiến từ "phẩm" sang "lượng." Tất nhiên là con người "hậu kỹ nghệ" đã phải nhờ đến máy điện toán để tăng cường các quan năng của mình hầu thâu thập cho thật đầy đủ dữ kiện và có đủ khả năng suy luận để vận dụng những dữ kiện ấy. Con người đã được gắn liền với máy và với những thế hệ ra đời trong xã hội "hậu kỹ nghệ," con người không thể tách rời máy.

Trên địa hạt chính trị, văn hóa "chủ lượng," với "thao tác" như một vũ khí tuyệt đối, đối nội đưa tới sự chuyển dịch quyền lực từ lãnh tụ, nhân sĩ sang "cơ cấu kỹ thuật gia" (technostructure), đối ngoại đem lại ưu thế ngoại giao. Chính vì đưa được "thao tác" vào hai lãnh vực quốc phòng và quản trị quốc gia nên Mỹ mới ép buộc được Nga tái thương thuyết toàn bộ việc phân chia ảnh hưởng trên toàn thế giới và tạo nên cuộc hòa dịu hiện nay. Cộng sản hòa hoãn là để có thời gian ra khỏi tình trạng chậm tiến về "thao tác."

Do đó, những thay đổi tại các nước cộng sản không phải chỉ là những "bước lùi biện chứng" như người ta thường thấy hồi tiền bán thế kỷ này. Đây là sự thay đổi từ tâm tính cho đến cơ cấu, định chế. Liệu sau một vài thập niên sống dưới sự chi phối của văn hóa "chủ lượng," những người cộng sản có còn muốn trở lại với "xã hội Xô Viết" của họ nữa hay không, đó là một ẩn số mà tương lai sẽ tìm ra."

Cuộc thi đua hòa bình giữa hai phe cộng sản và tư bản mà Nga huyên hoang cách đây hơn hai thập niên hiện đã tạm thời kết thúc khi cả Nga lẫn Trung Cộng đều mặc nhiên nhìn nhận rằng chế độ cộng sản không thể có tính "hơn hẳn." Ba Lan, Hung đang theo gót Nga và Trung Cộng. Liệu Tiệp, Bắc Hàn, Đông Đức, Lỗ Ma Ni, Albanie còn cưỡng lại được bao lâu nữa?

Dưới ánh sáng đó, ta có thể đánh giá đúng những sửa đổi hiện nay của chế độ Việt Cộng mà thực chất là một xã hội "chủ phẩm" rất lạc hậu lại không có sức đẩy bằng nhân sự, hạ tầng cơ sở kỹ thuật và nhất là không có "thao tác" để cất cánh. Nếu không có những yếu tố "ngoại sinh" (exogène) thì nhất định không thể có được tiến bộ. Vậy Việt cộng sẽ tìm ở đâu những yếu tố đó? Họ sẽ đổi mới tư duy, nghĩa là từ bỏ ý hệ cộng sản hay họ sẽ chỉ mượn "vốn" ở bên ngoài, mượn "thao tác" của bên ngoài và bắt tay với một lực lượng chính trị ở bên ngoài chịu làm công cụ cho họ?

Những người chống Cộng Việt Nam tuy không lâm vào tình trạng lạc hậu về mặt "chủ lượng" như Việt Cộng vì họ có được hơn 30 năm tiếp xúc với văn hóa "chủ lượng" nhưng nói chung cùng bị sự chậm tiến của Việt Cộng cầm giữ trong một tình trạng bế tắc như Việt cộng. Cuộc giao tranh với Việt Cộng đã làm cho họ phải sử dụng những võ khí ngang tầm với vũ khí của Việt Cộng để chiến thắng Việt Cộng, từ chiến lược cho đến chiến thuật qua thủ đoạn phương tiện biện minh cho cứu cánh".

Trước tình hình mới, những người chống Cộng Việt Nam phải mau lẹ lớn hơn Việt Cộng, phải có, trước hết và trên hết, sự trưởng thành về "văn hóa chủ lượng" để chọn một thế đánh chuyển bại thành thắng, khuất phục Việt Cộng. Phải thực sự vượt lên trên Việt Cộng như Sơn Tinh vượt Thủy Tinh. Một sự lớn mạnh như vậy chỉ có thể khởi đầu từ một giác ngộ về văn hóa để từ văn hóa bước sang hành động.

Nhưng trở ngại lớn nhất của bước tiến văn hóa ấy không do kẻ địch mà do chính mình. Montesquieu, người đã có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc cách mạng 1789 của Pháp đã viết trong bài tựa cuốn Vạn Pháp Tinh Lý của ông rằng: "Tôi sẽ là người sung sướng nhất trần gian nếu tôi có thể làm cho mọi người trút bỏ được các thành kiến của mình. Khi nói thành kiến tôi không ám chỉ điều đã làm cho người ta không biết được một số sự việc mà là điều đã làm cho người ta không biết được chính mình" (2). Tương lai chính trị Việt Nam nằm trong cách trả lời cuộc thử thách văn hóa đó.

TRẦN THANH HIỆP

(1) Dans un temps d'ignorance, on n'a aucun doute, même lorsqu'on fait les plus grands maux; dans un temps de lumière, on tremble encore lorsqu'on fait les plus grands biens... On laisse le mal si l'on craint le pire; on laisse le bien si l'on est en doute du mieux...

(2) Je me croirais le plus heureux des mortels, si je pouvais faire que les hommes puissent se guérir de leurs préjugés. J'appelle ici préjugés non pas ce qui fait qu'on ignore de certaines choses, mais ce qui fait qu'on s'ignore soi-même.

CHUYỆN TỪ SAIGON

RUTH TALOVICH
(Lê Đình Điểu dịch
và giới thiệu)

CHUYỆN TỪ SAIGON, CHƯƠNG 22
Phiếu ghi gửi Clio (1)

Khi tôi tới Saigon tôi chẳng biết nhiều về Việt Nam. Tôi biết Việt Nam là một trong những dân tộc mà chúng ta đề cập trong bản tuyên ngôn huy hoàng của chúng ta gửi tới toàn cầu, "Quyền Dân Tộc Tự Quyết." Tôi còn trẻ và lý tưởng, sản phẩm của thế hệ mẹ cha đầy lý tưởng, và tuyên ngôn kia rực cháy trong tim tôi suốt thời Thế Chiến II.

Tôi biết rằng khi dân tộc Việt Nam khởi sự cuộc giành quyền tự quyết của mình, Việt Nam có nhờ chúng ta giúp sức. Chúng ta không giúp vì nước Pháp là một đồng minh của chúng ta trong Thế Chiến II, và cuộc Chiến Tranh Lạnh bắt đầu; Mỹ đã từ chối không giúp bất cứ một thuộc địa nào của các đồng minh trong Thế Chiến II. Đó là lúc chúng ta bắt đầu dính líu tới Việt Nam và Thế Giới Thứ Ba -- lúc chúng ta từ chối giúp đỡ những dân tộc thuộc địa theo gót chúng ta làm cách mạng.

Khi chúng ta từ chối giúp Việt Nam, Hồ Chí Minh quay qua Nga, chứ không phải Tàu. "Lần chót quân Tàu tới, họ đã ở lại 1,000 năm."

Sau khi giành lại độc lập, dân tộc Việt Nam không muốn sống dưới ách cộng sản. Căn cứ theo Hiệp Định Geneva năm 1954, Việt Nam trở thành hai quốc gia. Những mũi tấn công xâm lược chĩa từ Hà Nội xuống phía Nam, và từ đường mòn Hồ Chí Minh về phía đông, chứ không theo hướng bắc hay hướng tây. Đó không hề là một cuộc nội chiến; đó là tự vệ chống xâm lăng; tối thiểu tôi cũng đã nhìn thấy điều đó trên bản đồ.

Sau Thế Chiến II, tôi là người nội trợ, suốt hơn hai chục năm chỉ thỉnh thoảng mới ra khỏi nhà. Tôi thích làm nội trợ và làm mẹ.

Trong tình hình đó, tôi đến Saigon năm 1970. Tôi tìm hiểu về Việt Nam ở ngay Việt Nam như những câu chuyện tôi kể cho thấy. Tôi tìm hiểu từ việc cư ngụ ngay nơi phường khóm, từ việc đi vào tiệm phở, quán cà phê, trên xe tải, trên vỉa hè, trong công việc, và với người dân. Mặc dầu tôi là một ngoại kiều và quen biết nhiều ngoại kiều khác, tôi cũng quen biết nhiều người Việt Nam, trong tình bạn bè hoặc cương vị đồng nghiệp. Nói chuyện với nhau trở thành một điều thích thú đối với chúng tôi, như đồng tiền của đời sống mà chúng tôi tự do trao đổi.

Một người bạn bảo, "Chúng tôi đặt tin tưởng nơi tuyên ngôn về Quyền Tự Quyết Dân Tộc (mà người Mỹ đưa ra), nhưng chúng tôi nghiệm ra rằng tuyên ngôn đó chỉ nhằm hỗ trợ cho nước Mỹ trong Thế Chiến II và tạo quyền lực cho nước Mỹ thôi."

Các bạn đã giải thích cho tôi hiểu kế hoạch của Hà Nội trong cuộc chiến tranh, có ba giai đoạn. Giai đoạn I là giai đoạn Việt Cộng, và Việt Cộng không hề là những người địa phương. Phần lớn họ là cán bộ Bắc Việt, gần 80% là bộ đội chính quy miền Bắc, vào thời điểm tôi có mặt ở Việt Nam. Bọn họ là những tên khủng bố không hơn không kém, được bố trí và nhận lệnh chiếm đất, giành dân, khống chế làng xã, phá vỡ nền độc lập truyền thống của làng xã và cưỡng bách dân làng phải trung thành với Hà Nội.

Từ lâu Việt Nam đã có câu, "Phép vua thua lệ làng." Những "lệ làng" này đã bảo vệ được nền tự trị cho làng xã Việt Nam trong lúc bị cai trị bởi người Tàu, bởi Hoàng đế Việt Nam, bởi người Pháp -- một nền tự trị đã lưu truyền từ muôn đời trước.

Từ muôn đời trước, làng xã vẫn phải đóng thuế cho những nhà cai trị đầy quyền lực ở bên ngoài làng xã, nhưng chính các tôn trưởng trong làng nắm quyền điều khiển. Các tôn trưởng đó hòa giải những bất đồng cá nhân, giải quyết những vấn đề của cộng đồng địa phương, nhờ đó người dân được tự do trong làng xã của họ, sống hòa nhịp với mảnh đất họ cày bừa, tạo thành nguồn gốc và sức mạnh của những tập quán Việt Nam.

Hà Nội muốn việc làng phải

Ruth Talovich tự tạo một "giang sơn" riêng -- một góc làm việc đầy tranh, ảnh, hoa lá, kỷ vật -- trong phòng Biên Tập nhật báo *Người Việt*, nơi bà trải qua tám tiếng một ngày trong vai trò biên nhuận viên trang Anh ngữ.

Tựa cuốn 'Stories from Saigon' (Những chuyện từ Saigon)
của RUTH TALOVICH

Những chuyện kể từ Saigon này là lịch sử nhìn theo mắt tôi. Đây là những ghi dấu của người và việc, không phải tiểu thuyết.

Những câu chuyện bắt đầu lúc tôi đến đó và chấm dứt lúc tôi rời khỏi đó. Những câu chuyện được kết cấu như một bức tranh -- những mảng đen tối không tụ lại một điểm, mà rải rác đó đây đúng chỗ. Tôi cũng giải thích đôi điều về đời sống thường nhật ở Việt Nam -- cách giao ước, hệ thống kinh tế, và những vấn đề có thực khác mà bạn cần phải biết.

Tôi ở Phú Nhuận, gần sân bay Tân Sơn Nhất, một khu ngoại ô của Saigon, trong suốt thời gian tôi ở Việt Nam. Trong hai năm đầu, tôi làm việc cho một nhà thầu Mỹ, ăn lương Mỹ (đô la). Sau khi hãng thầu đó rời Việt Nam, tôi làm ngay trong Saigon, mới đầu trên đường Tự Do, sau trên Bến Bạch Đằng. Những việc sau này thuộc loại "địa phương," ăn lương Việt Nam.

Hầu hết những người Mỹ tôi quen đều không dính dáng gì đến phái bộ Mỹ, nghĩa là, chúng tôi không làm việc cho chính phủ Mỹ. Chúng tôi sống ở khu gia cư địa phương, chứ không ở trong những vòng đai Mỹ kiên cố, và rõ ràng chúng tôi là người ngoại quốc, ngay cả khi MACV bảo lãnh chiếu khán cho chúng tôi. Dĩ nhiên Sở Di Trú Việt Nam Cộng Hòa cũng cho chúng tôi biết rằng chúng tôi là ngoại kiều khi chúng tôi vượt ra khỏi vòng đai bảo vệ Mỹ.

Trái lại, lính Mỹ, viên chức Mỹ và báo chí Mỹ thường không cư ngụ ở những khu gia cư (Việt Nam), dù rất có thể họ đã bắn vô, đi thăm, hoặc phỏng vấn, ở những khu đó. Lính Mỹ, viên chức Mỹ và báo chí Mỹ thường sống trong những căn cứ Mỹ, những biệt khu dành riêng cho Mỹ, những biệt thự có người gác ở những khu phố "sang trọng," hoặc ở những khách sạn quốc tế -- những nơi an ninh tối đa mà người Việt Nam vào đó trở thành những người ngoại quốc.

Những người Mỹ nói trên viết về chiến tranh Việt Nam ở vị trí chính thống, còn chúng tôi là ngoại sử.

Theo tôi, cho đến hôm nay chúng tôi vẫn còn là ngoại sử, vì (cuộc chiến) Việt Nam theo các hệ thống truyền thông và phim ảnh Mỹ vẫn là "ấn bản có giấy phép," một bối cảnh tiêu chuẩn hóa trên đó tuổi trẻ Mỹ chiến đấu và tử vong. Trong đời sống thực, Việt Nam máu lửa không được định chuẩn, và chẳng giống cũng như chẳng đóng vai một bối cảnh cho quân đội (Mỹ) chúng ta, bởi vì 24,000,000 người Việt Nam sống ở đó, dân của vùng đất chiến tranh.

Cuộc chiến chảy tràn vào và đổ ào ra khỏi ruộng vườn của họ, phường khóm của họ, nhưng Việt Nam vẫn là quê hương đất nước của họ. Khi đó Việt Nam cũng là quê hương của tôi, quê hương của những người tôi nói tới trong những câu chuyện, và tôi hy vọng bạn cũng sẽ cảm thấy thân quen trong "Chuyện Từ Saigon."

được kiểm soát bởi cộng sản, bởi Hà Nội, và những tập tục lâu đời của Việt Nam phải phá bỏ. Trong giai đoạn I, Việt Cộng đã tàn sát cả chục ngàn tôn trưởng của làng xã trong một chương trình quy mô nhằm phá vỡ hệ thống làng xã. Tôi nhớ có lần họ đã xử tử một ông cụ, treo ngược ông cụ như một con thịt, xẻ bụng cho ruột lòi ra, để làm một "bài học chính trị" cho ngôi làng chống đối. Rồi sau đó, để nhấn mạnh ý nghĩa của bài học, họ giết luôn cả gia đình ông cụ.

Giai đoạn II dự trù là một chiến dịch quân sự qui ước rộng lớn. Nó tiếp theo giai đoạn I, khi Hà Nội đã nắm ưu thế trong cuộc chiến-- khi Hà Nội đã đạt được sự phục tùng của làng xã và cả dân thành thị. Khi lệnh phát động giai đoạn II tung ra, Hà Nội dự trù rằng toàn dân Việt Nam Cộng Hòa đứng dậy hỗ trợ Hà Nội, tiếp tay với Việt Cộng và quân Bắc Việt đánh tan quân Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh.

Hà Nội cho rằng họ đã nắm được sự kiểm soát dân chúng nên đã tung ra những cuộc tấn công rộng lớn vào dịp Tết (Mậu Thân) 1968. Hà Nội đã gặp sự chống cự không những của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh, mà còn sai lầm trầm trọng trong việc đánh giá ý nguyện người dân Việt Nam Cộng Hòa. Những người dân này ghê sợ chế độ Hà Nội, ghê sợ việc gia đình họ bị Hà Nội sát hại. Họ chống lại những khủng bố của Hà Nội.

Dân miền Nam không sát cánh với Hà Nội và Hà Nội đã thua trận chiến quân sự Tết 1968 -- một sử kiện mà nước Mỹ không chịu ghi nhận. Tại sao? Vì Hà Nội không công bố một đầu hàng vô điều kiện. Lối suy nghĩ của Mỹ cứ đòi hỏi những cuộc đầu hàng vô điều kiện.

Nếu Hà Nội biết đầu hàng vô điều kiện năm 1968, nước Việt Nam ngày nay đã có thể trở thành một quốc gia đầy dẫy những cơ xưởng mới toanh như ở Nhật, ở Đức, và mỗi gia đình người Mỹ đã có ít nhất một cặp voi sứ trong nhà (LND: đồ gốm sản xuất ở Bình Dương, dùng để trang trí nội thất, rất được người Mỹ ưa chuộng). Thực tế, Hà Nội vẫn tiếp tục nấp sau bụi rậm mà bắn vào chúng ta, và chúng ta đã từng không tin vào loại người đó, kể từ khi chúng ta học được mốn đó của những người Mỹ thời lập quốc, và đã quất sụm đám Redcoats (quân đội Anh) khi bọn chúng dàn quân ra chiến trường -- đám Redcoats và bọn tương cận. Cuộc chiến lại trở về với hình thái khủng bố của giai đoạn I.

Có một điều khác biệt sau cuộc thất bại của Hà Nội dịp Tết 1968: người Việt Nam không còn có ảo tưởng Hà Nội kiểm soát được đất và dân. Mà mọi người đều thấy Việt Cộng là một mối nguy. Việt Cộng có những khoảng đất mà họ thu thuế như những đế quốc vẫn làm. Họ tiếp tục gây thương vong, nhưng Hà Nội đã không kiểm soát, và không thể kiểm soát được, dân miền Nam. Dân Việt Nam đã nếm khá kỹ mùi vị tự do.

Thời biểu cho giai đoạn II của Hà Nội bị khựng lại mất bốn năm vì vụ Tết 1968. Phải đến 1972 Hà Nội mới dựng nổi một cuộc tấn công quan trọng. Những chiến dịch năm 1972 không thể phát động nếu chúng ta (Mỹ) không cho thấy là chúng ta sắp bỏ rơi Saigon -- đồng minh của chúng ta -- và chúng ta kéo theo các đồng minh khác của Việt Nam Cộng Hòa nữa.

Năm 1972, gánh nặng của cuộc ác chiến rơi lên vai quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và giai đoạn II (của Hà Nội) lại một lần nữa thất bại.

Trong và sau Lệnh Ngưng Bắn, Mỹ đã hồn nhiên một cách thê thảm trong việc giám sát cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa tuân thủ mọi điều khoản ký kết ở Paris. Hà Nội cướp đất, giành dân. Vi phạm Hiệp ước, Hà Nội vẫn nhận được viện trợ ồ ạt từ Nga Sô, trong khi chúng ta cầm chân Saigon. Chúng ta trói chặt VNCH vào Hiệp ước Paris. Chúng ta kiềm chế các tay lãnh đạo mà chúng ta kiểm soát được, trong khi không tán trợ những lãnh tụ của miền Nam mà chúng ta không kiểm soát được.

Chúng ta định nghĩa tự do như một từ ngữ bao quát khởi đi từ ý nghĩ và hành động thong dong và cởi mở của mỗi cá nhân; chúng ta coi việc chính quyền (do dân bầu) của chúng ta là chuyện đương nhiên. Nước Việt Nam cổ truyền lại định nghĩa tự do như có quyền tự quản, bắt đầu từ làng xã. Tự do cá nhân vẫn có trong mỗi con người, trong cơ cấu của truyền thống.

Khi Việt Nam lật đổ được ách thống trị của ngoại bang, Tàu trước Tây sau, Việt Nam coi tự do như có được chính quyền của mình, như không bị đô hộ bởi thế lực ngoại nhân.

Tiếp xúc với Mỹ, người Việt nới rộng quan niệm về tự do tư tưởng và tự do hành động. Trớ trêu một điều là khi quyền lực của chúng ta chi phối Saigon lên tới mức giống như của người Pháp, thì người Việt phải quan niệm tự do như một cuộc cách mạng -- cách mạng mà chúng ta từ chối xuất cảng cho họ từ sau Thế Chiến II.

Mặc dầu tình thế sôi sục ở miền Nam, Hà Nội vẫn phải mất bẩy năm kể từ Tết 1968 để mở máy cho chiến dịch 1975 đi tới thành công và có nhiều khác biệt quan trọng giữa 1968 và 1975. Năm 1975, Hà Nội hưởng nhiều thuận lợi như: viện trợ quân sự dồi dào của Nga, sự vắng mặt của Mỹ, sự vắng mặt của các đồng minh mà Mỹ kéo đi theo, và sự từ chối quân viện Mỹ cho Việt Nam Cộng Hòa.

Cuộc chiến tranh không bao giờ là cuộc chiến giữa Saigon và Hà Nội. Đó là Saigon chống tất cả những gì mà Nga Sô qua tay Hà Nội thảy vô Việt Nam.

Năm 1975, những cuộc tấn công tàn nhẫn và ngoan cố của tướng Dũng chỉ đụng phải cuộc phòng ngự hỗn độn mâu thuẫn và vô hiệu của Saigon. Chỉ huy cao cấp ra lệnh cho quân đội

RUTH TALOVICH, MỘT TIẾNG NÓI KHÁC

Ruth Talovich, ở Saigon, 1973

Lần đầu tôi gặp Ruth Talovich, ở Saigon, nơi nhà vợ chồng Đỗ Quý Toàn, cách nay đã 17 năm.

Bây giờ gặp lại tôi có cảm tưởng bà không thay đổi. Hồi đó tóc bà đã bạc, và dáng người mảnh khảnh nhưng nhanh nhẹn, không giúp tôi đoán được tuổi bà.

Cuối năm 1988, sau khi bà từ Hawaii về Orange County, cộng tác với báo *Người Việt* được hơn một tháng, Đỗ Ngọc Yến tổ chức một tiệc sinh nhật bất ngờ cho bà; tôi giật mình khi nghe Yến nói "mừng sinh nhật thứ 70 của Ruth."

Ở tuổi "thất thập" mà sao bà trẻ trung trong đối đãi, trong sinh hoạt và trong suy nghĩ, đến thế.

Tốt nghiệp MA, đại học Iowa năm 1940, Ruth Talovich tự học vẽ và dạy vẽ nhiều năm trước khi làm công chức (Bộ Quốc Phòng) và phóng viên báo chí thời kỳ Thế Chiến II.

Bà sang Việt Nam năm 1970, làm việc cho một công ty Mỹ ít lâu, sau cộng tác với một số bạn người Việt Nam mở một công ty dịch vụ quảng cáo ở Saigon.

Ruth Talovich vừa viết xong một cuốn sách, thuộc loại hồi ký, nhan đề "Những Chuyện Từ Saigon" (Stories from Saigon), trong đó bà kể lại những chuyện bình thường nhưng có thật, của những con người bình thường nhưng có thật, qua đó người đọc sẽ nhìn thấy một Việt Nam không giống như nhiều người khác đã mô tả.

Ruth tâm sự với tôi rằng bà gặp khó khăn trong việc xuất bản cuốn "Stories from Saigon." Dường như những điều bà nói ra trong đó không "lọt tai" người Mỹ ở đây, hôm nay. Họ quen nghe Stanley Karnow, Oliver Stone, Nayan Chanda, David Chanoff, David DeVoss... Họ muốn hình ảnh "kẻ thù cũ" của họ phải ở một tầm cao hơn thực tế, để tự ái của họ được vuốt ve.

Ruth nói: "Tôi sẽ tự xuất bản cuốn sách này." Bà muốn có một tiếng nói khác cho lịch sử chiến tranh Việt Nam.

Mẹ của ba người con trưởng thành, thấm nhuần phong cách suy nghĩ và hành động dân chủ kiểu Mỹ, Ruth Talovich có 70 năm của thế kỷ 20 sống và suy tưởng, viết cuốn sách đầu tiên trong đời, lại dành tất cả cho một đất nước, một dân tộc xa vời -- Việt Nam.

Chia sẻ quan điểm của Ruth Talovich hay không, cũng nên đọc "Những Chuyện Từ Saigon," để nghe một tiếng nói khác.

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

chỗ này chỗ kia trong lúc quân thù đã tiến tới sát Saigon. Khi tổng thống bay mất, ông ta để lại đằng sau sự hỗn loạn với sự đổi ngôi ở Saigon đối diện với một tướng Dũng -- người không chạy trốn.

Giai đoạn III được dự trù có khủng bố trong thành thị, quét sạch quân ngoại nhập. Điều này không cần thiết nữa. Quân ngoại nhập đã cao bay xa chạy từ lâu.

Một người bạn nói, "Nếu chúng tôi là người Âu có lẽ bạn đã không bỏ rơi chúng tôi."

Khi bạn nghĩ đến tin tức ngày hôm nay, hãy nhớ rằng chúng ta rời bỏ Việt Nam năm 1973 và tuyên bố hòa bình cho toàn thế giới. Thế Giới Thứ Ba và các nhà lãnh đạo của Thế Giới đó nhìn vào chúng ta, lắng nghe chúng ta, cũng như họ đã nhìn và nghe chúng ta chối bỏ quyền lãnh đạo của họ đưa đất nước họ đến tự do sau Thế Chiến II.

Từ 1975, chúng ta lại hô hào mở cửa, chúng ta lại lao vào nhiều cuộc phiêu lưu nhân danh hai chữ tự do, như thể lịch sử đã quên rằng chúng ta đã gạt tay Saigon ra khỏi cây thang mà họ trèo lên phía sau chúng ta, như thể những lãnh tụ của Thế Giới Thứ Ba đã quên, như thể Thế Giới Thứ Ba đã quên. Ai còn tin ta bây giờ?

Hãy nhớ câu nói nổi tiếng của Krushchev, "Ta sẽ chôn các ngươi." (We'll bury you). Động từ "bury" trong tiếng Nga mà ông ta dùng có nghĩa là "chôn," nhưng cũng có nghĩa là "sống còn, tồn tại." Hà Nội đã chiến đấu 21 năm để chiếm Saigon, và Hà Nội vẫn đang chiến đấu. Chủ nghĩa Cộng sản vẫn nhắm đạt một mẻ lưới lớn, dù kéo dài 10, 20, 50, 100 năm -- hay lâu hơn nữa.

Trong Thế Chiến II, tôi có hỏi một đại tá Mỹ đã từng được tuyên dương tài chỉ huy cả quân Mỹ và quân Anh trong những trận đánh dữ dội ở vùng núi Ý Đại Lợi, "Lính Mỹ và lính Anh, lính nào giỏi nhất?" Đại tá đó nói, "Không thể nói "nhất'

"Dân miền Nam không sát cánh với Hà Nội và Hà Nội đá thua trận (Mậu Thân) 1968 -- một sử kiện mà nước Mỹ không chịu ghi nhận. Tại sao?"

được. Còn tùy theo nhiệm vụ nào tôi được giao. Nếu tôi phải chiếm đất tôi thích lính Mỹ. Nếu tôi được lệnh giữ đất, tôi thích lính Anh."

(Người Mỹ) chúng ta là dân nóng ruột, hăng say nhưng chóng chán. Chúng ta là lực sĩ nước rút, là nhà thám hiểm, là nhà khai phá. Chúng ta có sức khỏe và quyền lực và đó là sở trường của chúng ta, nhưng chúng ta không có dịp thực tập sự chịu đựng như những dân tộc cổ đại đã phải trải qua.

Tự do không đứng yên một chỗ chờ bạn đến chiếm lĩnh. Nó chuyển động trong lịch sử như một ngọn lửa biến hiện không ngừng, và ngay từ thuở khai thiên lập địa, tự do đã phải đổi bằng máu. Trong hai thập niên 1960 và 1970, cuộc chiến đấu cho tự do của nhân loại không tập chú vào Valley Forge, không ở bờ biển Normandie, không ở Đại Hàn, mà ở Việt Nam.

Tôi tạ ơn đời đã đưa tôi đến Saigon, nơi những biến cố hàng ngày làm chứng cho cuộc chiến, làm chứng cho đam mê dành cho tự do trong con tim Việt Nam. Tôi tạ ơn vì đã thấy lá cờ sao sọc mà người Việt gọi là "Hoa Kỳ" (cờ hoa), và pho tượng Nữ Thần Tự Do với ngọn lửa đã là biểu tượng như thế nào đối với những con người bị đè nén, và chúng ta -- bạn của họ -- có ý nghĩa gì trong vai trò biểu tượng cũng như vai trò bằng hữu.

Chúng ta, những đội quân đồng minh (của VNCH) không thua cuộc chiến vì tự do của Việt Nam Cộng Hòa, và nếu binh sĩ của chúng ta không hiểu tại sao họ chiến đấu, thì Việt Nam -- cả Bắc lẫn Nam -- đều biết rằng họ là những người đi đầu trong cuộc chiến triền miên tranh đấu cho tự do của con người khi cuộc chiến đó bùng lên trong những năm tháng đó, ở nơi đó.

Các đội quân đồng minh không bị đánh bại trong cuộc chiến đó. Lực lượng Mỹ không bị đẩy lui khỏi trận địa Việt Nam. Quân đội của chúng ta bị kéo ra bằng những mệnh lệnh cách xa Saigon hàng vạn dặm, những mệnh lệnh ban ra bởi những (lãnh đạo) dân sự nhằm xoa dịu một nước Mỹ không đếm xỉa đến chuyện người dân Nam Việt Nam sống trong tự do hay nô lệ.

"Tự do không đứng yên một chỗ chờ bạn đến chiếm lĩnh. Nó chuyển động trong lịch sử như một ngọn lửa biến hiện không ngừng, và ngay từ thuở khai thiên lập địa, tự do đã phải đổi bằng máu."

Khi chúng ta đào thoát khỏi cuộc chiến cho tự do mà lịch sử dàn ra ở Việt Nam, ngọn lửa của Clio vẫn cháy phía sau ta với Thế Giới Thứ Ba mà ta bỏ rơi. Nay chỉ còn lại cuộc chịu đựng của những dân tộc cổ đại của Thế Giới Thứ Ba của người dân bình thường, chứ không phải những đợt viện trợ và máu của chúng ta, sẽ định đoạt khuôn mặt tương lai.

Chúng ta đã chọn lựa rút ra năm 1973, và những người Mỹ đã từng ở Việt Nam đã nhìn thấy sự sụp đổ của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Chúng ta mang nỗi đau không cách nào chữa nổi, nỗi sầu muộn muôn kiếp không nguôi.

Như thiên hạ thường nói. "Thôi bỏ đi tám."

RUTH TALOVICH

(1) Clio, nhân vật thần thoại được dùng làm biểu tượng của lịch sử?

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA

VÕ PHIẾN

Mở tác phẩm đầu tay của Trần Diệu Hằng(1) ra, thoạt tiên gặp ngay một bà cụ lẩn thẩn với giấc mơ về làng Đại từ. Xếp tập truyện đầu tay của Nguyễn thị Hoàng Bắc(2) lại, trước mắt còn hiển hiện bóng dáng thảm thương của một bà cụ âm thầm tàn tạ.

Đầu sách này cuối sách kia, chưa gọi là nhiều? Vâng, chưa. Nhưng hãy tiến tới, cứ càng đi vào sách càng gặp các cụ. Gặp mãi gặp mãi. Trong cuốn sách (vẫn là đầu tay) của Phan thị Trọng Tuyến(3) lại các cụ: Này là bà Năm vào *khoảng cuối* cuộc đời, này là một cặp già dắt díu nhau lặng lẽ đi vào *mùa đông vô tận*, rồi lại những cụ già ngẩn ngơ trong cái *thế giới tuyệt vời* của các người mất trí.

Nụ cười tre trúc của Kiệt Tấn(4) thì chính thị là nụ cười của các cụ già quê hương. Kế đó đến một lượt mấy cụ theo nhau tan tác trong *Năm nay đào lại nở* một thiên truyện đẹp như thơ. Tác phẩm của Kiệt Tấn làm nhòa hẳn hình ảnh ông đồ của Vũ đình Liên. Ông đồ của họ Vũ đã thành quá xa xôi đối với thế hệ ngày nay; còn các bà cụ của Kiệt Tấn, những bà Lượm Lon, bà Bán Kem, bà già Đậu Phọng v.v...họ gần gũi, họ sống động, họ thân thiết với chúng ta biết chừng nào!

Trong *Một thời đang qua* cua Nhật Tiến, một bà mẹ bơ vơ lạc loài ngay giữa đám con của mình, ngay trong nhà mình. Trong *Những mảnh đời tị nạn* của Nguyễn Xuân Quang ông cụ họ Giang đến từ miền thượng du xác xơ một xứ nghèo lại không kham nổi đời sống của một xã hội sung túc mà xa lạ, và cụ tuyệt vọng, và cụ lắc đầu từ chối cuộc sống v.v...

Trong nền văn học hải ngoại của chúng ta gần như đi đâu cũng gặp các cụ. Người xưa bảo trong sách có gái, ngày nay "thư trung hữu lão"

*

Các cụ ở đâu ra mà lắm thế? Chắc chắn là không phải từ ngoài cuộc đời kéo vào. Dù không có con số thống kê đích xác, cũng có thể nghĩa rằng cộng đồng di dân chúng ta không có nhiều bậc cao niên: Cuộc vượt thoát đầy gian nguy của người Việt nam không phải là việc của hạng tuổi tác, thoát lìa xóm giềng làng mạc cũng không phải là ước vọng của hạng tuổi tác. Tỉ số lớp cao niên trong cộng đồng lưu vong chắc không thể so sánh với tỉ số cao niên trong xã hội Việt Nam bên kia bờ Thái Bình Dương.

Các cụ xuất hiện trong sách hải ngoại đông hơn ở ngoài cộng đồng hải ngoại, và đông hơn trong sách báo quốc nội xưa nay, tôi có cảm tưởng thế. Thật vậy, trong văn học nước nhà trước đây mấy khi chúng ta bắt gặp một cụ ông hay cụ bà thủ vai chính trong một tác phẩm hoặc ngắn hoặc dài? Toàn những Vân Tiên, Nguyệt Nga, Kim Trọng, Thúy Kiều, những Lan những Điệp, những Thoại Khanh, Châu Tuấn, Thạch Sanh, Lý Thông v.v... Trong thơ thường có nàng đan áo ít khi có cụ nhai trầu, có chàng phi ngựa ít có cụ đau lưng nhức xương v.v...

Như thế trong văn học từng có thời kỳ của hiệp sĩ anh hùng, có thời của thuyền quyên sắc nước hương trời, có thời của những

chàng và nàng sầu mộng, có thời của người anh ngoài chiến địa nhớ người em gái hậu phương, có thời của con người phi lý rong rêu buồn nôn v.v... và rốt cuộc đến thời kỳ của các cụ cố lẩm cẩm.

Phải, các cụ cố trong văn học hải ngoại nhiều cụ lẩm cẩm nếu chưa lú lẫn hẳn. Và họ xuất hiện dường như chính vì cái lẩm cẩm ấy. Trông họ đáng thương hết sức.

Trong truyền thống Á đông người già vẫn khả kính. Ở đây các cụ đến với chúng ta không phải vì lòng kính, mà vì lòng thương. *Thương* là một tiếng quan trọng. Kiệt Tấn nói đi nói lại: "Trời ơi! Sao thương quá sức! (...) Thương dứt từng khúc ruột.

Ai cũng biết trong cuộc sống lưu vong các cụ ta lâm vào tình cảnh khốn đốn, cô đơn, hầu như bị bỏ rơi, bị hất hủi trong các cộng đồng tị nạn Việt nam khắp Âu Mỹ. Thế nhưng trong văn chương lưu vong các cụ hưởng một tình thương tha thiết hơn bao giờ hết. Lời kính trọng thì có, nhưng lời yêu thương thiết tha đối với các cụ thì dễ chưa bao giờ tìm thấy trong văn học các thời trước được những lời có thể sánh với lời lẽ trong văn học lưu vong.

Thành thử cái lớp người xa xứ, vì cuộc sống hối hả, vì phong tục, vì hoàn cảnh xã hội mỗi nơi mỗi khác, mà phải lơ là bỏ rơi các cụ, lớp người ấy lại chính đang đau đớn về tình cảnh các cụ nhất. Không phụng dưỡng được các cụ ngoài đời, họ cung phụng trong tác phẩm văn nghệ.

..."Ở đâu ra lắm thế?" Các cụ không xuất hiện từ số lượng đông đảo, từ một vị trí quan trọng ngoài đời, mà các cụ xuất hiện trong văn nghệ lưu vong từ tình thương.

Thương, không hẳn chỉ vì hối hận, vì trót thiếu phụng dưỡng. Mà thương các cụ phần lớn là vì quê hương. Các cụ gợi nhớ quê hương. nhớ quá khứ, nhớ truyền thống dân tộc. Vẫn Kiệt Tấn: "Có lẽ tại vì tôi nhìn thấy quê hương qua những bà già đó".

Trên các nẻo đường Âu Mỹ, các cụ ngơ ngác lẩm cẩm ư? Đó là vì các cụ Việt Nam quá, các cụ thấm nhuần phong tục tập quán bên nhà đến xương tủy, ra xứ người các cụ không thay đổi được, không thích ứng được. Các cụ lú lẫn ư? Lá sắp rụng rồi đó mà không về cội được. Trước cảnh ấy không nghĩ đến cội, đến quê sao được?

Bảo rằng các bậc cao niên nhắc nhở, gợi nhớ quê hương, Kiệt Tấn vẫn chưa chịu. Ông quả quyết: "Những bà già đó tượng trưng cho quê hương? Không! Những bà già đó *là quê hương*"

Qua các nhân vật cao niên lọm khọm, văn học hải ngoại ngoảnh về cố hương. Về một thời đã qua, về cái xứ sở đã khuất dạng.

*

Đó là một điểm khác giữa văn học sau 75 ở ngoài nước với văn học trước 75 trong nước.

Sau cuộc qua phân đất nước do Hiệp định Genevè lớp người sau 1954 lo nhìn tới tiến tới. Văn nghệ sĩ 54-75 bứt đứt những ràng buộc với quá khứ. Họ đột ngột đổi mới, họ làm ngơ với các bậc đàn anh tiền chiến.

Cuộc đổi đời vào cuối tháng 4-75 dữ dội hơn, nhưng trong văn học không thấy sự đứt lìa, gián đoạn, đối với quá khứ. Dĩ nhiên phải có thay đổi, nhiều thay đổi. Nhưng lớp sau tiếp nối lớp trước êm ái. Không có những phủ nhận ồn ào, những đoạn tuyệt, từ chối đột ngột. Có nhiều cây bút tên tuổi trước 75 quyết định không viết nữa ở hải ngoại; nhưng những kẻ còn tiếp tục không gặp cảnh ngộ của những Nhất Linh, Đỗ Đức Thu, Quách Tấn, Đông Hồ v.v...không có ai bị xem là lỗi thời.

Trái lại, đa số các tạp chí văn nghệ dẫn khởi những cảm hứng sáng tác mới, phát hiện những tài năng văn thơ mới, là do các tên tuổi trước 75 chủ trương: *Đất Mới, Văn học nghệ thuật, Văn, Văn học, Làng văn, Tân văn v.v...* Lớp trước dìu lớp sau, đề huề, hòa thuận.

Chúng ta để ý thấy rất nhiều báo mới ở hải ngoại mang tên những báo cũ trong nước trước 75: *Văn, Văn học, Tân văn, Bách Khoa, Mai, Đời, Dân chúng, Ý thức, Chính luận, Thời luận, Thế kỷ hai mươi (mốt) v.v...;* trong khi ấy sau Genève không từng có báo chí nào lấy lại các tên *Nam phong, Ngày nay, Đông dương, Phong hóa, An nam tạp chí v.v...*của thời trước. Bấy giờ không hề có cái cảnh thời này nhại lại một thời khác.

Và sau 1975 ở hải ngoại sự nhại lại không phải là sáng kiến độc quyền của giới văn nghệ. Nếu có thế, e nó là dấu hiệu của một tình trạng túng thiếu, cùng quẫn. Không phải vậy. Đây là phản ảnh nét tâm lý quan trọng của một thời. Thật vậy: Đâu có thời nào quán ăn cửa tiệm lại thiếu chữ đặt hiệu, lại "bế tắc" về mặt ấy; vậy mà hiện giờ cộng đồng lưu vong khi ăn uống, khi may sắm, thường lui tới những chỗ mang các tên: *Phở 79, phở Hiền Vương, phở Công lý, bò bảy món Ánh Hồng, bò bảy món Duyên Mai, tiệm giày Gia, bánh mì Bưu điện, bánh mì Ba Lẹ v.v...*

Văn nghệ làm sao có thể không phản ảnh tâm lý của xã hội quanh mình? Quần chúng độc giả đã phát biểu rõ ràng: gần như mọi cuốn hồi ký đều bán chạy rần rần, và hồi ký đã trở thành thể loại nổi bật của văn học hải ngoại. Ngoái đầu lại là cái thường tình của kẻ ra đi.

Trước 75, ta nằm trong nước, ngóng cổ ra ngoài, nghe ngóng từng điệu nhạc mới, câu văn mới, đón từng luồng tư tưởng mới từ hải ngoại bốn phương hắt tới. Sau 75, ta láo nháo ở ngoài, khắc khoải ngoái đầu về...Lại vẫn Kiệt Tấn nêu ra câu hỏi: "Sao tôi *cần quê hương* đến như vậy?"

- Ối! nào phải đâu mình ông! Cả một nền văn học, phản ảnh tâm lý của cả một cộng đồng cũng thế cả. Cuống rún chưa lìa đấy thôi. Nhớ về các bà già quê hương, ông kêu: "Sao thương quá sức!...Thương đứt từng khúc ruột". Tam thập dư niên hậu, nếu hậu sinh có kẻ tò mò nhìn lại một giai đoạn của nền văn học lưu vong chúng ta, biết đâu thấy chính ông và bạn bè cùng thế hệ ông...họ cũng thương đứt từng khúc ruột vậy!

VÕ PHIẾN
(3/1989)

Chú thích:
(1) Vũ điệu của loài công
(2) Long lanh hạt bụi
(3) Mùa hè một nơi khác
(4) Nụ cười tre trúc

PHẠM DUY

Hồi ký kháng chiến

BÌNH TRỊ THIÊN KHÓI LỬA

Chiều qua gánh nước cho Vệ Quốc Quân
Nghe tiếng o nghèo kể ràng:
Quân thù về đây đốt làng ...
Bao giờ anh lấy được đồn Tây

Đoàn văn nghệ của Trung đoàn 304 sau khi đã xong công tác tại Hà Tĩnh thì chia ra làm hai. Phạm Văn Đôn dắt một nửa đoàn trở ra Bộ Tư lệnh Quân khu IV. Tôi, Bửu Tiến, Ngọc Khanh (em gái của nhạc sĩ Ngọc Bích), Vĩnh Cường, và một số đội viên đi vào phía Nam. Giã từ những đoàn viên đang quay chân trở về Thanh Hóa, chúng tôi lên đường đi vào một miền đất được mệnh danh là "Bình-Trị-Thiên khói lửa". Một đại đội Vệ Quốc Quân do một cán bộ tên là Ngô Đại Hành chỉ huy được phái đi để phòng vệ cho đoàn văn nghệ. Họ đi cách chúng tôi chừng hai, ba cây số.

Ngày đầu tiên khởi sự ra đi, vừa qua một mảnh đồng bằng rất hẹp không có đất cầy mà chỉ có những búi cỏ cứng mọc trên bãi cát, chúng tôi đã phải leo ngay lên núi.Và đã leo một bước rồi là cứ tiếp tục leo, leo hoài, leo mãi! Leo từ sáng sớm cho tới chiều tối, không có một bước chân nào của chúng tôi được đặt trên một lối đi gọi là phẳng phiu cả! Toàn là phải cong lưng, cúi đầu, co gối ... leo hết bước này leo tới bước khác. Leo khoảng vài chục bước là phải ngồi bệt xuống bờ núi để ôm ngực thở. Phải mất một ngày đường mới leo được từ chân núi tới đầu núi. Nghỉ ngơi một đêm rồi hôm sau lại mất một ngày nữa mới đi được từ đỉnh núi xuống thung lũng. Không trách gì người dân ở đây đã gọi các cao điểm này bằng những cái tên nghe phát sợ: núi "Ba Lùm Ba Lòi", núi "U Bò" ... Cứ tưởng rằng đi xuống thì đỡ mệt hơn leo lên, nhưng vì ngoài cái ba lô nặng, bây giờ chúng tôi lại còn phải choàng thêm một cái ruột tượng đựng gạo, cho nên sự xuống dốc cũng chẳng sướng hơn sự lên dốc là mấy! Đường núi rừng Việt Bắc mà tôi đã nếm mùi, tuy cũng khó đi nhưng không khốn khổ như đường Trường Sơn.

Trong suốt một tháng đi trên đường này, từ Hà Tĩnh vào tới cái đích là Bộ Tư lệnh Phân khu đang đóng ở Mật khu Ba Lòng, trên con đường núi, ngoài những cái trạm rất thô sơ, chúng tôi không gặp một quán nhỏ nào để mua một ly cà phê sữa nóng uống cho ấm bụng. Ngoài ra, trong suốt mấy năm kháng chiến, đây là lần đầu tiên tôi phải tự "hầu cơm" mình chứ không còn được "anh nuôi" hay "chị nuôi" giúp mình trong việc ẩm thực như trước nữa. Anh em trong đoàn góp gạo rồi chia nhau mỗi ngày một người phụ trách việc thổi một nồi cơm chung. Thức ăn thì đội viên phải tự lo lấy. Sau mấy

ngày đầu ăn hết số thịt kho mà hôn thê Thái Hằng làm sẵn để mang đi, nỗi khổ tâm nhất của tôi bây giờ là phải ăn cơm với gói mắm tôm mà tôi mua được tại một cái trạm hiếm hoi trên con đường mòn này. Từ xưa tới nay, trong các món ăn "quốc hồn, quốc túy", tôi sợ nhất là hai món thịt chó và mắm tôm! Trong kháng chiến, đã có lần tôi chê thịt chó dù đang đói lả người, nhưng bây giờ thì tôi đành phải le lưỡi nếm món mắm tôm vậy. Sự ăn uống càng ngày càng kham khổ, cô Ngọc Khanh ở trong đoàn phải chế ra một thứ thức ăn là mỡ pha với muối rồi cho vào ống tre mang đi. Có ngày hết gạo, chúng tôi phải vào rừng kiếm rau mà ăn.

Có lẽ chúng tôi là một trong những đoàn người đầu tiên mở ra con đường về sau được gọi là đường mòn Hồ Chí Minh. Đã nhiều lần chúng tôi đi trong rừng rậm không có lối mòn, mọi người phải lấy dao rừng để chặt cây làm lối đi. Có những nơi chúng tôi đang đi thì ngửi thấy mùi cọp, mọi người trong đoàn bảo nhau đi xát lưng nhau, nếu cọp mà nhảy ra thì một người phải hy sinh đấy nhé! Nghe đâu như đã có nhiều vụ cọp vồ người ở đây. Rất may là lúc đó cọp Trường Sơn đã để cho chúng tôi yên thân ra đi. Có nhiều khi chúng tôi đã đi lấn qua địa phận nước Ai Lao chứ không còn đi ở trên đất nước của mình nữa.

Tuy rất là gian nan nhưng cuộc ra đi này đối với tôi cũng rất là lý thú. Trước hết, tôi vốn là một kẻ ham chơi, lại vừa mới chiếm được trái tim của một người đẹp, đáng lẽ ra tôi phải sợ gian khổ và ở lại hậu phương để lấy vợ thì tôi đã xung phong đi vào chốn "khói lửa" (sic) này để tỏ cho mọi người -- nhất là cho tướng Nguyễn Sơn và cho vị hôn thê Thái Hằng -- biết rằng tôi là một người trai xứng đáng của thời đại. Âu cũng là bởi vì ngoài cái tính ham chơi ra, tôi còn có thêm cái tính hiếu thắng.

Hơn nữa, dù rằngtrong quá khứ tôi cũng đã có cơ hội sống với biển cả (như hồi đi theo kháng chiến Nam bộ chẳng hạn) nhưng tôi vẫn cho rằng muốn nhìn thấy biển Thái Bình Dương rộng rãi bao la như thế nào thì phải leo lên đứng ở trên một đỉnh cao nhất của dãy Trường Sơn. Bây giờ tôi đã làm được điều đó. Nói một cách lộng ngôn, đứng ở cao nhất của nước mình, tôi có thể nhìn qua được đại dương để thấy rằng *"đất liền Âu-Á cũng không xa gì!"* ... Nếu có ai yêu nhạc của tôi mà nhìn thấy trong đó có đủ chiều cao chiều rộng thì nên biết rằng một trong những nguyên nhân của nó, chính là chuyến đi vào Bình-Trị-Thiên này. Rồi đây, chiều sâu mà tôi học được trong chuyến đi, đó là sự đau khổ của người dân đang phải sống quằn quại ở dọc một con đường mà Quân đội Pháp đã đặt cho cái tên là La Rue Sans Joie (Con Phố Buồn Thiu) ở dưới miền đồng bằng khủng khiếp kia ...

... Được đại đội phòng vệ dẫn đi đúng đường, sau gần một tuần lễ leo núi, chúng tôi đã tới được trụ sở của Ủy ban Kháng chiến tỉnh Quảng Bình. Trụ sở là một cái nhà làm bằng nứa được dựng lên tại một bìa rừng cách thị xã và làng mạc ở dưới đồng bằng cũng không xa lắm. Được nghỉ ngơi vài ngày rồi được dẫn xuống một làng phụ cận, và dù rằng đồn canh của Pháp chỉ cách đây có vài cây số, chúng tôi cũng đã tổ chức một đêm trình diễn văn nghệ tuy đơn sơ nhưng rất là hào hứng. Sau ba năm chiến tranh và chịu đựng rất nhiều sự khủng bố của lính Pháp, đây là lần đầu tiên mà dân chúng Quảng Bình được gặp những văn nghệ sĩ nổi tiếng do Bộ Tư lệnh Quân khu gửi vào. Sự có mặt của chúng tôi cần thiết hơn là những vở kịch hay những bài hát của chúng tôi.

Làm xong công tác có tính chất ủy lạo rồi, chúng tôi sống với đồng bào vài ngày để lấy chất liệu sáng tác. Chúng tôi được nghe nhiều chuyện rất thương tâm của người dân sống ở trong vùng này và tôi đã soạn ngay tại đây một bài hát nhan đề *Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây:*

Chiều qua, tôi đi qua vùng
chiếm đóng
Không bóng trâu cày bên đồng
Vắng tiếng heo gà trên sân
Chiều qua gánh nước cho Vệ
Quốc Quân
Nghe tiếng o nghèo kể rằng:
Quân thù về đây đốt làng,

Tuy đã đi kháng chiến từ 1945, là lần đầu tiên mà tôi thấy được sự thống khổ của ngườidân trong vùng tạm chiếm. Tôi biết được rằng phụ nữ ở đây bị hãm hiếp 200 phần trăm, nghĩa là gia đình nào cũng có mẹ, có chị, có em gái bị làm nhục, mỗi người tối thiểu cũng bị hiếp hai lần! Do đó, người dân ở đây ai cũng mong chờ Vệ Quốc Quân về đánh đồn:

Bao giờ anh lấy được đồn Tây,
hỡi anh?
Để cho cô con gái không buồn vì
chiến tranh.

Sau này, khi tôi trở về Thanh Hóa và lên Việt Bắc, qua bài hát này, có nhiều người có nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ đã phê bình tôi là tiêu cực. Họ nói: "Dân chúng phải tự động đứng lên đánh đồn!* Đừng chờ Vệ Quốc Quân!" Tôi buồn và nghĩ rằng có lẽ ông này chưa baogiờ nhìn thấy cảnh *quê nghèo* ở miền Trung trong chiến tranh, chưa có dịp nhìn thấy những *ruộng khô có những ông già rách vai, cuốc dất bên đàn trẻ gầy* và chỉ *có người bừa thay trâu cày* ... như tôi đã nhìnthấy vào năm 1948 này. Hay là đã chưa có dịp nghe được *tiếng o nghèo,* miệng thì *thở dài,* đôi bàn tay khẳng khiu thì *vỗ về trẻ thơ bùi ngùi* trong những *nửa đêm thanh vắng không một bóng trai,* bởi vì bao nhiêu người trai ở trong làng đều đã bị giết chết cả rồi! Lấy đâu ra trai làng để đi đánh đồn Tây? Hỡ những người sẽ trở

thành "nhất tướng công thành vạn cốt khô"?!

Đi diễn ở một vài nơi trong tỉnh Quảng Bình xong, chúng tôi lại phải leo núi để đi đường rừng vào Quảng Trị vì ở dưới đồng bằng. Quân đội Pháp đã xây cất rất nhiều đồn canh, ban ngày chúng cho lính đi vào các làng mạc để khủng bố dân chúng, ban đêm chúng ở trong đồn bắn ra bừa bãi. Nhưng lúc đó chúng tôi còn rất trẻ và chẳng biết sợ là gì cả, cho nên sau khi ở với Ủy ban Kháng chiến tỉnh Quảng Trị ở trên núi vài ngày, chúng tôi xin đi xuống đồng bằng để đi công tác. Và một hôm, chúng tôi tới một làng trong huyện Gio Linh.

Khi chúng tôi tới đầu làng, dân chúng lảng đi không muốn nói chuyện vì lính Pháp vừa tới khủng bố làng này. Họ tưởng chúng tôi là người của Pháp. Nhưng sau khi biết chúng tôi là đoàn văn nghệ được Tỉnh ủy phái tới để nâng cao tinh thần đồng bào thì dân làng niềm nở đón tiếp. Sau khi hỏi thăm tình hình nơi đây, họ kể cho nghe chuyện lính Pháp vừa tới khủng bố làng này và đưa chúng tôi đi coi cái hố chôn tập thể. Khi đi qua một cái cầu tre, tôi thấy nước ở dưới chân cầu hãy còn nhuộm màu đỏ, hỏi ra thì được biết chuyện 12 người mẹ vừa bị bắn chết. Chuyện như thế này:

Sau khi một toán lính Pháp đi tuần tiễu và bị du kích bắn chết hay bị giật mìn gì đó, lính Pháp được phái tới làng này để trả thù. Chúng tập trung dân làng lại và thấy trong đám đông có 12 người mẹ đang bồng trong tay 12 đứa con thơ. Chúng bắt dân làng phải khai ra nơi trú ẩn của những du kích quân vừa gây thiệt hại cho chúng, nếu không chúng sẽ giết 12 người mẹ này. Vì không có ai khai cả cho nên chúng lôi 12 người mẹ đang bồng con thơ đó ra bờ sông, và ra lệnh cho 12 người mẹ đó ném 12 đứa con mình xuống nước. Lẽ dĩ nhiên là 12 người mẹ đó đã không làm theo lệnh chúng và đã bị chúng bắn chết cùng 12 đứa con thơ. Tôi đã soạn ra một bài dân ca nhan đề *Mười Hai Lời Ru* để ghi lại tội ác này:

Miền Trung yêu dấu có một bài ru
Vọng từ quê mẹ là nơi căm thù . ..

. . . . . .
Mười hai người mẹ,
Giặc bắt ôm con
Thả trôi xuôi dòng
. . . . . .

Bài hát kể lại câu chuyện hãi hùng đó với kết luận là 12 người mẹ ôm con chết đi, nhưng từ đó, hằng đêm, trên con sông ở vùng đau thương này, người ta vẫn nghe văng vẳng 12 lời ru của 12 người mẹ Việt Nam chết trong kháng chiến.

Mười hai câu hát đưa tụt miền xa
Để thành lời ca ghi vào lòng ta.

Ngoài chuyện 12 người mẹ hy sinh đó, dân chúng ở trong làng này còn kể cho chúng tôi nghe thêm câu chuyện của một bà mẹ ở trong một làng gần đó, có người con đi dân quân bị lính Pháp bắt rồi bị chặt đầu treo giữa chợ. Không ai dám lấy cái đầu của anh dân quân xuống để đem đi chôn. Rút cuộc bà mẹ lẳng lặng ra chợ lấy đầu con bỏ vào khăn gói mang về. Nghe xong câu chuyện, tôi xin với một anh dân quân đưa tôi tới cái làng đó để gặp bà mẹ. Đây là một người đàn bà với vẻ mặt nhăn nheo nhưng đẹp như một vị thánh, vẻ mặt na ná giống như vẻ mặt bà ké Lạng Sơn mà tôi đãnhắc tới trong đoạn viết về chặng đường Cao-Bắc-Lạng. Gặp bà, tôi lúng túng không biết nói năng gì và đẩy cho người đưa đường nói hộ tôi. Tôi đã rợn người khi nghe bà kể lại câu chuyện của bà bằng một giọng nói rất bình thản. Rồi bà dẫn tôi đi qua một rặng tre để ra tới chợ là nơi ngày nào bà đã tới để lấy đầu con đem đi chôn.

Tôi không khóc khi đứng giữa nơi sân khấu chưa đóng màn của một tấn tuồng bi thảm trong kháng chiến, bên cạnh vai chính của vở bi-hùng-kịch này, nhưng trong đêm đó, khi tôi trở về nằm lăn trên cái giường nứa ở một cánh rừng không tên trên chiến khu Quảng Trị, tôi đã khóc rưng rức cùng một lúc những câu ca đầu tiên của bài hát được viết ra. Lúc đó cũng là lúc tôi nghĩ tới mẹ tôi:

Mẹ già cuốc đất trồng khoai
Nuôi con đánh giặc đêm ngày,
Cho dù áo rách sờn vai
Cơm ăn bát vơi bát đầy.
. . . . . .
Mẹ già tưới nước trồng rau
Nghe tin xóm làng kêu gào,
Quân thù đã bắt được con
Đem ra giữa chợ cắt đầu!
Nghẹn ngào không nói một câu
Mang khăn gói đi lấy đầu,
Đường về thôn xóm buồn teo,
Xa xa tiếng chuông chùa gieo,

Tôi đã có lần nói tới cái xác không đầu của người chiến sĩ trong một hai bài hát. Lúc đó tôi tham gia cuộc kháng chiến Nam bộ và đã nhìn thấy xác một đồng đội ở trong khu rừng Đất Đỏ. Cái xác chết chỉ còn thân hình mà thôi, cái đầu đã bị lính Pháp da đen mang theo hay bị thú rừng tha đi. Để không ai quên được cái xác không đầu đó, tôi đã soạn bài *Nợ Xương Máu:*

Ai nghe không sa trường lên tiếng hú
Tiếng làm than, những tiếng người đời quên
Đi lang thang tiếng cười vang rú
Xác không đầu nào kia?

Cái đầu bị mất tích vào năm 1945 đó cứ ám ảnh tôi hoài và trong bài quân ca *Khởi Hành* soạn vào năm 1947, tôi cũng đã nhắc tới:

Thân ôm tường
Đầu gục đâu?

Bây giờ, tôi mường tượng như cái đầu chiến sĩ đó đang nằm trong tay *Bà Mẹ Gio Linh.* Như trái tim Trương Chi phải về nằm trong tay Mỵ Nương để hứng đón giọt lệ:

Tay nâng nâng lên, rưng rức nước mắt đầy,

Mẹ nhìn đầu con, tóc trắng
phất phơ bay,
Ta yêu con ta, môi thắm bết
máu cờ!
Nụ cười hồn nhiên, đôi mắt
ngó trông ta.

Câu chuyện bà mẹ Gio Linh sẽ có một kết luận là sau khi hy sinh người con độc nhất cho kháng chiến, bà mẹ sẽ có hằng trăm con nuôi là những người đi bộ đội:

Khi trông con nuôi xúm xít
dưới túp nhà
Mẹ nhìn đàn con thương nhớ
đứa con xưa,
Con, con con ơi! Uống hết bát
nước đầy
Ngày một ngày hai, con nhớ
ghé chơi đây!

Điều làm tôi cảm động là trong thời gian này và ở những phương trời xa,các văn nghệ sĩ khác cũng nói tới bà mẹ chiến sĩ như tôi. Mẹ là mẹ chung cuả mọi người, và trong cơn khó khăn, ai cũng muốn có mẹ bên cạnh. Ở Thanh Hóa, họa sĩ Sỹ Ngọc vẽ một bức tranh sơn dầu tên là *Cái Bát* với hình ảnh một bà mẹ quê, hai tay bưng một bát nước có khói bốc lên. Ở đâu đó trong vùng khu III, thi sĩ Quang Dũng cũng có một bài thơ nói về bà mẹ trong vùng kháng chiến, với đầu *Nhớ:*

Nhà tranh hốc hác
Cuối làng trơ vơ
Đường xa công tác
Người lính ghé nhờ
Mẹ già tóc bạc phơ
Dăn deo nét khó
Người vào run sốt
Giữa trưa đòi đắp chăn
Mẹ già hối đun nước
(Nhà uống nước lã quen)
Lấy thêm chiếu đắp
Kiếm thêm mền
Mền nâu rách mướp
Chiều rồi, vác ba lô ra đi
Bâng khuâng hồn lính vấn
vương gì
Nhớ mẹ già tiền cơm chẳng lấy
...

Nhạc sĩ Phạm Duy thời kháng chiến tại Bình Trị Thiên, 1948

Trong chuyến đi Bình-Trị-Thiên này, ngoài việc sống trong vùng địch để lấy cảm hứng sáng tác, chúng tôi còn có thêm công tác quan trọng khác là ủy lạo nhân dân, trình diễn văn nghệ. Cũng như ở Quảng Bình, chúng tôi đi diễn ở một vài nơi trong tỉnh Quảng Trị với một chương trình rất nhũn nhặn gồm vài ba màn kịch ngắn do Bửu Tiến, Quang Kính và một số kịch sĩ khác phụ trách cùng với những tiết mục đơn ca, hợp ca do Ngọc Khanh (em nhạc sĩ Ngọc Bích) Vĩnh Cường, và tôi hát. Những bài như *Tiếng Hát Trên Sông Lô, Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng*, cũng đem lại một vài phấn khởi nho nhỏ cho người dân ở vùng khủng khiếp này ...

... Rời Quảng Trị tiến vào Thừa Thiên, bây giờ chúng tôi không muốn đi đường núi nữa mà liều mạng đi ở dưới đồng bằng, len lỏi qua những đồn canh của lính Pháp. Khi đi quá làng Gio Linh một đoạn đường, nhìn thấy đồn canh ở xa xa, tưởng rằng đi vào ban ngày, chỉ cần nhìn xem nếu có lính đi tuần tiễu trên đường cái thì mình sẽ lẩn vào núi. Ai ngờ súng từ trong đồn bắn ra, có lẽ cũng do tình cờ chứ không phải vì chúng tôi bị lộ diện. Chúng tôi vội vàng, đứa thì nằm xuống ruộng, đứa thì chạy theo kiểu chữ chi để tránh đạn.

Có lúc chúng tôi tới một nơi có ngôi nhà thờ đã bị tàn phá,

đang ngồi nghỉ ngơi ăn uống thì nghe tiếng tầu bay, nhưng chúng tôi rất yên chí, nghĩ rằng chẳng lẽ tầu bay Pháp lại còn tới bắn một thánh đường đã đổ vỡ và không có người ở hay sao? Nhưng có lẽ đã có Việt gian ở đâu đây dùng gương soi để ra hiệu cho nên tầu bay vụt tới thả bom và bắn xuống, chúng tôi vứt cả đồ ăn thức uống, chạy ra ngoài tranh nhau nhảy xuống những hố tránh bom đã được đào sẵn, đứa nào cũng lẩm nhẩm cầu xin Đức Mẹ che chở.

Còn nhớ lúc sắp vào tới Mật khu Ba Lòng, đang đi trong một đêm khuya có ánh trăng non soi mờ trên bãi cát thì thấy ở xa xa có một toán lính Pháp đi trên đường cái. Đội phòng vệ đã sẵn sàng để ứng chiến thì toán lính kia không đi về phía chúng tôi mà rẽ sang một con đường nào đó. Hú vía!

Trong chuyến đi này, sự sống chung của một nhóm văn nghệ sĩ trong tình trạng thần kinh luôn luôn bị căng thẳng, cũng tạo ra những va chạm to nhỏ. Vì tôi được Ngọc Khanh luôn luôn săn sóc cho nên Vĩnh Cường là người yêu của cô này đã biểu lộ sự ghen tuông của anh bằng cách bỏ đồ bẩn vào bi đông đựng nước của tôi! Cũng may, Ngọc Khanh biết và đổi bi đông nước khác. Trong hành trình này, sau khi đã có dịp nhìn thấy núi cao biển rộng ra sao, sự đau khổ của nhân dân sâu tới độ nào thì tôi cũng được biết thâm con người nhỏ nhen tới mức nào khi phải tranh nhau từng miếng ăn, hớp nước. Đừng bao giờ nghĩ rằng cùng lâm vào một hoàn cảnh đau khổ, con người sẽ thương nhau hơn lên. Nói như vậy, có là quá đáng hay không nhỉ? May thay, lúc này tôi đã chỉ nuôi một quyết tâm: đi công tác xa và nguy hiểm rồi trở về bình yên lấy vợ. Cho nên tôi không hề quan trọng hóa bất cứ một mâu thuẫn nào xảy ra ở trong đoàn.

Thế rồi sau gần một tháng ra đi trong vất vả và hiểm nguy, chúng tôi đã tới được nơi đến của chuyến đi là Bộ Tư lệnh Phân khu Bình-Trị-Thiên. Mật khu Ba Lòng nằm sâu trong núi, có Hà Văn Lâu làm Phân khu trưởng, có một thằng bạn Huế hồi trước của tôi tên là Hoàng lúc này đang phụ trách một việc gì đó trong Bộ Tư lệnh, có những ngôi nhà khá khang trang, có quán cà phê nho nhỏ, có con suối khá mơ mòng ... tất cả như đã thân mật chờ đón chúng tôi.

Tôi ra suối tắm táp bơi lội, rồi khi leo lên bờ suối cúi đầu soi mặt xuống dòng nước thì mới thấy rằng mớ tóc trên đầu tuy ướt mèm và dài chấm mang tai, nhưng cũng không che nổi đôi mắt trũng sâu, đôi môi tím ngắt, đôi má hóp lại, hàm răng nhô ra ... của tôi! Thân hình của tôi rất là tiều tụy lưng đã hơi gù nay gù thêm nữa, cả hai chân đều bị lở loét vì sâu quảng, bụng to như cái ba lô nhỏ, hậu quả của bệnh sốt rét. Trong kháng chiến, có danh từ "đeo hai ba lô" để nói tới người bị bệnh sốt rét rừng, đầu sau đeo một ba lô đựng quần áo, đằng trước đeo cái bụng báng, giống như chiếc ba lô thứ hai ... Tuy vậy, tôi rất hài lòng vì đã vượt được mọi khó khăn để tới được nơi mình định đến. Giống như lực sĩ chạy đua đường trường đã về tới đích. Nhất là vì tôi đã soạn được ba bài hát mới, coi như đó là món quà cưới sẽ đem về cho người bạn trăm năm.

Sau một thời gian nghỉ ngơi tại mật khu, tôi được tách rời ra khỏi đoàn văn nghệ để một mình đi xuống đồng bằng sống với đồng bào. Một ngày mưa lạnh, anh liên lạc viên đưa tôi xuống núi, về miền Đại Lược. Tôi nhớ tới câu ca dao mà tôi rất yêu:

Tình về Đại Lược, duyên ngược Kim Long
Tới đây là chỗ rẽ của lòng
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào?

Người đàn bà Việt Nam bình dân khi xưa có hai người yêu: *Tình,* người của con tim (l'homme du coeur) thì ở Đại

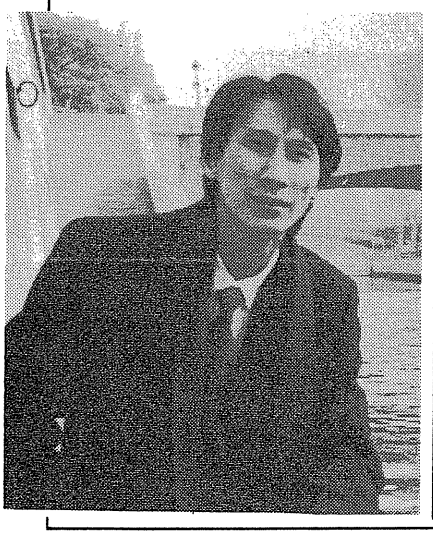

Duy Cường: Về nội dung, Bố đã muốn được cùng mọi người quên đi những chuyện buồn, chuyện vui trong thế kỷ vừa qua! Để hướng tâm hồn vào thế kỷ 21 đang tới. Nếu có nhắc lại chuyện cũ thì cũng để thử cùng mọi người tìm ra giải pháp cho những bế tắc của thế kỷ sắp hết. Về hình thức, Rong Ca là kết tinh của Tâm Ca, Đạo Ca trước đây.

Thế hệ Bốlà thành lập nền Tân Nhạc (khác với Cổ Nhạc), chủ yếu về sáng tạo giai điệu, đơn điệu vì lẽ giản dị là trong mấy chục năm ở trong nước, nhạc theo kiểu **đa điệu, hòa điệu** không sống được vì có ít quần chúng. Thế hệ bây giờ, nhất là người có may mắn đi ra nước ngoài, phải đưa Tân Nhạc Việt Nam lên giai đoạn hòa điệu. Có hai xu hướng: hoặc đi theo đường lối nhạc cổ điển Tây Phương, hoặc đi theo trường phái New Age. Compact disc với chương trình Nhạc Tình Phạm Duy là nhạc hòa tấu đi theo lối classic với tính chất "ấn tượng -- impressionist". Mười bài Rong Ca thì được hòa âm phối khí theo xu hướng "thời mới".

Lược nhưng *duyên*, người của số mệnh (l'homme du destin) thì ở Kim Long! Nàng về với ai đây?

Tôi sống chung với một gia đình nông dân tại một ngôi nhà cổ ở vùng quê Thừa Thiên với một mối tình câm lặng nhưng thân thiết giữa chủ và khách. Hằng ngày tôi đóng vai nông dân đi chơi trên con đường làng hay ra ngắm người mua người bán ở nơi phiên chợ. Nhưng lúc nào tôi cũng đề cao cảnh giác, đề phòng lính Pháp hay lính pạc-ti-dăng từ xa đi tới. Tình hình trong vùng Pháp chiếm này không khủng khiếp như ở ngoài vùng quê Quảng Bình, Quảng Trị. Ở ngoài đó, làng mạc là nơi hẻo lánh nằm giữa biển và núi, lính Pháp tha hồ giết người cướp của, còn ở đây thì dân cư rất là đông đảo, làng xóm như dựa vào nhau, lính Pháp không dám làm bậy. Đời sống của tôi rất là thoải mái so với những ngày trước đây. Tôi nhìn thấy cái đẹp của miền quê này:

Miền thùy dương bóng dừa ngà n thông
Thuyền ngược xuôi suốt một dò ng sông ... dài!

Nét nhạc của tôi lại bay bướm như trong bài *Nương Chiều* nhưng về phần ngữ thuật dân ca, bây giờ tôi chủ ý *làm mới* những điệu hò miền Trung. Sau khi thử thách dùng nét nhạc Huế một cách đơn sơ trong bài *Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây*, bây giờ với bài *Về Miền Trung* tôi đã làm công việc phát triển mạnh mẽ cái *thang âm lơ lớ* của miền thùy dương này. Về sau, các quý vị trong làng tân nhạc đều bắt chước *lối phát triển giai điệu ngũ cung lơ lớ* của tôi mỗi khi cần đưa ra những bài hát nói tới Huế. Tuy nhiên, hình thức không quan trọng bằng nội dung. Bài *Về Miền Trung* là một bài ca Huế hùng dũng, không bi quan yếm thế như một bài *Nam Bình, Nam Ai* chẳng hạn:

Về miền Trung
Còn chờ mong núi về đồng xanh
Một chiều nao đốt lửa rực đô thành!
Tay trong tay dắt nhau về quê hương cũ
Không than van, không sầu nhớ!
Về miền Trung!
Người về đây hát bài thành công,
Lửa ấm áp bếp nhà ai hồng, đêm trùng!
Đêm hôm nay tiếng dân nồng vang thôn xóm
Có tiếng hát xao xuyến ánh trăng vàng,

Lúc bấy giờ là năm 1948. Sự thành công của kháng chiến hãy còn xa lắc nhưng tôi vẫn cứ *hát bài thành công* như thường, bởi vì quả rằng hào quang của kháng chiến đã nắm được tâm hồn của toàn thể nhân dân. Việc tôi đang sống rất an ninh ở Đại Lược trong vùng địch chiếm có thể hiểu được là vì quân Pháp không đủ quân để chiếm đóng cả miền quê lẫn thị thành, nhưng ngay ở trong thành phố Huế, người Pháp và những chính quyền Việt Nam đi theo họ cũng không nắm được dân chúng. Từ Đại Lược, nhiều đêm tôi được đưa tới tận thôn Vỹ Dạ để gặp các văn nghệ sĩ từ trong thành phố Huế ra đây để sinh hoạt với tôi. Kể ra lúc đó tôi cũng là một kẻ khá chung tình. Vì đã chót hứa hôn với một người cho nên lúc đó tôi đã không vui chân đi thẳng vào thành phố Huế để gặp lại một vài người tình cũ ở nơi sông Hương núi ngự tuyệt vời này ...

Thấm thoát đã gần hết hạn kỳ ba tháng của chuyến công tác Bình-Trị-Thiên. Bây giờ tôi đã có thể yên tâm giã từ xứ dân gầy để về Thanh Hóa lấy vợ rồi đây. Vì đã có kinh nghiệm gian khổ của đường rừng trong chuyến đi vô rồi, bây giờ tôi xin với Ủy ban Kháng chiến Thừa Thiên tổ chức cho tôi trở ra bằng đường biển.

Thế là sau khi đã có dịp đứng trên một đỉnh Trường Sơn để ngắm biển Đông ba la vời vợi, bây giờ tôi lại có dịp nằm vắt chân chữ ngũ trên khoang của một con thuyền lớn đang lướt sóng như bay trên biển cả, ngước mắt nhìn vào dãy núi Trường Sơn trùng trùng điệp điệp và lóng tai nghe một tiếng hát miền Trung rất là mới mẻ của tôi, đang tiễn đưa tôi:

Về đây với lúa, với nàng
Thay bao nỗi khổ tiếng đàn (tôi) mừng reo!
Nguồn vui đã tới với dân nghèo
Con sông nước chảy, tiếng chèo hò khoan! .....
Hà hó hơ!
Tiếng ai vừa hát qua làng
Lúc em gặt lúa trên đồng
Hát rằng: Hà há hơ!
Tiếng cười, tiếng ca trên lúa trên sông!

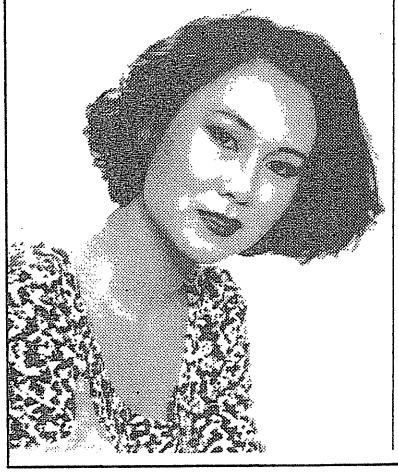

Xin cô phát biểu về 10 bài Rong Ca với tư cách một người trẻ.

Thái Hiền: Tân Nhạc từ 1975 ở hải ngoại chỉ nói tới dĩ vãng mà thôi. Rong Ca muốn nói tới tương lai. Nhất là trong bài Mẹ Năm 2000.

... với tư cách một người con trong gia đình.

Thái Hiền: Bố không bao giờ chịu đứng một chỗ cả. Chạy theo bố mệt quá!

MỖI KỲ MỘT TIẾNG THƠ

Thơ NGUYÊN SA *

MAI THẢO

Mỗi kỳ một tiếng thơ, mỗi kỳ một thi sỹ. Kỳ đầu, Nguyên Sa. Tại sao bắt đầu bằng Nguyên Sa? Tại vì tôi đang có trước mặt tập thơ mới nhất vừa xuất bản, là Thơ Nguyên Sa, Tập Hai. Với Tập Một, cùng tên, đã in lại nhiều lần ở quê nhà kết thành một tiếng thơ nhất quán, một đời thơ không tuổi, hai tập là giải lụa bạch óng ả vắt qua vòm trời thơ Việt bốn mươi năm, trên một chiều rộng và tới một chiều dài, ít tiếng thơ nào có được. Tại sao nữa, bắt đầu bằng Nguyên Sa? Tại vì Nguyên Sa là một bắt đầu, một mở đường. Trở về nước sau nhiều năm du học ở Âu Châu, bấy giờ là cuối thập niên 50, ông đã cùng với Thanh Tâm Tuyền, dẫu mỗi người từ một vị thế khác biệt, là hai tiếng thơ xung kích, tiền phong vượt qua giòng thơ tiền chiến như một biên thùy cũ của thơ và đưa thơ tới những biên thùy mới. Bằng làm đầy cho thơ một định nghĩa và một chứa đựng mới. Bằng phá vỡ hết mọi ước lệ, mọi câu thúc vẫn còn với giòng thơ tiền chiến. Để như một lời nói của Thanh Tâm Tuyền: thơ phải là thơ bây giờ, thơ phải là thơ tự do. Không chỉ làm ra thơ, còn đẩy thơ không ngừng đi tới. Đó là Nguyên Sa, cái thế thơ đầy chuyển động của Nguyên Sa ta thấy nó ở từng bài thơ một.

Trải rộng trên những từ bình thanh, trong những ý thơ trong và những tứ thơ sáng, thi sỹ là một người đi thuyền trên biển hơn là một kẻ đội đá leo núi, thơ Nguyên Sa, Tập Một và Tập Hai, dẫu cách nhau một thời gian dài, vẫn một mặt trời. Mặt trời ấy, ánh sáng rất dịu dàng, soi chiếu xuống con người chủ thể, lộng lẫy ngợi ca nó trên những cái quyền bất khả tước đoạt. Quyền được rung động, được mơ mộng, được tưởng tượng, được ngờ vực. Được phi lý nữa. Vắn tắt cái quyền sống, cái quyền được có những biển trời riêng.

M.T.

---

* Mấy bài thơ trên đều được trích từ THƠ NGUYÊN SA TẬP HAI vừa mới xuất bản

Thi sĩ Nguyên Sa

SÂN BẮN

Bia lên ta thấy thân người
Thấy ta thấy địch thấy đời lãng du
Thấy tay dư thấy chân thừa
Thấy tai nghễnh ngãng mắt mù óc không
Một đời phơ phất hình nhân
Thấy còn thấy hết sau cùng thấy đau
Bia lên thấy mẹ u sầu
Giấy bồi tơi tả cúi đầu trong ta
Trời cao ngó xuống thịt da
Bia lên mây cũng vật vờ cỏ xanh
Bia lên tìm chỗ ta nằm
Non cao đuổi cẳng em còn thấy đâu
Hầm bia buồn đến mộ sâu
Nghìn cây nến thắp trên đầu đạn bay.

HOA SEN VÀ HOA ĐÀO

Em vào tắm dưới hoa sen
Những khe nước chẩy những miền hải lưu
Những thuyền lạc dưới trời sao
Hỏi em hay hỏi hoa đào của anh
Chỗ đào có lá sen xanh
Bờ xa cỏ thấp nghiêng mình dáng sông
Tuyệt vời giữa một giòng trong
Đầu sông tóc ướt, lưng vòng biển khơi.

NỘI CÔNG

Ta ngồi phế bỏ nội công
Ba trăm tĩnh mạch xuống không hết rồi
Thêm em gõ cửa bên ngoài
Lạnh tê yếu huyệt rồi đời nội công.

LÔNG VŨ

Lông vũ đã phủ đầy trong trí nhớ
Ta biết cây me già có những ngọn thật cao
Những ngày nhớ em ta đậu ở đó
Bây giờ ta đáp xuống được không em?

Nước biển đã vào đầy trong trí nhớ
Ôi, sao mà ta yêu những mặt biển cong
Có một chút muối ở động tâm thất
Em đang ăn khế, em có lấy không?

Em thích sợi lông vũ ở mắt trái
Buổi tối em xoay lưng sang tả ngạn
Khi em, trong giấc mơ, chuyển mình qua bên mặt
Từ hữu ngạn em nhìn ta vẫn giòng sông...

Ta bay qua đám mây, ta vẫn thấy em mây
Ta bay qua mênh mông nhìn em bảo nổi
Ta nhìn em bình nguyên, ta nhìn em đồng cỏ
Ta thấy em cười khi ta lượn vòng trên núi non ta

Hình như em không biết ta là kẻ dã man
Ta cất dấu ở tâm thất một trái núi
Ban mai và ta về đó vẽ những hình tượng
Hình tượng mơ hồ như những hải lưu em...

KHẢ NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG CỦA VĂN HỌC HẢI NGOẠI

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tháng 11-1985, hội nghị về văn học thế giới tổ chức tại đại học George Mason lấy chủ đề thảo luận là "Văn chương lưu đày". Tại hội nghị này, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích có đọc bài tham luận về "Văn chương lưu đày của người Việt", một bài tham luận mà vị nữ diễn giả lên diễn đàn sau giáo sư Bích cho rằng giáo sư đã trình bày về *một nền văn chương lưu đày thực sự*, còn bà thì chỉ trình bày *sự lưu đày trong tâm trí* của một tác giả Pháp mà thôi. (Ngày Nay, Houston số 142, 15-8-87)

Cách phân biệt *lưu đày thực sự* và *lưu đày trong tâm trí* từ lâu đã được các nhà phê bình và nghiên cứu văn học quan tâm, nói trắng ra là có một chút kỳ thị. Giữa những nhà văn bị đàn áp, tù đày, bị tước bỏ quyền sống và quyền viết ở tại tổ quốc đến nỗi phải đành đoạn bỏ nước ra đi như Solzhenitsyn, Kundura, Gordimer thì cuộc sống lưu đày không phải là một bữa tiệc như thế hệ những nhà văn Mỹ tự ý lưu vong ở Âu Châu như Henry Miller, Ernest Hemingway. Nhan đề cuốn sách "Paris là một bữa tiệc" của nhà văn Mỹ Hemingway, đối với những nhà văn Nga và Đông Âu lưu vong ở Paris, chẳng khác nào một sự mỉa mai đối với họ. Một cách làm dáng như các cậu ấm cô chiêu bị cuộc sống nhung lụa vào cuối tuần đi cắm trại ở một vùng thôn quê hẻo lánh để nếm mùi gió sương. Một bận Milan Kundura nổi giận chê nền văn chương tư tưởng Âu Tây nông cạn thiếu máu vì không còn bận tâm đến những vấn đề trọng đại của lịch sử và con người, vụ hình thức, và quả quyết rằng tâm điểm của văn học tư tưởng thế giới đã dời về vùng Mỹ Châu La Tinh và Đông Âu. Trong không khí chung ấy, rõ ràng hai chữ *lưu đày, lưu vong* mang một ý nghĩa sâu sắc, hàm chứa một giá trị nhân bản. Văn chương lưu đày theo suy nghĩ của những văn hào lớn như Gordimer Nam Phi, Kundura Tiệp Khắc, Solzhenitsyn Nga, trở thành tiếng nói của lương tâm, trở thành sự phản kháng quyết liệt đối với mọi chế độ đàn áp tư tưởng, phủ nhận quyền sống của con người.

Lúc giáo sư Nguyễn Ngọc Bích đọc bài tham luận "Văn chương lưu đày của người Việt" năm 1985, có lẽ giáo sư dùng chữ "*lưu đày*" mà không có một chút e ngại hay mặc cảm nào, ngược lại có thể dùng chữ đó với đôi chút hãnh diện, như muốn nói với cử tọa quốc tế rằng giới văn nghệ sĩ trí thức tị nạn cộng sản Việt Nam không hề vì lưu vong mà bẻ bút, gặp khó khăn hội nhập nhưng vẫn tiếp tục lên tiếng tranh đấu cho tự do, cho nhân quyền.

Thế rồi dần dà chữ "*lưu vong*" mất dần trong ngôn ngữ chính thức của cộng đồng người Việt tị nạn. Nói gì thì nói, *lưu vong*, nghe vẫn có vẻ thê thảm, tuyệt vọng. Nó chỉ đúng với thời kỳ đầu, thời Thanh Nam viết "Khúc ngâm trên đất tạm dung":

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Ta như giông bão tan rồi hợp
Trôi giạt còn hơn sống dại dương
"Lận dận bên trời chung một lửa..."
Say càng chua, tỉnh càng thương.
Tháng năm xa mãi thời hoa mộng
Râu tóc thêm gần với tuyết sương
Trên dất tạm dung, đời tạm trú
Còn gì ngoài mối hận mênh mang.

Thời Cao Tần đặt ra những câu hỏi:

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lê n nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới.
"Ta làm gì cho hết nửa đời sau?
"

Nhưng cái chết tuyệt vọng thê thảm của chữ *lưu vong* lại không đúng với thơ truyện một lớp cây bút vượt biên sang sau, phần lớn những người này biết sẽ làm gì trong phần đời còn lại của mình, thành công hay không chưa biết, nhưng không đến nỗi lạc lõng hoang mang như tâm trạng lưu vong trong thơ Thanh Nam và thơ Cao Tần.

Nhiều cây bút cũ đã viết từ trước 1975 ở Việt Nam sang xứ người vẫn tiếp tục viết. Một lớp những cây bút mới xuất hiện đông đảo. Sinh hoạt văn chương ở những nước ngoài Việt Nam của người Việt tị nạn ngày càng mạnh, cả lượng lẫn phẩm. Một vài phong trào chính trị thổi được luồng sinh khí vào văn thơ, chất tự tín gia tăng trong từng hàng chữ, từng trang báo.

Đã có người đặt thẳng vấn đề: có nên dùng chữ *văn học lưu vong* nữa hay không? Năm 1987, nhà thơ Đỗ Quý Toàn trong một bức tâm thư gửi cho nhiều văn hữu đề nghị phải dùng những chữ "văn chương chính thống" để thay thế cho "văn chương lưu vong", vì theo lý luận của nhà thơ, chỉ có loại văn chương bị Đảng và Nhà nước kềm kẹp không được phép nói đến sự thực của thân phận đất nước và dân tộc ở quốc nội hiện nay mới đáng bị gọi là *lưu vong*. Chữ *lưu vong* ở đây theo cách diễn tả ý tưởng của nhà thơ Đỗ Quý Toàn, có lẽ rất gần với chữ *vong thân*. Nghĩa là có nghĩa xấu.

Cho tới gần đây, qua những bài điểm sách hoặc tổng kết sinh hoạt văn học năm 1988, nhiều nhà phê bình dường như đã chọn một giải pháp trung dung: thay vì tỏ thái độ lạc quan hay bi quan về nền văn chương đang thành hình và phát triển ở bên ngoài Việt Nam, thay vì dùng những chữ *lưu dày, lưu vong* hay *chính thống* đặt sau chữ *văn học, văn chương* để xác định quan điểm của mình, người ta dùng một thuộc từ vô thưởng vô phạt, căn cứ vào phạm vi địa lý. Bùi Vĩnh Phúc trên Văn Học số 30 (tháng 7, 1988) dùng chữ *văn chương ngoài nước*. Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích trong bài "Một năm văn học nở rộ: Tiểu thuyết" (Văn Học số Tết Kỷ Tỵ) dùng chữ: *văn học Việt Nam hải ngoại*. Theo tôi, cứ "ba phải" như thế mà lại "phải chăng". Khả năng và triển vọng của nền văn chương này còn là một câu hỏi, sớm khóc thương cho nó hoặc sớm tung hô nó, sợ sau này đọc lại không ổn.

Thử tìm một bước ngoặt

Phải, lớp đầu tiên di tản ra nước ngoài sau 30-4-1975, trong hoàn cảnh và tâm trạng ê chề lúc đó, chẳng những khóc thương cho cuộc đời mình mà còn khóc thương cả đam mê viết lách của mình, không dám mơ ước có ngày lại được tham gia vào một sinh hoạt văn học đông vui như ngày hôm nay.

Tôi còn nhớ vào những ngày hạ tuần tháng 4-1975, trước khi theo đi theo nhân viên đài Mẹ Việt Nam ra Phú Quốc để sẵn sàng di tản sang Mỹ nếu Sài Gòn thất thủ, nhà văn Võ Phiến có đến chỗ tôi làm việc để giã biệt, tặng tôi cả tủ sách quý giá của ông và gửi giữ hộ một số bản thảo đã đăng báo nhưng chưa xuất bản thành sách. Lúc chia tay, tôi thấy mắt ông rưng rưng xúc động. Ông nói thôi từ nay không còn viết lách gì nữa, chỉ mong những bản thảo này nếu về sau có cơ hội, ông nhờ tôi phổ biến hộ, để thất lạc quá uổng. Tôi hiểu được tâm trạng chán nản của nhà văn đàn anh tôi tôn kính, nhưng không hiểu ông nghĩ thế nào mà còn hy vọng tôi có thể in ra và phổ biến những bản thảo của ông, dưới chế độ cộng sản mà ông đã biết quá rõ. (Về sau này, tháng 10 năm 1976 lúc tôi bị bắt lần đầu và nhà bị công an đến khám xét, các bản thảo ấy một phần bị tịch thu mang đi, một phần bị vợ tôi sợ quá đem giấu hoặc đốt nên thất lạc). Phần những người ở lại thì sợ hãi trước chính sách khủng bố văn nghệ sĩ miền Nam không viết lách gì được đã đành. Những người cầm bút ra đi an toàn năm 1975, trong cuộc đổi đời khủng khiếp ấy, lo chuyện nơi ăn chốn ở và chuyện mưu sinh đã đủ mệt, nói gì tới viết lách. Mà viết gì bây giờ? Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ chỉ trong vòng 55 ngày, thất bại trong tủi nhục vì sự vô trách nhiệm và hèn nhát của cấp lãnh đạo, nên cuộc đời ai nấy đều đầy dẫy những ân hận, tiếc nuối. Chính sách ban đầu của các nước đệ tam, như ở Hoa Kỳ, là chính sách phân tán mỏng những người tị nạn Việt. Hơn 150,000 người "di tản buồn" bị rải tứ tán khắp nơi theo các hội thiện bảo trợ, vừa ra khỏi các trại là phải đi làm việc ngay, có người bán xăng ở những tiểu bang lạnh lẽo hẻo lánh, có người hái trái cây ở những nông trại. Đời mình coi như bỏ, ngất ngư vì áo cơm:

Thiên đàng mày hụt thì tao đang sống
Cũng ngất ngư đời như... con củ khoai.

(Thơ Cao Tần)

ai cũng chỉ còn hy vọng cho đời con cái, thấp thỏm lo con cái không nghe hiểu nói được tiếng ngoại quốc. Hồi đó chưa ai lo con quên tiếng Việt, mà chỉ lo con không thông tiếng Mỹ, tiếng Pháp.

Giữa cảnh sống và tâm trạng ấy, văn học hải ngoại chết lịm suốt thời gian ba bốn năm đầu

không có gì là lạ. Báo chí Việt, băng nhạc Việt được tiêu thụ mạnh thời gian đầu chưa phải là dấu hiệu tích cực. Đó chỉ là những bám víu, vồ vập vào kỷ niệm trong hoàn cảnh sống xa lạ, tự thấy mình bị chìm trong một nền văn hóa khác, nếp sống khác. Một số tác phẩm được thành hình trong giai đoạn này như *Thư gửi bạn* của Võ Phiến, *Thơ Cao Tần* của Cao Tần *Đất Khách* của Thanh Nam đều là ghi nhận bằng văn chương của tâm trạng chung thời kỳ này. Lớp nhà văn di tản 1975 nói về lượng cũng khá đông, họ cũng cố gắng tập hợp tiếp nối một sinh hoạt bị dở dang vì thời thế. Nhưng, như nhà văn Võ Phiến nhận định trong bài "Ghi nhận về văn chương lưu vong" (Ngày Nay số 142, 15-8-87):

"Sự cố gắng ấy cũng chẳng lớn lao mấy. Sau cuộc đổi đời, một lớp người não nề thấy rõ. Các tác giả trong nhóm Quan Điểm từ chối tiếp tục, có viết chăng là thỉnh thoảng một bài thơ gửi cho tờ báo bạn, hay một cuốn sách luận về kinh, về đạo, thế thôi.

Lớp trẻ hơn cũng không hẳn viết lách suông sẻ. Lê Tất Điều, Viên Linh, Túy Hồng, Trùng Dương ... có lúc hoạt động hăng hái có lúc tự dưng im bặt. Nhiều vị khác đứng ra chủ trương những tờ báo để phát huy sinh hoạt văn học, phát huy các tài năng mới, còn tự mình thì cũng chỉ lai rai một vài bài thơ, lâu lâu một thiên hồi ký. Văn nghiệp sau 1975 của họ không có gì đáng kể, phần chính vẫn thuộc về thời kỳ trước."

Nhà văn Võ Phiến tự họa và đồng thời cũng nói giúp cho các văn hữu cùng di tản đợt đầu với ông. Khác với tâm sự tuyệt vọng lúc ông chia tay với tôi ở Sàigòn, qua Hoa Kỳ ông cũng cố gắng duy trì sinh hoạt cũ. Ông viết tùy bút, truyện dài, hợp tác với nhà văn Lê Tất Điều cho xuất bản tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật*. Nhà văn Thanh Nam thì chủ trương tờ *Đất Mới* ở Seattle. Nhà thơ Viên Linh thì cho tái tục *Thời Tập* ở Washington DC. Cũng ở Washington DC xuất hiện tờ *Việt Chiến* do nhóm những người viết trẻ tích cực gồm Hoàng Xuân Sơn, Ngô Vương Toại, Giang Hữu Tuyên. Nhà thơ Du Tử Lê chủ trương *Nhân Chứng*. Trừ *Đất Mới* được chính quyền trợ cấp theo chương trình xã hội dành cho tị nạn nên sống dai, các tờ tạp chí văn học khác đều vắn số ... Dấu chữ Việt chưa có, công in cao, sách báo bày bán với nước mắm hột vịt, hàng có đưa mà tiền không thu về được, tình trạng chung thường thê thảm.

Phải chờ đến khi phong trào vượt biển trở thành vấn đề thời sự làm xúc động lương tâm của cả thế giới, thì mới có biến chuyển lớn trong tâm trạng người cầm bút lẫn tâm trạng độc giả.

Cuộc vượt biển vĩ đại và bi thương chưa từng có trong lịch sử Việt Nam phơi bày cho thế giới thấy thực chất của chế độ đang cầm quyền ở Việt Nam. Cuộc di tản năm 1975, lâu nay vẫn bị xem như một cuộc tháo chạy thoát thân, với nhiều mặc cảm nặng nề tiếp theo nhờ vụ vượt biển từ 1979 trở đi, trở thành một cuộc đi tìm tự do, một quyết định sáng suốt. Số người vượt biển ngày càng nhiều, trong đó có nhiều nhà văn nhà thơ có kinh nghiệm sống dưới chế độ cộng sản sau 1975. Họ biết rõ vì sao mình ra đi, và nếu đi thoát được, lớp di tản sau cũng biết rõ mình phải làm gì.

Có thể nói lớp vượt biển sau tuy hành trình đi tìm tự do gian nan nguy hiểm hơn lớp di tản 1975, nhưng khi được định cư, họ có nhiều may mắn hơn lớp trước. Họ sang vào lúc những người Việt sống tứ tán khắp nơi đã tập trung lại thành cộng đồng, các cơ sở kinh doanh buôn bán của người Việt đã mọc lên và phát triển nhanh. Các thảm cảnh vượt biển làm rúng động thế giới, nên quy chế trợ cấp xã hội và huấn nghệ ở các nước đệ tam tỏ ra dễ dàng, dành nhiều ưu tiên cho người tị nạn. Số người đọc tăng, số người viết tăng, báo chí Việt phát triển, do đó từ 1979 đến khoảng 1981, tuy số lượng sách Việt xuất bản hằng năm còn ít, nhưng rõ ràng đây là thời kỳ chuyển mạch thuận lợi để văn học Việt Nam hải ngoại bắt đầu phồn thịnh từ năm 1982 cho tới nay.

*

* *

Khả năng và hạn chế

Trong một cuộc mạn đàm với anh chị em trẻ lớp báo chí do nhật báo *Người Việt* tổ chức mùa hè năm 1988 vừa qua, cao hứng tôi có ví von so sánh văn học Việt Nam hải ngoại với một chiếc xe hơi máy tốt khỏe nhưng không có giấy bảo hiểm.

So sánh như vậy có hơi sơ sài tùy tiện, nhưng sẵn cơ hội này tôi muốn khai triển câu ví von ra cặn kẽ hơn, tìm hiểu phần nào các khả năng triển vọng của văn chương hải ngoại sau 14 năm hình thành và phát triển, cũng như nhận diện các hạn chế của nền văn chương ấy.

Chưa cần tỉ mỉ ngồi thống kê, chỉ lướt qua một số hiện tượng, chúng ta đã thấy nền văn chương hải ngoại hiện nay có nhiều dấu hiệu "tốt, khỏe" đáng mừng.

Cách đây hơn hai năm, anh Bùi Bảo Trúc nhận trách nhiệm bài vở cho mục Điểm sách Việt Hải ngoại của đài phát thanh Việt ngữ Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA). Nhận trách nhiệm mới, anh Trúc không ngại công phu đọc sách và điểm sách hàng tuần, mà chỉ ngại không có sách Việt đủ giá trị để giới thiệu cho 60 triệu thính giả ở quê nhà qua làn sóng điện đài VOA. Thế mà chương trình đó đã kéo dài trên hai năm, chưa kể chương trình đọc truyện ngắn hải ngoại của đài BBC. Trên hai năm qua anh Trúc đã

điểm hơn 100 cuốn sách Việt xuất bản ngoài nước Việt Nam, nhiều đồng bào sang sau chưa đặt chân lên đất mới đã biết rõ những tác giả nào ở hải ngoại đang được mến chuộng, cuốn sách nào được nhắc nhở nhiều lần hoặc đã gây tranh luận sôi nổi. Có trường hợp người sang sau lại rành rõi sinh hoạt văn học hải ngoại hơn người đã ở hải ngoại từ lâu.

Tầm mức hoạt động và ảnh hưởng của nền văn học này là một thực tế không thể làm ngơ được, trở thành một đối tượng cần phải theo dõi và đối phó của chính quyền Hà Nội và các cơ quan ngoại vi ở nước ngoài. Một thế hệ viết trẻ xuất hiện, ngay từ tác phẩm đầu tay đã tỏ ra già dặn lão luyện. Các nhà xuất bản đã tự đứng được tuy còn chật vật, số lượng in tăng lên, các nhà sách kèm theo phát hành băng nhạc và video mở ra ở khắp nơi, tránh cho người cầm bút cảnh bẽ bàng thấy tác phẩm của mình bị bày ở nơi chợ búa ô hợp. Khác với các bộ môn văn nghệ khác như kịch nghệ, điện ảnh, âm nhạc, hội họa ... bị dậm chân tại chỗ hay chết mòn theo thời gian, văn học hải ngoại là bộ môn duy nhất tỏ ra còn sung sức, chạy tốt, chạy khỏe.

Đây là nguyên do của thực tế đáng mừng ấy?

Về phía người viết:

Phải công nhận người cầm bút hiện nay tại hải ngoại có quá nhiều chất liệu để sáng tác. Chưa có giai đoạn nào trong lịch sử Việt Nam hiện đại có nhiều biến động như giai đoạn này. Hãy thử đọc lại tiểu thuyết thời Tự Lực Văn Đoàn. Không khí xã hội và tâm tình thời bấy giờ, tuy có biến động, nhưng là những biến động nhỏ. Nhà văn, cả nhân vật truyện, chỉ mới phải đối phó với những vấn đề nhỏ. Chuyện mẹ chồng nàng dâu. Chuyện cường hào ác bá. Chuyện cổ tục lỗi thời. Chuyện ho lao thất tình. Quá lắm cũng có những người dám quyết định thoát ly, nhưng quyết định đó cũng êm ả thoải mái quá. Đó là những vấn đề của thời bình, những đau buồn sướng vui của thời bình.

Ngược lại, cuộc đời những người cầm bút hiện nay tại hải ngoại dữ dội, sóng gió biết bao nhiêu. Không cần tưởng tượng thêm thắt, nhiều người chỉ cần kể lại cuộc đời họ đã đủ thành một cuốn tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm. Súng đạn, chết chóc, tù tội, vượt ngục, vượt biển, đột ngột sống ở một nơi chốn lạ hoắc, bấy nhiêu điều không phải là hiếm hoi trong cuộc đời nhiều người. Chất liệu sáng tạo văn học dồi dào sống động, vượt xa khả năng tưởng tượng hư cấu. Đó là một động lực quan trọng.

Cơ hội để xuất hiện, hay nói đúng hơn, cơ hội để giới thiệu tác phẩm của mình với người đọc, cũng dễ dàng. Báo chí Việt ngữ hiện nay có quá nhiều. Nơi nào có độ 1,000 người Việt là trước sau cũng có một tờ báo. Ra đủ dạng, đủ cỡ, nhất là báo biếu và báo lưu hành hạn chế trong nội bộ một tổ chức. Viết một bài tạm được, không đến nỗi tối ý, không sai văn phạm không có ý nào có thể gây hiểu lầm lôi thôi (nếu tiện tác giả đánh máy sẵn đúng kiểu chữ cột chữ của tờ báo) thì chắc chắn bài đó được cho đăng, không báo này thì báo khác. Báo biếu địa phương phần lớn sống bằng quảng cáo, tài chánh eo hẹp nên không có tiền và thì giờ nhờ người viết bài và đánh máy xếp trang, được tác giả lo cho hết mọi sự thì mừng lắm, cắt dán vào liền. Trước kia ở Việt Nam, muốn có truyện ngắn hoặc một bài thơ được đăng báo không phải là dễ. Được đăng trên các tạp chí chuyên về văn chương lại càng khó hơn. Không thiếu những cây bút mới có tài nhưng không có kiên nhẫn đã bỏ cuộc. Ở hải ngoại, không cần kiên nhẫn nhiều vẫn được đăng bài, có tài hay không là chuyện khác.

Tiến bộ của kỹ thuật ấn loát cũng là một nguyên do tốt cho văn học hải ngoại phát triển. Cái thời dùng máy chữ quả cầu IBM xếp chữ rồi xúm lại bỏ dấu đến mờ mắt của những năm 70 đã qua. Hệ thống xếp chữ bằng quang điện toán (phototypesetting) phát xuất từ đầu thập niên 80 làm hào hứng người viết lẫn người đọc, chữ Việt có dấu đẹp đẽ rõ ràng thay cho những trang chữ in đầy dấu sắc dấu hỏi râu ria rối mắt. Cho đến gần đây kỹ thuật desktop làm đảo lộn nghề in một lần nữa. Với một món tiền tương đối không lớn, người ta có thể tự viết tự xếp chữ và tự in lấy, với một chiếc máy computer cá nhân và một cái máy in laser. Kỹ thuật ưu đãi người cầm bút, vấn đề còn lại là liệu người cầm bút có đủ bản lãnh và tài năng để viết hay không mà thôi!

Nói như vậy có lẽ hơi "chơi ép" anh em cầm bút. Giống như dẫn người cầm bút lại một chiếc xe sport mới tinh, xăng nhớt đầy đủ, rồi bảo: "Đấy, xe đời 89, có giỏi chạy một đường là lướt coi!"

Người cầm bút bị đặt vào cái thế rất khó xử. Nếu sống dưới chế độ cộng sản chuyên chính về tư tưởng, viết không được thì đã có một cái cớ chính đáng để đổ thừa: viết theo lệnh nhà nước thì viết làm gì. Trước 1975 ở miền Nam có người đã đổ thừa cho sở phối hợp nghệ thuật, sở kiểm duyệt, cho nhà xuất bản, nhà phát hành Đồng Nai, Thống Nhất, bảo vì bọn đó mà tôi không viết được như ý, vì bọn đó mà nhiều đoạn tuyệt tác bị đục bỏ, vì bọn đó mà sách tôi bị bỏ kho không phát hành.

Ở hải ngoại hiện nay, không còn đổ thừa được nữa. Muốn viết gì thì viết, muốn in gì thì in, muốn gửi đi đâu sở bưu điện công ty vận chuyển UPS không đòi kiểm soát nội dung ấn phẩm. Như vậy thì còn gì nữa mà không leo lên xe phóng một đường vi vút.

Mọi sự trên đời không đơn giản như vậy. Lúc đó, lúc đứng trước chiếc sport mới toanh đời

89 đó, người cầm bút mới thấy hết cái gánh nặng của tự do. Nhiều nhà văn Nga hoặc Đông Âu sống lưu vong ở Pháp viết rất rõ về tâm trạng phức tạp này. Họ viết hăng viết hay khi còn sống dưới chế độ đàn áp, dù phải viết lén và in lậu, dù phải thấp thỏm chờ đợi các trừng phạt tàn nhẫn của chế độ ấy. Khi ra sống lưu vong, được tự do, họ lại không viết được nữa. Họ cảm thấy hụt hẫng, cảm thấy những điều họ quan tâm như hậu quả của chủ nghĩa cộng sản, sự phi nhân của các chế độ độc tài, quyền được suy nghĩ độc lập ... trong xã hội tự do tư bản, không ai màng quan tâm tới cả. Họ bực bội, chê trách người khác vô trách nhiệm, thiếu cảnh giác, xã hội chung quanh khó chịu nhìn họ, khinh bỉ quay đi. Solzhenitsyn đã trải qua kinh nghiệm ấy rồi mới thu mình tự cô lập ở một khu riêng biệt ở Vermont. Kundura ban đầu phẫn nộ rồi đâm ra khinh bạc. Nhiều người không lên xe, do tình trạng tâm lý mâu thuẫn phức tạp đó. Thay vì tìm được các chiến hữu, người cầm bút lưu vong chỉ gặp sự lạnh nhạt, chưa kể cái cuốn hút đáng sợ của việc cạnh tranh và thị hiếu. Đấy là nói về tâm trạng hụt hẫng chung của tất cả mọi người cầm bút lưu vong.

Riêng đối với giới cầm bút Việt Nam ở hải ngoại, con đường trước mặt không phải luôn luôn rộng rãi, tráng nhựa bằng phẳng, để cứ an tâm phom phom lái xe tới.

Khác với các sắc dân thiểu số di cư qua Âu Châu, qua Hoa Kỳ theo từng đợt nhỏ, người tị nạn Việt Nam ra đi ồ ạt theo số lớn đợt một trên 150,000 người rời quê hương năm 1975, từ 1979 ồ ạt vượt biển nhiều hơn nữa, trong vòng 10 năm đưa tổng số người Việt sống rải rác trên khắp thế giới lên tới trên một triệu người. Trên một triệu người đó lại trở thành đầu cầu để từ nay về sau sẽ có hàng triệu người khác ra đi theo quy chế di dân đoàn tụ bình thường, dù phong trào vượt biên có bị chấm dứt. Gần như thời thế đã đưa nguyên cả một guồng máy quốc gia sang đặt ở nước ngoài, trong đó có tổ chức của văn hóa văn nghệ. Khi cần lên tiếng chung phản kháng một vụ đàn áp văn nghệ sĩ ở Việt Nam, hoặc trên một trang phân ưu nào đó của giới văn chương, tên tác giả in đặc cả trang giấy, đếm ra thì gần đến hai phần ba số người cầm bút cũ ở miền Nam. Trong cuốn tuyển tập thơ văn do Văn Hữu in năm 1982, nhà văn Võ Phiến đếm được 90 tác giả, trong đó có 28 người mới viết sau 1975.

Trong cuốn thơ văn Việt Nam hải ngoại do nhà xuất bản Sông Thu in năm 1985, tập 1 đã phát hành có 60 tác giả, trong đó có 12 tác giả mới. Tập 2 chưa phát hành có 44 tác giả, trong đó có 21 tác giả mới. Từ 1985 đến nay, đã có thêm nhiều cây bút mới gạo cội xuất hiện. Một lực lượng cả cũ lẫn mới thật đông đảo ...

Nhưng điểm lại những tác giả có tên trong các bản lên tiếng chung, so sánh vơi số sách được xuất bản, mới thấy một số không ít nhà văn nhà thơ không viết được gì suốt bốn, năm năm dài. Phần lớn các tác giả di tản đợt đầu đã ngưng viết, hoặc chỉ viết lai rai. Số những cây viết cũ xuất hiện ở miền Nam từ trước 1975 qua hải ngoại tiếp tục viết còn có Nhật Tiến, Duyên Anh, Thế Uyên, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Mộng Giác, Đặng Phùng Quân, Định Nguyên. Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn Văn Sâm là những trường hợp đặc biệt, ở quê nhà họ viết ít trong khi ra nước ngoài tài năng của họ mới phát triển trọn vẹn, tràn đầy. Hiện tại, lớp cầm bút này giữ vai trò tích cực trong sinh hoạt văn học hải ngoại, vì họ còn khai thác được những kinh nghiệm nhiều năm sống dưới chế độ cộng sản, trong khi lớp di tản 1975 thiếu tự tín vì nghĩ mình thiếu kinh nghiệm mới, còn những kinh nghiệm cũ trước 1975 thì đã khai thác hết.

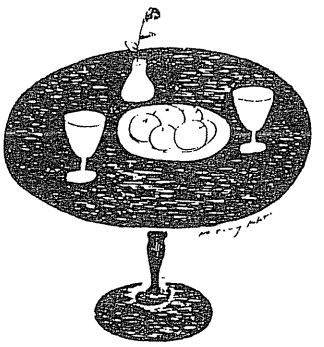

Một lớp người viết mới đông đảo và hùng hậu đã thành hình, tuổi tác thân thế nhiều khi khác nhau nhưng có cùng một niềm hăm hở sáng tạo. Trong số này, chiếm quá nửa là những cây bút nữ, và rất ít người viết thuộc lứa tuổi từ 20 đến 30. Đó là một dấu hiệu đáng ngại, vì khi nào một nền văn học có chân đế rộng rãi ở lứa tuổi 20 đến 30, nền văn học đó mới thực sự mạnh khỏe. Vì sao vậy? Có lẽ phải tìm hiểu thêm về phần người đọc.

Về phía người đọc

Hiện chưa có một công trình khảo sát thống kê nào để biết số lượng độc giả nuôi sinh hoạt văn học hải ngoại, về phương diện địa dư, được phân chia như thế nào, và số tuổi của độc giả ra sao.

Xét theo địa dư, hiện số độc giả sách Việt cư ngụ tại vùng Bắc Mỹ là cao nhất, tiếp theo đó mới tới Âu Châu và Úc Châu. Tại Bắc Mỹ, số độc giả nhiều ít tùy thuộc vào mật độ tập trung của các cộng đồng người Việt. Đông đảo nhất là vùng Nam tiểu bang California Hoa Kỳ, nhất là ở hai hạt Los Angeles và Orange. Tiếp theo đó là tụ điểm như San Jose, Seattle, Houston, Washington DC, Ottawa, Québec. Ở Âu Châu, tụ điểm văn hóa là Paris, ở Úc Châu là Sydney ở bang New South Wale. Con số độc giả rải rác khắp thế giới đạt

một khó khăn lớn lao cho việc phát hành. Bưu phí phát hành sách báo quá cao, số sách báo đến các tụ điểm xa vừa mất thời gian tính lại vừa cao giá, vô tình gạt bớt một số người ham đọc nhưng lại thiếu tiền. Thử tưởng tượng một tác giả tự in lấy sách của mình, in 1,000 cuốn chẳng hạn. Sách ra gói thành kiện nhỏ gửi đi khắp phương, có nơi cách cả đại dương rộng, sách tới nơi nhận phải hai ba tháng sau. Sáu tháng sau mới có hồi âm cho biết sách bán chạy hay ế, và thu được tiền về không phải dễ. Chịu chơi được một lần, kết quả mơ hồ khả nghi, phải có gan lắm mới dám thử lần thứ hai. Sẽ có nhiều tác giả chỉ có một tác phẩm là vì vậy.

Nhưng điều kiện địa lý chưa đáng lo cho bằng vấn đề tuổi tác của độc giả. Hiện chưa có cuộc khảo sát khoa học nào về vấn đề này, nhưng theo dò hỏi các nhà xuất bản và hiệu sách, thì lớp tuổi đọc sách báo Việt nhiều, không phải là lớp trẻ. Hiện tượng này trái ngược với Việt Nam thời trước 1975.

Trước 1975 tại miền Nam, số người ham đọc tạp chí văn chương và sách báo nhất là lứa tuổi học sinh sinh viên. Chính lứa tuổi này cung cấp đa số độc giả và sản xuất những người viết mới. Thông thường, một cây viết mới thường xuất hiện ở khoảng tuổi từ 20 đến 30. Quá cái tuổi "tam thập" mà không "lập" thì họ bỏ cuộc. Ở hải ngoại hiện nay, cứ lấy mẫu khảo sát là đơn vị gia đình, rõ ràng lớp con cái hiện đang học trung học hay đã vào đại học rất ít đọc sách Việt. Thú tiêu khiển thông thường là xem TV và thể thao, họp bạn. Ở các nơi hẻo lánh ít người Việt, lớp trẻ đã quên tiếng Việt, quá lắm là nói được nhưng không đủ chữ để đọc. Ở những tụ điểm đông hơn, lớp trẻ nói, nghe, viết được tiếng Việt, nhưng xa lạ với những gì sách báo Việt đề cập tới, nên không đọc. Số người đọc thu gọn lại trong lớp tuổi từ 30 trở lên, tức là lớp tuổi bắt đầu trưởng thành có nhiều kỷ niệm với đất nước trước khi theo cha mẹ di tản hoặc các lớp tuổi qua nửa đời người sống chết với quê hương, nửa đời sau vẫn còn vương vấn không dứt được. Một số nhỏ độc giả lớp trẻ thuộc những thanh niên thiếu nữ có ý thức chính trị và xã hội, cũng như những người trẻ mới qua. Số này không nhiều.

Độc giả lớp già sẽ bỏ sách vì mất kém hoặc vì mệt mỏi chán hết mọi sự, lớp trẻ không trám được chỗ trống, hệ quả tất nhiên là số độc giả sách Việt sẽ xuống, nếu làn sóng di dân bị khựng lại và nếu không có những nỗ lực lớn lao của các cộng đồng để duy trì và phát triển Việt ngữ. Hiện tại, theo dò hỏi riêng của chúng tôi, sách văn chương tại hải ngoại được ấn hành với con số trung bình 1,500 bản mỗi cuốn tiểu thuyết hay khảo cứu, và 500 bản cho thơ. Tạp chí văn chương thì ấn bản du di từ khoảng 1,000 đến 1,500. Truyện Nguyễn Ngọc Ngạn được xem là ăn khách nhất hiện nay, in lần đầu cũng chỉ được 2,000 bản. Những cuốn sách bán chạy thuộc loại gây tò mò hoặc tranh luận phần lớn là hồi ký, thuộc hẳn một phạm vi khác không bàn tới ở đây.

Xem con số ấn bản như trên, chúng ta thấy tuy đã đáng mừng nhưng chưa cao. Chưa bảo đảm cho tác giả mạnh dạn viết sách, nhà xuất bản mạnh dạn in, nhà sách mạnh dạn nhận sách để bán. Cho tới nay, nhiều nhà sách vẫn phải dựa vào nguồn lợi chính là băng nhạc và cho thuê băng video.

Có hiểu rõ những khó khăn đó mới thấy để viết và xuất bản cho được bấy nhiêu sách, tạo ra được một nền văn học hải ngoại có tầm vóc trong những năm qua, nhiều người cầm bút đã phải cố gắng dẹp bỏ bao nhiêu là chán nản, cam go để cho tác phẩm đến tay người đọc, các tạp chí văn chương đã phải chịu đựng thế nào để gắng tồn tại cho đến nay, làm chỗ gặp gỡ và giới thiệu cho những cây bút mới xuất hiện.

Không có báo chí và nhà xuất bản thì không có một nền văn học hải ngoại thành hình. Trong lúc đó, báo chí và xuất bản rán tồn tại cho tới nay, trên thực tế, chỉ do những đam mê và cố gắng của vài cá nhân. Cộng đồng Việt Nam chúng ta không có truyền thống và tổ chức yểm trợ văn hóa như các cộng đồng Do Thái hay Trung Hoa, có vận động cũng không thể được vì đi ngược với "bản sắc dân tộc". Cả một công trình lớn như vậy lại chỉ dựa vào sức vóc một số người, cái mong manh của sinh hoạt văn học nằm ở chỗ đó. Tôi đã ví von so với chiếc xe chạy không có bảo hiểm là vì vậy.

Mọi sự có vẻ bi quan như thế không? Tôi nghĩ là "không". Vì số người đam mê vác ngà voi vẫn còn nhiều, người này đuối sức thì đã có kẻ khác nhảy vào thay thế. Người này bỏ sách xuống muốn quên Việt Nam đi thì đã có những người mới từ Việt Nam qua mang theo những kinh nghiệm mới, nhóm lại ngọn lửa mới. Viết sách, in sách, ra báo, hội họp tuy không phải là một business, nhưng là lẽ sống, một phương cách đi tìm "identity" của nhiều người Việt sống lưu vong. Chính đó là sức mạnh trường cửu, là nguồn sống nuôi dưỡng cho văn học hải ngoại.

Năm năm trước đây, có người đã lo năm năm sau không còn sách báo Việt ngữ để đọc nữa. Nỗi lo ấy rõ ràng vô căn cứ. Năm nay 1989, người bi quan nhất cũng không dám tiên đoán hồ đồ, có tiên liệu bi quan thì cũng lo chuyện 10 năm sau.

Mười năm đó biết bao thay đổi xảy đến, nhất là thập niên cuối của thế kỷ 20. Chúng ta vẫn còn nhiều hy vọng, cho văn học hải ngoại, và cho cả vận mệnh dân tộc.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

ĐÀN BÀ

HẢI VÂN

Từ nhỏ, hắn đã sợ đàn bà.Sợ lắm. Mãi sau này, khi phân-biệt được người nào là đàn bà, người nào không phải là đàn bà, hắn mới lấy vợ. Tính theo tuổi ta, năm ấy hắn ba mươi. Dĩ-nhiên, vợ hắn không phải là đàn bà. Nàng là người bạn đường, là người hắn yêu-thương, là mẹ của mấy đứa con ngoan ngoãn.

Theo lẽ thường, cái gì cũng có lúc chấm dứt. Hạnh-phúc của hắn cũng vậy. Vợ hắn bỏ hắn.Nàng không còn là bạn đường của hắn nữa.

Lang-thang một mình, hắn sang Mỹ. Ở hết tiểu-bang này đến tiểu-bang kia. Mỏi chân, hắn định-cư ở California.

Sở hắn có vài người Việt-Nam.Kinh-nghiệm phũ-phàng làm hắn trở thành khác-lạ. Thấy đàn bà con gái hắn coi như không có. Khi trò-chuyện, hắn không bao giờ tiếc lời. Có mặt ai cũng kệ. Không phải chỉ có đàn bà mới động lòng; đôi khi đàn ông cũng khó chịu.

*

"Ông Khương, tại sao lúc nào ông cũng hằn-học với đàn bà?"

Câu hỏi của Như-Cúc - người cùng sở - làm hắn lúng-túng đến mấy giây.

"Tại sao bà hỏi tôi như vậy?"

"Mỗi lần nhắc tới đàn bà thì ông nặng lời. Đàn ông cũng có người tốt người xấu. Đàn bà cũng có người xấu người tốt. Không phải người đàn ông nào cũng tốt, người đàn bà nào cũng xấu."

"Bà lý-luận hay quá à. Bà có phải là loại người tôi thường nói không?"

"Đúng. Tôi là đàn bà. Lúc nào ông cũng một giọng như vậy thì còn ai muốn nói với ông nữa."

"Con mẹ này muốn gì đây?" Hắn cẩn-thận nhưng không chịu thua:

"Tôi hỏi thật bà. Bà giống những người ấy không? Bà có nay người này mai người khác không? Nếu không phải thì sao bà động lòng? Nếu phải thì cho tôi biết để từ nay tôi tránh bà. Tôi thì ghê-tởm những người như vậy lắm lắm."

"Ông nói gì lạ vậy? Tôi không phải là hạng người ông vừa kể, nhưng tôi là đàn bà. Ông chửi đàn bà thì tôi động lòng."

"Thế này là định gây chuyện đây." Hắn nhẹ nhàng hơn:

"Có thể bà hiểu lầm tôi. Hiểu lầm nhau dễ mất lòng nhau lắm. Cho đến giờ phút này, đối với tôi, bà là người làm cùng sở. Để tôi giải-thích quan-điểm của tôi cho bà nghe.Tôi lấy thí-dụ cách xưng hô của người Việt-Nam và Người Tầu.Người Việt-nam bây giờ xưng "con" với bố mẹ; xưng "anh" với vợ; xưng "em" với chồng; xưng "bố mẹ" với con cái; "mày tao" với bạn bè thân. Người Tầu thường chỉ có chữ một chữ "ngã". Với người nào cũng xưng là "ngã". Nhưng không phải như vậy là họ không biết lễ-phép đâu. Người Việt-Nam ở trường-hợp khác nhau, cách xưng-hô khác nhau. Người Tầu ở trường-hợp khác nhau, tuy chỉ có một chữ "ngã", nhưng nghe giọng nói và nhìn dáng-điệu thì thấy có nhiều thứ "ngã" khác nhau. Về trường hợp chữ "đàn bà" của tôi cũng vậy. Cùng là một chữ "đàn bà" nhưng có nhiều nghĩa khác nhau. Tôi nhận tôi có mạt-sát một số đàn bà. Một số thôi. Trong khi ấy, có thể bà hiểu đàn bà theo một nghĩa khác:những người đàn bà trong đầu bà có thể khác với những người đàn bà tôi thường nói."

"Ông nói sao tôi không hiểu. Tôi chỉ thấy ông mạt-sát đàn bà thì tôi khó chịu thế thôi!"

"Xưng hô có nhiều cách, hai chữ "đàn bà" có nhiều nghĩa. Không phải người nào cũng như người nào. Chính ông Đính cũng hiểu lầm như vậy mà có lần đã cự tôi. Bà thấy không? hồi này ông ấy cũng hăng như tôi vậy."

"Ông chỉ ngụy-biện. Ông tưởng ông Đính vào hùa với ông là ông đúng sao?"

"Bà thấy tôi ngụy biện chỗ nào, cho tôi biết đi. Tôi với bà bắt đầu lại từ đầu."

Họ bắt đầu lại từ đầu nhiều lần. Hắn vẫn mạt-sát đàn bà. Như-Cúc vẫn một mực chống-đối.Chống-đối thì chống-đối, hai người vẫn nói với nhau hàng ngày.

"Tôi hỏi thật ông: có phải vì bà ấy bỏ ông mà ông thù-ghét đàn bà không?"

"Nếu đàn bà có người tốt như bà nói,tôi dại gì mà thù ghét. Nếu tôi thù ghét đàn bà thì tôi không nói chuyện với bà."

"Ông ngang quá-- không chịu phục thiện tí nào hết."

"Thế mà tôi tưởng tôi biết điều lắm đó. Bà có thấy bà nói gì tôi cũng nghe không?"

"Thôi đi. Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi. Nhất định vì vợ bỏ nên ông thù ghét đàn bà?"

"Để tôi trả lời bà. Trước hết, tôi chưa hề nói với bà về gia đình tôi. Tôi không muốn nói tới chuyện vợ bỏ hay bỏ vợ.Đó là chuyện cá nhân của tôi. Thứ hai, tôi và bà hiểu ý nghĩa hai chữ "đàn bà" khác nhau, không nên chống đối nhau."

"Được rồi. Tôi không chống đối ông. Tôi chỉ thắc mắc thôi. Cái gì thái quá cũng không tốt. Người ta bảo tôi ngày xưa ông đã có vợ. Về sau, vì lý do gì đó, vợ ông bỏ ông."

Hắn chúa ghét loại đàn bà tò mò, "tai họa của bao nhiêu thảm kịch."

"Bà có thấy tôi nói chuyện ngày xưa của tôi bao giờ không? Chuyện ngày xưa đã qua rồi. Nhắc tới làm gì? Hiện nay thì tôi không có vợ. Tại sao bà thắc mắc? Bà có ý tốt với tôi sao?Bà có định giới thiệu người nào cho tôi không?"

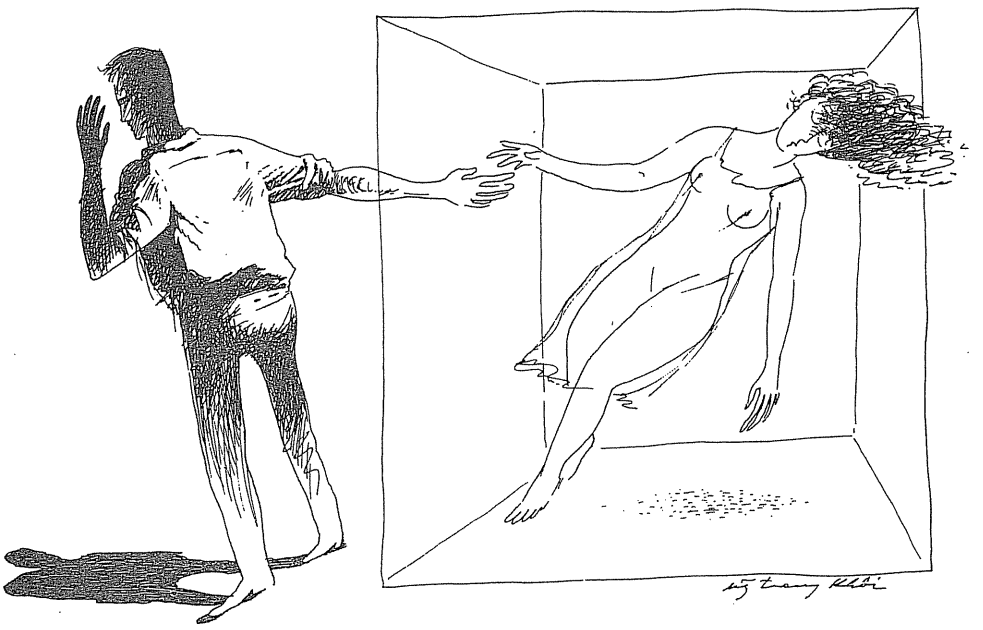

"Ngang như ông, ai dại gì mà giới thiệu!"

Như Cúc còn thêm:

"Ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu." Làm mai cho người ngang còn ngu hơn cái ngu nhất."

*

"Nhớ ai mà buồn quá vậy?"

"Bà biết tôi nhớ ai mà?"

"Nhớ ai?"

"Nhớ bà."

"Vớ vẩn cái ông này. Chỉ kiếm chuyện. Gặp một ngày hàng chục lần mà nhớ gì. Nhớ ai thì nói, việc gì phải kiếm chuyện."

"Thế thì bà bảo tôi nhớ ai?"

"Ông nhớ ai làm sao tôi biết được."

Có lẽ gặp nhau hàng ngày nên "quen hơi bén tiếng", hắn và Như Cúc không còn đốp chát về chuyện đàn bà con gái như mấy tháng trước. Không ai bảo ai, cả hai cùng tránh chống đối nhau. Thỉnh thoảng đã có những câu nửa đùa nửa thật. Hắn chưa bao giờ đối xử với ai như vậy. "Chẳng sao. Mỗi hoàn cảnh một khác. Giữ ý để làm gì? Đứng đắn cũng vậy thôi." Như Cúc đáp ứng vui vẻ, nên họ gặp nhau luôn.

"Bà Cúc ạ. Đêm hôm qua tôi nằm mơ thấy bà. Không biết là điềm gì đây?"

"Thật hả? Hay không?"

"Hay chứ. Không hay sao tôi nhớ."

"Kể đi."

"Khó kể lắm. Sợ bà bảo tôi cớt nhả."

"Cứ kể đi. Mơ mà ăn thua gì."

Hắn thêm thắt nhiều chi tiết. Mỗi lần ngừng, Như Cúc giục:

"Rồi sao nữa?"

"Chỉ có vậy thôi."

"Sướng mê đi còn làm bộ gì nữa."

"Chưa ăn thua gì thì đã tỉnh dậy."

"Tiếc hùi hụi phải không?"

Những ngày sau đó, thỉnh thoảng Như Cúc lại hỏi:

"Có mơ gì nữa không?"

Lần nào hắn cũng than:

"Ở đời đâu có dễ như vậy. Muốn lắm mà không được."

Như Cúc mách nước:

"Phải muốn nhiều thật nhiều mới thấy trong mơ được."

Dù có mơ cũng chẳng giúp hắn thoát khỏi sự đòi hỏi của con người. Nhiều lúc bị thân xác hành hạ; đau đớn, bực bội vô cùng. Trò chuyện với Như Cúc còn làm hắn khổ hơn. Lời ăn tiếng nói nới dần. Xem chừng "cá đã cắn câu."

"Hay là mình chủ quan?" Hắn chưa dám chắc. Hắn thử.

"Bà Cúc ạ!"

"Sao ông?"

"Tôi có một chuyện bí mật, bà có nghe không?"

"Nghe thì nghe."

"Bằng lòng hay không, cứ cho tôi biết; nhưng không được bảo tôi kiếm chuyện. Chịu không?"

"Chịu."

"Đây là chuyện thật. Nhiều hôm, nói với bà, tôi cảm thấy bồn chồn khác thường. Không biết tại sao. Hôm nào bà bôi thứ nước hoa tôi thích lại càng chết tôi hơn nữa. Tôi làm việc không được; cứ phải kiếm cách để đi tìm bà nói vài ba câu vớ vẩn."

"Nói thì nói, gặp thì gặp, mất mát gì đâu."

"Sự thật đâu có dễ như vậy. Nói cũng không hết. Có hôm càng nói càng khổ thêm."

"Thế thì đừng nói nữa."

"Không nói không được. Tôi đã thử rồi."

"Thế thì ông muốn gì đây?"

"Tôi không biết."

Đến đó, hắn đổi sang chuyện khác. Hôm sau, nhân lúc Như Cúc vui vẻ, hắn tiến thêm:

"Bà Cúc ạ. Có lẽ tôi phải lòng mặt bà mất rồi. Hôm nào không gặp mấy lần, thấy nhớ ghê."

"Ông này chỉ tầm bậy. Không sợ người ta nghe thấy sao?"

"Đó là sự thật mà."

"Có nhiều sự thật không nên nói."

"Bà Cúc ạ!"

"Gì ông?"

"Có nhiều lần tôi thấy nhớ bà quá chừng. Ức một cái là đang ở nhà nên không gặp bà được.. Có lần tôi nẩy ra ý nghĩ..."

Hắn ngừng lại, Như Cúc hỏi:

"Cái gì vậy?"

"Tôi nghĩ là: nếu tôi được ở gần bà, tôi sẽ tỉnh ra liền."

"Ai cấm cản gì ông."

"Lúc ấy đang ở nhà."

"Thì đợi hôm sau."

"Nếu đợi được thì khỏi phải nói. Mà giá như có gặp, cách xa như vậy..."

Như Cúc nhìn thẳng vào hắn, mỉm cười:

"Cái ông này! Thế mà cũng nói."

*

Đứng trong phòng trống, hắn phân vân, bứt rứt: hắn đang ở giữa con đường tự nhiên đã theo mấy tháng nay và mặc cảm tội lỗi. Những gì hắn đã làm chính hắn cũng không cản nổi. Hắn đã tự trách mình tầm thường, hèn kém, thiếu nghị lực, không có ý chí..., nhưng cuối cùng hắn vẫn đến chỗ hẹn với Như Cúc. Chỉ còn vài phút nữa Như Cúc sẽ ở trong vòng tay hắn, mặc cảm tội lỗi bỗng vùng lên. Xao xuyến nhưng lo ngại, hắn mong Như Cúc không tới. Nếu Như Cúc không tới, hắn sẽ "không hẹn nữa." Từ ngày ướm lời không bị phản đối, hắn biết Như Cúc thuộc về hắn bất cứ lúc nào, nhưng hắn lại chần chừ. Có lần Như Cúc phải nhắc:

"Tôi hiểu những người xa vợ như ông lắm. Không có gì thì cáu gắt. Thấy ông đi ra đi vào, tôi biết liền."

"Tại sao bà biết?"

"Tôi biết chứ sao không biết."

"Bà giỏi quá à?"

"Thôi. Tôi cho ông một giải pháp. Nửa phần trên tôi cho ông tự do."

Như Cúc muốn dẫn đường, hắn cố lùi lại. Hắn vẽ ra trước mắt tất cả những nguy hiểm có thể xảy ra. Nhưng lần nào cũng chỉ được vài ngày, khi xác thịt đòi hỏi, hắn lại lân la đến chỗ Như Cúc, nói bóng nói gió. Đến lúc Như Cúc bằng lòng, hắn lại lẩn tránh.

Một giờ trước, không thể cưỡng nổi sự ham muốn, hắn hẹn với Như Cúc.

"Muốn ra sao thì ra."

Bàn ra tán vào mãi, họ hẹn nhau xuống căn phòng bỏ trống ở ngay trong sở. Nghe tiếng giày, hắn hé cửa nhìn ra. Đúng là Như Cúc. Hắn khép cửa lại, đứng dựa vào tường nín thở. Hắn lo quá, chạy vội sang phòng bên cạnh. Chờ một lúc, không thấy động tĩnh. Hắn trở về phòng hẹn.

"Làm gì như gà mắc đẻ vậy?"

"Sợ người ta thấy."

"Thấy gì mà thấy. Nếu có tiếng động thì đừng nói nữa. Ai xuống đây làm gì. Cái phòng này để cả năm có người nào tới bao giờ đâu."

"Lỡ có người tới thì sao?"

"Ở đây trai gái nó ôm nhau là thường. Nó còn ôm nhau ở ngay trước mặt mọi người. Đàn ông gì mà nhát như cáy. Đóng cửa lại đi."

Hắn đóng cửa lại, đến trước mặt Như Cúc. Nàng hỏi hắn:

"Sợ lắm hả?"

Hắn gật đầu. Hai người nhìn nhau. Họ đứng gần nhau lắm. Hắn nhìn xuống áo Như Cúc. Chiếc áo vàng nhạt, hoa nhỏ mầu hồng. Tim đập dồn dập, lòng hắn nôn nao. Hắn rón rén hai tay cởi khuy áo thứ nhất của Như Cúc. Cởi mãi mà không được. Sợ chạm vào da thịt nàng, hắn kéo áo nàng ra xa một tí. Tới khuy thứ ba, hắn thấy rõ làn da trắng, trắng hơn mặt, hơn cổ. Hắn cúi vào gần hơn, thấy cả mấy sợi lông thật nhỏ, nhỏ lắm.

"Để tôi ra xem có ai không."

Hắn chạy ra cửa, mở he hé. Như Cúc nói với theo:

"Ra làm gì. Không có ai đâu."

"Lỡ có người thì sao."

Gió nhẹ thổi vào, đầu hắn bừng sáng. Hắn định chạy ra. "Bây giờ còn kịp." Hắn chưa chạm vào da thịt Như Cúc. "Bây giờ còn kịp."

"Có tiếng chân người."

Hắn lách ra ngoài. Bước được mấy bước, hắn ngừng lại. Hắn tiếc. Mùi thơm ngai ngái, mầu ngà mịn màng... Hắn thèm khát. Đã lâu quá rồi. Hắn quay lại nhìn vào. Như Cúc vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Da trắng ngần, mắt đăm đăm nhìn hắn như mời gọi. Giọng bình thường, nhưng quyết liệt, nàng nói như ra lệnh:

"Vào mau đi. Đã bảo không có ai mà. Đàn ông gì mà hèn quá vậy. Cái gì cũng sợ."

Hắn định giận. Nhưng không giận được. Tim hắn bồi-hồi-bồi-hồi. Hắn luống cuống. Không phải vì sợ, hắn nhịn không nổi nữa. Hắn bước vội tới Như Cúc, ôm chầm lấy nàng, hít vội hít vàng lên khoảng giữa hai cánh tay áo đã mở sẵn, thơm ngát, êm êm. Hai tay Như Cúc ôm chặt hắn.

*

"Chào bà!"

"Chào ông!"

Chào nhau xong, hắn chẳng biết nói gì. Như Cúc phải lên tiếng:

"Thế nào? Mãn nguyện chưa?"

Hắn cười.

"Cứ đòi mãi. Bây giờ được rồi đó. "Con ong đã tỏ đường đi lối về." Mới lần đầu mà như thế là quá lắm rồi đó."

Hắn lại cười:

"Đã quá gì đâu."

"Đến như vậy mà chưa quá, thế nào mới là quá? Chẳng lẽ chưa đủ sao?"

"Sao mà đủ được."

"Tham thế? Mỗi tháng tôi sẽ cho một lần."

Nói là một tháng, nhưng mới chỉ hai tuần sau, họ lại hẹn nhau. Hắn đến sớm chừng mươi phút. Nhớ lại lần trước, hắn háo hức muốn gặp Như Cúc ngay. Nhưng nghĩ tới những giây phút ân hận vì hành động hèn kém của mình, hắn lại lưỡng lự. Hắn không muốn tái phạm. Thấy bóng Như Cúc từ xa, hắn chạy trốn. Nửa giờ sau, hắn đi tìm nàng:

"Lúc bà tới có thấy ai không?"

"Lạ thật. Có người ở đó mà."

"Người ta ở đó cùng lắm là vài phút thôi. Lúc nào cũng như gà mắc đẻ."

"Tôi đâu có biết."

Cái cảnh hẹn rồi trốn, rồi lại hẹn xảy ra không biết bao nhiêu lần, ít nhất cũng phải hai ba tuần một lần. Nhưng trốn cũng không qua được mắt Như Cúc:

"Lần đầu tôi không để ý. Lần sau tôi vẫn chưa dám tin, nhưng đến lần thứ ba thì tôi thấy rõ mười mươi. Con người của ông điên-

điên-khùng-khùng. Ham thì ham lắm. Nhưng xong một cái thì biến mất. Hàng tuần không thấy mặt mũi đâu. Tôi vẫn vậy mà. Có gì phải sợ mà tránh như tránh hủi. Hay tôi là qủy sa-tăng?"

"Bà nói gì quá đáng vậy?"

"Ông tránh tôi, không đúng sao? Lúc đòi thì đòi cho bằng được. Lúc người ta đòi thì sao?"

"Tôi có thấy bà đòi đâu."

"Chẳng lẽ tôi phải nói sao?"

"Phải nói tôi mới biết chứ."

"Tôi đâu có phải gỗ đá. Nhìn mãi tôi cũng bị kích-thích chứ. Ông được thỏa cái mắt ông mà để người ta khổ sao? Bộ ông tưởng nhìn không có tội sao. Mấy lần bảo đụng một cái không thèm đụng. Nếu là tội, nhìn cũng có tội, nghĩ tới cũng đã có tội rồi."

"Nghĩ tới mà làm sao có tội được."

"Không phải chỉ nghĩ tới thôi đâu. Ông cũng đã làm rồi. Ông tưởng xưng tội là hết sao? Mấy lần đi xưng tội rồi? Mấy lần đi xưng tội rồi lại phạm tội? Muốn phạm tội, xưng trước đi rồi hẵng phạm."

Hắn thần mặt ra nghe Như Cúc nói.

"Tôi đã bảo ông rồi. Tôi thông cảm hoàn cảnh của ông nên giúp ông. Cứ mãi thế này tôi cũng hết cả kiên nhẫn.Ông thì ông sợ tội. Còn tôi, tôi không sợ. Sợ cái gì? Sợ thì đừng làm. Làm thì đừng sợ. Ông dụ tôi hay tôi dụ ông? Muốn thì làm, không thì thôi. Không phải tôi chỉ biết có một mình ông thôi đâu. Tôi nói cho ông biết, ông là người thứ mười rồi đó.

"Nhiều quá vậy?"

"Ông tưởng tôi nói dối sao?"

Không. Như Cúc không nói dối. Nàng trưng bằng cớ để hắn tin, để hắn vững tâm. Như Cúc cho hắn xem mấy lá thư của một người, người thứ ba, và kể cho hắn nghe những kỷ niệm còn đậm đà.

"Người đầu tiên đứng đắn nhất; không bao giờ cớt nhả. Tụi tôi đi với nhau luôn. Có hôm đi cả ngày."

"Có đụng chạm không?"

"Không. Không bao giờ."

"Giả như người đó giở trò, bà có phản đối không?"

"Không có chuyện đó làm sao mà biết được."

"Có hôn nhau không?"

"Có chứ. Hôn nhau mà tội lỗi gì."

"Có lâu không?"

"Lâu lắm. Dứt không ra. Nhiều lúc tôi thở không được."

"Thế thì thích gì!"

"Thích lắm chứ. Hôn nhau hằng giờ không biết chán."

"Thế thì tôi phục lăn. Hôn nhau lâu như vậy mà không bị kích thích, không ngứa tay ngứa chân?"

"Vì thế tôi mới nhớ. Người ta đâu có như ông. Mới lần đầu đã máy tay rồi."

"Còn người thứ hai thì sao?"

"Chỉ có ba ngày "ngà ngọc" thôi."

"Ở đâu?"

"Ở San Jose."

"Hồi đó bà ở San Jose hả?"

"Không. Đi thăm cô bạn, tình cờ gặp. Tôi nói dối, trốn biệt với người ta. Đúng ba ngày ba đêm."

"Có vẻ tiểu thuyết quá hả? Sau đó còn liên lạc với nhau không?"

"Không."

"Còn người viết thư cho bà?"

"Tôi không thích người đó. Vì sợ mà phải chịu."

"Lạ thật! Vì sợ mà phải chịu?"

"Sợ cái gì?"

"Người đó dữ lắm. Đánh tôi mấy lần. Lúc nào cũng hùng hục như trâu."

"Người ta đánh mà phải chịu à?"

"Không chịu sao được. Nếu không chịu, người ta dọa sẽ nói cho chồng tôi biết. Không bao giờ tôi để gia đình tôi tan nát."

"Bây giờ thì sao?"

"Ở xa tôi đâu có sợ. Mấy lần đến chỗ người đó, tôi không thèm gọi điện thoại."

"Nhưng vẫn viết thư."

"Viết cho vui mà."

"Thư nào cũng nhắc lại kỷ niệm cũ. Toàn là những cảnh ăn nằm với nhau. Chẳng lẽ người ta dữ như thế mà bà vẫn đành chịu nép một bề sao?"

"Dữ đó nhưng lúc chiều chuộng lại chiều chuộng vô cùng. Muốn gì cũng được."

"Người đó kể buổi đầu tiên, bà giao hẹn chỉ "cho" một lần thôi. Ngay ngày hôm sau, chính bà gọi điện thoại hẹn buổi thứ hai, rồi buổi thứ ba, thứ tư..."

"Thế thì đã sao."

Những kỷ niệm của Như Cúc làm hắn xanh mặt. Nàng bảo hắn là người thứ mười cũng không quá đáng. Người thứ nhất, tình lý tưởng, gặp nhau lúc sắp lấy chồng. Người thứ hai, ba ngày "ngà ngọc", lai lịch không rõ ràng, không biết gặp nhau từ bao giờ. Người thứ ba, với những hình ảnh của thiên đường xác thịt. Người thứ tư, ông chồng. Dù Như Cúc cố tránh, nhưng lác đác vài lần, là những giây phút chăn gối ngắn ngủi, nhạt nhẽo, và buồn tẻ. Còn lại một nhà thơ, mới in một thi phẩm nửa tiếng Việt nửa tiếng ngoại quốc "Ổng mê tôi lắm. Làm bao nhiêu thơ tặng tôi. Ông thấy không? Người ta nghệ sĩ như vậy, đâu có khô khan như ông."

Một nhà giáo, mập mạp đẫy đà, mắt híp. Nàng khoe hắn mấy tấm hình chụp chung với người này và mấy cô giáo cùng chí hướng.

"Ông ấy theo tôi bao nhiêu năm mà tôi không chịu. Chụp cho tôi không biết bao nhiêu hình. Báo nào cũng gửi tới tận nhà.Nhiều bà chịu ổng lắm.Có bà bỏ bê chồng con vì ổng. Một bà nổi tiếng ở vùng này lén lút với ổng mấy năm. Thế mà ổng vẫn theo tôi."

"Bà chịu ông ấy chưa?"

"Còn lâu!"

"Không lâu đâu. Hoạt động với nhau mà. Rồi cũng "quen hơi bén tiếng."

"Mấy bà kia chịu thì bà cũng chịu."

"Còn lâu! Ông tưởng tôi dễ lắm hả? Cứ nhử thì họ mới theo."

"Thế bà cũng nhử tôi hả?"

"Tôi không thèm nhử ông. Muốn gì được nấy mà nhử gì? Từ ngày biết ông, tôi có được gì không? Một cái kẹo cũng chẳng có. Người gì mà keo kiệt. Một xu không chịu bỏ ra."

"Tôi có mời bà đi ăn trưa mà."

"Bốn đồng bạc mà kể mãi."

Hắn cứ tưởng "tay đã nhúng chàm," mọi việc sẽ "đâu vào đấy." Mặc cảm tội lỗi sẽ hết. Ít nhất cũng bớt dần đi. Nhưng không. Trước khi gần Như Cúc,càng ham muốn bao nhiêu, sau đó, càng áy náy bấy

nhiêu. Dù chỉ là một cái hôn ngắn ngủi cũng vậy. Không có cũng khổ, khổ về thể xác; có lại càng khổ, khổ về tinh thần. Khổ đến đờ đẫn, thất thần, mất cả ngủ. Hắn thấy mình hèn hạ, tầm thường. Đúng là "ghét của nào trời cho của đó." "Tôi ghét đàn bà, bây giờ đàn bà hành hạ tôi!" Không phải Như Cúc không biết nỗi khổ tâm của hắn. Chính nàng đã nói:

"Tôi cho ông bao nhiêu cơ hội để dứt. Sao không dứt luôn đi. Tôi với ông có tình nghĩa gì đâu. Bạn không ra bạn. Tình nhân không ra tình nhân. Cơn lên thì hẹn-hẹn-hò-hò. Xong một cái thì tránh như tránh hủi. Nghĩ mà chán!"

Mỗi lần thấy hắn lớn vớn ở chỗ làm việc của nàng, Như Cúc lại mỉm cười:

"Không bỏ được hả?"

"Làm sao mà bỏ được."

"Đàn ông phải có nghị lực chứ."

"Bà lấy hết rồi còn đâu nữa!"

Sau mấy lần hắn gây chuyện chông gai để xa nàng, Như Cúc vẫn thông cảm:

"Thấy ông kiếm chuyện, tôi biết ông vì sợ tội nên tìm cớ tránh mặt. Tôi biết lắm chứ. Nhưng không dễ đâu. Đã dính vào thì khó mà gỡ cho ra. May ra chỉ còn cách tôi giúp ông thôi."

"Bà giúp tôi đi."

"Muốn giúp thì tôi giúp: nhưng cấm lớn vớn, cấm hẹn hò."

"Làm sao để tôi không lớn vớn, không hẹn hò mới giỏi chứ."

"Cứ chờ đó. Khi nào tôi chán ông, tôi sẽ có cách."

Cái cảnh đi trốn đi tìm, dù làm cho Như Cúc mất vui, nhưng họ vẫn không xa nhau được. Đúng hơn, hắn không xa Như Cúc được. Hắn gây chuyện; rồi chính hắn lại làm lành. Đã có lần, hắn cố kéo dài. Một buổi trưa, mới sau hai tuần lễ. Như Cúc vừa lên tiếng "chào ông!", hắn đáp như một cái máy "chào bà!" Buột ra khỏi miệng, hắn hối hận "sao mình ngu như vậy." Cả bữa ăn, hai người vẫn không nói với nhau. Về bàn giấy, hắn ngồi thần ra. Nghĩ lên nghĩ xuống. "Gọi cho người ta bây giờ thì hèn quá." "Thử xem". "Không làm vậy được"...

Chưa đầy hai phút, tay hắn bấm số của Như Cúc. Nàng nhấc máy. Hắn không lên tiếng.

"Ai đó?"

Chờ thêm mấy giây, hắn trả lời:

"Tôi đây."

Đến lượt Như Cúc im lặng. Hắn nói thật chậm và thật rõ:

"Năm phút nữa xuống phòng dưới nhà có người muốn gặp."

"Gặp gì mà gặp."

"Năm phút nữa."

Hắn bỏ máy, xuống căn phòng hẹn nhau lần đầu. Phòng vẫn trống. "Chóng thật. Mới đây mà đã gần một năm." Hắn không phải chờ lâu. Như Cúc đẩy cửa, rón rén bước vào:

"Mới chào một tiếng mà đã cuống lên rồi. Nhớ lắm hả?"

Hắn không đáp; bước tới; cố bình tĩnh cởi từng khuy áo của Như Cúc; cúi xuống, ngấu nghiến da thịt nàng như một con chó đói. Trước khi ra khỏi phòng, Như Cúc hỏi:

"Cứ thế này bao giờ mới thoát được?"

Hắn không biết trả lời.

"Tôi đã cho ông bao nhiêu cơ hội mà sao cứ bám như đỉa vậy?"

"Tôi đâu biết."

*

Buổi sáng, thấy hắn, Như Cúc ngạc nhiên lắm, nụ cười tươi khác thường:

"Sao? Kỳ này lạ vậy? Chưa trốn sao?"

"Tôi có trốn đâu."

"Còn chối. Cứ xong một cái thì mất mặt. Đi qua lần nào cũng thấy chúi mũi vào giấy tờ. Chắc hôm qua chưa đã chứ gì?"

"Làm sao mà đã được."

"Muốn nữa?"

"Mười giờ ra công viên được không?"

"Không sợ người ta thấy sao?"

"Mang máy ảnh đi. Còn để máy ảnh ở đây không?"

"Còn."

"Nếu ai hỏi thì bảo nhờ tôi chụp cho mấy cái."

"Đã chụp nhiều rồi mà."

"Hôm nay chụp nữa."

"Kỳ quá à."

"Không thấy mặt thì bảo là trốn..."

"Còn thấy mặt thì đòi."

"Sao bà giỏi thế?"

"Xong rồi thế nào cũng biệt tăm."

"Bà nói tôi ngượng quá à."

"Không đúng sao? Khi nào hết sợ tội lại lò mò tới. Lần này trốn thì trốn luôn đi."

"Tôi khá hơn trước rồi. Phải lâu lâu mới quen được. Mười giờ nhé."

"Không được đâu. Mười một giờ đi."

"Mười một giờ thì mười một giờ."

"Đi xe ai đây?"

"Xe bà."

"Ở trên xe xui lắm."

"Xui gì mà xui. Có làm gì đâu mà xui."

"Nhớ đừng có đòi."

"Đừng lo."

"Nhớ không được đòi ạ. Thằng em tôi dẫn bồ về nhà. Xui chịu không nổi. Đến nỗi tôi phải bán cái nhà đó đi. Gặp toàn chuyện đâu đâu. Bây giờ tôi cấm không cho nó mang đứa nào về nhà nữa."

"Nó lắm bồ bịch lắm hả?"

"Thiếu gì. Đứa nào cũng đẹp."

"Có đẹp bằng bà không?"

"Tụi nó trẻ. Làm sao so sánh được."

"Bà đã già đâu."

"Già rồi."

"Chưa già đâu. Da dẻ còn tươi mát lắm. Ai dám bảo ba mươi tuổi?"

"Thôi cám ơn ông. Lúc chán phè thì thành bẩy mươi."

"Tôi nói sự thật. Bà không thấy sao? Hôm nào teo tôi bảo là teo. Hôm nào xẹp lép tôi bảo là xẹp lép. Tôi có nói láo bao giờ đâu."

"Chê mà còn đòi làm gì."

"Nhớ nhau thì hỏi thăm nhau."

"Hỏi thăm gì lạ vậy."

"Mười một giờ nhé. Tôi về làm việc."

Như Cúc nói với theo:

"Không được ra trễ."

*

Đến giờ hẹn, họ bỏ ý định ra công viên. Như Cúc ngừng xe ở một khu phố vắng gần sở, dưới bóng cây lớn. Hắn ngồi xuống ghế sau, Như Cúc xuống theo. Có lẽ, đây là lần thứ chín thứ mười gì đó. Họ đã thân nhau lắm. Ngồi chưa được vài giây, hắn nhìn Như Cúc, Như Cúc nhìn hắn. Có vẻ thơ mộng lắm. Trong lòng hắn chẳng

thấy gì. Nét mặt ấy hắn đã quen. Hôm qua hắn đã hôn đến chán. Hôm qua hắn cũng đã cố nhìn thật kỹ. Lúc đầu thấy cũng trắng trẻo; khi người ướt đẫm mồ hôi, chỉ thấy màu nhợt nhạt. Hôm nay hắn muốn nhìn kỹ hơn. Chỉ khi nào chán ngấy, may ra hắn mới xa nàng được. Hương thừa hôm trước giúp hắn bình tĩnh hơn. "Có gì đâu mà không dứt được. Đôi môi hồng vì son. Hôn một lúc sẽ thâm xịt."

"Bỏ kính ra." Mắt lồi, miệng hơi méo.

"Cười đi." Như Cúc nhoẻn miệng để đó.

"Cười tươi lên một tí." Cũng được. Không. Hơi vô duyên. Hôm nay khác hôm qua. Hôm qua đẹp hơn. Hắn vừa nhìn vào đôi mắt lồi, vừa cởi tung khuy áo. Tới khuy cuối cùng, Như Cúc giữ tay hắn lại:

"Đừng. Cởi hết lỡ có người đi qua, che lại không kịp."

"Không sao đâu."

"Sao lắm chứ. Lúc mờ mắt còn thấy gì nữa. Có hét bên tai cũng không nghe thấy."

"Thật hả?"

"Thật chứ sao không thật."

Hắn lách tay vào áo nàng.

"Cắn đi anh."

Hắn làm theo.

"Nhẹ thôi."

Hắn cắn mạnh hơn.

"Nhẹ thôi anh."

Hắn ấn Như Cúc xuống đệm.

"Thôi! thôi! Ở trong xe không được đâu."

"Được mà."

"Không được đâu."

Hai người vật lộn một hồi.

"Tỉnh lại đi anh."

"Không tỉnh được đâu."

"Được mà. Tỉnh lại đi."

Hắn hôn cổ nàng, mắt nàng. Hắn tìm đôi môi. Như Cúc lúng búng, nói không ra tiếng. Nàng ôm ghì lấy hắn.

"Cô bé ơi! Thèm quá."

Hắn xoay người nàng lại. Xe chật quá, duỗi chân ra không được.

"Ngồi lên đi."

"Người ta thấy."

"Không thấy đâu."

"Thấy mà."

"Không bao giờ tôi muốn mà được hết."

"Để lúc khác. Đời còn dài mà."

"Về cái phòng trống dưới nhà đi."

Như Cúc ngần ngừ:

"Đi với nhau cả giờ rồi. Vừa về lại rủ nhau xuống đó, lỡ ai thấy thì sao?"

"Sợ gì ai?"

"Bây giờ súng bắn cũng không sợ. Xong xuôi đâu đấy thấy ai cũng sợ."

*

Vừa đúng một năm. Một năm buông thả theo sự ham muốn của con người. Hắn đã ân hận, hắn đã tự trách; nhưng xác thịt yếu đuối, dù cố gắng hắn vẫn chưa xa Như Cúc được. "Chẳng lẽ phải chờ đến khi nào Như Cúc chán mình?" Hắn đã gây bao nhiêu chuyện, Như Cúc đã bực mình, đã giận hắn bao nhiêu lần; nhưng chỉ vài ngày sau, một hai tuần sau, ít khi tới một tháng, lại hết. Giận càng lâu, gặp gỡ càng mặn nồng.

Như Cúc cũng nhạy cảm; động một tí là giận. Giận chưa đủ. "Tôi còn phải làm gì nữa?" Hắn tìm cách tự cứu.

Giờ nghỉ, Như Cúc và hắn hay ra sân cỏ. Hết chuyện mình đến chuyện người. Đủ mọi thứ chuyện. Nàng hay trách hắn:

"Ông không biết nghe chuyện. Nhiều lúc buồn bực chẳng có ai tâm sự."

"Tôi nghe đây. Cứ nói đi."

Gia đình Như Cúc đông anh chị em nên không có lúc nào không có rắc rối. Người chị hơn nàng một tuổi, đẹp nhất nhà. Con ngoan ngoãn, chồng đẹp trai, công ăn việc làm vững chắc, nhưng nhà lúc nào cũng buồn. Có khi cả tháng không nói với nhau. Người em gái kém nàng mười tuổi, chưa có chồng, dù đã ăn ở với một người sáu bảy năm, nhưng không được chấp thuận, cũng chẳng bao giờ nói việc cưới hỏi. Đến bây giờ mỗi người một ngã.

"Ông còn nhớ chuyện bà Trinh không?"

"Bây giờ thế nào? Mới cãi nhau?"

"Không phải."

"Thế thì sao?"

"Ly kỳ lắm."

"Cái gì vậy?"

"Hôm qua bả đến nhà tôi chơi. Tôi thấy trong túi xách tay có một lá thư của một người ở bên Pháp. Hai người liên lạc với nhau bao nhiêu năm rồi mà không ai biết. Mấy năm trước bả sang đó một mình. Chắc là sang với bồ. Hèn chi ông chồng hiền lành như vậy mà không thèm nói với vợ. Chắc ổng ghen. Để ngay trong túi xách tay ai mà không thấy. Bây giờ tôi mới vỡ lẽ. Có một hồi bả xin với ông bà già cho bả ly dị chồng. Cả nhà không ai bằng lòng. Ông chồng ngoan đạo lắm; không dám bỏ vợ, đành cắn răng chịu."

"Sao bà liều quá vậy? Lục đồ của người ta mà không sợ sao?"

"Bả đâu biết. Để quên ở phòng tôi mà. Tôi còn thấy một lá thư của một người ở Hiu-tân. Mùi mẫn lắm. Hai người một lúc. Tham quá."

"Bằng thư của bà không?"

"Cái ông này."

Mỗi lần nhớ lại những lần hẹn hò, hắn lại nhớ tới người chị và người em của Như Cúc. Người chị da trắng, miệng tươi, dáng người mảnh dẻ, nhưng không gầy. Hình ảnh "da trắng hơn Như Cúc" đã có lần làm hắn rạo rực. Người em bình thường, hơi hô một tí, nhưng duyên dáng.

"Nghĩ gì đó?"

Hắn giật mình quay lại. Như Cúc tươi cười, bá vai hắn.

"Tới lúc nào tôi không thấy."

"Còn thấy gì nữa. Nghĩ vẩn nghĩ vơ mà thấy gì."

"Có nghĩ gì đâu."

"Còn chối. Mặt thần ra như vậy, ai không biết."

Như Cúc nũng nịu nói nhỏ vào tai hắn:

"Có nhớ không?"

Dưới ánh đèn mờ mờ, Như Cúc đẹp vô cùng. Da trắng như ngó cần. "Chắc bà chị cũng chỉ trắng như thế này là cùng." Áo mỏng dính, càng khiêu gợi thêm. Hắn dìu nàng vào nhà.

"Đi vắng hết rồi hả?"

Hắn ghé sát vào tận tai:

"Nói nho nhỏ thôi. Nếu có tiếng động, không được thở."

Như Cúc gật đầu. Hai người rón rén vào phòng, khóa chặt cửa. Như Cúc đẹp quá-- giống hệt vợ hắn

ngày xưa.

"Em ơi! Anh nhớ em quá."

Họ ôm chặt lấy nhau. Như Cúc hôn hắn, nhè nhẹ, mơn trớn hai bên mép. Hắn bất động, tiếp nhận cảm giác buồn buồn, tê tê. Mùi hoa nhài lả lơi, ngây ngất. Nàng xoay người lại, nằm đè lên hắn; ngồi nhổm dậy. Da trắng, mịn như nhung, êm ái. Hắn sung sướng đến đờ đẫn; nhắm mắt tận hưởng. Một cảm giác gai gai lan khắp người. Hắn mở mắt hi hí. Lưỡi dao nhọn hoắt. Hắn vùng vẫy. Không kịp. Hắn hét ầm lên.

*

"Bà Cúc ạ!"

"Sao ông?"

"Tối hôm qua tôi nằm mơ thấy bà. Giấc mơ đẹp lắm, nhưng kết cục ghê quá."

"Người làm việc mờ ám thường hay bị ác mộng."

"Như vậy tôi với bà đang làm việc mờ ám sao?"

"Ông xét xem ông đang làm gì đây? Ngay chính hay mờ ám?"

Hắn đuỗn mặt ra:

"Thế thì chết tôi rồi!"

"Chưa muộn đâu. Còn cơ cứu chữa."

"Phải làm thế nào đây?"

"Đừng gặp tôi nữa. Người nhát như ông không nên tìm chông gai. Những người trước của tôi không ai nhát như vậy. Dám làm thì dám chịu. Không dám làm thì đừng làm. Người lúc nào cũng sợ, cái gì cũng sợ, làm gì cũng sợ, suốt đời chỉ sợ...Đã nhát mà còn mạo hiểm."

Như Cúc nói một thôi một hồi, hắn ngượng đến muốn độn thổ. Dính vào Như Cúc, lương tâm cắn rứt; bỏ Như Cúc, không bỏ được. Hắn cứu hắn không nổi. Thử đi thử lại hàng chục lần rồi. "Chẳng lẽ đành chịu bó tay? Trong bế tắc nhất định phải có đường sống."

"Không! Nhất định không chịu." Hắn lên tiếng:

"Cô bé ạ!"

"Muốn gì đây?"

"Năm phút nữa nhé!"

"Làm gì mà sớm thế? Mới đến mà."

"Cần lắm."

Hắn vội vàng xuống căn phòng trống.

"Mơ như thế mà không sợ hả?"

"Người trong mơ đây rồi còn sợ gì nữa!"

"Chỉ được cái lẻo mép. Mơ thấy gì thì kể đi!"

"Bây giờ mà kể gì. Cởi áo ra!"

Hắn đứng dựa tường, khoanh tay trước ngực.

"Cởi đi!"

Hắn chờ đợi khi thấy mấy nếp nhăn trên bụng mới giơ tay đón. Hắn ôm Như Cúc thật chặt, ép đầu nàng vào tai, nói nhẹ qua tóc:

"Có ai đẹp hơn không?"

Như Cúc ngẩng mặt lên:

"Thiếu gì."

Hắn ghì nàng lại, hôn lên đôi môi còn thắm son. Như Cúc nhắm mắt lại, nún nhẹ môi hắn. Hắn hỏi tiếp:

"Ai vậy? Ai dám đẹp hơn cô em?"

"Hỏi làm gì? Một người không

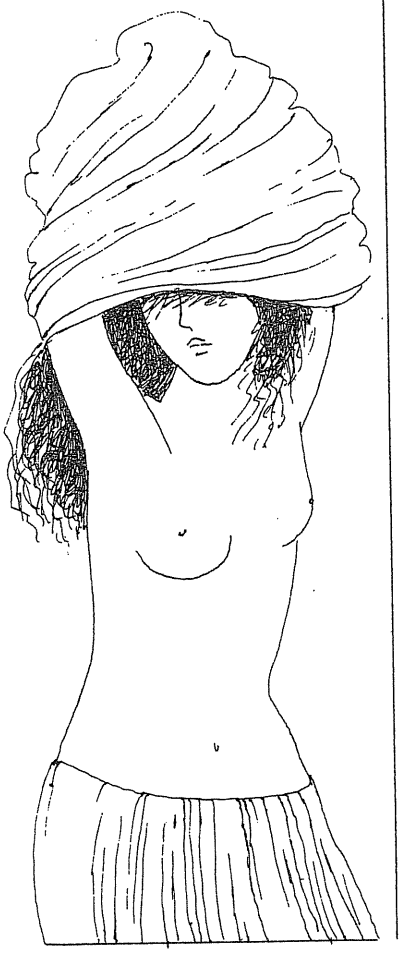

đủ sao?"

"Tác phẩm mỹ thuật cần phải có người thưởng ngoạn chứ."

"Đã có người cả rồi."

"Còn người này thì sao?"

Hắn buông Như Cúc ra, cúi xuống, hôn lên tim nàng. Da thịt ấm và thơm. Không hiểu vì giấc mơ hay chưa đến ngày đến tháng, hắn không điên khùng như mấy lần trước.

"Thơm quá. Không phải mùi nước hoa. Mùi gì vậy?"

"Mùi gì cũng được. Hỏi làm gì?"

"Hỏi cho biết mà."

Hắn kéo nàng lại gần, nói thật nhỏ:

"Bà chị cô bé có đẹp thế này không?"

"Đẹp hơn nhiều?"

"Thật không?"

"Thật chứ sao không?"

"Làm sao anh biết?"

"Muốn thử hả? Bả dữ lắm đó."

"Dữ thì làm sao thử được. Cô bé giúp anh đi."

Không đợi câu trả lời, hắn lại hôn nàng. Hôn thật lâu.

"Chắc không còn ai đẹp hơn được đâu."

Tay hắn chạm phải mấy mụn nhỏ ở lưng.

"Cô bé ạ! Tai sao anh dứt không được?"

"Cố lên thì được."

"Đổi cho anh người khác đi."

Như Cúc đẩy hắn ra:

"Từ nãy chỉ nói bậy không à!"

*

Nhờ cái đẩy, hắn nẩy ra giải pháp mới. Lần thứ hai hắn đòi gặp người chị, Như Cúc giận dữ:

"Tôi cấm ông không được nói tới bà chị tôi nữa. Vớ vẩn với người ta không đủ sao, lại còn đòi chị người ta nữa."

Lần thứ ba, thứ tư, nàng không nói với hắn đến cả tháng. Hắn đổi hướng, chuyển sang cô em. Như Cúc thiếu cả giữ gìn:

"Người gì mà đểu cáng. Hết đòi chị lại đòi em."

Hắn làm bộ "mặt trơ trán bóng":

"Tôi không hiểu tại sao bà lại nổi khùng như vậy. Nói tới bà Trinh, tôi chỉ thử lòng bà. Nhưng bây giờ là chuyện đứng đắn, đàng

hoàng. Em bà chưa có chồng. Tôi không có vợ. Bà biết tôi, tôi nhờ bà. Có gì sai quấy đâu."

"Còn tôi thì sao?"

"Bà có gia đình, có chồng, có con. Ràng buộc gì với tôi."

Tình hình lại căng thẳng. Một ngày cuối tuần, hắn gặp Như Cúc và mấy chị em ở một trung tâm mua bán. Nàng ngừng lại nói chuyện. Nhân dịp, hắn tấn công:

"Bà Cúc ạ. Từ nãy đến giờ bà chưa giới thiệu tôi với chị em của bà."

Tới sở, nàng vùng vằng, hỏi không trả lời. Hắn được thể, đem ý định của hắn với cô em kể hết cho mọi người nghe.

"Nghèo mà ham. Già khú đế mà đòi công chúa."

"Em bà là công chúa càng tốt. Một bên là em, một bên là bạn cùng sở. Xứng đôi vừa lứa quá rồi còn gì nữa."

Như Cúc giận tím mặt.Nàng càng giận, hắn càng làm già. Cách vài ngày hắn lại gọi dây nói cho cô em một lần. Mấy tuần sau, hắn rủ Như Cúc xuống căn phòng trống, nàng quay mặt đi chỗ khác. Hắn tiếc. Nhưng hắn tự an ủi "Có lẽ như thế lại tốt cho cả hai." Nhớ những giây phút gần Như Cúc, hắn vẫn ham muốn. Tuy nhiên hắn không còn bị đau đớn như những ngày lớn vớn bên nàng. Chưa bao giờ Như Cúc giận lâu như vậy. "Nếu Như Cúc làm lành, không biết mình có thoát khỏi nanh vuốt của nàng không?"

Hắn không tin hắn. Hắn chỉ hy vọng.

Một tháng sau, như bị cơn nghiền hành hạ, hắn định chờ Như Cúc đến chỗ khuất, ôm chặt lấy nàng. Có thể nàng sẽ chống, nhưng sẽ hết giận. Rồi lại hẹn nhau... Chưa kịp thực hiện, hắn tỉnh. Tháng sau nữa, lại bị thêm một lần y hệt như vậy. Hắn sợ ý định "hèn kém" đó sẽ xẩy ra nữa. Nếu không kìm hãm được, hắn sẽ khinh hắn lắm. Tháng thứ ba, không sao.

"May ra Trời thương, mình sẽ thoát nạn."

Mỗi lần đi qua bàn giấy Như Cúc, hắn không dám nhìn. Mỗi lần nghĩ tới kỷ niệm cũ, hắn hát nghêu ngao để quên.

HẢI VÂN

Tưởng tượng ở quê hương năm 2000

** Gửi tác giả "Rong Ca"*

Anh nhắn gọi những ngày sắp tới
năm 2000 phấp phới nắng mưa
2000 buổi trưa đong đưa lấp lánh
ánh mắt người đọng bóng quê hương
quê hương! quê hương là giọt lệ
quyện cỏ xanh rờn rợn chiêm bao
gió lao xao rặng tre khóm chuối
chiếc cầu ao dấm đuối mây bay
2000 năm mây bay không vội
2000 năm lặn lội bờ sông
cái cò các vạc cái nông
con trâu con cóc con công con gà
chung quanh những nước non nhà
2000 năm vẫn chén trà là vui.

Anh nhắn gọi những ngày sắp tới
năm 2000 đổi mới quê hương
2000 mặt trăng nương dâu biển lúa
vang tiếng cười điệu múa dân gian
dân gian! dân gian là sữa mẹ
cởi bàn chân dạp đất thênh thang
sóng mênh mang cát bồi núi lở
thẳng cánh chim hớn hở trời thu
2000 năm thằng cu cái hĩm
2000 năm vạn trái tim son
con bà con mẹ con con
con ông con chú chon von cành mềm
chung quanh đất nước êm đềm
2000 năm khói hương đền ngát thơm

Anh nhắn gọi những ngày sắp tới
năm 2000 vui với cỏ cây
2000 năm đông tây nam bắc
chắc một diều mây vẫn lang thang
rừng vẫn lên xanh trời vẫn rộng
có giòng sông nằm mộng chân cầu
lúa đòng đòng thơm mùi thai nghén
lòng rộn vui như én sang xuân
2000 năm Bắc Nam vô tội
2000 năm mở hội quê hương
núi đồi khe suối lạnh mương,
năm 2000 sẽ vô thường nở hoa
ba ngàn thế giới mở ra
mỗi người dân Việt đều là nhà thơ.

Tường Vũ Anh Thy
San Jose, tháng 4/1988

HOÀNG MAI ĐẠT

NGUYỄN VĂN TÂM

Nguyễn Văn Tâm. Tam Nguyen trên giấy tờ xin vào điều trị trong bệnh viện Mỹ. Rồi thỉnh thoảng trên báo Việt ngữ, cụ Nguyễn Văn Tâm, 72 tuổi, cư ngụ tại đường Bolsa, Westminster. Nguyễn Văn Tâm và Tam Nguyen.

Nguyễn Văn Tâm. Ôi! Cái tên nghe giản dị quá đi thôi.

Chắc ba mẹ cụ Tâm muốn cụ sống đơn giản, đơn giản như chuyện thần thoại tiên rồng lấy nhau và đẻ trăm trứng, hay chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh hóa phép đánh nhau, nên mới chọn cái tên Tâm cho cụ. Nhưng mà con người cụ Tâm lại không giản dị như tên.

Tuy ở Orange County, California mà lúc nào cụ cũng nghĩ là mình đang ở Sài Gòn, Nha Trang, hay Hà Nội gì gì đó. Cụ thích mặc khăn đóng áo dài để đi tế lễ ở những hội chợ Tết và bắt con cháu mang máy ảnh theo để chụp hình lúc cụ đang nghiêm chỉnh lên giọng đọc bài tế. Lẽ đương nhiên là con cháu chẳng bao giờ hiểu cụ Tâm đang đọc cái gì cả. Chúng nó, mấy tên đực, chỉ thích xem múa lân, đốt pháo, và chăm chăm nhìn mấy con nhỏ mặc váy vải jeans cao gần tới mông. Còn mấy đứa cháu cái thì chẳng thích gì hơn ngoài liếc nhìn mấy thằng đeo kính đen có mái tóc cỏ dại đen lòa xòa xuống tới mắt.

Đám cháu hải ngoại làm cụ Tâm buồn lắm, chẳng phải vì tóc cỏ dại, váy jeans ngắn, hay cái ngôn ngữ ngoại lai mà tụi nó hay sù sì liên tu ti với nhau, mà bởi vì tụi nó chụp hình của cụ bao giờ cũng hư. Lúc thì trắng quá, lúc thì đen quá, lúc thì mắt của cụ nhắm tít lại, hay lúc cụ đang ngoảnh mặt đi chỗ khác. Tụi nó thấy cụ như thế đấy, lại còn hay đổ thừa là tại máy không tốt, chứ không phải tại tụi nó dốt không biết chụp hình.

Cụ hay nói cụ là di tích lịch sử văn hóa Việt Nam, nhưng đám cháu láu cá xem cụ như ông lão sắp sửa trở về nhảy đầm với tiên rồng. Ngày xưa cụ cũng hay nhảy đầm lắm, nhưng chỉ với mấy cô mấy bà có thói quen bắt chước Tây gọi nhau *mademoiselle* hay *madame* thôi, chứ tiên rồng thì không dám. Thời của cụ nó loạn lắm, nhưng nó cũng chưa loạn bằng thời bây giờ. Ngày xưa cụ và các bạn của cụ chỉ bày đặt gọi nhau *moi* với *toi* cho nó có khẩu vị thời đại một tí, chứ bây giờ thì đám cháu sổ cả tràng tiếng Anh với nhau, thỉnh thoảng mới cho lọt một chữ tiếng Việt vào trong đó, cô đơn như cái tên của cụ trong cuốn niên giám điện thoại đầy ngập tên ngoại quốc.

Nguyễn Văn Tâm. Nghe cũng hiền lành.

Nhưng mà lẽ đương nhiên cụ chẳng hiền lành như cái tên của cụ đâu. Ở những bữa tiệc, ít người hay đông người, tại những quán ăn ở khu phố Little Saigon hay trong nhà riêng của ai đó bên New York, dưới Houston, trên Chicago, hay tại San Francisco, cụ Tâm thường làm cho mọi người không ngồi yên được để mà ăn nhậu với nhau.

Nghe người ta bàn về chuyện mua nhà rộng tậu xe sang như mấy người Mỹ, cụ mắng họ là cái đồ vật chất dám bỏ tiền ra mua đủ thứ mà trong nhà lại không có lấy một cái tủ sách nhỏ, ngay cả một tờ tạp chí đàng hoàng cũng không có nốt. Cụ nói văn hóa là cái thứ mà mình phải hấp thụ như ăn thức ăn, chứ cứ ngồi nhìn nó thì nó sẽ thiu mất, còn mình thì gầy dài như mấy đứa hút thuốc phiện, mà những đứa gầy vì dốt lại hay mặc áo vét trí thức. Cụ có óc tưởng tượng kỳ lạ thật.

Cụ hay đập bàn đập ghế và hét lên rằng không phải mặc áo dài mất eo và húp nước phở tái xùm xụp là đương nhiên có văn hóa Việt Nam. Cụ Tâm thật là người khó tính, và cũng lắm chuyện nữa chứ. Nhiều lúc cụ nói lảm nhảm

như người điên. Có lẽ lúc sắp chết người ta ai cũng vậy. Vừa khôi hài, vừa cay đắng, vừa trẻ con, vừa người lớn, vừa sống trong quá khứ, vừa lo cho tương lai, vừa trách móc hiện tại, và đủ thứ vừa khác. Vừa vừa phai phải thôi, mấy cháu của cụ hay nói. Nhưng bây giờ thì cụ chưa chết đâu, vấn đề đó sẽ nói sau. Còn chuyện cụ làm cho người ta điên đầu vẫn chưa hết.

Thật điên đầu khi phải nghe chuyện của cụ. Một đồ vật hiện đại hay làm cho cụ Tâm nổi khùng lên bất tử là cái tivi mà cụ không còn gọi là máy truyền hình như mấy năm trước đây. Mỗi lần thấy con cháu ngồi xúm xít ở phòng khách coi chương trình sitcom, MTV, hay Saturday Night Live, cụ lại lần mò từ phòng riêng ra và mắng mỏ tụi nó vài câu. Nhìn những cảnh trai gái yêu đương nhau trên màn ảnh, cụ nói thời đại bây giờ tụi nó khiêu dâm quá, mông ngực gì mà cứ đẩy bung ra trông đến ngứa ngáy con mắt, nhìn đâu cũng thấy háng thấy đùi. Còn đám con cháu cứ cười khúc khích với nhau và nói là ngực với háng thì lúc nào chẳng có, chỉ khác là trước kia người ta chỉ nhìn trộm, nghĩ trộm, dấu kín hết bên trong bóng tối của đèn cầy, còn thời bây giờ thì để lòi ra lồ lộ, lòng thòng công khai dưới ánh sáng đèn ngủ 40 watts. Cụ mắng tụi nó ăn nói mất dậy và láu cá.

Một lần kia, giận đến run người vì mấy đứa cháu hỗn láo, cụ té lăn đùng ra và bảo là bị đau tim. Nghe nói kêu xe cứu thương đến, cụ Tâm nhất định không chịu, cứ nằng nặc như trẻ con để đòi cho được ông thày châm cứu ở cách đó mấy chục dặm freeway. Tội nghiệp cụ Tâm, chuyện ngực với đùi của người khác mà cũng dính dáng đến trái tim của cụ. Riết rồi con cháu cũng quen với sự mắng mỏ của cụ. Chính cụ cũng quen với những bộ mặt thờ ơ của chúng nó.

Từ bấy lâu nay gương mặt của cụ Tâm, qua báo chí, cũng không lạ gì đối với đồng bào trong cộng đồng Việt Nam. Ở đâu có biểu tình chính trị thì ở đó có râu tóc bạc phơ của cụ Nguyễn Văn Tâm. Về chuyện chính trị thì cụ lạ lắm. Cụ bênh cả hai phe và cũng chống cả hai phe. Hai phe đây là cộng sản và tự do. Cụ chống việc cộng sản giam tù những người chống cộng, cụ không thích chưởi bới cộng sản mặc dù cụ là người thích mắng mỏ, cụ chấp nhận sự chiến thắng của cộng sản năm 1975, cụ chỉ trích đường lối cai trị của cộng sản, cụ đồng ý việc Mỹ thiết lập bang giao với Việt Cộng, cụ thấy việc mở mang đất nước qua Cam Bốt là điều cần thiết, cụ muốn thay thế Marx' class struggles bằng McDonald's hamburger and french fries, cụ hay kể thành tích của cộng sản ở Điện Biên Phủ, cụ lên án cộng sản đã chôn sống dân Huế vào dịp Tết Mậu Thân, cụ nói Mỹ có lỗi trong vụ làng Mỹ Lai, cụ hận Mỹ đã bỏ rơi miền Nam Việt Nam, cụ tin là Việt Minh đã giết nhà cách mạng Phan Bội Châu, và cụ cũng tin cả hai Hồ Chí Minh và Nguyễn Văn Thiệu là tay sai của ngoại bang. Cụ Nguyễn Văn Tâm. Đơn giản và mâu thuẫn.

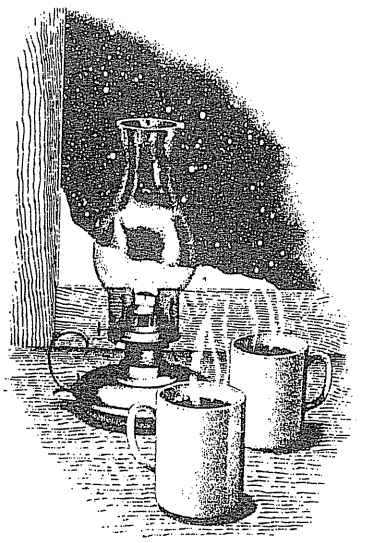

Nguyễn Văn Tâm là sự mâu thuẫn của quá khứ Việt Nam. Và điều này đã làm cụ Tâm bị bể lỗ mũi khi một đứa cháu đóng mạnh cửa vào mặt cụ. Cũng tại cụ. Ai biểu cụ cứ lẽo đẽo đi sau lưng nó và cứ nhắc chuyện chiến tranh Việt Nam. Nó đâu có muốn nghe chuyện đổ lỗi của những người còn đắng cay về quá khứ của họ. Chuyện xưa của cụ không phải là chuyện xưa của nó. Nó không muốn nghe cụ Tâm phân trần vấn đề ai phải ai trái. Nó chỉ muốn chia sẻ ước mơ của nó về con người Việt Nam trong tương lai. Người Việt Nam này, mặc dù sống ở đâu, cũng không có mặc cảm về nguồn gốc của mình. Và lúc đó cuộc nội chiến Việt Nam trong thế kỷ 20 sẽ được đóng lại vĩnh viễn, để cho con người Việt Nam của thế kỷ 21 được bắt đầu hoàn toàn mới ở khắp nơi trên thế giới, và rọi ánh sáng tinh hoa về quê hương Việt Nam. Tại cụ Tâm không chịu thấy điều này nên cụ bị bể lỗ mũi.

Cụ Nguyễn Văn Tâm đã được đưa vào bệnh viện. Cụ sẽ chết. Tôi biết. Tôi là ai? Tôi là bác sĩ. Tôi đang kể lại những gì cụ đã trăn trối cho tôi nghe. Cụ Tâm đã già, sức yếu, không chịu đựng được cơn đau. Cụ đang sốt, mê man. Tôi là bác sĩ, nhưng tôi không thể cứu cụ sống. Tôi không có thuốc cho cụ. Tôi chỉ có chút thời giờ để nghe cụ Tâm nói trong cơn mê sảng. Tôi nghe hết chuyện cụ nói. Cụ nói như người điên. Nguyễn Văn Tâm. Hàng ngàn Nguyễn Văn Tâm. Tôi là Tâm, là Nguyễn Văn Tâm, là đứa cháu đã đóng mạnh cửa đập vào mặt cụ Tâm. Cụ Tâm điên và làm tôi đau đầu.

Cụ Tâm sắp chết. Tôi biết. Tôi cũng là cha đạo. Nhưng tôi không thể cứu sống cụ Tâm. Kinh thánh của tôi không có đủ ánh sáng để nuôi sống lại quá khứ của cụ.

Cụ Tâm đang chết. Tôi biết. Tôi còn là người viết. Tôi có thể cứu sống cụ Tâm. Nhưng tôi sẽ để cụ chết, vì chuyện của cụ đã kể xong.

Nguyễn Văn Tâm. Ôi! Chỉ là một cái tên.

HOÀNG MAI ĐẠT

NGƯỜI PHU VÁC GHẾ

YUSUF IDRIS
ĐỖ KH. dịch

Yusuf Idris, sinh năm 1927, là một trong những nhà văn viết truyện ngắn quan trọng nhất của văn chương Ả Rập. Sau khi tốt nghiệp Bác Sĩ tại Cairo ông có dịp tiếp xúc với giới nghèo kém nhất tại thủ đô Ai Cập trong lúc thi hành chức vụ thanh tra y tế. Tập truyện ngắn đầu tay của ông (Arkhas Layali, Những Đêm Rẻ Nhất, 1954) làm ông nổi tiếng ngay lập tức khi thuật lại cuộc sống bần cùng của tầng lớp hạ lưu trong xã hội. Ông bỏ nghề thuốc để viết văn theo khuynh hướng chỉ trích xã hội và chính trị một cách thẳng thắn khiến ông nhiều lần bị bắt giam. Từ thập niên 60 trở đi, truyện ngắn của Yusuf Idris trở thành siêu thực và mang nhiều tính cách tượng trưng (Lughat al Ay Ay, Ngôn Ngữ Của Tiếng Kiêu, 1965) và sau này ông để ý đến vấn đề sinh lý xã hội ((Beit Min Lahm, Căn Nhà Xác Thịt, 1971). Ngoài truyện ngắn, Yusuf Idris còn viết một số kịch và truyện dài nhưng không được ưa chuộng bằng.

Bút pháp của ông bị chỉ trích vì dùng nhiều văn nói. Yusuf Idris tự nhận là có cách hành văn ngẫu hứng và kém chải chuốt nhưng được coi như người sáng tạo về hình thức và ngôn ngữ, soi được tâm hồn người Ai Cập và phản ảnh được những khát vọng của đồng hương xung quanh ông.

Bạn có tin hay không, tôi xin lỗi, tôi không cần biết. Chỉ cần tôi đã được trông thấy hắn, gặp hắn, nói chuyện với hắn và được quan sát cái ghế bằng chính cặp mắt mình. Thế cũng đủ để tự cho mình là nhân chứng của một phép lạ. Nhưng mà lạ lùng nhất - nếu không nói là kỳ quái - lại là không có một người qua đường nào khác, ở công trường Nhà Hát, ở đường Cộng Hòa, ở Cairo hay kể cả khắp cõi đời rộng lớn, dừng lại một giây để chứng kiến sự việc này ngoài tôi ra.

Cái ghế thật là lớn. Trông thấy nó bạn tưởng nó phải là từ một thế giới nào khác đến, hay là được đóng cho một dịp hội hè, một cái ghế khổng lồ, chỉ tự nó thôi cũng đã là một truyền thống, lót bằng gối lụa lượt là với chỗ ngồi mênh mông mềm mại bọc bằng da báo. Vừa thấy nó , bạn thế nào cũng phải mơ leo lên ngồi cho được, một lần thôi cũng đủ. Một cái ghế biết đi, đang tự mình uy nghi mà tiến tới như trong một buổi hành lễ. Một cái ghế tự mình rước lấy khiến người xem phải kinh ngạc và khiếp sợ thiếu điều phủ phục xuống bên đường để tế lễ và dâng lên hương dâng lên hoa.

Rốt cuộc thì tôi mới nhìn ra, giữa bốn cái chân bệ vệ chạm trổ và bóng loáng, còn có một cái cẳng thứ năm. Nó ốm yếu và xem khác lạ giữa tất cả những cái huy hoàng to lớn chung quanh và thực ra, chẳng phải là cẳng ghế. Đó là một con người gầy gò, thân thể nhăn nheo bởi những đường mương do mồ hôi đào xới với những tụm lông mọc thành rừng ở xung quanh. Tôi xin thề, tôi không nói láo mà cũng không phóng đại, chỉ tường thuật lại, dù khó mà trung thực được, điều mà tôi thấy tận mắt. Có cách nào mà một con người mảnh khảnh như vậy lại có thể khiêng một cái ghế như thế, một cái ghế nặng cả ngàn cân hay còn có thể hơn? Câu hỏi lập tức đến trong đầu bạn: phải chăng đây là một trò ảo thuật? Nhưng bạn chỉ cần bước lại gần để xem xét kỹ thêm. Đây chẳng phải là trò lường gạt, người phu đang một mình vác cả cái ghế đi.

Cái điều càng khó tin hơn và lại càng quái đản nữa, cái điều đúng ra phải đáng sợ, là không có một ai trong đám người qua lại ở công trường nhà hát, ở đường Cộng Hòa hay ở ngay thành Cairo lấy chuyện đó làm ngạc nhiên hay có chuyện gì khác lạ. Mọi người đều coi sự việc này như chuyện bình thường, một chuyện chẳng cần chú ý đến, làm như cái ghế nhẹ như một cánh bướm đang được một chàng trai trẻ cầm đi dạo. Tôi hết nhìn thiên hạ, rồi lại nhìn cái kiệu và người phu, tưởng phải bắt gặp một cặp lông mày nhíu lại, một cặp môi cắn vào hay nghe được một tiếng thốt lên kinh ngạc. Nhưng hoàn toàn không thấy một phản ứng của bất kể một ai.

Khi tôi bắt đầu cảm thấy mọi sự đến đây quá sức ngạc nhiên của mình thì người phu khuân một cái gánh nặng đến cách tôi chỉ còn vài bước. Được nhìn rõ khuôn mặt vẫn giữ một vẻ hồn nhiên dưới làn da răn rúm tôi cũng không cách nào mà đoán được y là bao nhiêu tuổi. Điều khác, trên người y chẳng phục sức gì ngoài một cái khố bằng loại vải buồm thô lòng thòng thân trước thân sau. Đến đây, bạn thế nào cũng phải khựng lại. Trong đầu bạn lập tức nổi lên cảm tưởng ngờ ngợ từ đâu đến như những tiếng âm vang đập vào bốn vách của một căn phòng rỗng tuếch: con người với cách phục sức này, chẳng những xa lạ với thành phố Cairo mà còn xa lạ cả với kỷ nguyên và thời đại chúng ta. Hình dáng y chập chờn quen thuộc từ những trang sách lịch sử hay là nghiên cứu về khoa học khảo cổ. Ngay cả nụ cười của y cũng làm tôi sửng sốt, thứ nụ cười yếu kém của những kẻ ăn mày khi y thốt:

"Trời làm ơn phù hộ cho cha mẹ anh. Chẳng hay anh có gặp bác Ptah Ra ở gần đây?"

Hắn nói với tôi bằng thứ tiếng Ai Cập cổ phiên âm theo giọng Ả Rập hay bằng thứ tiếng Ả Rập phiên âm theo giọng Ai Cập thì tôi không rõ. Chẳng lẽ đây lại là một người Ai Cập cổ? Tôi liền hỏi:

"Này chú. Chú đừng có bảo tôi chú là người Ai Cập cổ..."

"Làm gì có Ai Cập tân thời với

lai Ai Cập Cổ. Tôi là người Ai Cập."

"Vậy còn cái kiệu này..."

"Thì tôi đang vác nó. Anh tưởng tôi cứ lẩn quẩn đi đây đi đó tìm bác Ptah Ra để làm gì? Ổng bắt tôi khuân nó lên và rồi tôi phải tìm ra ổng để cho phép tôi đặt xuống. Đời tôi kể như rồi."

"Chú khuân nó từ hồi nào?"

"Từ hồi nào anh không biết được, từ lâu lắm rồi."

"Được một năm chưa?"

"Một năm mà làm gì, anh cứ cho người ta biết là một năm còn cộng thêm vài ngàn."

"Vài ngàn cái gì?"

"Thì vài ngàn năm, từ mấy ngàn năm nay."

"Chú muốn nói, từ thời các Kim Tự Tháp?"

"Còn trước nữa, từ thời sông Nile kìa."

"Thời sông Nile là từ thời nào?"

"Từ thời người ta chưa gọi sông Nile là sông Nile, lúc thủ đô được dời từ cao nguyên xuống cạnh dòng sông. Tôi đi theo bác Ptah Ra và ổng ra lệnh "Này phu, vác nó lên." Tôi tuân theo và từ hồi đó tôi đi tìm ổng khắp nơi để được lệnh đặt nó xuống. Cho tới giờ này tôi vẫn chưa kiếm ra ổng ở đâu."

Đến đây thì tôi cũng chẳng còn hơi sức nào để mà sững sờ thêm. Bất cứ người nào vác nổi cái ghế ngàn cân này lên trong một phút thì cũng có thể khiêng nó trong mấy ngàn năm. Bây giờ thì đã hết dịp để mà kinh ngạc nữa hay là để phản đối. Tôi chỉ cần hỏi y có mỗi một câu:

"Thí dụ nếu chú không tìm ra cái ông Ptah Ra của chú, chẳng lẽ chú cứ đi lòng vòng khắp nơi khâu cái ghế này mãi vậy sao?"

"Thì vậy chứ còn sao nữa. Bác Ptah Ra đã giao nó cho tôi vác. Tôi đã được lệnh khiêng nó thì tôi phải đợi có được lệnh bỏ nó xuống chứ còn cách nào."

Có lẽ lúc đó cái giận làm tôi nói: "Đặt xuống ngay. Chú chưa biết chán hay là chú không biết mệt? Liệng quách nó đi, đập cho nó vỡ, mang nó ra mà đốt. Kiệu để khiêng người chứ không phải là người để khiêng kiệu."

"Đâu có được, anh tưởng tôi vác ghế để đùa đấy hả? Đây là việc mưu sinh của tôi."

"Mưu sinh rồi sao? Mưu sinh mà để gãy cả lưng như thế thì chú quẳng mẹ nó cái kiệu này đi từ đời kiếp nào."

"Anh nói thế được vì anh là người ngoại cuộc, chẳng can dự gì đến anh cả. Tôi đây mới là người vác nó, người ta đã uỷ thác việc cho tôi, tôi phải làm bổn phận."

"Trời hỡi, bổn phận cho đến chừng nào mới được?"

"Đến lúc nào tôi nhận được lệnh của Ptah Ra."

"Cái ông này của chú chắc chết mất từ hồi nào rồi."

"Vậy thì đến lúc tôi nhận được lệnh của người thừa kế ổng, người phụ tá ổng, người nối nghiệp, của bất cứ những ai cầm hiệu của chức quyền."

"Thôi được, tôi ra lệnh cho chú đó, đặt ngay nó xuống."

"Xin vâng lời anh - cảm ơn anh lòng tốt - nhưng mà chẳng hay anh liên hệ gì với bác Ptah Ra?"

"Tôi chẳng liên hệ gì hết."

"Anh có dấu hiệu của chức quyền gì không?"

"Cũng không nốt."

"Vậy thì xin phép anh để tôi tiếp tục đi."

Y mới bước thì bị tôi giữ lại. Tôi vừa kịp thấy một cái gì loáng thoáng như là một mảnh hịch được ghim vào ngay phía đằng trước ghế. Đó đúng là một mảnh da nai thuộc ở trên viết bằng cổ ngữ, coi kỹ như là một trang lấy từ

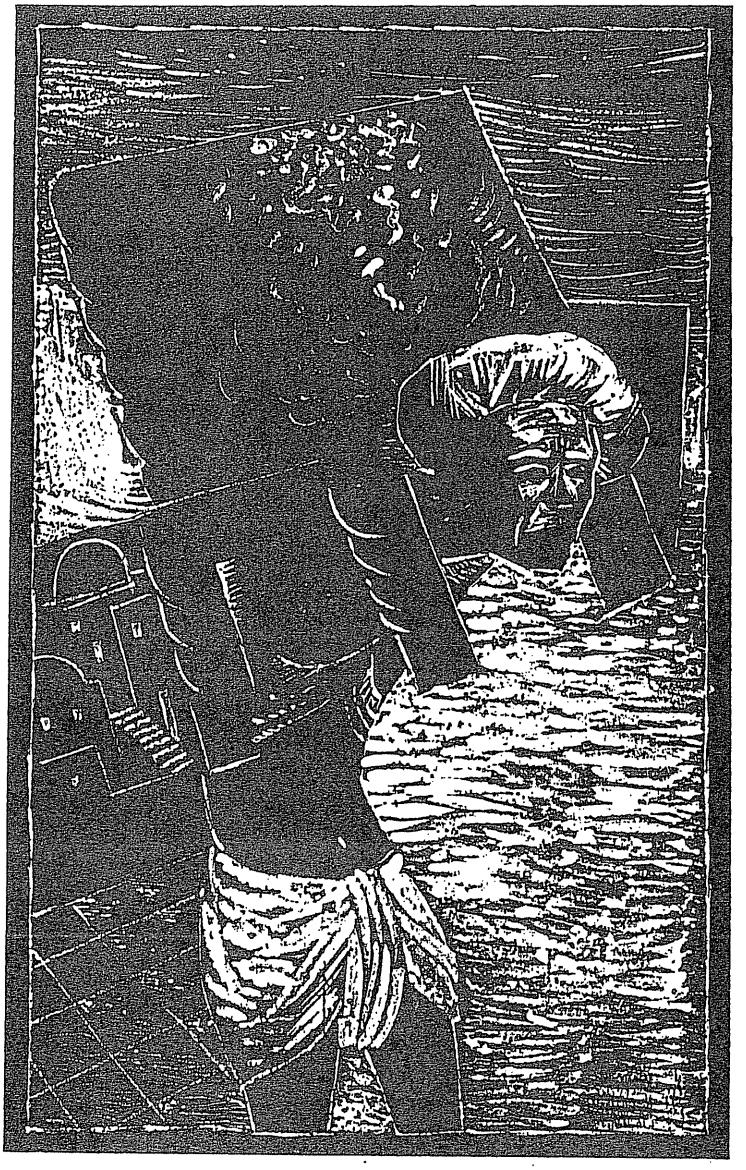

bản Cựu Ước đầu tiên. Phải khó khăn lắm tôi mới lần mò mà đọc được:

Hỡi người phu vác ghế
Anh vác nó bấy nhiêu đã đủ
Đã đến giờ để nó vác lại anh
Chiếc ghế này
Độc nhất vô nhị
Là sở hữu của chính anh
Hãy mang nó về
Đặt trong nhà vào chỗ nào danh dự
Để ngồi lên an tọa cả cuộc đời
Đến khi anh chết
Nó sẽ được truyền lại cho con cháu.

"Đây này, chú phu vác ghế, đây là lệnh của Ptah Ra, có đủ cả ấn tín của ông ấy. Ngay từ lúc anh vừa vác nó lên đã có dính vào đây."

Tôi cho y biết mà rộn ràng với niềm vui bùng nổ của người từ lâu bị đè nén. Ngay từ lúc đầu tiên trông thấy cái ghế và vừa rõ sự việc tôi đã cảm như chính tôi là người phải vác nó từ nhiều ngàn năm nay. Như chính tôi là người phải còng lưng chịu và niềm vui này như niềm vui giải thoát của chính mình.

Người phu cúi đầu lặng nghe tôi nói mà không một mảy may xúc động. Y chỉ đứng cúi đầu đợi tôi nói xong để ngửng đầu lên. Tôi tưởng lẽ ra y phải biểu lộ một niềm vui lớn, một cái gì hân hoan nhưng tuyệt nhiên không tìm ra trên gương mặt một phản ứng nào.

"Lệnh đây này, ngay trên đầu chú. Lệnh viết ra từ tận đời kiếp nào."

"Tôi không biết đọc."

"Thì tôi mới vừa đọc cho chú nghe."

"Tôi chỉ tuân theo nếu có dấu hiệu của chức quyền. Anh có dấu hiệu đó không?"

Thấy tôi không trả lời y lầm bầm trong khi quay đi:

"Cái bọn này chỉ biết cản đường. Không biết là nặng thế này mà cả ngày trời cũng chỉ đủ để vác được một vòng."

Tôi trân ra đó nhìn y. Cái kiệu lại từ từ chuyển động, đều đặn như là tự nó biết đi. Người phu lại trở thành cái cẳng ghế thứ năm, một mình gầy gò mà làm nó di động được.

Tôi trân ra đó nhìn y bỏ đi, hổn hển dưới gánh nặng với mồ hôi toát ra trên thân thể.

Tôi trân ra đó mà không biết phải nghĩ gì, tự hỏi mình có nên đuổi theo y và giết quách y luôn để cho mà đỡ tức. Hay là mình nên bắt kịp y và đẩy cái ghế ra khỏi đôi vai để buộc y ngồi nghỉ? Tôi có nên dằn lòng với cái bực bội do người phu này gây ra hay thôi, chỉ nên tội nghiệp hắn là hơn?

Hay là tôi chỉ nên tự trách mình không biết cai gì là dấu hiệu của chức quyền?

ĐỖ KH.

Bác Sĩ

NGUYỄN DUY CUNG

Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)

Liên lạc **cô Xuân Uyên** (714) 775-3718

Đứa em hạnh phúc

NGUYỄN Ý THUẦN

Cho đến lúc gặp lại tôi sau tám năm, Chi vẫn chưa lấy chồng. Con bé vẫn đẹp và dễ thương như ngày còn ở gia đình, nhưng nét già dặn của một thiếu nữ đã trưởng thành hiện rõ trong phong thái và cử chỉ. Cái cười vẫn tươi nhưng từ tốn hơn. Mắt vẫn long lanh nghịch ngợm nhưng pha thêm vẻ độ lượng. Đôi mắt em tôi giống hệt bố tôi ngày còn sống.

"Mày năm nay bao nhiêu rồi Chi?"

"Hai mươi sáu. Anh hỏi làm gì?"

"Sao mày không chịu lấy chồng?"

"Anh năm nay bao nhiêu?"

"Mày định hỏi ngược lại anh chắc?"

"Vâng."

Tôi nhún vai trước cái cười hóm hỉnh của con bé.

"Tao đàn ông, con trai thì khác. Mày là con gái coi chừng ế à..."

"Em đâu ngán."

Chi bắt chước tôi, cũng làm một cái nhún vai bất cần. Nhìn đứa em thứ mười bốn của gia đình trong phong thái chững chạc và lớn khôn, bất giác tôi bàng hoàng. Mới ngày nào nó còn bé tí, suốt ngày lăng xăng trong nhà, lẫn vào đám anh em khác. Bố tôi thường lộn tên và thứ tự của ba mươi tư đứa con nhưng chẳng bao giờ quên tên con bé này. Đã có lần ông nói tại bàn ăn:

"Con Chi nó lạ lắm! Chẳng bao giờ tao có thể lộn nó với đứa khác được... Con bé này có tính tự tin và có thể làm được việc lớn. Đẻ ra đã lạc bố mẹ mất mấy năm, đón về được thì lủi thủi một mình, chẳng bao giờ nghe tiếng khóc hay vòi vĩnh..."

Cả nhà cùng xoay về hướng Chi, con bé nhe răng cười hồn nhiên, đảo mắt nhìn một vòng rồi tiếp tục ăn. Thản nhiên như chuyện vừa rồi bố tôi nhắc đến chả có dính gì đến nó cả.

Chi là con thứ tư của dì Ba. Đúng ra theo tuổi tác thì nó còn nhỏ hơn một vài đứa trong nhà, nhưng theo ngôi thứ của sáu bà mẹ thì nó đứng thứ mười bốn và làm chị của hai mươi đứa em khác trong gia đình. Từ bé, Chi đã có nhiều điểm đặc biệt khác hẳn với

đám anh em. Từ việc học đến việc chơi. Nó dễ dàng hòa đồng vơí người khác để cùng sinh hoạt trong một môi trường chung. Nhưng Chi không có ai bên cạnh, một mình nó vẫn làm những việc y

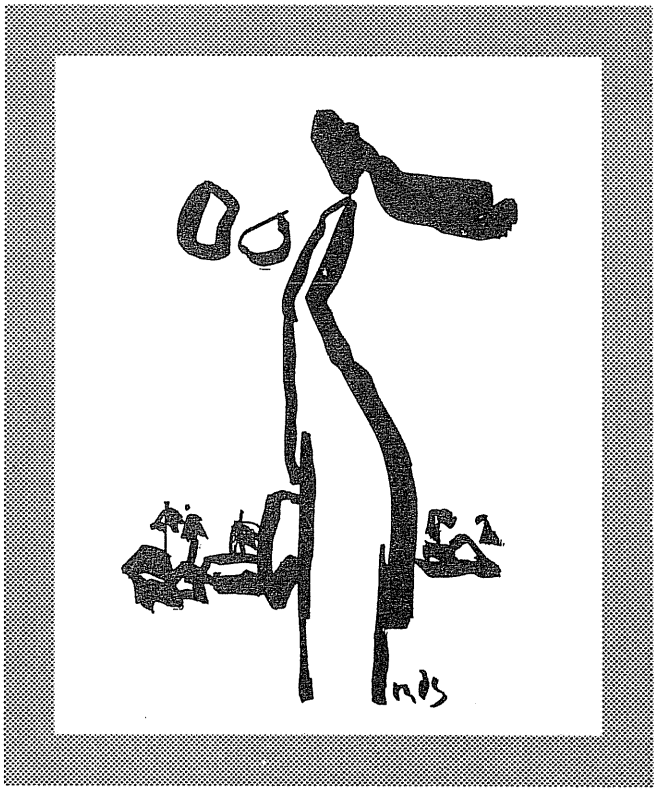

hệt như khi có mọi người. Tự mình tạo ra cho mình một thế giới riêng biệt. Cảnh con bé chơi bán hàng một mình, hay lang thang trong vườn, hay ngồi một góc nhà để học đã là cảnh quen thuộc với gia đình tôi. Hoặc ngược lại, bắt gặp nó tung tăng bên cạnh bạn bè, hay tham gia sinh hoạt Hướng đạo, hay học chung với đứa khác cũng là cảnh tự nhiên. Ở con bé hình như tất cả mọi việc xảy đến đều tất nhiên, đề dễ dàng tiếp nhận. Chẳng cần đòi hỏi hay vòi vĩnh điều gì khác.

Cá tính đó được mọi người yêu mến, từ trong nhà đến bên ngoài chẳng bao giờ Chi bị ai phiền nhiễu hay ganh ghét cả. Làm sao mà ganh ghét được? Thử tưởng tượng đến một cảnh sắm tết trong gia đình, đứa nào cũng muốn cái này, mong cái kia, cả bầy con hơn ba chục đứa đều có những yêu cầu riêng biệt. Mà tất cả những điều yêu cầu đó theo bọn tôi đều là cần thiết, bố và các mẹ phải giải quyết... thiết thực. Dù yêu thương nhau đến đâu, nhưng đến dịp lễ Tết là bọn tôi tranh nhau sự săn sóc. Đứa nào cũng nhắc nhở và cố gắng nhắc nhở. Trời ơi! Ba mươi mấy đứa con chứ bộ, bố và các mẹ dám quên mình lắm à! Những bữa ăn gần Tết là những bữa nhộn nhịp và ồn ào nhất. Hơn ba chục đứa tranh nhau nói-- sợ quên mà! Từ ông anh cả đã có vợ đến con bé Từ An là nhỏ nhất. Người nào cũng biến thành con nít hết trơn. Hồn nhiên, vui vẻ dành nhau ngồi gần bố và các mẹ... Đây là một trong những điểm làm nên hạnh phúc của gia đình tôi. Ba mươi mấy đứa con gom lại bên sáu bà mẹ đang cuống lên vì những câu nói vội.

"Ừ dì nhớ mà!"

"Nói mãi, để mẹ cả nhắc bố cho..."

"Bé Từ An đừng đòi nữa. Mẹ ba thế nào cũng mua cho con con búp bê nhắm mắt mở mắt..."

"Anh yên chí, thể nào dì cũng xin bố cho anh cái máy hát..."

Đại loại thế. Cả nhà bận rộn hết, từ sáu bà mẹ đến bầy con, trừ hai người: Bố tôi và Chi. Trong bữa ăn cả hai người đều nói rất ít, thường là trả lời nhiều hơn nói.

Bằng cái nhìn khoan dung đầy hạnh phúc, bố tôi mỉm cười nhìn mọi người. Ông chỉ gật đầu và trả lời những câu hỏi hoặc hứa với từng đứa qua lời xin xỏ. Cũng thế, Chi ngồi yên, ăn uống, và nhìn mọi người bằng con mắt ngây thơ. Luôn luôn có một cái cười hồn nhiên trên môi con bé, và cũng như bố tôi, nó chỉ trả lời mỗi khi được hỏi.

"Chi, con muốn mua gì mẹ cả mua cho?"

"Dạ..."

Con bé hơi bối rối khi mẹ tôi hỏi, hình như nó chưa chuẩn bị gì cho món quà sẽ xin trong dịp Tết. Dì Út quay sang nó:

"Con thích gì hả Chi?"

"Con cũng chẳng biết."

Cả nhà phá ra cười sau câu nói thành thật nhưng có vẻ ngớ ngẩn của con bé. Chi cũng cười theo một cách hồn nhiên và như đã quên câu hỏi của dì Út cùng món quà nào đó sẽ chọn. Mẹ tôi hỏi lại.

"Con thích gì?"

"Gì cũng được mẹ cả ạ!"

Con bé trả lời dễ dãi trong tiếng cười của mọi người. Mẹ tôi lắc đầu nhìn con bé.

"Búp bê nhé?"

"Vâng, cũng được."

Thế đấy! Con bé như thế làm sao mọi người không yêu quý sao được? Lại nữa Chi học rất giỏi. Suốt thời gian tiểu học chưa bao giờ nó xếp hạng nhì trong lớp. Mỗi tháng đem về nhà một bảng danh dự, nó xếp vào ngăn kéo riêng, chẳng bao giờ lôi ra xem lại lần thứ nhì, như việc lãnh bảng danh dự và đứng nhất lớp là điều tự nhiên. Chi đến trường học như đi về nhà, khắp chốn đều là không khí thân quen cho nó. Anh em cũng như bạn bè. Cha và các mẹ cũng như thầy cô. Nó tìm được ở tất cả mọi người sự gần gũi và thân mật. Và tạo được môi trường sinh hoạt cho mình một cách thoải mái.

Như một hạt giống tốt, có thể nẩy mầm trên tất cả các vùng đất. Chi sống và lớn dần giữa trường lớp cùng gia đình tôi bằng tình thương yêu của mọi người. Luôn

luôn là một phong thái tự nhiên, lạc quan hiện lên từ nó. Bạn bè cùng lớp thay vì ganh ghét lại đâm quý mến và hãnh diện bởi có Chi cùng lớp. Nó tạo cho những người quanh một không khí thoải mái và bình đẳng. Chẳng bao giờ con bé kênh kiệu hay tự mãn bởi những điều đã có. Sức sống của em tôi thật lạ kỳ. Lạ kỳ ngay từ lúc mới đẻ.

Sinh ra được bốn ngày thì Chi lạc mất mẹ. Dì ba bị bắt bởi một người hàng xóm vu họa, từ sự ganh ghét. Bấy giờ gia đình tôi chưa gom lại ở chung. Bố lại đi vắng trong thời gian đó, các dì và mẹ tôi vừa di cư vào vài năm còn lạ đất, lạ người nên việc liên lạc với nhau không thường xuyên. Vụ dì ba bị bắt mãi hơn hai tháng sau nhà mới biết. Đến nơi thì chỉ thấy ba đứa lớn, còn Chi thì được giao cho một người lạ mặt nuôi từ lúc còn nằm tại nhà thương. Lý do thật ngớ ngẩn, các cô y tá tưởng dì ba là Việt Cộng, bị bắt không ngày về nên đem đứa con gái vừa sinh cho một gia đình hiếm muộn mà chẳng cần liên lạc với ai cả... Cuối cùng bố tôi về, đón được dì ba và các em thì chuyện đã rồi. Đứa con xấu số đã lạc khỏi gia đình và không còn tí manh mối nào hơn việc con bé có bốn cái nốt ruồi son ở bắp chân trái.

Ba năm sau gia đình tôi dọn về Nha Trang. Việc xảy ra đối với mọi người như một lần vận hạn trong đời, dần dà cũng nguôi ngoai. Nhưng với dì ba thì không, lúc nào cũng ủ rũ và để tâm tìm đứa con gái lạc lõng, chưa kịp đặt tên. Suốt thời gian còn ở Sàigòn, dì thường xuyên vắng mặt. Lang thang khắp hang cùng, ngõ hẽm. Gặp đứa bé gái nào trạc em tôi, dì luôn luôn tìm cách vạch bắp chân trái để xem và để thất vọng. Những năm đó, dì Ba sống trong giai đoạn khủng hoảng nhất. Chẳng ai có thể khuyên răn được. Làm sao mà khuyên răn đây? Chi còn như đã mất và ngược lại vắng mặt nhưng như có mặt. Tình thương của người mẹ đối với con ai cũng hiểu, lấy gì mà khuyên nhủ, để cản những hành động của dì Ba? Cứ thế cho đến lúc rời Sàigòn, dì Ba

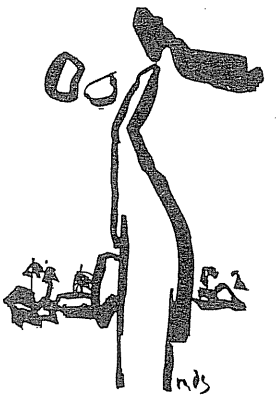

mất hết nửa phần hy vọng. Hơn bốn trăm cây số từ Sàigòn đến Nha Trang sao mà xa tít. Với tôi nói riêng, với gia đình tôi nói chung, Nha Trang là một thành phố đầy kỷ niệm.Tất cả anh em chúng tôi sau này nhắc về Nha Trang luôn luôn bằng một giọng đầy tiếc nuối. Chúng tôi đã khôn lớn và thương yêu từ biển và gió. Mỗi ngày là một niềm vui cho mỗi đứa. Mỗi ngày là một mảnh hạnh phúc vá vào hạnh phúc chung của gia đình. Từng góc phố, từng con đường đã thân quen đến độ bây giờ còn hình dung được. Thế đấy! Nha Trang với tôi là thế. Và Nha Trang với dì ba còn đáng nhớ hơn ngàn lần. Đó là nơi bé Chi trở về với gia đình.

Hơn năm năm tìm con nhưng không gặp, ba năm ở Sàigòn và gần ba năm ở Nha Trang, dì ba tưởng như đã tuyệt vọng. Trong thời gian này, gia đình tôi tăng thêm gần chục đứa trong số đó có hai đứa con của dì ba. Con số anh em tôi lên đến ba mươi bốn. Kể cả con bé mất tích chưa được đặt tên. Trở lại với dì ba bằng nỗi tuyệt vọng. Bây giờ dì đã thành người lúc nào cũng nằm trong tình trạng lo âu về con cái. Đứa nào vắng mặt lâu một tí là dì sợ hãi đến thất thần. Dạo ấy Nha Trang lại xảy ra việc "mẹ mìn" bắt cóc con nít, nên nỗi sợ của dì đã lớn lại càng lớn hơn. Hai chữ "mẹ mìn" đối với dì thật là khủng khiếp, đáng quan tâm hơn tất cả mọi thứ trên đời. Hãy nghe một mẩu đối thoại tại nhà tôi trong thời gian đó. Dì ba nhìn quanh bàn ăn một vòng, lẩm nhẩm đếm lũ con sáu dòng, rồi ré lên:

"Trời ơi là trời!"

Cả nhà giật mình xoay sang hướng dì ba. Mẹ tôi lên tiếng.

"Gì thế cô ba?"

"Anh tư đi đâu, sao chưa về?"

Cả nhà bật cười trước sự hốt hoảng của dì ba. Không cười sao được? Anh thứ tư của tôi năm ấy đã gần ba mươi tuổi, làm sao có thể có một thứ "mẹ mìn" nào bắt được? Nhưng xong tràng cười vui vẻ là ai cũng ái ngại nhìn dì ba. Nỗi ám ảnh về việc bắt cóc trẻ con và nỗi ân hận từ việc lạc mất đứa con vừa sinh đã biến dì ba thành một người luôn luôn nằm trong tình trạng âu lo, thấp thỏm. Cứ thế, giữa hạnh phúc của gia đình đem đến, dì ba luôn luôn mang theo mình một nỗi buồn lo.

Gia đình tôi thường hay tổ chức những buổi cắm trại cuối tuần. Đi đảo hoặc đến một bãi tắm xa thành phố nào đó. Hòn Chồng, Bãi Dương, Bãi Miễu, Hòn Yến... Cả nhà quây lại với nhau, trừ mẹ tôi ở nhà, còn lại cả năm bà dì đều như trẻ lại. Tắm, đùa, hát hỏng với đám con thật tự nhiên. Nhất là dì Út--bà dì nhỏ hơn anh tôi gần chục tuổi-- bày ra nhiều trò chơi nhất, và được cả nhà tham dự một cách thoải mái. Ai cũng vui vẻ, và trong cái vui vẻ này, dì ba gặp lại đứa con bị thất lạc tại Bãi Dương, trong một ngày Chủ Nhật, lúc con bé đang cởi truồng nghịch cát.

Tôi còn nhớ rõ từng diễn biến xảy ra trong lần trùng phùng một cách buồn cười và cảm động này. Mặt dì ba xanh mét, chạy ào đến con bé đang cởi truồng nghịch cát trước cặp mắt ngạc nhiên của mọi người chung quanh. Dì đứng lại trước mặt con bé một lúc lâu. Rồi quỳ xuống thật nhanh, dì nắm lấy chân trái con bé, xoa lên các vết nốt ruồi son, nước mắt tuôn ra. Con bé thay vì sợ hãi hay khóc thét lên như những đứa trẻ cùng tuổi, lại thản nhiên toét miệng cười trước hành động của người đàn bà xa lạ. Tình máu mủ chăng? Hay là bản chất lạc quan đã biểu hiện trên cử chỉ của em tôi lúc đó? Dì ba lắp bắp vài tiếng rồi ôm choàng lấy con bé, hôn như mưa trên mặt con bé. Con bé vẫn không né tránh, mà trái lại, đưa tay ôm lấy dì. Đó là Kim Chi. Nguyễn Thị Kim Chi,

con bé lạc lõng của gia đình tôi được đặt tên bởi bố mẹ nuôi. Một ông bà bác sĩ cũng mang họ Nguyễn.

Như thế con bé có hai gia đình để sống. Tuần thì ở nhà tôi, tuần thì về nhà bố mẹ nuôi. Con bé đi đi, lại lại như con chim hạnh phúc giữa hai bên. Bố nào cũng là bố, mà mẹ nào cũng là mẹ. Hai bố và bảy bà mẹ cùng như nhau. Góc nhà bên này hay khoảng vườn bên kia chẳng có gì xa lạ. Chi vui vẻ ăn, học, nghịch ngợm với mọi người chung quanh, với chính mình. Nó lớn như thổi, mười sáu tuổi đến không ngờ với tình yêu.

Lãng mạn như tất cả những thanh niên lớn lên tại Nha Trang, em tôi cũng văn nghệ, văn gừng và mơ mộng ra gì. Gối đầu là cuốn thơ Nguyên Sa, ấn bản Áo Lụa Hà Đông. Bỏ trong cặp sách là truyện của Dung Sàigòn, Võ Hà Anh v.v... Con bé bây giờ đã thành cô bé. Nét hồn nhiên, nghịch ngợm đã thành tinh quái, dịu dàng trong mắt... khối anh đã chết mệt vì Chi và đã thành đầu đề trong các chuyện vui tại bữa cơm của gia đình tôi.

"Chi, hôm nay có gì lạ không mày?"

"Chẳng có gì anh ạ! Em nhận được *có* hai lá thư..."

"Sao ít vậy?"

"Chắc tại tem... mắc!"

Nửa bàn ăn của gia đình tôi phá ra cười. Ông bố và các bà mẹ lắc đầu nhìn bầy con, trừ dì út. Dì út vẫn còn trẻ nên khoái tham dự với bọn tôi trong những chuyện vui. Chính dì là người bày ra trò "bình thư" của các cây si dại dột viết thư cho Chi.

"Dì út 'bình' nghe?"

Anh cả tôi hỏi. Dì út lắc đầu:

"Dì đọc thôi. Hôm nay các anh chị 'bình' đi..."

Sau đó lá thư của kẻ si tình được đem ra mổ xẻ từng cái chấm, từng dấu phẩy một cách tự phát. Rồi đến màn "luận," màn "bình," màn "đo cường độ của tình yêu"... Ôi thôi! đủ thứ, đủ trò được bày ra. Tội nghiệp cho những chàng trai vừa lớn đã yêu phải con bé em tôi.

Nhưng không phải tất cả những lá thư Chi nhận được đều bị đem ra giải phẫu. Nó cất giữ riêng những phong thư của một thằng tốt xố nhưng xấu trai. Đó là Sự, bạn của tôi.

Sự nổi tiếng trong giới học sinh Nha Trang từ những năm trung học nhờ các bài thơ đăng báo. Ngoài điểm xấu trai, còn lại tất cả những điểm khác nó đều ăn trùm bọn tôi. Từ học hành đến sinh hoạt văn nghệ nó luôn luôn dẫn đầu. Trong mắt đám học sinh tỉnh lẻ thì sự việc Sự có thơ đăng trên báo là điều đáng phục nhất. Lại là những tờ báo "nặng ký" lúc bấy giờ. Toàn là Văn, Bách Khoa... Sự đâu thèm rớ tới những tờ báo-- mà theo giọng nó-- là những tờ báo *lá cải* và đầy *thương mại tính*.

Bọn tôi chơi thân với nhau từ ngày còn bé. Sự lui tới gia đình tôi thân quen đến độ bố tôi đã gọi đùa nó là đứa con thứ ba mươi lăm của gia đình. Học cùng lớp, ngồi cùng bàn, hợp tính nhau nên bọn tôi là cặp bài trùng. Bọn tôi cùng đi song song với nhau trong suốt đoạn đời mười mấy năm. Sự gắn bó tình cờ đã đến với hai đứa trong từng biến cố xảy ra trong đời người. Năm tôi thất tình bỏ đi lính thì Sự cũng bị động viên. Hai đứa vào cùng khoá. Ra trường cùng về Biệt Động Quân. Tôi thì cố tình, còn nó thì bị "cọp liếm." Cứ thế học xong khóa "rừng, núi, sình lầy" thì định mệnh lại tiếp tục buộc tôi với nó. Cùng về tiểu đoàn 51 lúc đầu. Sau lại cùng bổ sung sang tiểu đoàn 35. Mỗi thằng ở một đại đội, tôi và Sự vẫn thân nhau như ngày còn ở Nha Trang. Đến độ chỉ hơn tháng sau khi về tiểu đoàn, Thiếu tá Niên bấy giờ là tiểu đoàn trưởng đã cho chúng tôi về cùng đại đội. Mỗi thằng nắm một trung đội.

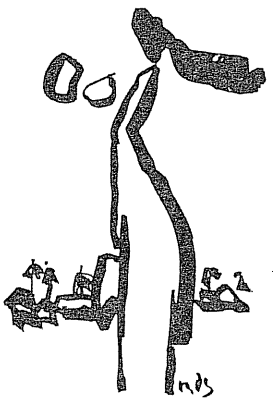

Sự và Chi yêu nhau lúc bọn tôi vừa lấy xong phần hai. Dù hai đứa gặp nhau ngày một vì Sự thường đến nhà tôi ăn cơm, Chi và Sự vẫn khoái chơi trò thư từ với nhau. Và tôi biến thành gã đưa thư của mối tình đó. Mỗi ngày là hai anh chị trao nhau một lá thư, có khi hai lá không chừng. Trước hạnh phúc của con em gái và thằng bạn thân tôi cũng đâm vui lây. Nhưng dù sao thấy bọn nó viết thư hăng quá, tôi cũng mệt và hơi ghen với hạnh phúc của bạn và em mình. Đã có lần tôi cảnh cáo Chi, khi nhận lá thư thứ hai trong ngày của nó.

"Viết gì mà lắm thế! Học không lo học chỉ lo viết thư, coi chừng tao mách bố mẹ à..."

"Em vẫn đứng đầu lớp mà..."

Con bé nhe răng cười với tôi, rồi tiếp.

"Anh mà mách thì bố mẹ la anh trước."

Tôi cười theo Chi và tiếp tục làm nhiệm vụ bưu tá viên tình yêu. Thật ra tôi cũng bắt nọn được bọn nó khối điều... bổ ích từ việc này. Như việc Chi làm chim xanh cho tôi với Jeanne. Như việc Sự "gà" tôi làm thơ và viết thư tình... Có qua, có lại mà! Bọn tôi lớn lên trong vòng tròn tình cảm đó.

Em tôi bắt đầu làm thơ lúc bọn tôi vào lính. Con bé phát triển máu văn nghệ của nó bằng những bài thơ tình gởi kèm theo những lá thư tình cho Sự. Và hai độc giả trung thành và duy nhất của nó là tôi và Sự. Suốt khoảng thời gian đóng quân ở Bồng Sơn, Tam Quan, Sự tra tấn tôi liên tục bằng cách đọc những bài thơ của nó làm và của em tôi họa lại cho tôi nghe. Hãy tưởng tượng đến cái hứng bất tử của thằng thi sĩ xấu trai này được nổi lên vào lúc nửa đêm, nó vượt qua lớp mìn bẫy mò vào tuyến tôi.

"Dậy mày! Tao có cái này hay lắm."

"Gì?"

"Một bài thơ mới làm."

"Mẹ kiếp! Đọc đi."

"Mày phải ngồi dậy hẳn hòi chứ..."

"Tao nằm nghe mày đọc... phê

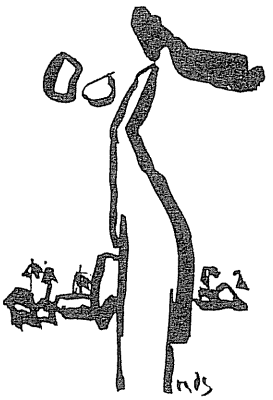

hơn."

"Đừng lười, dậy đi..."

Tôi chửi thề thêm vài tiếng trước khi ngồi dậy. Nó bắt đầu đọc thơ, rồi bình thơ. Mặc xác tôi với từng cái ngáp ngắn, ngáp dài. Nó tính bỏ làm công tác... thi sĩ một cách anh dũng. Sau cùng luôn luôn là câu.

"Hay không?"

Rồi chẳng cần tôi trả lời, nó bỏ tôi ngồi một mình, lặng lẽ về tuyến. Chưa hết! Có lần nó còn bày trò đọc thơ con em gái tôi trên máy PRC 25. Bất kể hậu quả thế nào nó vẫn bắt tôi chìu ý nó. Tôi chìu theo, dĩ nhiên. Bởi còn ai ngoài nó nơi vùng đất xôi đậu này? Và cuối cùng của việc này là cả hai đứa lãnh mỗi đứa mười lăm ngày trọng cấm.

Tôi đã nghĩ đến một đám cưới của thằng bạn xấu trai và con em đẹp gái nhiều lần. Hắn là vui lắm, cả gia đình tôi đều "chịu" thằng rể tài hoa và rỗ hoa này. Nó đến gia đình như một luồng gió đầy sự vui vẻ lạc quan. Hệt như cá tính của con em tôi và cũng thật hợp với ông bố đa tình và sáu bà mẹ, Sự tự nhiên đến độ đã dám gọi bố tôi là bố và xưng con ngọt xớt. Những lần đó tôi thấy mắt em tôi có tia long lanh lạ lắm. Cũng thế, Chi cũng được ba má và gia đình Sự "chịu lắm"! Con bé ngày thường láu lỉnh và hồn nhiên nhưng lúc theo tôi đến nhà Sự thì chỉ còn một nửa. Cái láu lỉnh biến đâu mất, chỉ còn nét hồn nhiên cộng thêm vẻ nhu mì, dịu dàng. Trước mắt tôi, con bé Chi rõ ràng có khiếu làm... dâu! Tôi nói điều này với Chi, nó cười cười.

"Thì... thì... cũng phải vậy. Em đến nhà 'người ta' mà!"

"Mày giống như con cắc kè, lúc xanh lúc đỏ."

"Bậy!"

"Chứ còn gì nữa? Bao nhiêu cái láu cá, khôn ngoan vặt biến mất trơn. Trời ơi! Tao tưởng mày không phải là em tao nữa chứ..."

"Bậy!"

Con gái chúa khôn! Ngay cả con em của tôi nó vẫn khôn hơn bọn đàn ông nhiều. Sự đã nhiều lúc "đứt hơi" vì con bé làm tội, làm tình hay biểu diễn những màn giận hờn vớ vẩn. Dù nó là một thằng thông minh và tài hoa với tất cả mọi người, nhưng với con bé nó vẫn là anh chàng si tình kỳ cục và ngớ ngẩn. Ngớ ngẩn đến độ tội nghiệp. Chính ông cụ tôi đã bảo với chúng tôi trong lần về phép mãn khóa.

"Thằng Sự sau này chỉ hơn được tao có một tính, đó là đức sợ vợ."

Nhưng chẳng bao giờ em tôi được hưởng cái thú có một ông chồng sợ vợ và Sự chẳng bao giờ được biểu diễn cái thú sợ vợ đúng mức và đúng nghĩa. Nó đã *mất tích* trong lần triệt thoái trên liên tỉnh lộ 7B.

Đại úy Sơn, tiểu đoàn phó tiểu đoàn 35 Biệt Động Quân gặp tôi tại Tuy Hòa sau đoạn đường đầy máu và nước mắt. Trên tay ông là cái kính cận thị của Sự. Một bên mắt kính đã bị vỡ.

"Cậu phải bình tĩnh nghe tôi nói..."

Có một cái gì bất an đến vơi tôi khi bắt gặp thái độ của đại úy Sơn với cái kính của Sự nằm trên bàn tay phải.

"Có gì không đại úy?"

"Cậu hãy bình tĩnh. Tôi biết Sự và cậu rất thân. Còn hơn hai anh em ruột nữa, nên những điều tôi nói có thể cậu đau lòng không ít."

Tôi bắt đầu hiểu có một cái gì đã xảy cho Sự. Nén xúc động, tôi nói thật chậm.

"Đại úy cứ nói. Tôi đủ bình tĩnh."

"Sự đã chết. Lúc ngang chiếc cầu nhỏ dẫn đến Phú Túc, Sự dẫn anh em đi mở đường và nguyên một trái 57 bắn vào cậu ta. Tôi chỉ còn chiếc kính đem về cho cậu."

Dù đã chuẩn bị, dù đã tự trấn tĩnh nhưng tay tôi run hẳn. Hình ảnh của em tôi hiện về. Con bé sẽ thế nào khi nhận được tin này. Tôi ngơ ngác đứng giữa giòng người di tản. Cái chết của một người lính như trăm ngàn người lính khác trong cuộc chiến đã không còn là bình thường đối với tôi nữa. Lần này là Sự, là thằng bạn tài hoa. Tôi sẽ nói sao để nói với Chi... những ý nghĩ xoay tròn làm tôi mệt mỏi. Tôi dựa lưng vào một bờ tường, hai tay bỏ thõng xuống, khẩu M.16 rơi dưới chân. Đại úy Sơn cúi xuống, nhặt khẩu M16 đặt cạnh tôi.

"Tôi rất buồn. Sự là một cấp chỉ huy tốt..."

"Vâng."

"Cậu hãy bình tĩnh và cố gắng về Sàigòn. Đừng nản chí. Cuộc chiến này đã đến lúc... Các cậu còn trẻ..."

"Đại úy..."

Đại úy Sơn nhún vai, rầu rĩ bỏ đi về phía chi khu. Tôi không còn gặp ông ta từ đó. Và mẫu tin về Sự cũng chỉ bấy nhiêu, gọn ghẽ và nhỏ bé như cặp kính cận đã vỡ một bên.

Trong cuộc sống chúng ta đã nói dối rất nhiều lần. Có những điều nói ra, rồi quên mất tiêu, như chưa hề được nghĩ. Bình thường và dễ dàng xảy ra trong mọi sinh hoạt, chẳng có điều gì áy náy khi nhớ lại. Nhưng có những điều nói dối làm chúng ta ân hận một đời. Tôi đã gặp. Đó là nói dối em tôi về cái chết của Sự.

"Anh..."

"Tao làm sao biết được? Mỗi đứa đi một ngã; về đến Tuy Hòa thì chẳng thấy nó đâu. Hỏi những người cùng đơn vị thì đều mù mờ. Nhưng gom lại thì ai cũng bảo gặp nó lần cuối cùng, lúc gần đến Phú Túc, vẫn khỏe mạnh và lành lặn..."

"Gần Phú Túc? Phú Túc là ở đâu anh?"

"Là một địa danh nằm ven liên tỉnh lộ 7B, trên đường về Tuy Hòa..."

"!!..."

"Rất nhiều người bảo có một số anh em Biệt Động Quân bị bắt gần đó... tao nghĩ nó cũng nằm trong

số này và bị bắt... hoặc may mắn hơn nó đang trên đường về Sàigòn, nhưng chưa đến...

"Em hy vọng vậy."

"Mày đừng buồn. Thằng đó 'thọ' lắm..."

"Em tin vậy."

Hôm ấy là một ngày cuối tháng Ba năm Bẩy Lăm, lúc tôi vừa về được gia đình. Hơn tháng sau ngày 30 tháng Tư, 1975 Chi vượt biển với gia đình bố mẹ nuôi. Tôi vào trại tù cải tạo. Cặp kính cận của Sự bị bỏ quên trong ngăn tủ đựng sách vở của tôi.

*

"Đâu phải vấn đề là ngán và không ngán. Hai mươi sáu tuổi đâu phải là nhỏ. Mày phải tính chớ?"

"Tính cái gì? Đến đâu hay đến đó anh ạ. Vả lại..."

Chi bỏ lửng câu nói khi ngồi xuống trước mặt tôi. Nó có vẻ phân vân khi muốn nhắc đến một điều gì đó. Tôi liên tưởng đến Sự, thằng bạn đã chết như lời Đại úy Sơn đã nói. Quả nhiên sau phút ngập ngừng, em tôi tiếp khi bàn tay phải xoay xoay chén trà trên bàn.

"Anh... anh... có tin gì của anh Sự không?"

"!!!"

"Em có hỏi thăm nhiều người, nhưng chẳng ai biết cả. Đã gần mười năm chẳng có tin gì cả..."

"Tao làm sao biết được? Từ ngày mất nước, vào tù, trốn về, rồi lang thang ở Sài gòn sống bằng đủ thứ nghề, tao đâu có phút nào rảnh để để tâm đến nó..."

Chi im lặng trước câu trả lời lấp liếm của tôi. Nó chỉ đưa mắt nhìn tôi một thoáng rồi quay lại với hành động đang bỏ dở. Chén trà vẫn xoay từng vòng đều đặn theo nhịp xoay của Chi. Những ngón tay trong cử chỉ đều đặn như không bao giờ ngưng lại. Khoảng trống giữa hai anh em tôi chợt có. Tôi ngượng ngập sau câu nói của mình và những hành động của Chi. Mãi lúc sau, tôi mới mở lời được. Một câu nói lửng lơ, chẳng dính dấp gì với điều vừa được nhắc.

"Đã lâu rồi... Tám, chín năm rồi còn gì nữa..."

"Vâng! Đã tám, chín năm..."

"Chẳng có tin gì về nó cả. Mày... mày..."

"Sao anh?"

"Chuyện cũ rồi Chi ạ!"

Tôi cố gắng nói ra ý nghĩ đó và bắt gặp cái nhìn ngạc nhiên của em tôi.

"Cũ?"

"Phải."

"Anh *cũng* nghĩ thế?"

Cảm giác ngượng ngập lại đến với tôi. Chi ngước lên, nói thật nhanh. Như những câu nói đã được nghĩ sẵn.

"Đó là với mọi người. Nhưng

với em, chuyện vẫn *mới* như hôm qua. Và lạ lắm anh ạ, lúc nào em cũng tưởng như có anh Sự đang bên cạnh. Hoặc như anh Sự đang ở gần đây lắm. Rất gần..."

Thái độ của Chi trong khi nói làm tôi ớn lạnh. Cái rùng mình với những tia gai gai từ xương sống chợt có trong tôi. Câu chuyện của hai đứa không giản dị như tôi nghĩ. Sau 8 năm con bé vẫn mang hình ảnh của thằng bạn đã chết trong tim. Và những điều Chi nói ra, có vẻ gì kỳ quặc làm tôi sợ hãi. Gọi là niềm tin thì chưa đủ, còn gọi là *cuồng tín* thì tội nghiệp cho em tôi quá. Nhưng đó là sự thật tôi phải thấy. Từ mắt Chi, từ giọng nói, từ thái độ.

"Em tin vậy. Đã mấy năm ở xứ lạ, em theo ba má nuôi đi qua một số tiểu bang, cuối cùng về đây sống, nhưng lúc nào em cũng cảm thấy có anh Sự đang ở gần bên em lắm. Ý nghĩ này làm em tin tưởng vào ngày gặp lại và yên tâm học hành để chờ đợi. Anh thấy không, tới giờ này em vẫn chưa có bồ bịch với ai cả..."

Chi mỉm cười sau câu nói. Hai khóe đồng tiền lúm trên má rõ sâu làm cái cười thành duyên dáng và rạng rỡ. Em tôi vẫn đẹp. Hai mươi sáu tuổi mà nó vẫn còn nguyên nét tinh anh như một cô gái vừa lớn. Tôi bùi ngùi nghĩ đến quãng đời vừa qua của Chi. Tuổi hai mươi đã mòn trong chờ đợi.

"Dù sao mày cũng phải lo cho tương lai..."

Lần này con bé phá ra cười sau câu nói của tôi.

"Anh lại sắp sửa khuyên em như mọi người đã khuyên. Anh đừng lo, vài năm nữa em ra trường, gặp lại anh Sự là tương lai đó. Anh mới sang đáng lo hơn em..."

Chi xoay sang câu chuyện khác và chính tôi cũng muốn thế. Đó là lần tiên anh em tôi gặp lại tại Mỹ.

Bây giờ là năm thứ mười bốn từ ngày mất nước. Tôi đã ba mươi bẩy tuổi và em tôi đã ba mươi mốt.Cả hai đứa đều chưa có gia đình. Với một người đàn ông kém tài như tôi trên xứ Mỹ này thì đó là điều bình thường.Nhưng với em tôi đó là điều bất thường, điều bất thường cho một cô bác sĩ xinh đẹp như nó.

Anh em tôi tứ tán mỗi đứa ở một tiểu bang. Mỗi năm chỉ gặp nhau được một lần trong ngày lễ cuối năm Dương Lịch. Lần nào cũng thế, con bé gạt phăng những lời tôi nói với nó về sự chờ đợi mòn mỏi. Luôn luôn là sự tin tưởng dành cho một ngày nào đó gặp lại Sự. Và điều tin tưởng đó mỗi năm hình như mỗi lớn. Cho đến mùa đông năm nay, năm 1988, tôi đã không dám nhắc đến Sự. Trong Chi, những lời khuyên bảo đã thành sự xúc phạm đến điều nó ôm ấp.

"Anh à, thôi đừng nói nữa, mười mấy năm em đã không thay đổi thì bây giờ làm sao mà thay được. Lúc nào, trong em, hình ảnh anh Sự vẫn còn đẹp và đáng yêu như ngày xưa..."

"!!!"

"Anh đừng nói nữa, cứ kệ em."

Tôi mím môi nghĩ đến tuổi ba mươi mốt của em tôi. Đã đến lúc nó cần một cuộc sống bình thường

NGUYỄN MẠNH TRINH

Mười lăm năm tôi

1

Mười lăm năm tôi
ngược về quá khứ
nguồn nước đổ xuôi
rêu hoang dành phủ.
bao nhiêu tháng năm
hằn trong trí nhớ
bao nhiêu ăn năn
hới tôi lệ nhỏ.

Mười lăm năm dư
bom đạn ru thầm
con đường xưa cũ
buồn đá trong tâm.
những con chim sâu
riêng lời ríu rít
lòng tôi ở đâu
sao lời vĩnh biệt.

Mười lăm năm lỡ
mây trắng ngang trời
dấu trong ngực thở
vết thương bồi hồi
ở một chốn nào
bài thơ chưa đọc
đến cối trăng sao
sao ai lệ khóc?

2

Mười lăm năm quanh
cỏ bồng bến sông
bãi tôi rất lạnh
nên hồn mênh mông
dằm dằm bọt nước
lời ru tôi đâu
mười lăm năm trước
vết chém còn đau

Mười lăm năm lạ
dớn với vô cùng
cây tôi thay lá
hay đêm mịt mùng
dá tràng trên cát
dấu chân gọi ai
gọi tôi bội bạc
ngày mai ngày mai.

Mười lăm năm tôi
hôm nay nắng dỏ
cánh chim phương trời
sao tôi mê lộ?
bống dưng tôi nhớ
lời ru thầm thầm
ơi con chim nhỏ
diệu buồn trăm năm

Tháng 3/89

như trăm ngàn người đàn bà khác. Không thể đắm trong sự chờ đợi vô vọng được. Trước sau cũng phải một lần nói thật với Chi. Cuối cùng thu hết can đảm, tôi nói nhanh.

"Giả dụ bây giờ có ai bảo Sự đã chết hay có gia đình rồi thì mày nghĩ sao?"

"Chết?"

"Ờ."

Có khoảng tối trũng hiện lên trong mắt em tôi. Khuôn mặt nó lạ hẳn. Những nét sinh động như bị chìm hẳn, chỉ còn khuôn mặt như bị nặn bằng sáp. Những nét lạ lùng mà tôi chưa từng thấy trên mặt em tôi, từ thuở bé đến giờ. Chi thẫn thờ nói nhỏ.

"Em... em...chưa nghĩ đến điều này bao giờ cả. Nhưng... nhưng... sao anh lại nói thế?"

"Tao chỉ giả dụ như thế."

Tôi thở dài sau câu nói, rồi chấm dứt ý định nói ra sự thật. Từ lúc đó cho đến ngày ra phi trường về Arizona, anh em tôi đều không nhắc lại chuyện đó. Suốt khoảng thời gian ở Santa Ana, Chi như người mất hồn. Con bé có vẻ bị ám ảnh vì lời nói của tôi. Sau cùng chính tôi lại là người khuyên nó *nên chờ đợi*.

*

Hôm nay là ngày cuối năm Âm Lịch, tôi vừa viết xong lá thư cho Kim Chi. Ở đoạn cuối là câu chúc: *Mong em hạnh phúc trong xuân này*. Một câu chúc bình thường của mọi người vẫn dùng. Nhưng với tôi, đó lại là điều ray rứt. Tôi phải nói dối em tôi thêm lần nữa. Đành thế! Bởi giữa hạnh phúc và sự thật vẫn bị ngăn bằng khoảng cách. Đó là đời sống của những con người đang sống.

Irvine, 4 tháng 2 năm 1989

NGUYÊN Ý THUẦN

CHUYỆN KỂ CỦA CÁI BÀN

VŨ HUY QUANG

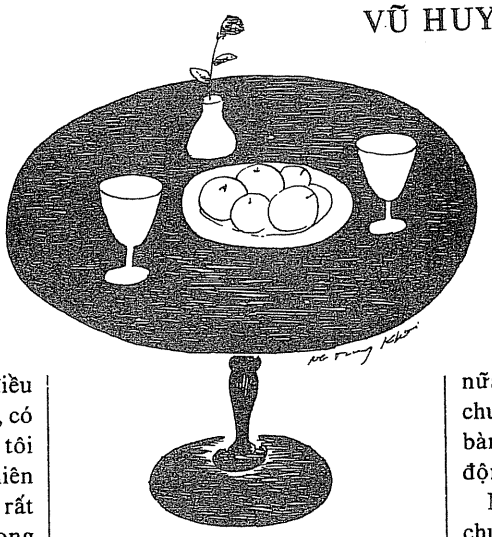

Tôi kể chuyện này, vài điều quý vị tin, vài điều sẽ không tin, có khi còn hơi khó hiểu là khác, tôi xin nói trước như thế. Tuy nhiên xin quý vị nhớ cho là tôi sẽ kể rất thật thà, dẫu rằng vài chi tiết trong câu chuyện tôi tự ý lược bớt đi.

Trước hết, xin nói ngay tôi là một cái bàn. Cái bàn trong tiệm ăn, như cái bàn của bất cứ hàng quán nào. Thân thể tôi, hay kiểu bàn, cũng cần được giới thiệu kỹ một chút: Bốn chân tôi cong, bắt liền với chân hai cái ghế da đối diện nhau. Đầu tôi, (trán tôi)-- hay mặt bàn-- cảm nhận sự vật ngang với các bộ phận khác của tôi, mạnh mẽ như nhau. Toàn bộ thân tôi: mặt bàn, chân bàn, hai cái ghế da dài, có khả năng đồng đều. Khác với loài người có ngũ quan, mỗi thứ độc lập nhau để tiếp nhận sự vật, tôi lại khác, tôi có cảm biết rõ rệt tâm tình với bất cứ ai ngồi vào bàn, bằng cách thu thập những rung động vi tế của họ qua các ngả: trên dưới, phải trái bàn (chân tôi tay tôi), vì tôi vừa có khả năng nghe, vừa có thể nhìn và sờ mó sự việc đồng đều nhau... Tôi cảm nhận được từ trường rung từ mỗi cử động của thân thể khách hàng rất bén nhậy, đi đôi với biến chuyển tâm lý họ. Tôi cũng rung cảm theo người ngồi, và biến động tâm lý của tôi, cái bàn, cũng chuyển theo thành hiện tượng vật lý đấy: Mỗi khi thấy bàn quý vị đang ngồi tự nhiên rung nhẹ nhẹ, một chút thôi, một cách vô lý, ấy là tôi, hoặc anh chị em đồng loại của tôi, bắt đầu hoặc bực mình, hoặc phì cười vì tụi tôi bắt được những rung động tần số từ óc não, cảm quan, tâm sự, ý nghĩ... hoặc đen tối hoặc mâu thuẫn... nơi người ngồi bàn đấy.

Tụi tôi bắt được tín hiệu và có những cảm nhận không giống loài người cảm nhận đâu. Đừng coi tụi tôi là vô tri vô giác. Lắm khi hai tên bất lương thì thào bàn tán kế hoạch ám hại người khác, tôi nghe được, tôi buồn bã đến mấy ngày. Khi nghe chuyện gãy đổ của một hạnh phúc, mặt bàn, chân bàn-- nếu quý vị để ý, tự nhiên như xám xỉn lại. Khổ thay, những chuyện như thế lại là lúc nào cũng quá nhiều. Lâu lắm, lâu lắm, tụi tôi mới được vui vẻ khi có khách ngồi có lòng hồn nhiên, cởi mở... chuyển cho nhau những tư tưởng lành. Nên tụi tôi thích con nít hơn. Con nít vừa ngồi vào bàn, thôi là hý hoáy, nghịch ngợm, làm đổ ly tách, đánh rơi muỗng nĩa... nhưng tụi tôi thích lắm, cả "người" tụi tôi cứ rung lên để giỡn theo đấy. Những lúc ấy, độc giả hay thực khách lại tưởng lầm là bàn rung là hoàn toàn do tụi con nít.

Có gì mà lạ đâu? Tụi tôi-- bàn ghế-- tuy có do thảo mộc, quặng mỏ... cấu thành, cũng biết rung động chứ? Quý vị khi ngắm thật lâu một cánh hoa nhỏ mỏng manh rung rinh trong gió, có nghĩ rằng... là "cô ta" đang nói chuyện với quý vị không? Cả những chiếc lá con nữa?... Chúng cũng biết nói chuyện đấy chứ? Vậy một cái bàn... là tôi đây, tôi cũng biết cảm động chứ?

Nhưng mà tôi thích những chuyện êm đềm nhất. Tình nhân mà chân thành yêu nhau, tụi tôi mừng rỡ lắm, muốn họ ngồi cạnh nhau mãi, bao lâu cũng được. Đấy là điều xảy ra cho giới thanh niên thiếu nữ. Còn giới lớn tuổi hơn ấy à, thật là lâu lắm mới có một vụ, lại khó hiểu chứ chả chơi đâu. Không giản dị đâu.

Tôi tên là Tám, nghĩa là bàn số 8, phía dãy bên trái trong tiệm ăn sát tường. Tôi xin dấu bớt chi tiết là tiệm ăn nào, độc giả cứ coi là tiệm gần nhà mình nhất cũng được. Cũng đừng hỏi tôi là tiệm ở tỉnh nào, đường phố nào... kẻo rồi vô tình lại quảng cáo cho tiệm ăn, lại động chạm đến hai nhân vật có thật, trong truyện này.

Tối hôm qua đèn trong tiệm vừa bật lên, tôi liếc mắt lên chị đồng hồ, chị ta giơ tay chỉ sáu giờ mười lăm. Bầu trời phía ngoài hơi xám, những giọt nước nhỏ đọng nhẹ trên cửa kính... thế là gì nào? Trời mưa nhẹ đấy. Không khí trong tiệm ấm áp, ánh đèn nửa hồng nửa vàng nhạt chiếu vào mấy bức tranh trang trí, ấn bản của Klee, của Renoir... làm chị tường có dán giấy hoa nâu sọc trắng trông lãng mạn hẳn lên. Tụi tôi-- cái bàn-- và cái tường-- theo ngôn ngữ quý vị loài người-- nháy nhó nhau. Vì đấy là điềm trời, cho biết tối nay thế nào cũng có chuyện gì lãng mạn rắc rối cho coi. Khung cảnh mùi mẫn quá mà. Tôi thì linh cảm rằng chính tôi sẽ được đón tiếp và

chứng kiến tâm tình của ai đó tối nay chứ không phải các bàn khác. Vì bàn số 8 nằm trong một góc, gần cửa sổ, ngoài cửa có một bụi cây tươi tốt cành lấp ló bao quanh khung cửa, và chùm đèn bên trên chiếu ánh sáng chênh chếch chứ không sổ sàng như các bàn khác.

Tôi linh cảm là điều tôi đợi sắp tới trong vòng năm bảy phút nữa... Nhìn qua cửa sổ (tôi không có mắt nhé, nhưng vẫn nhìn được) tôi thấy bóng một thiếu phụ đi ngang bên ngoài. Trời mưa, hơi lạnh, mà nàng đi không hấp tấp gì cả. Thiếu phụ trung niên, tôi không biết bao nhiêu tuổi, ai mà đi đoán tuổi một người đàn bà?-- mặt tươi mà hiền, tia mắt trong lướt nhẹ, nhìn vào trong tiệm. Nàng đi một vòng rồi đi một vòng nữa, cúi nhìn đồng hồ tay... Tôi thích chí lắm, cử chỉ này chứng tỏ nàng ít đi quán xá một mình bao giờ. Một mẫu phụ nữ hiền thục đây mà.

Tôi giận lây cái người nào đó để nàng đi quanh cửa sổ tới hai vòng mà đợi. Cũng may tiệm tôi có cái mái che bớt mưa, khỏi làm ướt tóc nàng. Đồng hồ chỉ sáu giờ mười bẩy phút. Tôi hồi hộp, lo sợ vu vơ là buổi ăn tối của họ (gồm những ai?) không thành. Một phút rưỡi sau, một người đàn ông xuất hiện, anh ta mở cửa cho nàng. Họ ríu rít nói cái gì đó, tôi lắng tai nghe mà không rõ. Họ lẩn quẩn gần cửa. A, tiếng bỏ tiền cắc vào máy... họ gọi điện thoại.

Cô Kathy chạy bàn lại đón khách, hỏi họ có mấy người. Người đàn ông nói "Hai", rồi đảo mắt một vòng, hỏi lại Kathy "Tụi tôi ngồi chỗ kia được không?" Tôi biết mà, họ sẽ ngồi bàn tôi đấy.

Cứ tin tôi đi, những cái bàn như tụi tôi, di chuyển không được nhưng "trời" phú cho một khả năng nghe và tinh quái về ngôn ngữ. Tiếng nói xứ nào tôi cũng hiểu được, tiếng khóc nhi đồng chưa biết nói tôi còn hiểu được nữa là. Thôi tôi không muốn dài dòng về môn ngữ học... nhưng độc giả cứ bình tâm nghe tôi kể, theo dõi sự nhạy cảm của tôi trong câu chuyện này...

Họ xưng hô với nhau là anh, chị. Họ không kêu tên nhau, nên tới giờ tôi vẫn không biết tên họ là gì. Thôi đành tạm gọi họ là C. (chàng), và N. (nàng) cho tiện.

C. xin lỗi.

"Tôi nghĩ là đến kịp. Sau khi ghé nhà anh Tiến, anh ấy cứ giữ lại, đúng lúc đi được thì đường kẹt xe, chứ thật là không dám trễ..."

Tôi khoái tia mắt của C. Anh ta nói thật. Tôi vận nội lực để phóng tia quang năng ba động của thảo mộc trong tôi lên não anh ta: trong vắt. Vậy là tốt: Anh ta hoàn toàn buông thả, tin cậy mình và bạn mình.

N. cười. Giọng nàng làm tôi suýt run lên, tôi phải kềm lại.

"Dạ, không sao anh. Nhưng mà anh trễ thêm năm phút nữa, thì tôi đi về đấy."

Bạn ạ, mục đích tối hậu của ngôn ngữ, không là ý nghĩa, mà là âm thanh. Âm thanh trực thuộc hơi thở, liên quan đến thể chất, liên quan đến cả tâm hồn nữa. Người đàn bà này thanh cao. Nàng đặt tay xuống trán tôi-- cái mặt bàn ấy mà-- Da tay nàng mềm, nhưng khô, ngón tay mảnh dẻ, tôi cảm ngay là người đàn bà này đã vất vả, đã chịu đựng nhiều trong quá khứ rồi.

Tôi không kể chi tiết như cô Kathy thỉnh thoảng ghé ngang, dọn món ăn, rót cà phê, săn sóc thực khách, ("Is everything O.K.?") làm gì. Tôi cũng không kể nội dung câu chuyện họ làm gì. Tôi kể cho bạn chuyện khác, thì bạn mới phục tôi. (Có lẽ lại chê: Tài như tôi, rốt cuộc vẫn không biết hết, phải nhờ bạn đọc cho ý kiến).

N. tâm sự về quá khứ, xen lẫn với những biến cố thời sự mà hai người cùng chứng kiến, thân mật nói chuyện hiện tại, những nỗi vui, nỗi buồn của nàng. "Người" tôi ngầy ngật, cùng lúc cảm được là thân thể nàng cũng nói chuyện luôn. Thân thể nàng cũng nói chuyện với tôi, qua hình thức những vi tế bào tử thân nàng chuyển động, mỗi lần chân tay nàng thay đổi thế ngồi. Tôi trực cảm rằng, đây là mẫu phụ nữ mà giống dân nào, quốc gia nào cũng hãnh diện nếu có họ: Nàng nồng nàn, chân thành, dịu dàng, trí tuệ..., biết cách diễn đạt tư tưởng mình. Nàng đau đớn đến cùng tột trong quá khứ (đã quyên sinh hụt một lần-- theo như nội dung cuộc đối thoại--) mà không hề oán trách cuộc đời.

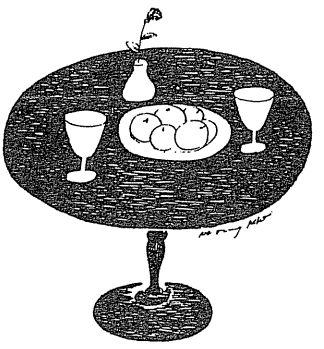

Khi tôi nghe C. đối đáp vắn tắt, tôi biết ngay là anh chàng này mở rộng tấm lòng ra mà san sẻ. Qua tiếng hắng giọng nhẹ của anh ta, tôi thấy là anh ta bối hồi.

"Thế là chị khổ lắm nhỉ?" Xin nghe tôi tiếp đây. Nghe thật kỹ. N. có vẻ kiều diễm và nét gợi cảm vượt lên trên những sản phẩm của Thẩm mỹ viện, cái đẹp tuyệt vời này ai mà tinh lắm mới thấy được. N. nghe câu hỏi ấy, N. đang cúi xuống ăn xúp, đôi môi ngậm lại, N. khẽ lấy cái thìa ra khỏi miệng, mỉm cười. N. mỉm cười. Rồi N. ngước mắt nhìn lên.

Cả khuôn mặt nàng biến đi. C. cũng biến đi. Với cái nhìn ấy, không gian ba chiều chuyển động, làm mọi vật nhòe đi. Thời gian do đó ảnh hưởng theo, ngừng lại. Chỉ còn âm thanh câu hỏi vừa giờ vẫn bay lượn trong không gian; chỉ còn hơi ẩm lạnh từ những giọt mưa ngoài cửa kính; chỉ còn ánh sáng đèn ấm cúng dịu dàng tỏa xuống;... và hiển hiện, một đôi mắt mênh mang vẻ ngăn ngắt của bầu trời, cảnh tê tái của làn nước hồ mùa thu; cảnh hiu quạnh của một thung lũng... Đấy, trước mắt tôi và C., từ đôi viền cong của mi mắt nàng, tỏa ra một ánh nhìn vời vợi chứa tiếng rì rào của sóng nước, tiếng reo của gió trên núi cao, tiếng mưa van vỉ... biểu tượng của nữ tính tuyệt vời.

Tôi, cái bàn, cũng tê liệt...Nhưng, xin bạn đọc tiếp đoạn sau: tình yêu của họ, nếu có, chắc chỉ phù du có ít giây đó thôi. Bởi vì...

*

Khi họ về rồi, Kathy lau bàn. Cô tưởng cái khăn ẩm của cô làm cho bàn mãi không khô. Kathy không

biết gì cả: nước mắt tôi ứa ra, tôi thương cho họ.

N. đã nói với C. đại ý như sau "Tôi không nhận lời cầu hôn của ai cả... Từ giờ tôi sẽ trốn anh... Anh gõ nhầm cửa rồi... Tôi không hiểu tôi...hay tôi phải đi psychiatrist chăng... Anh rất xứng đáng. Nhưng từ nhỏ đến giờ, tôi KHÔNG bao giờ biết thế nào là tình yêu... Sẽ không muốn biết... nay tôi lãnh đạm với mọi điều... Anh đã không còn coi tôi là bạn đàn ông nữa... tôi sẽ trốn anh... tôi không cho cảm xúc hướng dẫn nữa... cảm xúc chợt đến, chợt đi..."

Tôi nghe được sự nhậy cảm của nàng mỗi khi nàng cử động thân thể nơi ghế ngồi. Chả hạn, khi đầu mũi giầy nàng khi vừa chạm vào ống quyển của C., nàng bối rối rụt về ngay. Tôi biết nàng tuy đã kềm hãm sự xán lạn của bản thân, nhưng đã lộ ra, tự vô thức, một ánh nhìn não nùng phải là của một giai nhân, bởi vì nó phát xuất từ vẻ đẹp của tâm hồn nàng. Tôi đau đớn vì nàng nói rất thật lòng những lời vừa rồi. Sao nàng lại từ chối?... trốn chạy?... Quá khứ và hiện tại đã đối với nàng thế nào mà... một người đàn bà như N., không còn dám nghe theo cảm xúc, trở thành e ngại tình cảm đến thế? Hay là con người muốn bớt khổ, sẽ phải cố mà gạt bỏ sự hồn nhiên đi?

N. hoàn toàn bình thường từ thể chất đến tâm hồn. Câu "hay phải đi bác sĩ phân tâm" chỉ là một cách nói. Hai người phát ra những luồng sóng giao cảm rất hòa nhịp, mới đây mà? Chuyện quá khứ N. kể rất trung thực, không che dấu gì, tôi biết chắc.

Loài người rắc rối quá thể.

C. đáng khen. Anh ta lịm đi. C. thua cuộc, nhưng không lộ vẻ gì cả. Xem ra, cái bàn, người đời coi là vật vô tri vô giác, lại biết khóc giùm cho họ.

*

Cô Kathy cứ lau mặt cho tôi mãi. Sau cô ấy bực, bỏ đi săn sóc các bàn khác, những lứa đôi khác đang đợi cô.

V.H.Q.

3/89

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 — USA
Phone (714) 832 - 8445
Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

SÁCH IN NĂM 1988:

— **HOA BƯƠM BƯỚM** *Tiểu thuyết Võ Hồng*	**9MK**
— **MUÔN KIẾP CÔ LIÊU** *Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc*	**14MK**
— **TIỂU THUYẾT II** *Võ Phiến*	**15MK**
— **TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY** *Thơ Nguyễn Ngọc Thuận*	**6MK**
— **NƠI TRẠI TRỪNG GIỚI** *Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang*	**10MK**
— **KIẾP NGƯỜI** *Tiểu thuyết W.S. Maugham* *Nguyễn Hiến Lê dịch*	**13MK**
— **BÈO GIẠT (MBĐ IV)** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	**15MK**
— **NHƯ CÁNH CHIM BAY** *Tiểu thuyết Võ Hồng*	**13MK**
— **HỒI KÍ (Tập III)** *của Nguyễn Hiến Lê*	**9MK**
— **TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT** *của Nguyễn Hiến Lê*	**7MK**
— **LONG LANH HẠT BỤI** *Tập truyện Nguyễn thị Hoàng Bắc*	**10MK**
— **TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975**	**12MK**
— **DÒNG CHỮ TÂM TÌNH** *Tập truyện Ngô Nguyên Dũng*	**8MK**
— **CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY** *của Lê Tuyên*	**10MK**
— **TIẾNG KÈN** *Tập truyện của Nhật Tiến*	**8MK**
— **NGÀY N+ ...** *Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7* *của Hoàng Khởi Phong*	**13MK**
— **TIỂU LUẬN** *của Võ Phiến*	**14MK**
— **NGUYỆT THỰC** *Tập truyện của Hồ Đình Nghiêm*	**7MK**

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.

VỀ LƯU ĐÀY CỦA VĂN CHƯƠNG

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

Cách đây gần năm năm, để đánh dấu mười năm văn học lưu vong, tôi đã viết mấy suy nghĩ về văn chương lưu vong (in lại trong "Văn chương và lưu đày 1985"). Từ đó đến nay, tình thế vẫn không thay đổi; tôi muốn nói: những biến đổi ở bên kia biên giới tự do vẫn khẳng định một điều, cái gọi là sinh hoạt văn học nghệ thuật của cả một nước chỉ là bóng tối hư vô. Người ta không thể trông chờ một "đổi mới tư duy" khi những cấu trúc tư duy vẫn không biến thể theo chiều hướng tiến hóa của thời đại. Văn chương không phải chỉ sử dụng văn từ và bút pháp để hình thành ra một tác phẩm, văn chương càng không phải để "đọc giữa những hàng chữ." Hàng trăm ngàn ấn phẩm xuất bản cũng không xây dựng được một thực tại văn chương đích thực. Tôi đã nêu ra mấy tiền đề: văn chương lưu vong đánh dấu một hiện tượng thời đại cực kỳ lạ lùng, bi thảm trong lịch sử nhân loại-- nó di động nguyên vẹn cơ sở văn học từ trong nước ra bên ngoài. Hiện tượng này phổ biến khi thế lực chính trị cầm quyền có một chính sách văn hóa, văn nghệ nhất định. Mối quan hệ mật thiết của phát xít và cộng sản ở chỗ đó: hình thái chuyên chính sử dụng bạo lực lưu đày con người và tư tưởng của con người trong vòng thống trị.

Tôi vẫn lấy trường hợp Lukács là một điển hình của lưu đày: ông là một nhà tư tưởng, một nhà văn, một nhân vật sống trong hoàn cảnh đất nước bị thống trị qua hai hình thái chuyên chính và là người từ khước số phận của kẻ lưu đày. Tôi đã thảo luận quan điểm của Lukács khi ông cho rằng nhà văn lưu đày mất hẳn mối liên lạc với thực tại lịch sử, cho nên hắn trở nên tha hóa với thực tại. Câu hỏi đặt ra chung với mọi người, theo lối đặt vấn đề của Kant là: sự hiện diện của một sinh hoạt văn chương lưu vong đã là thực tại, song sự lưu đày của văn chương có khả hữu. Đi tìm giải đáp cho vấn nạn ấy, tôi nghĩ có thể khai phá được những mê lộ đang tạo điều kiện cho những hiện tượng của sinh hoạt văn chương trở nên mù mờ, không thấy được bản chất của một nền văn chương đích thực.

Ngày nay, tôi vẫn bảo lưu những luận điểm phê phán Lukács chung quanh lý luận hiện thực xã hội chủ nghĩa, song tôi phân biệt giai đoạn Lukács viết "Sự phá hủy lý trí" và "Những vấn đề của chủ nghĩa hiện thực" với "Tính chuyên biệt của Mỹ học" và "Bản thể luận của thực tại xã hội." Hành trang tư tưởng của Lukács nằm trong một phạm trù "đặc thù" (das Besondere) khi ông vùng vẫy trong quỹ đạo của những nghịch lý, đề xuất ra từ chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa duy vật biện chứng (diamat) để tự giải đáp cho những mâu thuẫn trong lý luận phê phán và tự phê qua nhiều chặng tư duy không ngừng nghỉ của ông. Vấn đề của Lukács: ông đã chối bỏ tác phẩm "Lịch sử và ý thức giai cấp" trong chặng đầu hành trình đi vào chủ nghĩa Mác, một sự chối bỏ xác tín, song tác phẩm đã được viết ra đó vẫn là nguồn cội cho một xu hướng tư tưởng mác-xít khác. Làm thế nào để giải thích "vị thế lý luận" này? Lukács đã không vượt được vòng rào phương pháp luận khi ông vẫn ở trong một hoàn cảnh "thực tại xã hội" như ông đi tra hỏi trong tác phẩm cuối đời. Lukács cũng không thể tự giải đáp được hoàn cảnh "đặc thù" trong thực tiễn sáng tạo của ông: một đằng, Lukács không được thừa nhận trong xã hội ông sống, mặt khác những công trình văn học của ông lại được trân trọng ở khu vực thực tại bên kia mà ông nhiệt liệt đả kích. Như vậy, vị trí của Lukács ở chỗ nào?

Tôi đã viết: Lưu đày quả thật là một bi kịch trong cuộc sống sáng tạo của nhà văn. Con người không phải chỉ chia cách với thực tại lịch sử-- con người *sống* trong tình cảnh chia cách đó. Tôi phân biệt những mức độ nhận thức về sự hình thành một tác phẩm có quy định trong khung cảnh xã hội và ngôn ngữ? Trong bài viết dẫn trên, tôi đã chỉ ra những nghịch lý của Lukács khi ông lập luận một bên, những nhà văn lưu vong trong giai đoạn chống phát xít đã nhận thức được quá trình lịch sử tốt hơn trước khi lưu đày, mặt khác ông lại cho rằng những nhà văn lưu

Từ trái sang: Nguyễn Xuân Hoàng, Đỗ Ngọc Yến, Viên Linh, Hà Thúc Sinh, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Khắc Nhân, Trần Văn Lưu

vong ở bên trong hay bên ngoài đối với chủ nghĩa xã hội thì mất liên lạc với thực tại lịch sử. Liệu Lukács có thể tự hợp lý khi ông viện đến cặp phạm trù đối lập "tiến bộ" và "phản động" của chủ nghĩa duy vật lịch sử để xác định sự phân biệt hai giai đoạn lịch sử này? Không thể. Mặt trái của lý luận đó ở chỗ: giả định trừu tượng để giải thích vận động cụ thể của xã hội. Sự phát sinh văn học Samizdat trong xã hội là một thực tại không thể phủ nhận. Những hình thái khác nhau của văn chương Samizdat là một phản kháng chống lại sự độc quyền xuất bản của nhà nước (Gosizdat), thể hiện một chế độ nắm giữ mọi phương tiện khống chế văn chương. Chúng ta không chống chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa với tính cách chủ nghĩa đó là một lý luận văn học như những chủ nghĩa hình thái, cấu trúc, song chúng ta chống chủ nghĩa đó như một hệ tư tưởng/kiến trúc thượng tầng của một chế độ xây dựng trên cơ sở chuyên chính, tước đoạt mọi giá trị tự thân, mọi tự do sáng tạo.

Tìm hiểu thực chất của chủ nghĩa hiện thực XHCN gắn liền với nhận thức về một chủ nghĩa Mác quyền bính. Đó là mối quan hệ khăng khít của bộ phận với toàn thể. Không hiểu biết được mối quan hệ đó dẫn đến những thái độ ấu trĩ như: Một số học giả đã thỏa hiệp với chế độ Cộng sản chỉ vì họ e ngại cắt đứt mối liên hệ với thực tại xã hội. Một thái độ như vậy chỉ ra sự thắng lợi của quyền lực chính trị đã nắm giữ sự phát triển mọi cấu trúc xã hội, trong đó có văn học. Một số người khác quan niệm văn học phải phụ thuộc vào bản địa ngôn ngữ. Thái độ của họ là mong được nhìn nhận, giống như những đứa con hoang được nhân nhượng, cho phép trở về nhà. Chính sách văn nghệ của nhà nước Cộng sản đã lợi dụng những chứng từ văn chương lưu vong nào phù hợp với đường lối chính trị đồng tình đó. Những quan niệm ấu trĩ như phân chia văn học trong nước và ngoài nước, văn học di tản hay khu vực tiếp theo rộng lớn và nhỏ hẹp cho thấy một yêu cầu nhận thức chân xác rất cần thiết.

Sự khả hữu của lưu đày văn chương đề ra những vấn nạn: có một lịch sử văn học hay những hoàn cảnh lịch sử của văn học? Tại sao con người chấp nhận hệ tư tưởng cộng sản, giống như trước đây đã chấp nhận hệ tư tưởng phát xít? Có phải từ sự suy thoái của chủ nghĩa phi lý hay khởi từ những giới hạn của chủ nghĩa duy lý? Vấn đề không phải trên bình diện luân lý, nhưng mối quan hệ của sáng tạo học và lý trí văn chương.

Sự lưu đày của văn chương chứng thực: sáng tạo vươn lên khỏi những hư ngụy của khung cảnh xã hội với tính đặc thù lịch sử của nó; nó không đồng hành với thế lực chính trị, chờ đợi sự cởi mở của chính sách văn hóa, văn nghệ để mỗi lần có dấu chỉ nhân nhượng là phục hồi được những giá trị đã mất. Ngày nay văn chương không còn biên cương của ngôn ngữ và văn tự; khả hữu của trí tưởng sáng tạo chỉ ra những yêu cầu mới của một nhận thức văn chương, mà khả hữu của lưu đầy là một nhân tố xác quyết.

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

MỘT TRĂM NĂM LƯU VONG

PHẠM CÔNG THIỆN

... Một cái gì sắp xảy đến; một cái gì sắp biểu lộ, hiển lộ, nhưng không chịu xuất hiện: sắp xảy đến mà không xảy ra. Chực sắp nói mà không nói, hé mở rồi đóng khép lại, gợi ý mà không giải thích, sẵn sàng phát lộ mà vụt che đậy lại, sắp khai thị mà không hiện thị, sắp vén mở màn bí mật mà không vén mở; mọi người chờ đợi một cái gì sắp xảy đến, nhưng không có gì xảy đến, dù sắp xảy đến. "*Một sự khai thị sắp xảy ra mà không xảy ra, có lẽ đó là biến cố thẩm mỹ*", câu cuối cùng của Jorge Luis Borges trong một bài viết ngắn mang tên là "*vách tường và những quyển sách*" (Borges, *A Personal Anthology*, trang 89-92; cf. Harss and Dohmann, *Into the Mainstream*, trang 122; Monegal, *Jorge Luis Borges, A literary Biography*, trang 331).

Năm 1961, giải thưởng văn chương quốc tế Formentor đã được trao tặng nửa phần cho Samuel Beckett và nửa phần cho Jorge Luis Borges, thế là Borges đã bắt đầu nổi tiếng khắp thế giới và trở thành một thứ thời trang trí thức cho thiên hạ. Những người có công lớn để cho thế giới biết đến tên tuổi của Borges là những nhà trí thức Pháp, trước tiên là Roger Caillois và sau đó là tạp chí *L'Herne* ở Paris, năm 1964, đặc san đặc biệt dành riêng cho Borges, trong đó có bài viết nổi tiếng của Gérard Genette, "*La Littérature selon Borges*", và Gérard Genette đã trích dẫn câu văn trên của Borges: "*Một sự khai thị sắp xảy ra mà chưa xảy ra ...*" và giải thích: "*mà tất cả chúng ta phải tạo cách xảy ra cho chính mình.*" Tóm lại, theo Genette: "*Mỗi một quyển sách không có một ý nghĩa sẵn sàng ... Đó là những dạng thể được giữ lại và đang chờ đợi một ý nghĩa nào đó.*" Nói gọi lại hơn nữa: "*Ý nghĩa của một quyển sách nằm trong chúng ta.*"

Jorge Luis Borges

"Khám phá mới mẻ" của Gérard Genette (thuộc phái gọi là "tân phê bình" của Pháp) thực ra chẳng có gì là khám phá mới mẻ cả; đó chỉ là thổi phồng lên một hậu quả cũ rích của siêu hình học cận đại và hiện đại Tây phương: "Chủ thể tính" trong mọi dạng thái, từ nền tảng chủ thể bất di dịch của Descartes cho đến chủ thể tính siêu thể của Kant, cho đến chủ thể tính tuyệt đối (tôi = tôi) của Fichte, cho đến chủ thể tính tuyệt đối của linh thức tuyệt đối của Hegel và tựu thành nơi "ý chí quyền lực" của Nietzsche (mà thể tính của *ý chí quyền lực lại là "sự trở về vĩnh cửu của cái đồng nhất"*)

Có thể sử dụng lời của Genette để đập vào Borges: ý nghĩa của sự trở về vĩnh cửu nằm *trong Borges*. Borges đã xuyên tạc Nietzsche một cách nông cạn nhất, lúc Borges, tìm cách giải thích sự trở về vĩnh cửu của Nietzsche. Năm 1936, trong quyển "*Lịch sử về sự vĩnh cửu*" (Historia de la eternidad, trang 63-64), Jorge Luis Borges đã lấy những chi tiết cá nhân của đời sống trí thức Nietzsche để lè phè cho rằng Nietzsche đã ăn cắp "*sự trở về vĩnh cửu*" từ trong những quyển sách triết lý Hy Lạp - La Mã!

Cái lối "suy tưởng" triết lý một cách văn nghệ tài tử như Borges đang thịnh hành khắp thế giới. "Làm triết lý" theo điệu nghệ tài tử như vậy thì chẳng cần phải phủ nhận, vì quá khôi hài. Chỉ cần đọc lại chương "*về thị quan và điều bí ẩn*" và chương "*kẻ hồi phục*" trong "*Zarathustra đã nói như thế*" của Nietzsche thì đủ thấy sức mạnh tiên tri khủng khiếp của Nietzsche về những hạng người như Borges: Borges chính là "thằng lùn" ngồi trên vai của Zarathustra! (dáng người có thể cao gần hai thước mà vẫn *lùn*!)

"*Ý nghĩa của một quyển sách nằm trong chúng ta*", Gérard Genette đã nói thế. Trong chúng ta? Nhưng "chúng ta" là ai? "Giấc mộng của kẻ khác", như Borges thường khai thác đủ điệu.

Từ năm 1889, khi Nietzsche đi vào im lặng, cho đến hôm nay, 1989, một trăm năm đã trôi qua trên trái đất. Nietzsche đã báo trước một trăm năm lưu vong đầu tiên trong Tính Mệnh nhân loại. "Chúng ta", những "con thú vật có lý trí" là những cái gì chưa thành tựu, những mảnh mún rã rời, nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi. Từ tiền Socrates và Plato cho đến

sự xuất hiện của Nietzsche, hai ngàn năm trăm năm lưu vong đã trôi qua trên trái đất mà thể hiện siêu hình học là "ý chí hướng về chân lý", và chính "ý chí hướng về chân lý" (Wille zur Wahrheit) đã chẻ đôi vũ trụ ra làm hai: thế giới lý niệm và thế giới cảm thức. Zarathustra đã phá hủy cả hai thế giới: "*chúng ta đã phá hủy thế giới thực ... với thế giới thực sụp đổ thì chúng ta cũng phá hủy luôn thế giới giả*" *(Hoàng hôn của những thần tượng,* 1888). Ngay cả vào năm 1881, Nietzsche đã nói: "Cái mới lạ của vị thế chúng tôi đối với triết lý là quyết định rằng không có thời đại nào trước chia sẻ được: *rằng chúng tôi không có chân lý*. Tất cả những tiền nhân đều 'có chân lý', ngay cả những kẻ đồ đệ của chủ nghĩa hoài nghi." Borges là môn đệ thuyết hoài nghi nông cạn "chưa thành tựu," nếu dùng biện chứng pháp toàn diện Hegel.

Sự trở về vĩnh cửu của cái đồng nhất không phải là một chân lý, lại càng không phải là một chân lý lịch sử (để người ta có thể truy tìm xuất xứ trong sách vở lịch sử), lại càng không phải là một lý thuyết tách rời, trừu tượng. *Sự trở về vĩnh cửu* đụng vào tính thể trong toàn thể mà chúng ta bị lôi cuốn vào trong toàn thể ấy: *sự trở về vĩnh cửu* không phải đứng trước ta (trong ý thức hay trong sách vở) như một hiện thể giữa những hiện thể khác, sự sai lầm của Borges là bị kéo giựt giữa hai cái vĩnh cửu vô hạn, cái vô hạn của quá khứ và cái vô hạn của tương lai; Borges lại bị kẹt vào *hiện tại như một hiện thể*, dù là *hiện thể đứng* (như cái *Nunc Stans* của quan niệm vĩnh cửu thuộc loại triết học kinh viện) hoặc *đương xứ đứng* (như cái *Hic Stans* của truyện *Aleph* của Borges). *Sự trở về vĩnh cửu* của Nietzsche nằm trong *cái nháy mắt (Augenblick),* không phải cái hiện tại mà mình trở thành kẻ đứng ngoài nhìn ngó như "hiện thể"; *cái nháy mắt nảy lửa*, chỗ đụng nhau giữa hai vô hạn: vô hạn của quá khứ *đụng vào* vô hạn tương lai; sự đụng độ giữa hai cái vô hạn chính là cái nháy mắt và "chúng ta" chính là cái nháy mắt quyết định cưu mang hố thẳm của quá khứ và núi cao của tương lai; cái nháy mắt bị giựt lùi ra đằng sau chính nó và phóng tới đằng trước (Kant = "*Vorgriff ist Rueckwirf*"), yêu thương định mệnh và hội nhập định mệnh làm một với mình trong giây phút đúng ngọ của Thế Mệnh nhân loại. Borges (hay "người lùn" trong Zarathustra của Nietzsche) đã đánh mất cái nháy mắt nẩy lửa mà *hai con đường vô hạn đã va chạm, dụng độ với nhau trong cổng của thời gian hiện tại,* tức là "*Khoảnh khắc, chốc thoáng, nháy mắt*" *(Augenblick).* Borges đã kẹt vào cái vô hạn theo thời gian truyền thống, nghĩa là thời gian của hiện thể; dù chối bỏ thời gian theo điệu *tiếp diễn, liên tiếp, kế tiếp,* Borges vẫn bị nhốt tù trong chân trời thời gian tính của Aristotle trong quyển *Physics*, tập 4; cả ý niệm về "hình thức" và "nội dung", về cái gọi là "*form*" và "*content*" của cả nền thẩm mỹ học Tây phương (cho đến Borges và Genette) đều bị kẹt vào hai ý niệm về *eidos* và *hylé* của Aristotle; ngay đến câu "*một sự khai thị sắp xảy ra mà không xảy ra, có lẽ đó là biến cố thẩm mỹ*" của Borges (đã được Genette khai thác) chỉ là vang bóng tầm thường của hai ý niệm *dynamis* và *energeia* của Aristotle; đó là chưa nói đến chữ *stéresis* của Aristotle: "vì *stéresis* cũng là *eidos* trong một thể cách nào đó." Chỉ nội câu

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Nghĩ về thơ

CÁI NGÔNG TRONG THƠ

*N*gông là một phong thái có sức quyến rũ lớn trong cuộc sống cũng như trong văn học. Không hiếm người muốn khẳng định cá tính sắc sảo, độc đáo của mình bằng cách lúc nào cũng tỏ ra ngông. Đa số các trường hợp, cái ngông pha lẫn với kịch tính, trở thành kệch cỡm. Trong cuộc sống, thực sự ngông là điều khó. Thể hiện được cái ngông trong thơ mà vẫn giữ được chất thơ trong thơ lại càng khó hơn nữa.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Trãi là người đầu tiên tự nhận mình ngông:

— Bình sinh nhiễm được tật sơ cuồng
— Bần bệnh dư liên nhữ
Sơ cuồng nhữ tự dư
(Tôi thương bác nghèo bệnh)
Ngông cuồng bác giống tôi)

Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng tự nhận là mình ngông:

— Lão lai tự tiếu thái sơ cuồng
(Già đến, tự cười mình ngông cuồng)
— Bàng nhân mạc tiếu cuồng si khách
(Người bên cạnh chớ cười khách si cuồng).

Cả hai đều nói thật. Cả hai đều có tính tình cứng cỏi, ngang bướng, khinh bạc, vượt lên trên những quy phạm cứng nhắc và nghèo nàn của xã hội. Nguyễn Trãi thì *'lưng khôn uốn, lộc nên từ'*, coi phú quý như phù vân. Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng thế. *'Thế sự ngoài tai* thành một thái độ hư vô trước cả cuộc đời. Nguyễn Đức Sơn lăng quăng líu quíu phá phách trong thơ:

→

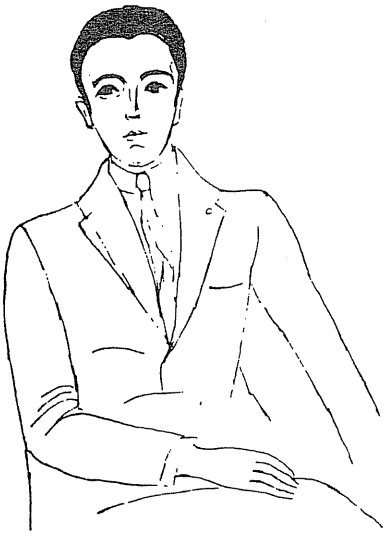

Jorge Luis Borges dưới mắt Norah Borges

Khi thấm mệt tôi đi luồn ra núi
Cuối chiều tà chỉ gặp bãi hoang sơ
Bước lủi thủi tôi đi luồn vô núi
Nghe nắng tàn run rẩy bóng cây khô
Chân rục rã tôi đi luồn ra núi
Hồn rụng rời trước mặt bãi hư vô.

Bùi Giáng không những phá phách trong thơ mà còn làm thơ như một sự phá phách:

Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ
Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tỉnh hôm nay
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng
Gọi người sương phụ gái thơ ngây.

Thơ Bùi Giáng là ẩn ngữ, chập chùng ẩn ngữ. Phải vượt qua Mỹ Thọ để đến Mỹ Thỏ và phải vượt qua Mỹ Thỏ mới đặt chân vào Mỹ Tho. Rất nhiều người tung hê hoặc tung hô Bùi Giáng ngay từ thành cửa của Mỹ Thỏ và Mỹ Thọ. Kể cũng hơi vội vã.

Sau năm 1975, trong nền thi ca hải ngoại, cái ngông vẫn là điều hiếm hoi. Cao Tần ngang tàng, chỉ ngang tàng chứ chưa ngông nghênh. Ngu Yên định ngông nghênh, tuy nhiên, cái ngông của Ngu Yên, cũng giống cái ngông của Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn, lý trí quá. Và so với Bùi Giáng và Nguyễn Đức Sơn, Ngu Yên lại tỉnh táo quá, thành ra, nhiều lúc không thật.

Như vậy, làm thơ ngông rõ ràng không dễ. Muốn ngông, cần có bản lĩnh thật vững vàng, cá tính thật sắc sảo, tư tưởng thật dồi dào và, quan trọng nhất, phải thành thực.

Dĩ nhiên, trong thơ, không phải ngông mới hay. Nguyễn Du không ngông. Nguyễn Du rất nhẹ nhàng lau lách nhưng lại làm vàng một cõi đìu hiu mênh mông trong lịch sử.

Mà cần gì phải cố làm ra vẻ ngông nhỉ? Phạm Công Thiện cực ngông trong văn xuôi nhưng lại hiền lành biết mấy trong thơ:

Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn
Cây khế đời cao trổ hết bông..

NGUYỄN HƯNG QUỐC
13-8-1988

này của Aristotle trong quyển *Physics*, tập II, chương I, 193 b, 20-21, cũng đủ đẩy lùi câu dẫn trên của Borges và Genette vào trong sự nghèo nàn và bế tắc của trò chơi chữ nghĩa (ngàn đời bị kẹt trong siêu hình học Tây phương). Thẩm mỹ học Tây phương là con đẻ non nớt của siêu hình học Tây phương, và tất cả lý thuyết phê bình văn nghệ cũng bị giới hạn như thế. Đừng nói chi đến câu chuyện văn nghệ quanh bàn rượu."

Đâu đó, Borges đã nói một câu tuyệt vời: "*Mình chỉ có thể mất những gì mình không bao giờ có.*" Borges không bao giờ có được giây phút nẩy lửa khi mà hai con đường vô hạn của quá khứ và của tương lai va chạm đụng độ nhau trong một nháy mắt hiện tại, và Borges đã đánh mất đi giây phút quyết định trầm trọng trong Thế Mệnh Nhân Loại, và tất cả văn chương tư tưởng của Borges chỉ là trò chơi phù phiếm của chủ nghĩa hư vô Tây phương. Borges là sản phẩm trọn vẹn của chủ nghĩa hư vô; trong thiên tiểu luận "*một phủ nhận mới về thời gian*" của Borges, dù Borges đã trích dẫn rất nhiều kinh điển Phật giáo để chứng minh lý thuyết của mình, nhưng Forges đã hiểu sai Phật giáo từ bước đầu, vì Borges đã vô tình đồng hóa Phật giáo với chủ nghĩa hư vô, đã hiểu cái "*không*" của Phật giáo thành ra "*ngoan không*". Trong đoản văn "*Borges và tôi*", Borges kết luận: "*Tôi không biết ai là kẻ đang viết trang này*" nghĩa là Borges không muốn biết người đang viết là chính Borges hay một kẻ khác, Borges của chữ nghĩa văn chương hay Borges của đời sống cụ thể. "*Dù trong bất cứ trường hợp nào, tôi cũng phải chịu số phận hủy diệt, một cách dứt khoát, và chỉ còn một giây phút nào đó của tôi có thể sống thêm nữa trong hắn*" Borges đã nói thế. "*Trong hắn*" có nghĩa là "*trong Borges của văn chương chữ nghĩa*". Borges của văn chương chữ nghĩa hay Borges của sự chống đối chữ nghĩa cũng chỉ là tự biện minh cho đời sống phù phiếm của mình -- Borges đã hiểu thế.

"*Một giây phút nào đó trong chữ nghĩa văn chương*", nghĩa là trong *sự tiếp diễn liên tục của thời gian* mà Borges đã phủ nhận: Phá hủy Borges chỉ là phá hủy một sự trích dẫn liên tục **một cách vô thức** nào đó của văn chương chữ nghĩa: ảo tưởng phá hủy một ảo tưởng nào đó. Thực là phù phiếm, vì Borges đã tự phá hủy trong sự đánh mất một giây phút nháy mắt mà Borges không bao giờ có thể có được. Hai vô hạn (vô hạn của quá khứ và vô hạn của tương lai) đụng nhau tóe lửa trong nháy mắt hiện tại. Borges đánh mất giây phút tóe lửa. Một nhát mắt trong hiện tại mà mình trở lại với chính

mình, mình gặp lại định mệnh mình mà mấy trăm tỷ triệu năm trước *dụng vào* mấy trăm tỷ triệu năm sau. Và để đùa chơi một cách lịch sự với Borges, xin dùng câu cuối của Borges trong truyện "*Sự tìm kiếm của Averroes*" để xô đẩy Borges vào vòng tròn của chữ nghĩa phù phiếm: "Cái giây phút mà tôi ngừng lại và không tin vào Borges nữa thì Borges biến mất."

PHẠM CÔNG THIỆN
California, ngày 13 tháng III, 1989

Tái bút và phù phiếm trong tinh thần Borges:

Bài này có tính cách "triết lý", nếu người đọc có cảm giác bị "chữ nghĩa đe dọa" (như bạn tôi thường nói) thì xin chịu khó bỏ ra 30 năm đọc Nietzsche, Heidegger, Kant, Hegel, và Aristotle, còn nếu lười đọc thì chỉ cần nhắm mắt lại lim dim, thì hiểu hết mọi sự.

Về Nietzsche, xin đọc *Im lặng hố thẳm* của Phạm Công Thiện, trang 201-383.

Về Borges, xin đọc mấy trang mở đầu quyển *Ý thức bùng vỡ* của Phạm Công Thiện và khoảng 500 trang kế tiếp (quyển *Ý thức bùng vỡ* xuất bản năm 1970 và chỉ còn một bản duy nhất được giữ lại tại thư viện đại học Cornell).

Về triết lý nói chung, xin đọc "*Triết lý là gì?*" của Heidegger (do Phạm Công Thiện dịch, do An Tiêm xuất bản năm 1968 tại Sàigòn).

Bài này viết để tặng riêng cho một người bạn già rất thù ghét sự "đe dọa chữ nghĩa" và *vô tình* trở thành đứa con trung thành của Thẩm mỹ học Tây phương! Như Julio Cortázar thường hy vọng cho đến lúc chết: "*Mặt trời mọc ở phương Tây*"!

P.C.T.

Kỳ tới: "*Một trăm năm cô đơn*" của văn hào Gabriel Garcia Marquez

Đã Phát Hành Khắp Nơi

SA MẠC
Trong ý nghĩ Nguyễn Xuân Hoàng

SA MẠC
Dưới mắt nhìn Nguyễn Xuân Hoàng

SA MẠC
Qua ngòi bút Nguyễn Xuân Hoàng

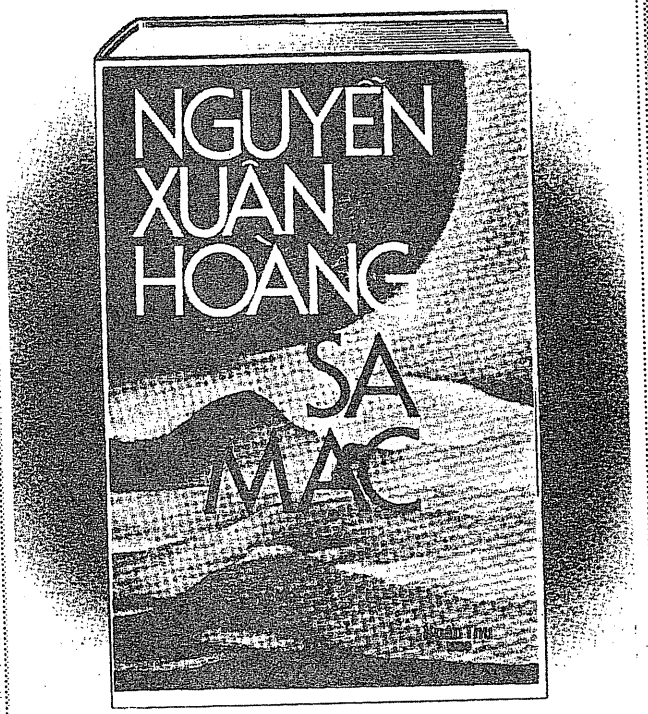

TRẦN DẠ TỪ

Thơ gửi Điều

Mười ba năm. Dăm chứ. Đòi: thơ
Ô hay. Cái anh này. Dớ dẩn
Thơ ta ư. Gửi hết từ lâu
Từng ấy năm, làm gì, không nhận.

Sớm tháng Giêng. Chiều tháng Chín
Khuya tháng Tư
Không nghe sao. Gió vẫn thổi đấy chứ
Gió sớm: chú chim rừng gõ mó
Gió chiều, con ve sầu treo cổ
Gió khuya, lão dơi mù chập chờn
Anh làm gì không nghe, không nhớ
Gió ngoài thịt trong da
Cơn gió quê xa
Cơn gió lòng ta
Con sói từ hang sâu, đêm đêm vẫn hú

Suối đứng tháng Năm. Suối nằm tháng Chạp
Anh xuống biển lên rừng. Sao anh không gặp
Suối mùa hè tung tăng
Suối mùa đông bão táp
Buổi trưa, thơ úp mặt
Con nhện nước vùng vằng
Buổi chiều, thơ tắm truồng
Suối dòng cạn nhởn nhơ
Suối dòng đầy hối hả
Con trăn núi phanh thây, bọt sôi ghềnh đá.

Thơ ta đâu. Thơ ta đâu
Con trăn núi. Con sói tù
Vẫn sôi. Vẫn hú

Thơ ta đâu. Thơ ta đâu
Bạn hiền, coi lại nào
Cơn gió thơ ta. Dòng suối thơ ta
Trời đất thơ ta
Khi tỉnh. Khi điên. Hồi quên. Hồi nhớ
Niềm sót thương. Cơn phẫn nộ

Thơ ta đâu. Thơ ta đâu
Bạn hiền. Coi lại.
Kìa.
Thơ ta, sẵn đó từ lâu
Ngay trong lòng bạn, không đầu không đuôi.

Nghe chim rừng, nhớ

Sớm mai vác rựa vô rừng
Chợt nghe chim hót vang lừng một phương
Điệu gì lơ lửng khói sương
Đích là anh Phạm Đình Chương đây rồi
âm lên: ngang ngược, sinh sôi
Lại anh Cung Tiến đang hồi tiến cung
Nhịp vừa vui, chợt náo nùng
Hệt như ông Phạm Duy tung hứng đời
Mai đâu lảnh lót ai cười
Véo von tiếng hát một trời Thái Thanh
Rơi mình giữa lác cùng tranh
Cám ơn nhé, lũ chim lành, bạn ta
Bạn ta tan tác đâu xa
Té ra giọng cú quanh ta vẫn gần.

TRẦN DẠ TỪ
Gia Trung, 1980

"Văn chương là nơi tôi đi tới để khai phá những chỗ cao vợi nhất và thấp hèn nhất trong xã hội con người và trong tâm thức con người, là nơi tôi hy vọng tìm thấy được không phải cái chân lý tuyệt đối nhưng là cái chân lý của truyện kể, của trí tưởng tượng và của trái tim."

SALMAN RUSHDIE
"The Book Burning"

SALMAN RUSHDIE: SỰ THỰC CỦA TIỂU THUYẾT

ĐÀO TRUNG ĐẠO

1.

Tôi phải bắt đầu từ đâu, với Salman Rushdie? Dĩ nhiên là không thể với những tin tức thời sự trên truyền hình và báo chí từ ba tuần nay quanh quyển tiểu thuyết "Satanic Verses," với cái án tử hình có ngã giá bạc triệu do lãnh tụ hồi giáo Ayatollah Khomeni tung lên chín từng mây đang buông lấp lửng trên đầu Salman Rushdie, với những lời qua tiếng lại của những đại diện các thế lực ngoài văn chương.

Bắt đầu bằng "Để lại được sinh ra một lần nữa, trước hết con người phải chết đi. Ho ji! Ho ji! Để có thể đặt chân giữa lòng mặt đất, trước hết con người cần bay lên. Tat-taa! Takathun! Làm sao ta sẽ lại mỉm cười được nếu trước hết ta không khóc?" Bắt đầu bằng tiếng hát từ trên từng không hai mươi chín ngàn lẻ hai bộ của Gabreel Farishta...

Ngay trước rạng đông một sớm mùa đông chiếc phản lực cơ bị không tặc Bostan, đường bay A l-420 nổ tung trên không phận eo biển nối liền giữa Anh quốc và Pháp quốc, không một tín hiệu báo nguy. Tất cả mọi người đều tan xác, ngoại trừ Gabreel Farishta và Saladin Chamcha, hai tài tử Ấn Độ thượng thặng. Gabreel nổi tiếng vì đóng những phim "tôn giáo," thủ những vai giáo chủ được giới bình dân ngưỡng mộ. Saladin tài tử truyền thanh quảng cáo thương mại hàng đầu, người có một nghìn giọng nói khác nhau để nói thay không những cho người mà còn cho cả đồ vật. Lý do sự có mặt của Gabreel trên Bostan-Flight A l-420: đi tìm dấu vết Alleluia Cone người đàn bà đang đuổi theo nỗi đam mê nghiệt ngã vượt đỉnh Everest một mình; của Saladin: lần trở lại London buồn bã sau chuyến gặp gỡ người cha buộc chặt đời đứa con trai mình với lời hứa cho con cây đèn thần. Cả hai đã rơi an lành xuống một bãi biển Anh quốc nhưng ngay sau khi sống sót (hay tái sinh) thì trên đầu Gabreel xuất hiện một vòng hào quang trong khi hai gò Saladin lông lá mọc đầy, bàn chân trổ móng súc vật và thái dương mọc sừng. Ẩn dụ của Thiện và Ác? Không có điều gì rõ rệt để có thể nói được về cuộc vật lộn của hai đấu thủ Thiện-Ác này vì ta không biết, không phân biệt được ai với ai, ai Thiện ai Ác. Có thể nào ác quỷ trở thành thiên thần? Hay ngược lại, trong một sự cải trang? Trong lúc chờ đợi một kết thúc sau cùng của lần chạm mặt thiện-ác chúng ta chứng kiến cuốn phim đời người với những chuyện tình ái và đam mê, tín ngưỡng và phản bội. CỦA NHỮNG DI DÂN. Khắp cùng trên mặt đất hôm nay. Của Mahound với tham vọng thiết lập một tôn giáo vĩ đại chỉ chấp nhận một Thượng Đế đang lưu lạc tại xứ Jahilia mà toàn thể mọi thứ đều được tạo nên từ cát kể cả các đền đài thờ phượng 360 thần linh đang trị vì, bởi Ngài Abu Simbel sở hữu hầu hết tài sản khắp xứ, tuy đầy quyền uy nhưng vợ ông tên Hind, lại đã ngủ với tên thi sĩ chấp pháp trẻ trung Baal. Abu muốn mặc cả với Mahound: nếu Mahound có thể lên đỉnh Mount Cone cầu xin tổng chủ thiên thần Gaibreel lệnh truyền cho dân xứ Jahilia chỉ thờ phượng ba thần linh Lat, Uzza và Manat (cả ba đều là thần linh phái nữ!) thì bù lại Abu sẽ cho Mahound một chân trong hội đồng tổng quản và được phép tự do chiêu mộ giáo dân. Nhưng có thật lệnh truyền đó là từ Gibreel hay chẳng qua lại chính từ các miệng Shaitan quỷ dữ giả dạng Gibreel qua những vần thơ ác quỷ? Mahound Nhà Tiên Tri cuối cùng đã bỏ đi, cùng với ba tín đồ... Nhưng hình như tổng chủ thiên thần Gibreel cũng có thể là Gibreel Farishta, tài tử chuyên thủ vai giáo chủ các tôn giáo. Sứ điệp, lệnh truyền hay chỉ là những vần thơ ác quỷ? Hay đó chỉ là tiếng động vang vang từ những bước chân di dân...

Khúc ngoặc tài tình của kỹ thuật tiểu thuyết cận đại dưới ngọn bút Salman Rushdie chuyển từ quyết định ra đi vô định của Mahound sang cuộc sống lưu đầy của một lãnh tụ hồi giáo, một con người đá tảng im lìm, đã bay suốt từ cõi lưu đầy London qua Desh trên lưng tổng chủ thiên thần Gibreel vào lúc xứ này đang sôi sục cách mạng, trên đà thắng thế và vị lãnh tụ hồi giáo đá tảng (vốn là bán phần của Ayesha) đã hóa thân thành Al-Lat rồi bị hủy diệt trong một trận chiến khốc liệt của sấm sét và sao chổi. Sau cách mạng sẽ không còn cái gì tồn tại, ngay cả chữ "đồng hồ" cũng bị xóa bỏ trong tự điển. Sẽ không còn ngày sinh nhật vì mọi

người đã cùng lúc tái sinh, mọi người sẽ cùng tuổi bất biến trong ánh mắt của Thượng Đế Chí Tôn.

Trong một làng quê tung tăng bướm lượn kia Mirza Saeed đang sống trong yêu đương cùng người vợ trẻ Mishal thì bỗng xuất hiện một cô gái quê tên Ayesha sống nhờ bướm làm thực phẩm và mang kiếp mộng du; nhưng rồi Mirza bỗng kinh hoàng khám phá ra mình đang thèm khát cô gái quê này trong lúc Mishal mắc chứng ung thư vú vô phương cứu chữa. Ayesha nói rằng nàng đã có chồng tên là Gibreel và vị tổng chủ thiên thần đã cho nàng hay dân làng của Mirza phải làm một cuộc hành hương đi bộ tới Mecca bởi biển Ả Rập sẽ mở rộng cho mọi người đi qua. Cũng giống như Hồng Hải đã mở ra cho Moses và dân Do Thái đi qua như trong kinh Koran và Thánh Kinh truyền tụng.

Trở lại với câu chuyện của Gaibreel và Saladin sau khi đáp xuống bờ biển Anh quốc và sống lưu lạc ở London, một London trong cuộc sống của hai kẻ di dân lưu đầy tràn ngập mộng mị và thực tại. London và Bombay ở trong Gaibreel và Saladin, ác quỷ và thiên thần, thiện và ác lẫn lộn.

Câu chuyện kết thúc với lần trở về Bombay của Gaibreel, có phải trở về để được nhìn thấy cây đèn thần hay chính là để nhìn thấy cha mình đang trọng bệnh hấp hối, Gaibreel tự hỏi khi đứng bên khung cửa sổ căn nhà thời thơ ấu một đêm trăng. Và tự nhủ: ta đã chẳng còn thể tin được những câu chuyện thần thoại nữa, tuổi thơ của ta thật đã qua rồi...

2.

Tuổi thơ đã qua, ta chẳng thể còn tin được những chuyện thần thoại. Mất niềm tin? Trong "Midnight's Children" Salman Rushdie viết về quyết định bất tín của Aadam Aziz: "Quyết định này xoáy thành một lỗ hổng trong ông, một cõi trống trong đời sống nội tại khiến ông trở thành dễ bị phụ nữ và lịch sử hãm hại" (trang 4). "Satanic Verses" có thể được coi như một tiếp nối của "Midnight's Children": một tìm kiếm sự thực văn chương sau khi đã không thể còn tin được vào sự thực của các hình thức siêu-học-thuyết (metatheory) như triết lý, tôn giáo, lịch sử, thứ văn chương ngôn ngữ băng đọng quá khứ vốn đã được đồng hóa là những sự thực tuyệt đối.

Salman Rushdie đã đi tìm sự thực trong văn chương, tiểu thuyết như thế nào? Sự thực văn chương đã đẩy lui sự thực lịch sử vào những giới hạn: "một sự đụng độ của Lời nói," của chữ nghĩa như Salman, một trong ba đệ tử của Mahound đã thốt lên trong "Satanic Verses."

3.

Tôi đọc "Satanic Verses" với những tiếng động âm u muôn ngả trong cõi im lặng của đời sống di dân tị nạn hôm nay. Những tiếng động nối liền ba thập niên cuối thế kỷ 20 là tiếng sóng đại dương vô tình hung bạo chụp nhận, xóa chìm, triệt tiêu những đời sống Việt Nam, những khuôn mặt Việt Nam đã đưa tự do ngang bằng cái chết trong vượt biển ra đi khỏi nước, là tiếng bước chân ngày đêm đang vượt qua những dặm ngàn xa thẳm hiểm nguy của những người tị nạn Phi Châu, Châu Mỹ La Tinh, Đông Âu... nhằm bước qua một biên giới để thoát khỏi bạo động đàn áp của độc tài và của hệ thống Cảnh Sát Tư Tưởng--(chữ của Salman Rushdie dùng để chỉ các guồng máy cai trị tàn bạo của các lãnh tụ hồi giáo hiện nay ở thế giới hồi giáo).

Vì Salman Rushdie đã nói rất rõ về "Satanic Verses": "đó là một cố gắng viết về di dân và những căng thẳng, biến đổi của di dân từ cái nhìn của những người di dân..." (The Book Burning).

Di dân, tị nạn. Có kích thước còn lớn lao hơn cả Auschwitz. Nếu bảo rằng Auschwitz là một "dấu hiệu của Lịch sử" như Jean-Paul Lyotard thì cũng có thể coi Di Dân tị nạn là một "dấu hiệu" lớn nhất của giai đoạn lịch sử thế kỷ 20 bước sang 21. Sau di dân tị nạn, không còn thể nói được gì nữa? Thật vậy, di dân tị nạn đã làm câm họng những giải thích lịch sử của các hình thức lý thuyết chính trị, ý thức hệ, triết lý, những hành ngôn băng hoại của các hệ thống cho đến nay đã được thiết định và duy trì bằng bạo lực. Niềm im lặng của di dân tị nạn chỉ ra cho chúng ta thấy có những điều đáng lẽ phải được nói ra những vẫn chưa được nói ra trong ngôn ngữ của Lịch sử là thứ ngôn ngữ đã được thiết định và

chấp nhận. Niềm im lặng này và nỗi bất công ẩn dấu bên trong thật ra chính là *những dấu hiệu của rất n hiều những ý nghĩa* hàm chứa chưa được khai giải.

Có lẽ chỉ có ngôn ngữ của tiểu thuyết mới có thể nói lên, mở ra cho mọi người thấy những dấu hiệu đó với nhiều ý nghĩa. Và Salman Rushdie là một trong những người đã làm được công việc này.

4.

Từ bản văn của Borges, Michel Foucault đã tìm ra "heterotopia" không gian của những thực tại hỗn độn "... làm long lanh sáng chói một cách riêng rẽ những mảnh vụn của một số lớn lao những trật tự khả hữu trong một kích thước,... trong đó những sự vật được "ngủ yên," "được đặt nằm," "được sắp xếp" trong những quang cảnh khác biệt nhau đến độ không còn có thể nào tìm được cho chúng một không gian cư ngụ, định xem ở dưới lớp lớp những sự vật đó một nơi chốn chung cùng." (Les Mots & Les Choses p.9). Heterolopia một cách thầm lặng tháo rời ngôn ngữ bởi chúng làm cho ngôn ngữ bất lực trong việc gọi tên vật này vật kia, bởi chúng phá hủy cú pháp ngay từ khởi đầu, thứ cú pháp cho phép chúng ta đặt câu.

Không gian tiểu thuyết của Salman Rushdie chính là một heterotopia, không gian của tiểu thuyết cận đại. Đó cũng là thế giới tiểu thuyết của Thomas Pynchon, Gabriel Garcia Marquez, Carlos Fuentes, Italo Calvino... Thế giới đó cũng là thế giới được viết ra rồi bị xóa bỏ. "Ngày xửa ngày xưa-- điều ấy trông vậy nhưng không phải vậy... chuyện ấy đã xảy ra và đã chẳng bao giờ xảy ra-- có thể, và rồi có lẽ là chẳng có thể..." (Satanic Verses, trang 35). Thế giới bị gạch chéo xóa bỏ đo rõ nét ở cõi sống của kẻ di dân, tỵ nạn. Cũng là thế giới lẫn lộn thực và mộng, quá khứ và tương lai, thực tại và hư cấu. Một phần lớn "Satanic Verses" đã được Salman Rushdie xây dựng như một tiểu thuyết luận đề (roman-à-clef). Tiểu thuyết luận đề hiểu theo đúng nghĩa là tiểu thuyết tự thuật trong đó sự đồng nhất của nhân vật có thực ngoài đời và nhân vật tiểu thuyết giả tưởng được che phủ bằng cách dùng một cái tên khác cho nhân vật tiểu thuyết nhằm "bảo vệ sự vô tội" của tác giả nhưng đồng thời cũng lại thúc đẩy người đọc tự giải ẩn ngữ; cũng có khi nhà tiểu thuyết lại dùng nguyên tên thật ngoài đời của các nhân vật nhưng lại đổi khác hoàn toàn nội dung sự việc. Salman Rushdie đã dùng cách thứ nhất rõ rệt nhất trong chương II của "Satanic Verses" khi đổi tên Muhammad thành Mahound, Satan thành Shaitan v.v... Tuy Salman Rushdie có cho Saladin Chamcha nói "The damn show isn't an allegory. It's an entertainment..." nhưng ta vẫn có thể thấy quyển tiểu thuyết này, theo một ý nghĩa nào đó, là một dụ ngôn. Một cách tổng quát, có thể nói là Salman Rushdie là một tiểu thuyết gia cận đại đúng nghĩa: trong sử dụng những kỹ thuật tiểu thuyết cận đại, trong quan điểm về sự thực của tiểu thuyết, và trong ngôn ngữ của một hữu thể học văn chương mới.

5.

Milan Kundera khi viết về "Terra Nostra" của Carlos Fuentes đã cho rằng nghệ thuật tiểu thuyết, và riêng chỉ có nghệ thuật tiểu thuyết là có khả năng làm cho cái quá khứ xa vời của nhân loại có thể trò chuyện được với cái hiện tại. Với Salman Rushdie ta phải thêm một nhiệm vụ nữa của tiểu thuyết: tạo nên nơi gặp gỡ của Đông và Tây lưu đầy giữa một nhân loại không tương lai trong chính tương lai của tiểu thuyết.

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Salman Rushdie, nhà văn quốc tịch Anh gốc Ấn Độ, sinh năm 1947, di dân sang Anh quốc từ 14 tuổi, tác giả của các tiểu thuyết "Crimus," Midnight's Children," "Shame," "Satanic Verses" và tập "Ký" The Jaguar Smile, "A Nicaraguan Journey"-- Hiện sinh sống ở London, vợ là nhà văn nữ Mỹ Marianne Wiggins.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

NĂM 2000

CORINNE FLOCKEN
HOÀNG MAI ĐẠT chuyển ngữ

Bé Rachel Bibb đã suy nghĩ nhiều về tương lai, đặc biệt là năm 2000. Năm đó cũng là năm bé gái Rachel và các bạn hiện đang học tại trường tiểu học Ladera Palma Primary sẽ lấy bằng trung học. Lúc đó thế giới sẽ như thế nào?

Bé Rachel nghĩ là trong tương lai "người máy sẽ làm hết mọi công việc, và sẽ có nhiều phi thuyền bay khắp nơi."

Rachel, năm nay sáu tuổi, và các bạn học cùng lớp là những học sinh trong số 225 em ở

vùng La Habra, tiểu bang California, đã đóng góp vào chương trình triển lãm có tựa đề là "Những viễn tượng về tương lai từ những học sinh sẽ ra trường năm 2000." Bảo tàng viện cho Thiếu nhi tại La Habra đã đứng ra tổ chức cuộc triển lãm này. Các em đã vẽ, làm mặt nạ, hình ráp, và những đồ vật nhỏ tượng trưng cho những gì các em suy tưởng cho thế kỷ thứ 21. Cuộc triển lãm thế giới tương lai qua sự tưởng tượng của thiếu nhi kéo dài trong hai tháng Ba và Tư năm 1988.

Theo lời cô giáo Karen Jackson thì ngay sau khi được hỏi về đời sống tương lai, các em đã tỏ vẻ không hiểu nổi ý tưởng mới lạ này. Lúc cô Karen nói với các em nghĩ gì về những năm học ở trung học, những công dân của thế kỷ 21 đã có vẻ lo lắng là phải học như bây giờ thêm gần 12 năm nữa. Nhưng tới khi hiểu được ý của cô giáo các em đã bừng vui với những ý kiến ngộ nghĩnh.

Với giấy thủ công, giấy bạc, và bút vẽ, các em đã tự họa hình dạng của mình mà các em nghĩ sẽ giống như thế nào sau này. Những bức chân dung được dán vào giấy cứng, sau khi các em dùng giấy bạc làm nón hay tóc cho những gương mặt của thế kỷ thứ 21. Nhờ đó, chân dung của các em mẫu giáo

vừa sặc sỡ màu mè, vừa có nét cao thuật rất là "tương lai." Những chân dung mặt nạ của các em là những tác phẩm nổi bật nhất của cuộc triển lãm "Viễn Tượng."

"Các em rất thích thú làm mặt nạ, vì đây là lối các em tự diễn tả những gì các em nghĩ mình sẽ trở thành trong tương lai," cô giáo Karen nhận xét. "Các em đã nói nhiều về những thay đổi. Nhiều em đã xem phim 'Back to the Future', và từ đó các em đã nảy ra những ý kiến về xe hơi, nhà cửa, trường học, và nghỉ hè trong năm 2000."

Em Michael Morales, 6 tuổi, đã tiên đoán là trong năm 2000 "sẽ có thật nhiều máy điện tử, và sẽ có thầy cô là người máy. Đây là điều bé không thích."

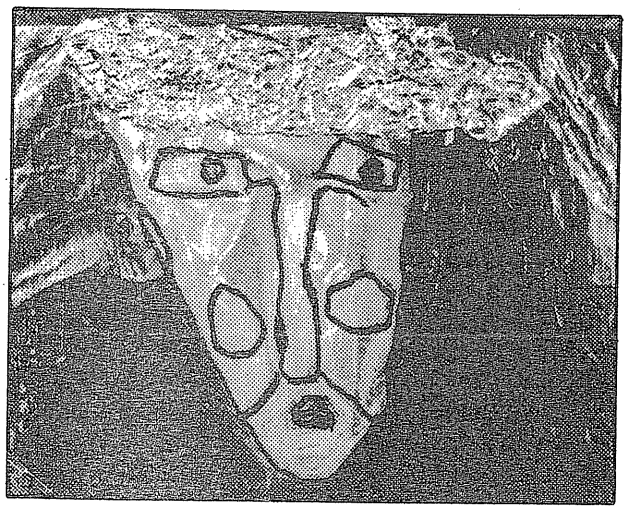

- Thêm vào đó trường học cũng tổ chức những buổi gặp gỡ giữa các em và những người ở bậc ông bà, và tạo cơ hội cho họ được kể lại hoàn cảnh trước đây, khi họ mới bắt đầu đi học thì đời sống lúc đó như thế nào. Từ những mẩu chuyện của người lớn tuổi, các em đã nói nhiều về những năm sau này khi các em trở thành ông bà. Vài em cũng đã nghĩ quá xa, vượt qua năm 2000 với những tưởng tượng mà có lẽ các nhà bác học cũng chưa nghĩ ra.

Một tác phẩm của các em sẽ được chọn để dự thi với ba tác phẩm khác từ ba cuộc thi nghệ thuật thiếu nhi đã được tổ chức tại hạt Orange. Chỉ có một trong bốn sáng tác sẽ được cất vào "ống thời gian" nhân dịp hạt Orange ăn mừng lễ sinh nhật 100 năm thành lập.

Sáng tác trúng giải sẽ được triển lãm tại hội chợ trước khi cất vào "ống thời gian." Ống này cũng có những bài viết và một số kỷ vật được chọn. Sau đó ống sẽ được chôn dưới đất vào tháng Tám tại một ngôi nhà mà trước đây đã được dùng làm tòa án. Vào một ngày nào đó sau năm 2000, ống này sẽ được đào lên. Lúc đó những người của thế kỷ 21 sẽ được thấy lại hoặc thấy lần đầu những gì đã được nghĩ đến từ thế kỷ 20. (HMĐ)

NGAY TRÊN QUÊ HƯƠNG MÌNH

VƯƠNG TIỂU MUỘI

Ngày còn ở bên nhà, thỉnh thoảng tôi vẫn được đọc trên báo nhà nước những lá thư tả oán của người Việt di tản gởi về cho thân nhân. Chả hiểu ban biên tập những tờ báo công cụ ấy vớ đâu được các tài liệu béo bở này, thường thì bọn họ giới thiệu trong những cái khung vuông rất trịnh trọng, bằng lời lẽ nghe ra hí hửng, đầy vẻ thù vặt, để đe nẹt dân tấp tểnh muốn bỏ nước ra đi, kiểu "chúng mày rỏng tai, mở mắt trông vào đây, đừng tưởng đời sống bên tây, bên mẽo là ngon lành đâu, khối đứa chết dở đấy."

Tôi tuy không "tưởng" gì cả và cũng đang tấp tểnh bỏ xứ mà đi, cảm thấy giận lắm, bụng bảo dạ "mình sẽ không bao giờ cung cấp cho tụi này những chứng cớ dại dột như vậy để chúng tuyên truyền-- người dân vẫn biết là chúng tuyên truyền."

Rồi tôi đến lập nghiệp ở xứ này được ba năm, chỉ gởi tiền và quà về giúp thân nhân và bạn bè, không viết thư. Người bên nhà ban đầu trách móc, sau đoán là tôi có những điều không muốn nói. Thật ra, không phải chỉ là những điều không muốn nói. Cũng không phải là những điều không nên nói-- như tôi vẫn quan niệm lúc chưa ra đi-- Trên hết, còn là những điều không đủ sức nói.

Trong chủ đề 15 năm lưu vong của tạp chí *Thế Kỷ 21*, số ra mắt, chắc chắn sẽ có các nhà khoa bảng trí thức đưa ra những bảng tổng kết hay tổng luận về mọi khía cạnh văn hóa, lịch sử, chánh trị, xã hội, thời đại, v.v... liên quan đến cộng đồng Việt Nam tỵ nạn hải ngoại và liên quan đến tương lai đất nước. Tôi chỉ là một phụ nữ tầm thường, từ cái vị thế rất giới hạn của mình, lần đầu trong đời thấy run sợ vì những vấn đề trước mắt to lớn quá, nỗi ưu tư cũng như niềm hy vọng đè nặng tâm hồn, tưởng chừng không gách vác nổi..

So với những lá thư đăng tải trên báo chí của nhà nước xã hội chủ nghĩa mà tôi được đọc lúc còn sống ở bên nhà, thực tế tôi đang chứng nghiệm ở đây thập phần ghê hơn. Tôi không quên lời tự hứa ngày xưa, dù thế nào, nhất định không giao cho nhà nước xã hội chủ nghĩa cái lợi khí để họ khích bác, chê bai, dèm xiểm những người không đứng về phía họ. Tôi cũng không quên câu tục ngữ của ông bà chúng ta để lại, đừng "vạch áo cho người xem lưng." Nhưng tôi lại không thể không nghĩ rằng nếu tất cả chúng ta ở đây đều không có sự thẳng thắn để cùng nhau nhìn vào sự thực, nói cho đối phương của chúng ta biết những điều chúng ta nghĩ, chúng ta thấy, chúng ta muốn làm và cần làm, tôi e rằng đối phương của chúng ta sẽ chỉ nhìn chúng ta như những con thú nhồi bông...

Trước hết, đa số người Việt Nam di tản hiện đang lập nghiệp trên nước Mỹ đều ít nhiều thành công về phương diện kinh tế. Người Việt làm chủ nhiều cơ sở thương mại và dịch vụ có thương số hàng năm lên đến bạc triệu. Họ làm chủ những ngôi nhà khang trang, những chiếc xe hơi kiểu mới nhất và lộng lẫy. Thực phẩm, quần áo, các tiện nghi đời sống thừa mứa. So sánh với sự khao khát, thèm muốn của nhiều người Việt Nam đang sống khốn khó trong cảnh bần cùng hiện nay ở quê nhà, đời sống ở đây quả thật là thiên đường. Vì vậy, khi quốc tế mỏi mệt với cái họ vẫn gọi là lòng nhân đạo, họ chỉ việc trương lá cờ vật chất này ra là đánh gục ngay chính nghĩa của lớp sóng người bỏ nước lưu vong.

Nhìn lại gần mười lăm năm luân lạc xứ người, quả thật những thành quả nhìn thấy của cộng đồng chỉ là một nền kinh tế phồn thịnh ở bề nổi và tản mạn. Trong một bài nhận định, ông Đỗ Thái Nhiên có viết "Đối với sự hạn hẹp của một đời người, một hoặc hai thập niên tưởng là quá nhiều. So với chiều dài của lịch sử, ngần ấy thời gian không là bao nhiêu." Ý nghĩ này, trong khoảng khắc, đã là một niềm an ủi dịu dàng và bất ngờ đối với tâm hồn khắc khoải của tôi luôn luôn cháy đỏ nỗi ước ao làm được một chút gì cho quê hương. Tối hôm đọc bài báo này, tôi đi ngủ với một cảm giác yên tâm và bằng lòng. Tuy vậy chẳng hiểu vì sao, nửa đêm tôi chợt giật mình thức giấc, bàng hoàng nhớ lại rằng kẻ thù của chúng ta chỉ mất một cái chớp mắt chín năm để đạt đến chiến thắng Điện Biên Phủ. Nói như thế không phải để khâm phục hay ca tụng, nhưng nói như thế để thấy rằng ý niệm về thời gian nơi mỗi người thường có tính cách vỗ

về, phỉnh mị, trừ phi ta tận dụng được nó trong từng giây phút. Mười lăm năm trôi qua trong vô vị, chẳng để lại gì. Mười lăm năm để thực hiện một kế hoạch hay một sách lược, có lẽ thời gian ấy cũng không phải là ít.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa để cho người Việt Nam ra đi tìm tự do, một cách công khai, bán công khai hay thầm vụng, họ đã bắn một viên đạn giết mấy con chim. Họ vừa được tiếng nhân đạo trước thế giới, vừa trừ khử hậu họa bên nách, vừa vô hiệu hóa mọi tiềm năng có thể xoay chuyển thời cơ bất lợi cho họ. Là ông tổ của chiến thuật bám trụ, họ biết rõ hơn ai hết bứng một người ra khỏi cội nguồn, gốc rễ của người ấy cũng như ta chặt hết chân tay, vây cánh, làm cho người đó trở thành tàn phế, cũng như ta ngả một cái cây thả bè trôi sông... Cái chiến thuật bám trụ, dựa thế nhân dân ấy đã giúp họ ngụy trang chủ thuyết tà đạo của họ trong gần bốn mươi năm chiến tranh, đã đưa họ đến những thành quả chiến thắng gần như hoang đường, đã làm cho thế giới tự do tuy biết chính nghĩa ở phía mình mà không há họng cãi được. Cũng cái chiến thuật bám trụ, dựa thế nhân dân ấy bây giờ lại có cơ giúp họ ve vãn quốc tế xòe ra những ngón tay nhân đạo, dưới chiêu bài vờ vĩnh "đuổi chuột sợ vỡ lọ cổ."

Bất cứ một sự nghiệp kháng chiến nào cũng phải bắt đầu ngay trên lãnh thổ mà cuộc kháng chiến ấy nhằm giải phóng. Nhà nước Việt Cộng chỉ sợ người đi vô bưng lập chiến khu, không sợ người di tản, vượt biên hay xuất cảnh. Càng đi nhiều, nhà nước càng rảnh nợ. Người ra đi nếu có nhiệt tình và hy vọng thì những thứ này rồi cũng tàn lụi, có tài năng thì tài năng ấy rồi cũng mai một, chưa kể rằng người bỏ đi ít nhiều cũng là muốn được yên thân. Cuộc sống hàng ngày trên đất Mỹ như một cái máy xay đá làm bê tông khổng lồ. Nó cuốn hút rất mãnh liệt sức lực và trí tuệ con người, nghiền nát thành vôi vữa để kiến thiết sự phồn thịnh của xã hội. Nó là cái lò lửa đã thiêu đốt biết bao Kinh Kha Việt Nam, lúc ra đi, mang theo trong

lòng biết bao mộng ước lấp biển vá trời mong giải cứu quê hương.

Nhà văn, nhà thơ, thầy giáo, quân đội, ai xin đi mà có nơi nhận cho đến là nhà nước xã hội chủ nghĩa cho đi tuốt luốt. Tới vùng tự do rồi, mọi người chua chát nhận thức rằng cái tự do mà ta trân quý, mà ta kêu gào đến vỡ lồng ngực ấy rồi cũng chỉ được dùng vào chuyện mưu cầu cơm áo hàng ngày. Thật là mỉa mai khi tôi nhớ lại câu mở đầu trong bản quy định của chính quyền Việt Cộng về việc cho người đi ra khỏi nước "Chính phủ chỉ cứu xét giải quyết các thành phần bất- khả- dụng". Nguồn gốc sự bất-khả-dụng này phải chăng chỉ vì người ta đã bị cắt kìa khỏi mạch sống của đất nước và dân tộc mình?

Khi mà thời cơ và tình hình chính trị quốc tế đã làm cho cuộc di tản của người Việt năm 75 và cuộc vượt thoát đẫm máu trên biển Đông dài dài trong hơn mười năm qua của thuyền nhân tỵ nạn trở thành những cuộc đầu hàng, trốn chạy, có lẽ con đường quang phục đất nước phải bắt đầu lại từ một nơi khác và bằng những cung cách khác.

Chúng ta đã bỏ ra gần mười lăm năm để vết thương dịu đau, để phân bua, giải bày, giải thích biến cố 75, vậy là đủ rồi. Trừ phi nỗi đau biến thành một quyết tâm mới, trừ phi có một cách nhìn khác đi về quá khứ, còn thì những chuyện đó cũ mòn quá rồi, không có sức thuyết phục nữa, như một câu tục ngữ bình dân của ta đã nói "để lâu cứt trâu hóa mùn," như một người bạn của tôi tuần lễ trước đã buồn rầu riễu cợt chính mình "người quân tử không trả được thù trong mười năm, chắc rồi cũng sẽ phải quên đi."

Tất cả chữ nghĩa, danh từ, tĩnh từ tồi tệ nhất, ta đã dùng để chửi bới, để mô tả kẻ thù của chúng ta. Chúng không lay chuyển, chúng không xúc động--chỉ vì thực chất chúng còn tệ hơn những điều chúng ta nói. Và chúng ta lại cũng mắc cả bệnh nói về chúng ta hơi nhiều nữa. Chẳng hạn tôi thấy một số nhân vật tên tuổi khi qua được xứ tự do này, nói trên báo chí rằng họ đã hành động và phát biểu rất anh hùng trước công an Việt Cộng, đối đáp tay đôi, đòi hỏi điều này điều kia phải được tôn trọng, v.v... Tôi chưa thấy ai nhũn nhặn nói rằng "nhìn mặt thằng công an khiếp lắm. Cái cảm giác rùng rợn ấy không cách gì mô tả ra được, chỉ những ai đã chứng nghiệm rồi thì hiểu." Như thế chỉ vì không còn là sự đối diện giữa con người và con người. Nó là sự điên cuồng, man rợ, là hiện thân của sức mạnh giết người nơi loài thú hoang, phi lý, vô nghĩa, chẳng vì cái gì ngoài cái lý do tiêu diệt ta vì ta không giống chúng. Đứng trước một họng súng, một quả lựu đạn rút chốt, ta biết điều gì sẽ xảy ra, ta chuẩn bị đối phó được, ta dùng nghị lực, trí thông minh để tự vệ được, nhưng đứng trước một tên công an V.C. chỉ được huấn luyện phải có lòng căm thù giai cấp cao độ, ta không bao giờ tiên liệu được những điều nó làm.

Người tỵ nạn Việt Nam bỏ đi vì như thế. Nếu còn có thể đối đáp được, nếu còn hy vọng nói cách nào cho chúng nghe được, có lẽ nhiều người còn ở lại trên quê hương mình, để đóng góp, xây dựng và cải thiện.

Tôi nói ra điều vừa nói mà không hề mảy may hổ thẹn. Đứng trước mặt tên công an VC, trong phòng làm việc của nó, tôi vẫn nghĩ là nếu cần phải chết, sau đó tôi sẽ lựa chọn một cái chết xứng đáng với mình hơn, ở một chỗ khác, bằng cách khác, vì những mục đích khác chứ nhất định không chết dưới bàn tay ngu muội của nó. Giá trị lớn của cái chết nằm trong thái độ người ta chọn lựa để chết chứ cái chết tự nó là tiêu cực, huống chi lại chỉ là một cái chết trong lỗ phân

trâu?

Chúng ta ở đây, yên thân đã yên thân rồi. An cư lạc nghiệp cũng an cư lạc nghiệp rồi. Nhưng nếu bàn đến việc cứu nước thì không phải bằng những phương cách chúng ta đang làm, bằng những mộng lớn, mộng nhỏ, bằng "chờ mong phương nọ, ngóng phương này." Gần mười lăm năm tang thương ngẫu lục, bôn tẩu đó đây, chuyện thấy và nghe đã nhiều, lòng người cũng đã tỏ, thế cờ lịch sử cũng đã phơi bày, có lẽ đã đến lúc chúng ta phải nhận chân rằng cái "thế nhân dân" mà từ trước đến nay cộng sản Việt Nam vận dụng vào mọi mưu đồ tà đạo khát máu của họ, quả thật là con đường duy nhất để xây dựng và bảo vệ nền hòa bình tự chủ, tự do, độc lập của Tổ Quốc, như lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh qua bao nhiêu thành quả chống ngoại xâm oai hùng.

Chống Cộng bằng chữ nghĩa suông không hay nữa, vì dễ trở thành lộng ngôn. Chống Cộng bằng những nắm tay dơ cao đả đảo ở một nơi cách xa chúng cả nửa quả địa cầu cũng không ép-phê nữa vì chúng chả hề hấn gì cả. Có lẽ bây giờ người chống Cộng nên nhằm vào yếu điểm của chúng mà phạng.

Cộng sản Việt Nam sợ gì nhất? Sợ phản động. Thực tế, phản động là tập họp được một lực lượng nhân dân nhiều hoặc ít để chống lại chúng.

Hiện nay, nhân dân cả nước đứng về phía chúng ta, liệu rằng có ai trong chúng ta tập họp được họ vào một lực lượng kháng chiến có tổ chức, có lãnh đạo, để xoay chuyển thời cơ không? Thành trì của cách mạng vô sản có những chỗ lung lay, rạn nứt, có ai trong chúng ta nắm được thời thế để nương cơn nước lũ mà chọc thủng phòng tuyến của bọn chúng không?

Cho nên, bây giờ tôi nghĩ khác. Những lá thư kể khổ từ bên này địa cầu bay về không làm cho số người bỏ nước mà đi phải hổ thẹn đâu, những lá thư ấy chính là bản cáo trạng hùng hồn nhất kết tội bọn quỷ đỏ đã làm cho đất nước thân yêu của một dân tộc không còn là nơi dung thân của họ nữa. Những lá thư ấy cũng nói với những người còn ở lại rằng ngoài quê hương ra, không một miền đất nào trên thế giới có thể đem lại cho họ một cuộc sống hạnh phúc như ý họ mong đợi, rằng nếu ai muốn làm được một điều gì cụ thể và hữu ích cho dân tộc, họ nên tìm cách bắt đầu ngay trên quê hương họ. Nếu họ không bắt đầu được từ nơi đó thì cũng chẳng còn bắt đầu được ở bất cứ đâu.

VƯƠNG TIỂU MUỘI

Hạm trưởng Balian, "con dê thế tội!" của ai?

Đại tá hải quân Hoa Kỳ, Alexander G.Balian, hạm trưởng hải vận hạm Dubuque, đã bị tòa án quân sự Mỹ kết án "sơ khoáng nhiệm vụ và không giúp đỡ thích đáng cho người tị nạn."

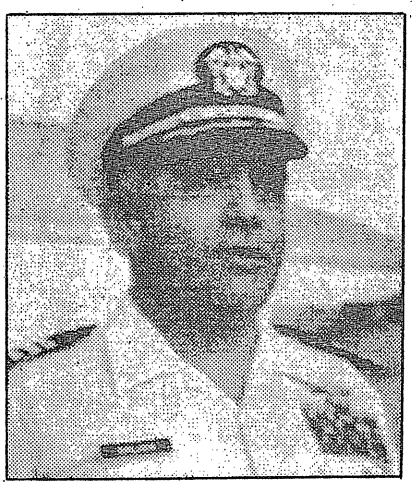

Đại tá hải quân Alexander G. Balian

Ông bị cách chức và bị khiển trách. Tuy không bị phạt tù hay phạt tiền, nhưng đối với một sĩ quan 48 tuổi, chọn binh nghiệp làm lẽ sống, bản án "nhẹ" trên đây cũng đủ làm ông tiêu tan sự nghiệp.

Trả lời phỏng vấn của báo chí, sau phiên tòa, ông Balian nói rằng ông "là một con dê thế tội." Ông không nói rõ "thế tội cho ai," nhưng tiến trình và phong cách của vụ án cho thấy ông Balian thế tội cho "chính sách của Mỹ đối với thuyền nhân tị nạn cộng sản?"

Hải vận hạm Dubuque, gặp một thuyền tị nạn Việt Nam ngày 9 tháng Sáu, 1988, trên Thái Bình Dương. Hạm trưởng Balian giúp các thuyền nhân một số phẩm vật, nước uống, nhưng không vớt người nào lên tàu, vì ông được báo cáo là con thuyền tị nạn đủ sức đi tới Phi Luật Tân trong vài ba ngày.

Thực tế là con thuyền chở 110 người, khởi hành từ Bến Tre vào đầu tháng Sáu đã bị hư máy, hết thức ăn và nước uống. Sau khi gặp tàu Dubuque, thuyền tị nạn còn lênh đênh vô định thêm gần một tháng trước khi được tàu đánh cá Phi Luật Tân cứu. Lúc đó trên tàu chỉ còn sống sót 52 người. Trong số 58 người chết, có năm người bị thuyền nhân đồng hành ăn thịt.

Thông điệp của vụ án Balian, cuối cùng, là gì? Phải chăng là: từ nay tàu hải quân Mỹ (và các tàu khác) thấy thuyền tị nạn hãy tránh xa, để khỏi bị ra tòa và "thân bại danh liệt" như Alexander Balian? Phải chăng là: tiếng chuông cáo chung cho chính sách cứu vớt thuyền nhân tị nạn?

Truyền thông Mỹ và bầu cử Nga: một trận đấu mới?

Trong cuộc bầu cử quốc hội Nga Sô lần này, nhiều ứng viên mang những chức vụ cao cấp đã bị thua phiếu những ứng cử viên kêu gọi thay đổi nhanh chóng hơn trong nước.

Những kết quả thu thập được vào hôm 27-3-89, cho thấy những giới chức cao cấp bị thất cử gồm nhân vật thứ hai trong Đảng Cộng sản Mạc Tư Khoa, lãnh đạo Đảng ở Leningrad, Tư lệnh Hạm đội phía Bắc, Chủ tịch Nhà nước của Cộng hòa Lithuana, Giám đốc Mật vụ KGB ở Estonia và Tổng tư lệnh quân đội Nga ở Đông Bắc.

Ở Mạc Tư Khoa, ứng viên Boris N. Yeltsin, từng bị giải nhiệm chức vụ lãnh tụ Đảng Cộng sản ở thành phố này, đã thắng với 89 phần trăm số phiếu trong cuộc tranh cử với Yevgeny A. Brakov, một ứng viên "nặng ký" do Đảng đưa ra.

Cuộc bầu cử đã mang vào một số lớn các ứng viên tranh cử tự do, cho thấy mầm mống của một cuộc chống đối trên toàn quốc lần đầu tiên kể từ thời kỳ của Lenin đến nay.

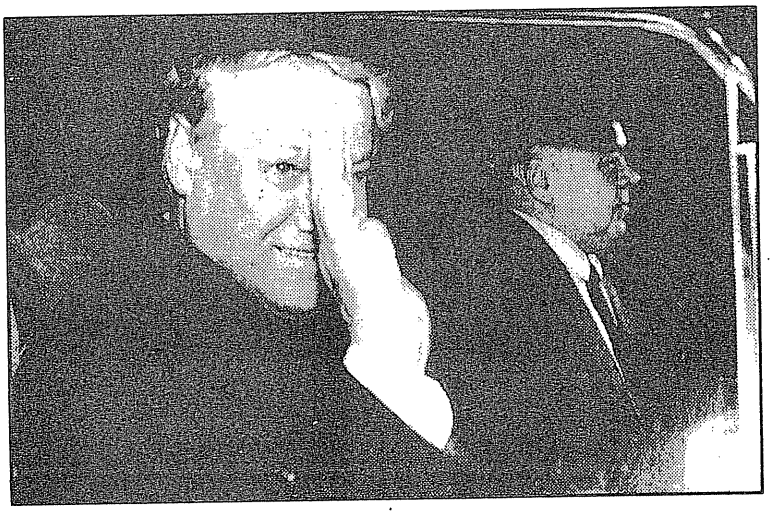

Boris N. Yeltsin vẫy tay chào dân chúng sau khi kết quả phiếu cho biết ông đắc cử

Tuy các kết quả bầu cử không hẳn có nghĩa là Đảng Cộng sản "thua," vì nhiều ứng viên đắc cử là Đảng viên, nhưng hiện tượng này cho thấy sự ủng hộ của dân chúng dành cho hững ứng viên không tán thành chương trình cải tổ kinh tế và chính trị chậm chạp của lãnh tụ Sô Viết Mikhail S. Gorbachev.

Điều đáng chú ý là báo chí phương Tây theo dõi sát sạt, tường thuật chi tiết, và suy diễn "hồ hởi" về vụ bầu cử này-- coi đây là dấu hiệu của "đổi mới tư duy" thực sự cả "thành trì của chủ nghĩa vô sản."

Người có kinh nghiệm về cộng sản thì thấy đây là một màn trình diễn xôm tụ của "triều đại Gorbachev," vì dân Nga vẫn chỉ được chọn lựa giữa những người đã được chọn sẵn, hoặc, như báo chí cho hay, "80% những người đắc cử vẫn là đảng viên Cộng sản."

Người "lạc quan" lại nghĩ rằng dầu sao dân Nga cũng bắt đầu được nếm mùi chọn lựa. Họ sẽ đòi hỏi thêm trong những cuộc bầu cử khác. Và Nga Xô "chạy trời không khỏi nắng" trong vòng quay của bánh xe lịch sử đưa dân Nga ra khỏi chủ nghĩa xã hội. Vả lại, giả thử dân Nga muốn chọn "người khác" trong lúc này, thì "người đó" cũng chưa xuất hiện! Ba Lan có vẻ đã đi trước được một bước, với Lech Walesa và nhóm lãnh tụ Solidarnosc.

Các nhà xã hội học lại phân tích hiện tượng "bầu cử Nga, truyền thông Mỹ" này như một trắc nghiệm lý thuyết "lộng giả thành chân" (self-fullfilling prophecy). Cũng có lý!

Tự do tư tưởng vượt lên trên biểu tượng quốc gia?

Một cái gọi là "triển lãm nghệ thuật" ở trường Mỹ Thuật Chicago đưa ra một "tiết mục" độc đáo: Một kệ gỗ đóng trên tường, bày một cuốn "sổ lưu niệm," với một yết thị mời gọi khách thưởng ngoạn hãy ghi ý kiến, cảm tưởng của mình lên đó. Ngay bên dưới, trên sàn nhà, các "nghệ sĩ" đã trải một lá quốc kỳ Mỹ to bằng cái "chiếu hoa cạp điều."

Muốn ghi ý kiến, cảm tưởng vào sổ, khách phải dẫm lên lá cờ. Các "nghệ sĩ" nói rằng đây là hành động biểu tượng hùng hồn quyền tự do tư tưởng trong một xã hội dân chủ.

Đúng quá đi chứ! Nhưng các "nghệ sĩ" quên rằng, nếu hiến pháp Mỹ khẳng định, ở tu chính án thứ nhất, quyền tự do ngôn luận, thì các luật và lệ của các tiểu bang cũng quy định, "Bất kính đối với quốc kỳ là một tội, có thể phạt tù và phạt tiền."

Dẫm đạp lên biểu tượng quốc gia để phát biểu tư tưởng (mà quốc gia đó lại chấp nhận và bảo vệ tự do tư tưởng)-- người nghệ sĩ cất cánh bay lên đỉnh cao của ý thức, hay sụp hố mâu thuẫn nội tại?

Sách Mới cuả Samuel Beckett chỉ in 200 cuốn

Không phải chờ đợi lâu hơn nữa, những ai thích mua đồ hiếm sẽ có dịp được mua sách mới nhất của văn hào Samuel Beckett với giá tương đối rẻ. Cuốn sách này có tựa là "Stirrings Still," tạm dịch là "Quậy Yên."

Cuốn này hiếm là vì nhà văn 83 tuổi này, người đã từng thắng giải Nobel, hiện chỉ cho in tại Luân Đôn đúng 200 cuốn mà ông sẽ ký tên. Trong vài năm nữa "Quậy Yên" sẽ được tổng phát hành tại thị trường Hoa Kỳ.

Samuel Beckett là tác giả cuốn "Chờ Đợi Godot" (Waiting for Godot). Cuốn sách nhỏ mới của ông, viết về tuổi già, được một phê bình gia nói "lại thêm những câu thiền vô nghĩa của Beckett; tốt nhất là nên đọc lẩm bẩm (cuốn sách đó) thật to."

Đây là một đoạn trong cuốn "Quậy Yên":

Từ xa chuông đồng hồ gõ từng giờ và từng nửa giờ. Cũng như những lần khác Darly đã từng chết và bỏ đi. Những tiếng gõ nghe rõ như được gió mang đến, và gió bây giờ biến vào không khí yên tịnh. Những tiếng khóc la khi mờ ảo khi rõ rệt. Đầu trong tay, nửa hy vọng khi giờ được gõ thì nửa giờ sẽ không, và nửa sợ là giờ sẽ không được gõ như thế. Cũng như thế khi nửa giờ được gõ. Cũng như thế khi những tiếng khóc là một lần lắng xuống. Hay chỉ là thắc mắc. Hoặc chỉ là chờ đợi. Chờ đợi để nghỉ.

một bên nặng, một bên nhẹ

Vụ nhà văn gốc Ấn có quốc tịch Anh, Salman Rushdie, tác giả cuốn sách "The Satanic Verses" (Quỷ Kinh) xúc phạm Hồi giáo, bị giáo quyền Ba Tư lên án tử hình đã gây chấn động trên thế giới. Vì Salman Rushdie là hội viên của Văn bút Quốc tế và hơn nữa việc đốt sách đã xảy ra ngay trên đất Anh nên Văn bút Quốc tế đã đi tiên phong trong việc lên án những hành động xâm phạm quyền tự do sáng tác của các nhà văn.

Được Luân Đôn yêu cầu lên tiếng để hỗ trợ việc lên án đó, Văn bút Việt Nam Hải ngoại từ Paris đã có lời Tuyên bố để tỏ bày quan điểm của một trung tâm của Văn bút Quốc tế. Sự phản đối của Văn bút Việt Nam Hải ngoại đã được phát biểu trong mối tương quan giữa hai quyền tuyệt đối là quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do sáng tác, cả hai quyền đều phải được tôn trọng. Trong thực tế việc hành xử hai quyền ấy không thể không gây ra những rắc rối, đụng chạm. Nhưng trong mọi trường hợp, không thể dùng tới thủ đoạn xâm phạm sinh mạng của người cầm bút để giải quyết những bất đồng ý kiến. Chính cái ý đồ cuồng tín và cực quyền ấy là điều phải lên án thật nghiêm khắc.

Nhưng đồng thời chúng ta cũng nên nhắc cho dư luận quốc tế nhớ lại rằng ở Việt Nam, dưới chế độ cộng sản, việc đốt sách, đàn áp văn nghệ sĩ đã xảy ra từ lâu mà ít ai nói tới. Tuy nhà cầm quyền Việt cộng không tuyên án tử hình ồn ào như Giáo chủ Khomeini, nhưng kết quả của hai hành động đàn áp cũng giống nhau. Rất nhiều người cầm bút Việt Nam đã chết thảm vì bị đàn áp.

Giá mà dư luận quốc tế đừng "một bên nặng, một bên nhẹ" phản ứng mãnh liệt ngay từ cuối thập niên 70 thì có lẽ ngày nay chúng ta còn có Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Hoạt, Vũ Ngọc Các, Dương Hùng Cường, v.v. Hay đặt vấn đề một cách khác: giá mà người Việt ở nước ngoài có sức mạnh về người và của như các tín đồ Hồi giáo Ba Tư thì số phận các văn nghệ sĩ ở trong nước có thể đã đổi khác: Nhưng với chữ "nếu", người ta có thể đi rất xa ...

Thần thiêng nhờ bộ hạ

Tháng trước 163 đại diện quốc gia hoặc chính phủ của 163 nước trên thế giới đã tới Đông Kinh, thủ đô Nhật Bản, để dự lễ an táng Nhật hoàng Hirohito. Quả thật thời thế đã đổi thay. Nếu lùi lại 44 năm về trước, có lẽ những nhân vật quốc tế hàng đầu ấy đặt chân lên đất Phù Tang là để dự phiên tòa treo cổ một "phạm nhân chiến tranh"! Như ở chính Đông Kinh, ở Nuremberg.

Nhưng người Mỹ đã không muốn Nhật hoàng bị đem ra xét xử. Chính Đại tướng Marc Arthur -- người bại tướng tháo chạy trước quân đội của Thiên hoàng nhưng đã trở lại để chuyển bại thành thắng và ra lệnh cho Nhật hoàng phải đầu hàng -- lại là người đã cứu sống cựu địch thủ của mình. Và hơn 40 năm qua, Nhật hoàng đã là biểu tượng sống của một dân tộc đầy bản lĩnh, từ thân phận những kẻ chiến bại đã ngang nhiên bước lên đài danh vọng của một cường quốc bực nhất trên hoàn vũ. Người ta bàn tán rằng những quốc khách của Nhật Bản tới Đông Kinh, không phải để nghiêng mình trước di hài củaNhật hoàng mà là trước đồng "yen"!

Dẫu sao, Nhật hoàng cũng là một biểu tượng, và người Nhật không phải là những người quá lạc hậu đến nỗi không theo kịp đà "tiến bộ" của "loài người tiến bộ" để lập một chế độ "dân chủ cộng hòa". Nhưng điều đáng nói có lẽ ở điểm không phải "chế độ" mà "con người" mới là yếu tố quyết định. Có một chế độ được tô vẽ như "vô địch," "hơn hẳn" các chế độ khác mà những con người điều khiển chế độ lại gian ác, lạc hậu, tham nhũng cửa quyền thì thắng cũng thành bại. Còn ở trên ngôi "vua" tuy chỉ làm hư vị nhưng có quần thần lỗi lạc thì bại cũng thành thắng.

Quá nhiều bài học cho người Việt ở hải ngoại

Trong lịch sử gần năm nghìn năm của mình, chưa bao giờ người Việt Nam lại có nhiều cơ hội học hỏi như hiện nay. Hàng triệu người, già trẻ lớn bé, nam cũng như nữ, đều có thể học dưới mọi hình thức, học đủ thứ. Học tại các nhà trường, kể cả các đại học đường, học bằng nhận xét hàng ngày, học ngay trong việc mưu sinh, học qua các chương trình thính thị v.v. Học cả cái hay lẫn cái dở. Và phần đông người Việt đã nổi tiếng là thông minh, có nhiều khả năng thích ứng với hoàn cảnh mới.

Nhưng về mặt tranh đấu để giải phóng đồng bào ở trong nước, việc học hỏi của người Việt ở nước ngoài xem chừng không mấy xuất sắc.

Thật vậy, ở khắp mọi nơi ta đều tiến bước rầm rộ. Angola, A Phú Hãn, Nicaragua, thậm chí Căm Pu Chia đều đang có cơ ra thoát đường hầm. Kháng chiến quân A Phú Hãn nay đang xiết vòng vây thủ đô Kabul, như Việt Cộng vây Sàigòn 14 năm trước đây.

Ở Ba Lan, nghiệp đoàn tự do Solidarnose đã buộc chính quyền độc đảng Jaruzelski phải công nhận pháp nhân, sau bảy năm đàn áp hung bạo. Ngay trong lòng các chế độ cộng sản của Hung Gia Lợi, Nga những cơ cấu đầu tiên của một chính thể đa nguyên đã ra đời.

Nhưng bài học đáng ghi nhớ có lẽ chỉ có thể là: nếu đi thì sẽ tới. Dĩ nhiên đi để tranh đấu không phải là đi "píc níc". Biết bao nhiêu người đã gục ngã trước súng đạn của bạo quyền cộng sản. Biết bao nhiêu người đã phải chịu tù đày. Nhưng họ đều lớn lên sau những cuộc thử thách đầy hiểm nghèo đó. Và

họ đang sắp tới đích. Để tìm một thí dụ linh động: nếu họ là người Việt Nam thì hiện nay họ đã tiến về tới Thủ Đức, Tây Ninh, Bình Tuy, v.v. và hiện diện ngay tại Sàigòn. Nhưng đó chỉ là một cách ví von mà thôi ...

Khai quật rạp hát Rose, nơi Shakespeare từng là diễn viên

Các nhà khảo cổ học Anh Quốc đã vừa khai quật đúng một địa điểm trước kia từng là rạp hát Rose (Rose Theater), xây dựng gần bên bờ sông London, nơi cách đây gần 4 thế kỷ-- hay cụ thể hơn là vào năm 1592-- diễn viên, mà sau này trở thành đại văn hào, William Shakespeare, đã xuất hiện trong buổi biểu diễn đầu tiên.

Nhiều diễn viên Anh Quốc cũng đã theo chân đoàn khảo cổ học này, trong đó có nam nghệ sĩ Ian McKellen, đã phát biểu như sau:

"Các sự thắc mắc, đoán mò từ nhiều thế kỷ nay, nay đã được giải bày một cách cụ thể. Chúng tôi giờ đây đã tìm thấy một rạp hát tiêu biểu của thời Nữ Hoàng Elizabeth (Đệ Nhất), trong khi trước đây chỉ mường tượng được một cách mù mờ, bởi vì sau khi Oliver Cromwell ra lệnh đóng cửa các rạp hát này vào năm 1642, thì bụi thời gian đã lần lần phủ lấp kín đi cả."

Con đường nhỏ giờ đây vẫn mang tên Rose Alley, chính là để ghi lại dấu vết một lối mòn xưa dẫn đến rạp hát này cách nay gần 400 năm, sau khi nó bị phá hủy luôn. Con đường này cũng không xa cây cầu Southwark bao nhiêu, bên bờ sông Thames.

Cùng đi với nghệ sĩ McKellen là 17 nghệ sĩ khác nữa, cùng có chân trong Hội các nghệ sĩ chuyên diễn các vở kịch của Shakespeare, và luôn muốn làm sống lại các tác phẩm cũng như thời đại của đại văn hào này.

Nay họ muốn nhân cơ hội tìm lại được các di tích của rạp hát Rose, để từ đó lần lượt phục hồi lại một cách cụ thể các mảng đời của Shakespeare.

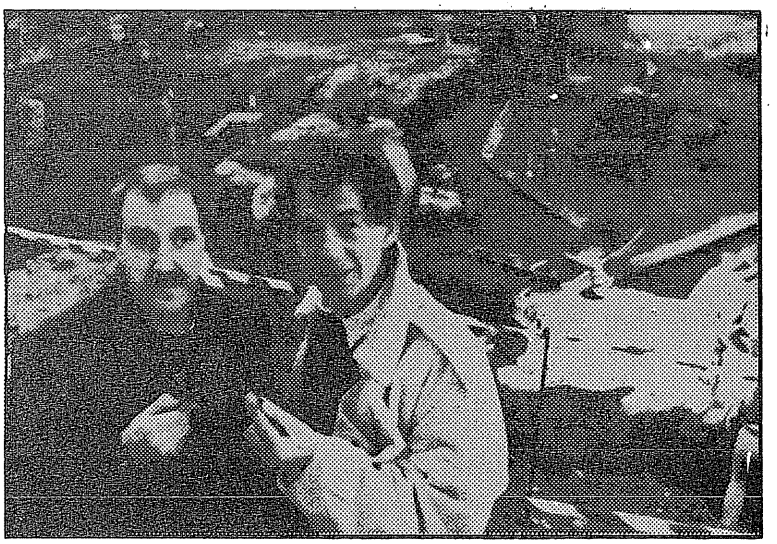

Các nghệ sĩ Gordan Kaye (trái) và Ian McKellen đang cầm các di vật từ thời Shakespeare vừa được khai quật thấy.

Một trong những kịch sĩ của nhóm, Roger Rees, nhìn nhận:

"Khi tôi đến nơi khai quật, thì tôi không thể nào ngờ được rằng, chính ở địa điểm đó, đã là nơi xây cất rạp hát thương mại (phải mua vé vào xem) đầu tiên của vùng London."

Cách mặt đất hiện nay khoảng hơn thước rưỡi, các nhà khảo cổ học đã khai quật được các nền móng của rạp hát Rose xưa kia, cũng như những mảng tường bằng phẳng và chắc chắn, mà người ta dự đoán rằng, có thể là sân khấu cũ, nay bị vùi lấp dưới hàng chục tấn đất qua mấy thế kỷ rồi.

Cuộc khai quật còn tìm thấy nhiều đống vỏ trái phỉ (Hazelnut), mà thời đó các khán giả thường mua ăn, trong khi ngồi thưởng thức kịch. Người ta còn tìm thấy nhiều ống điếu bằng đất nung, mà nhà khoảng cổ học Patricia Price đã giải thuyết như sau:

"Vào những năm 1580, khi thuốc lá lần đầu tiên được nhập cảng vào Anh quốc, các giới nam nhi đua nhau tập hút, như là một phong trào, trong khi giá bán thuốc lá cũng còn hết sức là đắt!"

Vẫn theo nhà nữ khảo cổ học Patricia Price thì, qua các đợt và vùng khai quật khác nhau ở cùng khu vực này, thì các đồng nghiệp của bà đã lần lượt tìm được nhiều loại mảnh gốm khác nhau từ các chén, bình... một bộ uốn tóc giả, các mảnh xương cừu, vỏ sò... và đủ thứ linh tinh khác, cho thấy rằng, thời đó rạp hát chưa có những người phụ trách dọn dẹp vệ sinh, mà cứ để chất đống xung quanh rạp mà thôi!

Theo các tài liệu lịch sử còn để lại, thì dọc theo bờ sông Thames này, còn ít nhất ba rạp hát khác đã được xây dưới thời Elizabeth và đầu thời kỳ Stuart, nhưng nay chẳng còn dấu vết chi cả, đó là các rạp "Globe," "Swan," và "Hope," đều được xây gần rạp hát Rose, mà các nhà nghiên cứu cho rằng, nó đã được xây xong ít nhất là vào năm 1587.

Rạp "Globe" được coi là sang trọng và nổi tiếng hơn cả, vì các vở kịch sau này của Shakespeare đều được diễn ra mắt tại rạp này, với các khách mời xem đầy uy nghi và nổi danh.

Khánh thành trung tâm văn hóa "Tòa nhà của lý tưởng Châu Mỹ La Tinh" ở Brazil

Một trung tâm văn hóa từng gây nên nhiều cuộc tranh cãi tại Brazil vừa được chính thức khánh thành tại Sao Paulo, Brazil.

Trung tâm văn hóa này, đã được hoàn tất với ngân khoản 40 triệu Mỹ kim, được đặt tên là "Tòa nhà của lý tưởng Châu

Mỹ La Tinh", gồm sáu tòa lớn, trong đó có tòa được xây dựng không khác gì một nhà để máy bay, tất cả đều được sơn trắng toát.

Trung tâm văn hóa đồ sộ này được xây dựng theo họa đồ của kiến trúc sư nổi tiếng Oscar Niemeyer, người từng vẽ kiểu thành phố Brasilia, thủ đô Brazil, đã được xây dựng từ giữa rừng già Amazon.

Trung tâm văn hóa này, chính là "con đẻ" của thống đốc tiểu bang Sao Paulo, ông Orestes Quercia, người luôn chủ trương phải đưa dân tộc Brazil nói tiếng Bồ Đào Nha sáp lại gần hơn, kể cả hòa nhập với cộng đồng các nước lân bang của vùng Nam Mỹ, nói tiếng Tây Ban Nha.

Một trong những tòa nhà của trung tâm văn hóa này, được sử dụng như là một Viện Bảo Tàng cho toàn vùng Nam Mỹ, vì không những trưng bầy các hiện vật lịch sử của Brazil, mà cả những hiện vật cổ của toàn vùng Nam Mỹ. Nơi đây cũng có cả một thư viện lớn lao, chứa đựng các bộ sách nói về lịch sử và tư tưởng của vùng Châu Mỹ La Tinh từ trước đến nay.

Trung tâm này gây nên nhiều cuộc tranh cãi tại Brazil, vì nó được xây dựng quá tốn kém, giữa một tình trạng kinh tế bi đát của đất nước.

Người Nga giờ đây cũng bắt đầu được đọc Solzhenitsyn

Một tạp chí ít được chú ý tại Nga Sô, vừa kín đáo phá vỡ lệnh cấm đăng tải tác phẩm của một trong những nhà văn bị cấm kỵ nhất tại nước này, từ bấy lâu nay.

Đó là tác phẩm của nhà văn Alexander Solzhenitsyn, hiện sống lưu vong tại Hoa Kỳ.

Tạp chí này có tên là "Thế Kỷ 20 và Hòa Bình" ra hàng tháng, và là cơ quan ngôn luận chính thức của Ủy Ban Hòa Bình Nga Sô, đã cho đăng lại tiểu luận ngắn của nhà văn Solzhenitsyn, từng được viết từ năm 1974, và có tựa đề "Đừng sống bằng giả dối!"

Các quan sát viên văn học của Tây phương cho rằng, đây là tạp chí đầu tiên của Nga Sô đã dám phổ biến một bài viết của Solzhenitsyn, tính từ thập niên 1960 đến nay.

Nhà văn Nguyễn Xuân Quang ra mắt "Những Mảnh Đời Tị Nạn" tại Cali

Trưa Chủ Nhật 19 tháng Ba, 89 nhà văn Nguyễn Xuân Quang đã tổ chức buổi ra mắt tác phẩm *Những Mảnh Đời Tị Nạn* của ông tại nhà hàng Bamboo Garden, California.

Rất đông đảo văn nghệ sĩ tại quận Cam đã có mặt trong buổi ra mắt sách của nhà văn bác sĩ quen thuộc này.

Nhà văn Mai Thảo, người chủ trương tạp chí Văn, giới thiệu chương trình. Đóng góp trong buổi ra mắt sách, ngoài Mai Thảo còn có tài tử Kiều Chinh, triết gia Phạm Công Thiện, giáo sư Trần Ngọc Ninh, và nhiều văn nghệ sĩ quen thuộc ...

Trong dịp này bà Nguyễn Xuân Quang đã mở đầu chương trình văn nghệ bằng một tiếng hát "hay" bất ngờ. Và nhà văn Nguyễn Xuân Quang cho thấy một khía cạnh khác của ông: thi sĩ Nguyễn Xuân Quang. Các danh ca Thái Thanh, Lệ Thu, Khánh Ly, và ban hợp ca Thùy Dương đã làm cho sinh hoạt vui hẳn lên.

Được biết bác sĩ Nguyễn Xuân Quang hiện nay là giảng sư đại học Y khoa UCI chuyên về thận.

Nhà văn Duyên Anh được Pháp trao giải Prix de la Liberté

Tin điện nhận được từ Paris cho biết sau khi nhà xuất bản Belfond cho ra mắt cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Pháp của Duyên Anh "La Colline de Fanta", Hàn Lâm Viện Pháp đã quyết định trao tặng giải *Prix de la Liberté* cho tác giả.

Prix de la Liberté là giải thưởng dành cho những người dùng ngòi bút để tranh đấu cho dân tộc, cho tự do của quê hương mình.

Được biết, sau gần 11 tháng kể từ lúc bị hành hung ở Cali, tình trạng sức khoẻ của Duyên Anh đã hồi phục khá mau.

Duyên Anh hiện ở trong giai đoạn dưỡng bệnh và tập luyện. Ông đã có thể bước đi chậm chạp, không cần gậy, không cần ai đỡ. Cánh tay phải của ông cũng đã giơ lên cao được, nhưng khuỷu tay và cườm tay chưa thể điều khiển được như ý muốn; vì thế ông chưa thể viết lại được.

Đó là trở ngại lớn cho một người viết văn vẫn thường tự hào về khả năng "nghĩ nhanh, viết vội" của mình. (Vũ Trung Hình/Pasadena)

Qua Các Tiệm Sách

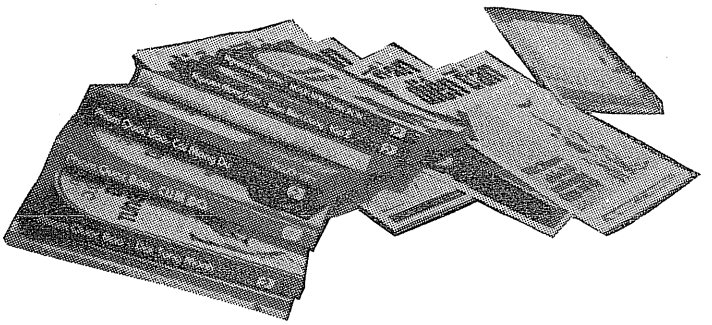

Tối thứ Năm tại quán ăn đường Fifth

Tập truyện Nguyễn Ý Thuần. Văn Nghệ xuất bản tại Cali năm 1989. Bài tựa của Nguyễn Mộng Giác. Sách gồm 12 truyện ngắn. Dày 220 trang. Giá mỗi tập $10.00MK.

Tập truyện của một người viết đang ở thời kỳ sung sức, chọn lọc trong gần một trăm truyện ngắn đã sáng tác. Chúng tôi sẽ có bài điểm sách về tập truyện này.

Độc giả muốn có sách xin liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683, USA.
15551 S. Pasadena Avenue #A
Tustin, CA 92680
Ngân và chi phiếu xin đề: Văn Nghệ.

Tâm Dung

Tập thơ Nguyễn Tất Nhiên. Người Việt xuất bản năm 1989. Bìa và trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp, chân dung tốc họa: Võ Đình, phụ bản: Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Ruth Talovich, Nguyễn Trọng Khôi Sách gồm 19 bài thơ, và bài thay lời tựa của tác giả dày 65 trang. Giá $7.00 MK.

Tập thơ cho một cái nhìn khác về Nguyễn Tất Nhiên, với đề tài và suy nghĩ khác hơn 6 tập thơ đã xuất bản.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất Bản Người Việt
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA.

Cây Gậy Làm Mưa

Tập truyện Đỗ Kh.. Tân Thư xuất bản. Bạt Vũ Huy Quang. Bìa: Đỗ Kh. và Khánh Trường, ảnh tác giả: Nguyễn Hoàng Nam, trình bày: Phạm Việt Cường và Cao Xuân Huy. Sách dày 292 trang. Giá $12.00 MK.

Tập truyện là một bông hoa lạ trong vườn hoa văn nghệ Việt Nam hải ngoại. Đã có bài điểm sách và giới thiệu của Bùi Bảo Trúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Trúc Giang... về tập truyện này.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ (địa chỉ ở trên) tổng phát hành.

Tháng Ba Gãy Súng

Hồi ký Cao Xuân Huy. Tái bản lần thứ ba do nhà xuất bản Việt Nam, 1989. Tựa của chính tác giả và Bạt của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Sách dày 184 trang. Giá mỗi tập $9.00 MK.

Hồi ký được coi như là có giá trị lịch sử và văn học của một người lính ở tuyến đầu với sự trung thực và thẳng thắn của nó. Cuốn sách là một bằng chứng về sự chiến đấu anh dũng của quân lực VNCH.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Việt Nam
9581-9583 Bolsa Avenue
Westminster CA 92683

Tay Che Thời Tiết

Truyện dài Túy Hồng. Xuân Thu xuất bản. Sách dày 172 trang. Đề giá $8.00 MK.

Truyện dài của một cây bút nữ với văn phong và cá tính riêng biệt biểu lộ đời sống lúc khép kín, lúc bùng vỡ của một người Huế chính gốc. Tác phẩm của chặng đường sáng tác tiếp theo thời kỳ 1975 ở quê nhà.

Địa chỉ liên lạc: Xuân Thu
P.O.Box 97
Los Alamitos, CA 90720
(213) 493-5605

Ăn Uống và Sức Khoẻ

Tập sách viết về cách phòng bệnh và trị bệnh của cụ Hà Dương Bưu. Sách tái bản lần thứ nhất, tháng Ba, 1989. Dày 144 trang. Không đề giá bán.

Biên khảo viết về cách dinh dưỡng với nhiều chi tiết mới phối hợp Đông và Tây Y. Tập sách của những người quan tâm đến sức khỏe của mình.

Đi Tìm

Tập thơ Kha Huyền. Gồm 32 bài thơ. Trình bày Trần Nhi, hình bìa và phụ bản Hoàng Quốc Hùng. Dày 94 trang. Giá $5.00 MK. Thư từ liên lạc:
Kha Huyền
2158 Flintridge Ct.
Thousand Oaks, CA 91362

Của Một Niềm Đau Trái Ngược

Tập truyện Nguyễn Thụy Minh Ngữ. 29 truyện ngắn và bài thay lời tựa. Bìa và tranh phụ bản Khánh Trường, trình bày Lê Giang Trần. Sách dày 305 trang. Giá $14.00 MK.

Thư từ liên lạc:
Tòa soạn Tiểu Thuyết Tuần San
9361 Bolsa Avenue #207
Westminster, CA 92683 USA
Tel: 714-839-5144
hay nhà xuất bản Đại Nam
P.O.Box 4279
Glendale, CA 91202

Những Mảnh Đời Tị Nạn

Tập truyện Nguyễn Xuân Quang. Nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành. Sách dày 240 trang, đề giá 9MK.

Reflections on our Vietnamese Homeland

Tập viết ngắn bằng Anh ngữ của Kiêm Thêm. Dày 73 trang giấy tốt. Đề giá $10.00 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc:
TH Publishing, Inc.
5904 Monterey Road
Los Angeles, CA 90042

A Vagabond Returns to Hue

Thơ Anh ngữ của Kiêm Thêm. Gồm 22 bài và bài giới thiệu của Bùi Bảo Trúc và Nguyên Sa. Bốn phụ bản tranh của Nguyên Khai, 60 trang giấy tốt. TH xuất bản. Không đề giá bán.

Muốn có, xin liên lạc theo địa chỉ TH Publishing, Inc. ở trên.

Thơ cù nèo

Thơ Cù Nèo của Nam Man, do Việt Luận (Úc) xuất bản, 1989.

Đây là một tuyển tập, 144 trang, hơn 100 bài thơ trào phúng, châm biếm, trong dòng thơ *chua*, thơ *den*, thơ *ngang* của Việt Nam.

Ở hải ngoại, chỉ gần đây mới xuất hiện tập *Thơ Giập Mật* của Lưu Đình Vong (Người Việt xuất bản, 1988). Nay *Thơ Cù Nèo* của Nam Man góp thêm một nét dí dỏm, duyên dáng vào sinh hoạt văn học lưu vong.

Đặc biệt, như lời *Tựa* của Hà Thúc Sinh ở những trang đầu của *Thơ Cù Nèo*, Nam Man rất "nghiêm cẩn" trong hình thức cũng như nội dung thơ ông: niêm luật phân minh, lời thơ không "bẩn", và chất đầy lòng nhân ái.

Liên lạc: Việt Luận P.O.Box 592, Bankstown, NSW 2200, Australia.

Thương nàng bấy nhiêu

Thương Nàng Bấy Nhiêu, tập truyện của Kiệt Tấn

Sau Nụ Cười Tre Trúc, Kiệt Tấn thừa thắng xông lên, đưa bản thảo mới cho nhà xuất bản Người Việt. Đây là một tập truyện dí dỏm tinh nghịch và rất nhạy cảm, rất "Kiệt Tấn".

Sách dày 222 trang, đề giá 12 MK. Thư từ, ngân phiếu, và chi phiếu xin đề:

Người Việt
14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
Tel (714) 892-9414

Sa mạc

Tác phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng viết về cuộc sống của một người lưu vong trên đất Mỹ.

Sách dày gần 300 trang, do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành. Đề giá 10 MK.

Địa chỉ liên lạc: Xuân Thu
P.O.Box 97
Los Alamitos, CA 90720
(213) 493-5605

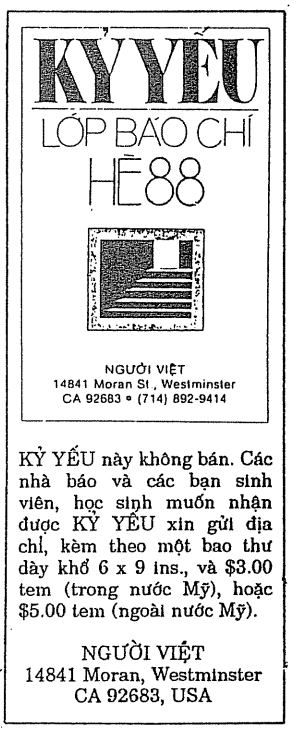

KỶ YẾU này không bán. Các nhà báo và các bạn sinh viên, học sinh muốn nhận được KỶ YẾU xin gửi địa chỉ, kèm theo một bao thư dày khổ 6 x 9 ins., và $3.00 tem (trong nước Mỹ), hoặc $5.00 tem (ngoài nước Mỹ).

NGƯỜI VIỆT
14841 Moran, Westminster
CA 92683, USA

111 NĂM

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Cuối thế kỷ này mẹ mới lên ba.

(Phạm Duy, *Rong Ca*)

Hình ảnh người mẹ trong "thơ" Phạm Duy (tác giả *Ngàn Lời Ca*) được ông trau chuốt, nâng niu, hóa thân có lẽ còn hơn hình ảnh người tình. Từ một *bà mẹ Gio Linh* cụ thể, cá biệt, ông trừu tượng hóa bước một thành "bà mẹ chiến sĩ" trong kháng chiến chống Pháp. Bước hai, mẹ là cả đất nước, dân tộc trong trường ca *Mẹ Việt Nam*. Lên một bước nữa, *Rong Ca* mới đây biến mẹ thành nhân loại trong chiều rộng của lịch sử, với cái nhìn thâu gọn chiều dài hàng thiên niên kỷ vào một tuổi tôi.

Cuối thế kỷ này mẹ mới lên ba.

Nhưng, tại sao lại *mới lên ba* nhỉ? Có lẽ nhạc sĩ họ Phạm chỉ dùng cụm từ *lên ba* với hàm ý *trẻ thơ* -- chứ không nhất thiết là ba tuổi (tuổi của người tính từng năm, tuổi của *loài người* tính từng ngàn năm?)

Hiện các nhà khoa học vẫn còn "bàn cãi" về tuổi thực của loài người. Có lúc những tranh luận sa vào phạm trù triết học, có lúc đụng vào lý thuyết tôn giáo, và thường khi đầy ẩn ý chính trị. Nhưng nhiều thành tựu của khoa khảo cổ học và nhân chủng học cho thấy loài người -- nếu tính tuổi bằng thiên niên kỷ -- cũng đã "lên" hơn năm ngàn tuổi rồi (khoảng 5,500,000 năm).

Mẹ Việt Nam, nếu hiểu như một thành phần của loài người, cũng đã "lên năm ngàn;" nếu hiểu như một dân tộc ra đời từ ngày đất nước được xác lập, thì mẹ cũng đã "lên năm" (năm ngàn năm văn hiến).

*

Không ai thắc mắc gì về *nghĩa* của những *chữ* thiên niên kỷ (một ngàn năm), thế kỷ (một trăm năm), và thập kỷ, hay thập niên (mười năm).

Nhưng người ta chưa đồng nhất quan điểm (hay đúng ra, không quan tâm tới) mức khởi đầu và mức chấm dứt của những chặng thời gian 10, 100, 1000 năm.

Chúng ta đang ở mùa Xuân năm 1989.

Đây là năm cuối của thập niên 80. Vậy thập niên bắt đầu từ số 0 đến số 9.

Còn thế kỷ? Bắt đầu từ số 0 đến 99 thì thế kỷ thứ nhất của kỷ nguyên Thiên Chúa bắt đầu vào năm nào? Đâu có năm "xi dô" nào ghi trong lịch sử?

Vậy thế kỷ thứ nhất tính từ năm 1 đến năm 100. Thế kỷ thứ hai phải bắt đầu từ năm 101 và chấm dứt ở năm 200.

Thế kỷ 20 bắt đầu năm 1901 và chấm dứt (ngày 31 tháng 12) năm 2,000. Thế kỷ 21 phải được tính từ 0 giờ ngày 1 tháng 1 năm 2001, đến 12 giờ đêm 31 tháng 12 năm 2100.

*

Tạp chí *Thế Kỷ 21* ra mắt vào mùa Xuân năm 1989 -- còn 12 năm nữa mới hết thế kỷ 20. Sớm quá chăng?

Chẳng phải là những nhà *tương lai học* (như Arthur Koestler, Herman Kahn, Alvin Toffler, ...) mới bàn tới chuyện tương lai.

Sử gia Phạm Cao Dương còn đi xa hơn các tác giả cuốn *2001* tới chín năm, khi ông viết về những dự phóng cho dân tộc Việt Nam vào năm 2010 (giai phẩm *Người Việt* Xuân Kỷ Tỵ).

Nhưng có một bạn trẻ cắc cớ hỏi: "Báo *Thế Kỷ 21* dự trù sống tối đa 111 năm -- từ 1989 đến 2100 -- thôi sao?"

Biết đâu chừng!

Quà tặng con em chúng ta, thế hệ thứ hai ở hải ngoại

Ba tác phẩm viết bằng Anh Ngữ
của KIÊM THÊM

Đã phát hành:

1. VIETNAMESE COMMUNITY OVERSEAS

Khảo luận Giá $ 10

2. REFLECTIONS ON OUR VIETNAMESE HOMELAND

Tùy bút Giá $ 10

3. A VAGABOND RETURNS TO HUE

Thơ Giá $10

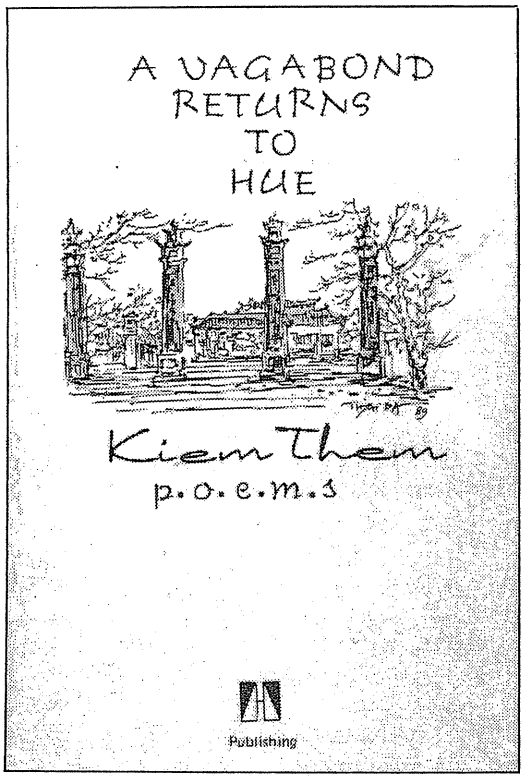

T.H. Publishing

5904 Monterey Rd, Los Angeles, CA 90042

Nhà Xuất Bản XUÂN THU
hân hạnh giới thiệu *Tủ Sách Huyền Môn:*

Á CHÂU HUYỀN BÍ

La Vie des Maitres của Baird T. Spalding
do Nguyễn Hữu Kiệt dịch thuật.

■ Tác giả quyển sách này, ông Baird T. Spalding, sinh trưởng tại Anh Quốc trong một gia đình đã từng giao thương với xứ Ấn Độ từ ba thế kỷ. Ông được đem qua Ấn Độ từ năm lên bốn tuổi và từ thuở ấu thơ, ông đã từng thích thú với những vấn đề Đạo Giáo vốn rất thịnh hành ở xứ này.

■ Chính vào năm 1894, khi ông được 37 tuổi là thời kỳ ông tham gia cuộc hành trình lý thú đến tận trung tâm của *Á Châu Huyền Bí*, tại đây ông đã có duyên lành hội ngộ với các bậc Siêu Nhân và sống chung với các Ngài trong một thời gian mà ông tường thuật trong quyển sách này.

■ Việc này chứng tỏ rằng các đấng Chân Sư đang sống lẫn lộn với người thế gian và đang hoạt động không ngừng để giúp đỡ Nhân Loại. Sau đó ông định cư tại Hoa Kỳ, và trong một thời gian rất lâu ông vẫn do dự không dám đem phổ biến câu chuyện huyền bí này. Đến khi ông quyết định xuất bản thì quyển sách này được tái bản liên tiếp, hàng mấy trăm ngàn quyển đã được phát hành và đem đến một sự trợ giúp tâm linh rất lớn cho nhiều độc giả trên thế giới. Một quyển sách độc đáo trong *Tủ Sách Huyền Môn* do Nguyễn Hữu Kiệt dịch thuật.

Đón mua trọn bộ *Tủ Sách Huyền Môn* do Nguyễn Hữu Kiệt dịch:
1. Những Bí Ẩn Của Cuộc Đời — 2. Đông Phương Huyền Bí — 3. Ai Cập Huyền Bí — 4. Xứ Phật Huyền Bí — 5. Tây Tạng Huyền Bí — 6. Á Châu Huyền Bí.

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

Đón đọc

VIỆT NAM NHÂN CHỨNG
(1945—1975)

Hồi ký của *Trần Văn Đôn*

Đón đọc *VIỆT NAM NHÂN CHỨNG* để biết:

- *Những bí ẩn về vua Duy Tân với sự ủng hộ của Thủ Tướng Pháp De Gaulle trên đường về Việt Nam, sau Thế Chiến Thứ Hai,*
- *Những bí ẩn về cuộc tiếp xúc giữa ông Ngô Đình Nhu, cố vấn chánh trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Phạm Hùng, người lãnh đạo cuộc tấn chiếm miền Nam Việt Nam của Cộng Sản,*
- *Những bí ẩn về cuộc tranh chấp của các Tướng Lãnh sau ngày chánh biến 1-11-1963, chỉnh lý 30-1-1964, và tham vọng của các Tướng Nguyễn Khánh và Trần Thiện Khiêm,*

■ Tất cả đã được kể lại với những bằng chứng cụ thể qua ngòi bút chân thành của ông *Trần Văn Đôn*, nguyên Trung Tướng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, nguyên Nghị Sĩ Thượng Viện Quốc Hội Đệ Nhị Cộng Hòa, một người đã từng tham gia và chứng kiến nhiều biến cố lịch sử cận đại từ 1945 đến năm 1975.

■ Đọc *VIỆT NAM NHÂN CHỨNG* để sống lại từng ngày của một giai đoạn lịch sử, để hiểu rõ hơn tại sao lịch sử lại xảy ra như thế, và để rút tỉa bài học lịch sử cho tương lai.

do Nhà Xuất Bản **Xuân Thu** ấn loát và phát hành

NHÌN LẠI NHỮNG BẾN BỜ
(cuốn thứ nhất)
NHÀ VĂN, NHÀ BÁO TÀI TỬ

Bằng hơi văn của *Trường cũ, Ngày xưa còn bé, Ác tiểu thư, Nhà tôi*, Duyên Anh kể cho độc giả nghe giấc mộng nhà văn, nhà thơ, nhà báo của ông ở tuổi học trò. Những ai đã là thầy dạy ông viết văn, viết báo? Ấu thời hẩm hiu của ông và tháng ngày thân lập thân, tử chiến sĩ cách mạng Duy Dân đến anh bán thuốc Sơn đông, quảng cáo gánh hát cải lương lưu diễn, thợ xẻ gỗ đóng quan tài, thầy đờn, cậu giáo kèm trẻ tư gia, "giáo sư" trung học có phải là kinh nghiệm sống, là chất liệu cấu trúc tiểu thuyết của Duyên Anh? Cuộc đời và những bí ẩn của nó được Duyên Anh phô diễn khi buồn cười vỡ bụng, lúc phẫn nộ sôi máu. Luôn luôn chân thành, giản dị, thiết tha đằm thắm.

Độc giả sẽ hiểu làm thế nào để trở thành nhà văn? Làm thế nào cậu bé Vũ Mộng Long thất học trở thành nhà văn Duyên Anh? Và tại sao Duyên Anh chở chất trong tâm hồn nhiều ẩn ức, bất mãn? Ở tác phẩm hồi ký này, Duyên Anh ghi lại những bến bờ văn học 1950-1954 và 1954-1964. Ông tâm sự rất nhiều với những người viết mới hôm nay, với những người yêu văn chương và thích làm văn chương về kinh nghiệm sống, kinh nghiệm làm thơ, viết truyện ngắn của ông. Là tác giả đã có 70 tác phẩm xuất bản bằng tiếng Việt (phá kỷ lục các nhà văn Việt Nam viết nhiều nhất từ khi có nền văn chương quốc ngữ), Duyên Anh vẫn không ngừng sáng tác. Ông cứ nghĩ ngày mai ông chết nên hôm nay phải viết nhiều. Do đó ông làm việc hơn cả công chức, mỗi ngày 10 tiếng đồng hồ cặm cụi viết trung bình 20 trang sách in. Sự phấn đấu cô đơn của ông đã đưa ông lên hàng nhà văn quốc tế. Duyên Anh đã ký giao kèo viết liên tiếp 6 cuốn tiểu thuyết cho nhà Belfond Paris, một trong ba nhà xuất bản lớn nhất Âu châu. Belfond đã xuất bản *Un Russe à Saigon, La colline de Fanta* của Duyên Anh. Cuốn sau, Belfond ký thêm giao kèo phóng tác điện ảnh. Nhà xuất bản Caux Thụy Sĩ, hợp tác với nhà Ouverture chuyên ấn hành thi ca đã xuất bản thi phẩm *Poèmes de prison* của Duyên Anh. Bước chân của Duyên Anh đã đi xa khỏi nước Pháp.

Trong *Nhìn lại những bến bờ*, cuốn thứ nhất, độc giả sẽ tìm lại Duyên Anh 33 năm trước để cảm thông Duyên Anh 33 năm sau. Và sẽ quán triệt một hành lý thống khổ cần thiết cho một nhà văn như thế nào. Hồi ký này đông đầy tư tưởng sống, tư tưởng viết, thái độ sống, thái độ viết.

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU
PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 U.S.A.
(213) 430-3828 & 430-5115

xuất bản và phát hành

Việt Nam Máu Lửa

của *Nghiêm Kế Tổ*

Việt Nam Máu Lửa không phải là một cuốn sử vì Việt Nam Máu Lửa còn khiếm sót nhiều trong những phạm vi: cách mạng sử liệu, vấn đề thời gian, nhân vật, sự sống và sự hoạt động của nhân dân, sinh hoạt kinh tế, chính trị v.v...

Việt Nam Máu Lửa cũng không phải là một cuốn phiếm luận vẩn vơ vô căn cứ vì Việt Nam Máu Lửa đã chứa đựng một số tháng ngày đứng đắn, một số nhân vật đang chiến đấu cho giải đất thân yêu của chúng ta, một số tài liệu tuy ít ỏi nhưng vô cùng xác thực.

Chúng tôi có thể nói rằng đó là những tài liệu sống và quý giá mà chúng tôi đã may mắn sưu tầm được để đem ra cống hiến. Có thể rằng, một số người thiên kiến sẽ lên án tác giả là đã trình bày xuyên tạc, nhưng dù sao, sự thực vẫn là sự thực, và ở đây tác giả chỉ biết trình bày những điều mắt thấy tai nghe để rồi mỗi độc giả sẽ tự nhận định và suy xét theo lập trường, quan niệm của mình.

Ước mong rằng *VIỆT NAM MÁU LỬA* sẽ đem đến cho các bạn độc giả một chút gì mới lạ trong quan niệm về cuộc chiến tranh đang diễn biến trên giải đất yêu dấu của chúng ta.

XUÂN THU
P. O. Box 97
Los Alamitos CA 90720

TẠI CALIFORNIA

MỖI NGÀY CÓ 1,607 TAI NẠN XE CỘ

Mỗi 56 giây có 1 tai nạn xe cộ. Tai nạn xe cộ giết 14 người dân California mỗi ngày. Hơn 100,000 người Việt ở California phải tự bảo vệ mình trước nguy hại của tai nạn xe cộ.

THOMAS TRẦN
Phụ Tá
Los Angeles

THANH HƯƠNG BROADUS
Phụ Tá Pháp Lý
Westminster

Nếu gặp phải tai nạn, bạn cần quan tâm đến nhiều vấn đề. Bạn cần đến sự giúp đỡ của một chuyên gia.

Shawn Steel là một Luật sư rành rẽ về mọi vấn đề pháp lý liên quan tới tai nạn.

* TAI NẠN XE CỘ
* TAI NẠN MÁY BAY
* TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP
* THƯƠNG TỔN VÌ CHÁY
* CHẾT VÌ TAI NẠN

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
SHAWN STEEL

MAIN OFFICE
610 S. Harvard Blvd., 2nd Fl.
Los Angeles, CA 90005
(213) 739-9000

SAN FRANCISCO OFFICE
1255 Post Street, Suite 1019
San Francisco, CA 94109
(415) 282-9000

SAN JOSE OFFICE
93 Devine Street
San Jose, CA 95110
(408) 446-9000

ORANGE COUNTY OFFICE
8251 Westminster Ave., 2nd Fl.
Westminster, CA 92683
(714) 551-9000

Toll free (800)626-0003

*Điện thoại cho **Thomas Thanh Tran** hoặc **Rosie Thanh Huong Beoadus** để biết thêm chi tiết.*

HÃY NGHĨ PHẢI LÀM GÌ SAU TAI NẠN

PAGODE Saigon Gourmet Restaurant

7 Beef Specialties & Seafood Delights

百樂餐室 特別 | 牛肉 | 七味

Quán Cây Dừa

tức BÒ 7 MÓN BÀ LÝ

1. 點酸
2. 肉餅
3. 粲包
4. 油捲
5. 沙爺
6. 牛粒
7. 肉粥

PLAZA SAN GABRIEL SHOPPING CENTER

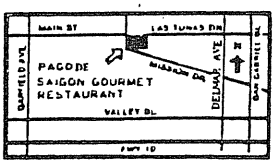

有廣濶停車場

BUS. ☎ (818) 282-6327

(週二休息)

特 別

烤魚

烤大蝦

酸大蝦吊片火鍋

* Nhận Visa và Master Card
* Bãi đậu xe thênh thang
* Nhà hàng sang trọng và đẹp nhất Cali
* Món ăn Biển thật ngon miệng

ĐẶC ĐIỂM:

1.- Bò 7 Món ngon nhất California
2.- Cá lóc nướng trui không đâu ngon bằng
3.- Không khí trong lành, ấm cúng trang nhã tạo cho bạn niềm hãnh diện khi đãi bạn bè ngoại quốc, hay bạn hữu đến từ phương xa

710 W Las Tunas Dr # 7, San Gabriel

(818) 282-6327

(Góc Mission và Las Tunas, đối diện nhà hàng Việt Nam)

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

Đã xuất bản

Phạm Quốc Bảo		
Cùm Đỏ	Truyện ký, 236 trang,	giá 7.25 MK
Cõi Mộng Du	Truyện dài, tập I, 200 trang,	giá 7.00 MK
Đời Từng Mảnh	(Cõi Mộng Du) tập II, 220 trang,	giá 8.00 MK
Dâu Bể	Tập truyện, 172 trang,	giá 8.00 MK
Nguyễn Bá Trạc		
Ngọn Cỏ Bồng	Tập Thơ Văn, 288 trang,	giá 8.00 MK (Hết)
Nguyễn Mạnh Trinh		
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh	Thi tuyển, 160 trang,	giá 7.00 MK (Hết)
Nguyễn Xuân Quang		
Người Cắm Thù Ruồi	Tập truyện, 118 trang,	giá 6.00 MK
Nguyễn Xuân Hoàng		
Người Đi Trên Mây	Truyện dài, tập I, 250 trang,	giá 10.00 MK
Nguyễn Hải Hà		
Còn Sáng Tạo	Thi tuyển	
Võ Ngã		
Gối Gốc Mai	Thi tuyển	
Thế Giang		
Thằng Người Có Đuôi	Tập truyện, 230 trang,	giá 10.00 MK
Nguyên Phong		
Hành Trình Về Phương Đông	Nguyên tác Spalding, 224 trang,	giá 10.00 MK
Lê Thái Bằng và Lê Đình Điểu		
Ký Giả Chuyên Nghiệp	Nguyên tác John Hohenberg 650 tr,	giá 19.50 MK
Từ Nguyên		
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin	240 trang,	giá 12.00 MK
Lưu Đình Vong		
Thơ Giập Mật	120 trang,	giá 9.00 MK
Nguyễn Tất Nhiên		
Tâm Dung	64 trang,	giá 7.00 MK
Kiệt Tấn		
Thương Nàng Bấy Nhiêu	Tập truyện	

Sẽ xuất bản

Thế Giang	
Hà Nội Đỏ Băm Sáu Phố Phường	Bút ký
Những Cô Gái Trường Sơn	Truyện dài
Nguyễn Xuân Hoàng	
Người Đi Trên Mây	Truyện dài, tập II của Bộ Ba Quyển
Lê Đình Điểu	
Quy Tắc Tòa Soạn	
Võ Phiến * Tạ Tỵ * Nhật Tiến * Viên Linh	
Hai Mươi Năm	
Viết Văn Làm Thơ ở Saigon	Hồi ký

Giá: US$2.50

BLUE SKY TRAVEL

9061 Bolsa Ave, Suite 201
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153

HÃNG DU LỊCH BLUE SKY LUÔN LUÔN CÓ NHỮNG GIÁ VÉ THẤP NHẤT HÀNG NGÀY TRÊN HỆ THỐNG COMPUTER ĐỂ TIẾT KIỆM TÚI TIỀN VÀ THÌ GIỜ CỦA QUÝ KHÁCH

1. Quốc nội
2. Quốc ngoại
3. Học sinh, sinh viên
4. Người già trên 65 tuổi hưởng giá đặc biệt
5. Group tour cho du học sinh và gia đình
6. Giá đặc biệt trăng mật Honolulu

- Tất cả các dịch vụ như làm vé, giữ chỗ, làm boarding pass bằng computer để tiết kiệm thì giờ của quý khách
- Chúng tôi delivery ticket không tính tiền
- Nhận tất cả các loại credit card
- Hãng Du lịch của người Việt, phục vụ cộng đồng Người Việt

TIẾP ĐÃI ÂN CẦN, LỊCH SỰ, MAU CHÓNG ĐỂ LÀM HÀI LÒNG QUÝ KHÁCH

BLUE SKY TRAVEL
9061 Bolsa Ave, Suite 201
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411/895-6153

NEWPORT INSTITUTE OF COSMETIC SURGERY & THẨM MỸ VIỆN HOÀN MỸ

360, SAN MIGUEL, # 406
NEWPORT BEACH CA 92660

Bà PHƯƠNG LAN
Mrs. NGUYỄN GIA QUYNH
DIRECTOR
ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

(714) 759-0995
898-6514

Nhận trả góp & bảo hiểm
(tùy trường hợp)
Có xe đưa, rước
chỗ ăn nghỉ cho người ở xa

CHUYÊN SỬA NHỮNG GÌ VỀ SẮC ĐẸP CHO PHÁI NỮ VÀ PHÁI NAM ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

BẢO ĐẢM 100 KHÔNG ĐAU
VÌ KỸ THUẬT THUỐC MÊ

RA VỀ CÙNG NGÀY

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm từng giải phẫu trên 25,000 trường hợp

Dưới sự điều khiển của :

Bác Sĩ **P. JAMES VOLOSHIN**, M.D., F.R.C.S. (c)
Bác Sĩ **GRAHAM M. KEMSLEY**, M.D., F.R.C.S. (c)
Bà **NGUYỄN PHƯƠNG LAN** Tốt nghiệp thẩm mỹ tại Hoa Kỳ nhiều năm kinh nghiệm. Về kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông